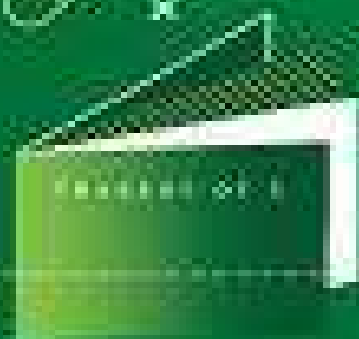
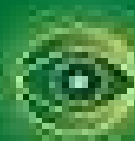


T
Á
N



ELLERY QUEEN

Ngũ gia Hoàng Mã (1914)



B
I
K
I
C
H



Z

TRUYỆN QUÊ SỬ TIỀN MÃN ĐỨC

TẤN BI KỊCH Z



Nguyên tác: The Tragedy of Z (1933)

Tác giả: Barnaby Ross

Người dịch: Nguyễn Quang Huy

Nhà xuất bản Văn Học

ebook©vctvegroup

11-09-2018

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

Việc xuất bản tiểu thuyết thứ ba trong bộ ba tác phẩm về Drury Lane cần một lời giải thích ngắn gọn.

Các vụ án mang tiêu đề *Tấn Bi Kịch X* và *Tấn Bi Kịch Y* diễn ra trong khoảng thời gian rất gần nhau. Tuy nhiên vụ án *Tấn Bi Kịch Z* phải mất mười năm mới viết xong. Theo đó tôi muốn nói rằng, một thập niên đã trôi qua trước khi xảy ra vụ án khiến cuốn tiểu thuyết này mang tựa giống hai cuốn trước.

Xen kẽ trong khoảng thời gian này, Drury Lane đã giải quyết nhiều vụ án lạ lùng và khó hiểu. Một trong số các vụ này, và là vụ án thú vị nhất sẽ được xuất bản trong tương lai.

ELLERY QUEEN

NHÂN VẬT

- DRURY LANE, diễn viên kịch Shakespeare trứ danh (đã giải nghệ) với những kỳ tích trình thám chối lợi được ghi lại trong tác phẩm *Tấn Bi Kịch X* và *Tấn Bi Kịch Y*.
- PATIENCE THUMM, con gái thanh tra Thumm và là người dẫn chuyện, một cô gái sành sỏi với khả năng trình thám thiên bẩm.
- THUMM, cựu thanh tra điều tra án mạng của Cảnh sát New York, hiện ông là một thám tử tư.
- WALTER BRUNO, thống đốc bang New York, trước kia từng là ủy viên công tố hạt New York, là bạn của thanh tra Thumm và Drury Lane.
- JOEL FAWCETT, thượng nghị sĩ tham nhũng.
- IRA FAWCETT, bác sỹ, em trai của Joel Fawcett, đối tác của Elihu Clay.
- ELIHU CLAY, chủ thầu tại Leeds, hạt Tilden.
- JEREMY CLAY, con trai của Elihu Clay, người đem lòng yêu Patience.
- JOHN HUME, ủy viên công tố của hạt Tilden.
- BULL, bác sỹ pháp y của hạt Tilden.
- KENYON, cảnh sát trưởng tại Leeds; chân dung điển hình của một kẻ đê tiện.
- CARMICHAEL, thư ký của Joel Fawcett.
- RUFUS COTTON, một chính trị gia hàng đầu của bang New York.

- FANNY KAISER, người phụ nữ quyền lực của bang New York, được chống lưng bởi anh em nhà Fawcett.
- MAGNUS, cai ngục nhà tù Algonquin tại Leeds.
- MUIR, cha tuyên úy của nhà tù Algonquin.
- AARON DOW, tù nhân tại nhà tù Algonquin, hai lần bị buộc tội giết người.
- MARK CURRIER, luật sư tại Leeds, người biện hộ cho Dow.
- PARK CALLAHAN, lính gác nhà tù Algonquin.
- TABB, tù nhân được hưởng đặc ân, trợ lý thủ thư đáng tin cậy trong nhà tù Algonquin.

Cuộc Gặp Gỡ Thú Vị

Vì sự tham gia của riêng tôi vào các sự kiện lịch sử này chẳng khơi gợi được gì hơn sự quan tâm lịch thiệp và ngăn ngừa từ những ai theo dõi vận mệnh của ngài Drury Lane, nên tự tôi sẽ kể qua bằng một ghi chép, cũng ngăn ngừa như thói đồng danh của phụ nữ.

Tôi trẻ trung, điều này phần nhiều được những nhà phê bình nghiêm khắc nhất thừa nhận. Tôi được trời phú cho đôi mắt to, xanh và trong veo - mà nhiều quý ngài thích làm thơ từng bảo - trông như cả một vì tinh tú ngự trên chín tầng mây. Một nam sinh trẻ măng, tốt bụng tại Heidelberg có lần từng ví màu tóc tôi với mật ong. Một quý bà người Mỹ thích đả kích sâu cay tại Cap d'Antibes mà tôi từng gặp gỡ đã ví mái tóc ấy phần nào giống cọng rơm khô. Gần đây khi đứng trong tiệm làm đẹp Clarisse tại Paris bên cạnh *bộ đầm béo** bà ta bồ kết nhất, tôi phát hiện ra phom người mình thực sự gần đạt được những số đo hình thể quyến rũ của mụ đàn bà hay khinh người ấy. Thực ra, ngoài đôi bàn tay, bàn chân tôi đạt chuẩn hình thể - điều này theo đánh giá cỡ chuyên gia của chính ngài Drury Lane - tôi còn sở hữu bộ não làm việc theo trật tự tuyệt hảo. Cũng có người nói rằng một trong những nét quyến rũ chết người của tôi nằm ở chỗ “thiếu khiêm tốn một cách tinh tế,” một lời chêm gió mà tôi cảm thấy chắc chắn sẽ gây họa cho tôi trong quá trình viết bài này.

Các chi tiết thô thiển nhiều đó đã đủ. Phần còn lại tôi có thể tự đặt tên cho nó là *Chuyến Du Ngoạn Bắc Âu*. Tôi đã từng đi chu du, có thể nói như vậy, kể từ những tháng ngày tóc thắt bím và mặc đồ thủy thủ. Các chuyến du ngoạn của tôi xen kẽ những lần dừng chân dài hạn: Ví như chẳng hạn tôi mất hai năm tại một ngôi trường tư thục đáng sợ ở London, nán lại trên Bờ Trái* trong mười bốn tháng trước khi tự thuyết phục mình rằng cái tên

Patience Thumm sẽ chẳng được nói đến một cách kính cẩn như những cái tên Ganguin và Matisse. Giống Marco Polo tiến về phương Đông, tôi đi khắp các dải đất phương Đông; như Hannibal tấn công những cánh cổng thành Rome, tôi khám phá nền văn hóa châu Âu. Hơn nữa, tôi là người có tâm hồn khoa học: Tôi đã thử tinh dầu ngải absinthe tại Tunis, vườn nho Clos Vougeot tại Lyon và rượu aguardiente tại Lisbon. Tôi bị bật móng chân khi trèo lên ngôi thành cổ Acropolis tại Athens, cảm thấy vui sướng đầy dâm dăng khi đắm mình trong bầu không khí mê hoặc của hòn đảo Sappho.

Chẳng cần phải nói thêm, tất cả những chuyến đi này dựa vào khoản tiền trợ cấp hào phóng với cái đuôi là một sinh vật bất tử hiếm hoi bậc nhất - một bà vú tiện cái là mắc chứng loạn thị và có khiếu hài hước.

Du ngoạn giống như món kem sữa béo, nó cứ lan rộng mãi ra; tuy nhiên, sẽ chẳng ai chịu nổi nếu cứ ăn hoài một món. Và người đi du ngoạn, cũng như kẻ háu ăn, sẽ quay về nhà và hài lòng với chế độ ăn có kiểm soát hơn. Thế nên, với sự kiên quyết dịu dàng như một trinh nữ, tôi bỏ mặc bà vú đáng yêu tội nghiệp tại Algiers và giong buồm về nhà. Món thịt bò nướng tuyệt hảo của bố chào mừng tôi vẫn đang nằm yên trong bụng. Nói thật là ông thấy khiếp đảm khi thấy tôi cố tuồn vào New York bản tiếng Pháp cuốn *Người Tình Của Phu Nhân Chatterley* đáng yêu, rách toạt tả, cuốn sách khiến tôi phải hy sinh bao nhiêu buổi tối tuyệt đẹp tự giam mình trong phòng riêng tại trường tư thục nữ sinh. Nhưng khi giải quyết xong vấn đề nhỏ này, trước sự vui sướng của tôi, ông nhanh chóng đẩy tôi len qua cửa hải quan. Sau đó, chúng tôi yên vị trong sự tĩnh lặng êm dịu ở căn hộ của ông tại thành phố, hai con bồ câu đưa thư hoàn toàn xa lạ.

Lúc này, khi đọc *Tấn Bi Kịch X* và *Tấn Bi Kịch Y*, tôi nhận thấy rằng ông bố già xấu xí, to lớn, vụng về và vĩ đại của tôi, thanh tra Thumm, chưa một lần giới thiệu những trang sách sinh động, sôi nổi này cho cô con gái thích xê dịch. Không phải vì ông không yêu mến tôi: Tôi hiểu được điều ấy từ ánh mắt ngờ ngàng, phần nào đó đến kinh ngạc của ông khi chúng tôi hôn tạm biệt nhau trên cầu tàu. Chúng tôi chỉ đơn giản là ngày càng xa nhau. Mẹ đã tổng cổ tôi sang châu Âu cho bà vú chăm sóc khi tôi còn quá nhỏ,

không thể phản kháng. Tôi nghi ngờ sự thay đổi trong tình cảm luôn là điều đáng quý, đến lượt bà cũng ham mê tìm hiểu những nét thanh lịch, tao nhã ướn át của cuộc sống Lục địa già qua các lá thư tôi viết. Trong khi đó, người bố tội nghiệp chẳng có cơ hội nào, việc chúng tôi dần xa cách không phải hoàn toàn do lỗi của mẹ. Tôi nhớ lại hồi mình là con bé yếu ớt bò lồm ngồm dưới chân bố, quấy rối ông với những chi tiết đẫm máu nhất của những tội ác ông đang điều tra, đọc hết tất cả các tin tức vụ án với sự thích thú và không ngừng tấn công ông trên Phố Centre với những gợi ý ngớ ngẩn. Ông chẳng bao giờ mắng tôi nhưng tôi chắc chắn ông thấy nhẹ nhõm khi tôi bị tống sang Châu Âu.

Dẫu sao đi nữa, bố con tôi phải mất vài tuần để nuôi dưỡng tình cảm trở lại mối quan hệ bình thường. Ông chưa sẵn sàng về tâm lý trước những lần viếng thăm chớp nhoáng của tôi trong thời gian lang thang, nào là ăn trưa mỗi ngày với một thiếu nữ trẻ đẹp, những nụ hôn chúc ngủ ngon, và trải qua tất cả những vui vẻ khi ông đóng vai một ông bố gia trưởng. Một thời gian ông thực sự hốc hác, mệt mỏi. Ông thấy sợ tôi hơn vô số tội phạm liêu lĩnh từng săn đuổi suốt cuộc đời thanh tra.

• • •

Tất cả những đoạn này là phần mở đầu cần thiết cho câu chuyện của tôi về ngài Drury Lane, và vụ án lớn về Aaron Dow, tù nhân trong nhà tù Algonquin. Vì điều này giải thích được làm sao kẻ lang thang như Patience Thumm lại có liên quan đến một vụ án mạng.

Trong những năm tháng lang thang và thư từ với bố - đặc biệt sau khi mẹ qua đời - tôi thấy tò mò trước những bóng gió thường xuyên, tình cảm của ông với thiên tài già cả lạ lùng ấy, ngài Drury Lane, người đã xuất hiện một cách hoành tráng trong cuộc đời ông. Dĩ nhiên, tôi không xa lạ với tên tuổi quý ông già nua này, với lý do tôi là độc giả trung thành của các truyện trinh thám có thật lẫn hư cấu. Lý do nữa là vì quý ông hưu trí hấp dẫn này

không ngừng được giới báo chí, tại cả Mỹ lẫn châu Âu, tung hô như một siêu nhân. Đâu đâu cũng nhắc đến những kỳ tích ông đạt được trong các vụ án với tư cách là điều tra viên. Sau tai nạn bất ngờ khiến ông bị điếc, sự nghiệp diễn viên kịch của ông cũng chấm dứt. Nhiều lần những dư âm của chúng vẫn còn vang đến tai tôi tận Châu Âu.

Sau khi quay về nhà, tôi bất ngờ nhận ra mình chẳng còn mong muốn gì hơn được gặp gỡ con người phi thường, sống trong một lâu đài tuyệt đẹp nhưng đây mê hoặc nhìn ra sông Hudson. Nhưng tôi lại thấy mình quan tâm hơn đến đôi tai của ông khi phá án.

Sau khi nghỉ hưu ở phòng Thám tử New York, bố tôi bỏ lại sau lưng bao nhiêu năm tháng phá án là món ăn giấc ngủ, sự tồn tại kiểu này khiến ông buồn chán đến không chịu nổi. Thế nên, điều không tránh khỏi là ông mở văn phòng thám tử tư, danh tiếng của riêng ông mang lại thành công cho ông ngay từ đầu.

Về phần tôi, vì chẳng có việc gì để làm và cảm thấy rằng cuộc đời mình cũng như những kinh nghiệm từ chuyến du học vừa đủ giúp tôi kiếm sống một cách nghiêm túc, có lẽ điều không tránh khỏi là tôi phải đứng dậy từ nơi tôi đã từ bỏ nhiều năm về trước. Tôi bắt đầu dành nhiều thời gian hơn tại văn phòng của bố, quấy rầy ông như ngày xưa và lắng nghe tiếng càu nhàu bực bội của ông. Dường như ông nghĩ rằng một đứa con gái thì phải có sức hấp dẫn giống như một bông hoa cài áo. Nhưng vì được thừa hưởng cái cảm bướng bỉnh của ông, sự kiên trì của tôi đã khiến ông nản lòng. Có vài dịp thậm chí ông còn cho phép tôi theo đuổi một cuộc điều tra khiêm tốn. Nhờ đó tôi học được nhiều thuật ngữ và môn tâm lý học của hình sự hiện đại - một khóa học thô sơ rất có ích giúp tôi thấu hiểu vụ án liên quan đến Dow.

Nhưng có một chuyện dường như hữu ích hơn nhiều. Kinh ngạc không kém gì bố, tôi thấy rằng mình sở hữu một bản năng quan sát và suy luận phi thường. Tôi bất ngờ nhận ra mình có một tài năng rất đặc biệt, có lẽ được nuôi dưỡng bởi môi trường làm việc ban đầu, và sự quan tâm không thay đổi của tôi đối với tội phạm.

Bố tôi rên rỉ, “Patty, con cứ như ả hầu bàn trơ trên trong bữa tiệc vậy. Con sẽ khiến quý ông già ngượng chết mất. Có Chúa mới biết, như những ngày xưa với Drury Lane ấy!”

Và tôi đáp: “Ngài thanh tra đáng yêu ời, đó là một lời khen tuyệt vời. Khi nào thì ngài định giới thiệu con với ông ấy đây?”

Cơ hội đã đến một cách bất ngờ ba tháng sau khi tôi về nước. Giống như mọi cơ hội khác - nó bắt đầu hoàn toàn bình thường - sau đó biến thành một cuộc phiêu lưu tuyệt vời. Đúng như những gì trái tim một cô nàng luôn thèm khát và háo hức như tôi có thể mơ tới.

Một hôm, một người đàn ông cao lớn, tóc xám ăn mặc trang nhã xuất hiện tại văn phòng của bố tôi. Sắc mặt ông ta lo lắng khiến tôi liên hệ với tất cả những ai từng tìm đến. Qua tấm thẻ rập nổi, tên ông ta là Elihu Clay. Dò xét tôi bằng đôi mắt sắc lạnh, ông ta ngồi xuống, hai bàn tay khum lại trên đầu gậy chống. Với thái độ khô khan, thận trọng của một chủ ngân hàng người Pháp, ông ta tự giới thiệu bản thân.

Ông ta là chủ sở hữu Clay Marble Quarries - những mỏ đá chính tại hạt Tilden, vùng Thượng New York; văn phòng và nhà riêng ở thành phố Leeds, Anh quốc. Cuộc điều tra ông ta muốn nhờ bố tôi tiến hành có tính riêng tư và bảo mật. Đây là lý do chính của ông ta khi đến đây ngoài việc tìm kiếm một nhà điều tra. Ông ta một mực đòi phải thận trọng mọi nhẽ...

“Tôi hiểu,” bố tôi cười toét. “Hút xì gà đi. Ai đó đang ăn cắp tiền mặt trong két à?”

“Thực ra là không! Tôi có... à... một hội viên hùn vốn ẩn danh.”

“Ha,” bố tôi nói. “Cho tôi biết đi.”

Tên hùn vốn ẩn danh này - có vẻ giờ đây, sự ẩn danh này đã chuyển sang khía cạnh đáng lo ngại nhất - là Fawcett, bác sỹ Ira Fawcett. Người này là em trai của thượng nghị sỹ hạt Tilden, Joel Fawcett. Một ngài thượng nghị sỹ không ít thì nhiều cũng “chính trực”. Theo cái nhú mày của bố, tôi nghĩ đây chắc chắn là một quý ông không trung thực và không có trái tim trong sáng. Là người không do dự tự phong mình là ‘thương nhân trung thực nhất của phái cự trào’ giờ đây có vẻ Clay thấy hối hận khi hợp tác cùng bác sỹ Fawcett. Tôi đồ rằng bác sỹ Fawcett là một nhân vật khá đáng sợ. Ông ta

khiến công ty dính líu đến các hợp đồng mà Clay nghi ngờ rằng có nguồn gốc bốc mùi. Ngành kinh doanh này rất thịnh vượng - quá thịnh vượng. Quá nhiều hợp đồng trong hạt và bang đều liên quan đến Clay Marble Quarries, cần thiết phải kiên quyết tiến hành một cuộc khảo sát tình hình.

“Không có bằng chứng à?” bố tôi hỏi.

“Chẳng có chút nào, thưa thanh tra. Rõ ràng hẳn quá thông minh. Tất cả những gì tôi có chỉ là những nghi ngờ. Ông sẽ nhận vụ này chứ?” Nói rồi Elihu Clay đặt ba tờ giấy bạc giá trị cao nhất lên bàn.

Bố liếc nhìn tôi. “Chúng ta nhận vụ này được không, Patty?”

Nét mặt tôi bần khoăn. “Chúng ta bận lắm. Nếu thế phải hủy tất cả các vụ kia...”

Elihu Clay nhìn tôi chăm chăm một lúc. “Tôi có ý kiến,” ông đột ngột nói. “Tôi không muốn Fawcett nghi ngờ ngài, ngài Thanh Tra. Cùng lúc đó ngài sẽ phải làm việc với tôi. Tại sao ngài không cùng cô Thumm đây đến các nhà khách của tôi tại Leeds? Cô Thumm đây có thể tới - chẳng phải tiện hay sao?” Tôi đoán rằng bác sỹ Ira Fawcett không phải là người trơ như gỗ đá trước sức quyến rũ nữ tính. Khởi cần nói, ngay lập tức tôi cảm thấy thú vị.

“Chúng ta xoay xử được mà bố,” tôi mạnh mẽ nói, và như thế mọi việc được thu xếp.

• • •

Chúng tôi mất hai ngày chuẩn bị mọi thứ, có thể nói như vậy. Đến tối Chủ nhật chúng tôi đã hoàn tất gói ghém đồ đạc cho chuyến đi tới Leeds. Elihu Clay đã đi trước chúng tôi, quay về vùng nông thôn cùng ngày ông đến thăm New York.

Tôi còn nhớ mình đang duỗi dài chân trước ống lửa, nhắm nháp rượu brandy đào - chai rượu tôi đã trót lọt tuần qua mặt anh sĩ quan hải quân trẻ tuổi tốt nhất - thì nhận được điện tín của thị trưởng Bruno - chính là ngài

Walter Xavier đã từng làm công tố viên hạt New York khi bố tôi còn là một viên thanh tra tích cực. Còn bây giờ ông ta là một thống đốc nổi tiếng, hiệu chiến của bang New York.

Bố tôi đập tay vào hông cười khúc khích, “vẫn là lão Bruno này! Chà, Patty, đây đúng là cơ hội con đang mong. Bố đoán rằng chúng ta có thể thực hiện được?”

Ông tung tờ điện tín sang tôi, nó viết rằng:

XIN CHÀO CON NGỰA CHIẾN GIÀ. TÔI ĐANG CÓ KẾ HOẠCH GÂY NGẠC NHIÊN CHO NHÀ SOẠN NHẠC GIÀ TẠI LANECLIFF, NGÀY MAI NHÂN DỊP SINH NHẬT TUỔI BẢY MƯƠI CỦA ÔNG ẤY, BẰNG CÁCH BAY ĐẾN THĂM ÔNG ẤY. TÔI HIỂU LÀ LANE ỒM YẾU LẮM RỒI VÀ CẦN ĐƯỢC ĐỘNG VIÊN. NẾU NGÀI THỐNG ĐỐC BẬN RỘN VẪN CÓ THỂ THU XẾP ĐƯỢC, VẬY NGÀI CÓ THỂ GHÉ QUA KHÔNG. TÔI RẤT MONG ĐƯỢC GẶP NGÀI TẠI ĐÓ.

BRUNO

“Ôi tuyệt vời!” Tôi reo lên, brandy bắn vào cả bộ pijama Patou ưa thích nhất. “Bố có... bố có nghĩ ông ấy thích con không?”

“Drury Lane,” bố tôi càu nhàu, “là cô - cô đấy, - ông ta ghét phụ nữ. Nhưng bố cho rằng bố phải mang con theo. Tiếp tục đi ngủ đi.” Ông cười toét. “Bây giờ Patty, bố muốn con nhìn về ngày mai ngọt ngào nhất của con. Chúng ta sẽ quét sạch tên côn đồ đó. Và...à... Pat này, con có nhất thiết phải uống rượu không? Nhắc con nhớ thôi,” ông vội vàng nói, “Bố không muốn là ông bố cổ hủ, nhưng...”

Tôi hôn lên đầu mũi nhăn nheo xấu xí của ông. Người bố tội nghiệp. Ông ấy đã rất nỗ lực.

Đến gần lâu đài Hamlet của ngài Drury Lane nằm trên các ngọn đồi Hudson là tất cả những gì tôi hình dung từ các mô tả của bố - nhưng còn nhiều hơn thế. Đây quả là một nơi đẹp đến nín thở nhất tôi từng đến, và kế hoạch cho hành trình của tôi có bao gồm các kỳ quan cơ bản của Cựu Thế

Giới. Chẳng có gì tôi được ngắm tại Pháp - thậm chí cả ở sông Rhine - có thể sánh được sự thanh bình và vẻ đẹp tuyệt vời của những cánh rừng ẩm áp rậm rạp này, những con đường sạch không tì vết, những đám mây đen trên đầu, con sông xanh lững lờ dưới chân. Và bản thân cái lâu đài đó! Có thể nó đã được chuyển đến đây trên tấm thảm ma thuật từ những ngọn đồi cổ của nước Anh. Nó hùng vĩ, trang nghiêm, tuyệt đẹp và có nét Trung cổ.

Chuyến du ngoạn dẫn chúng tôi băng qua cây cầu bằng gỗ độc đáo, qua một cánh rừng riêng có thể đã từng là Rừng Sherwood - tôi nửa mong có chàng Friar Tuck nào đó nhìn lên chúng tôi từ sau một thân cây - đi qua cánh cổng chính của lâu đài rồi bước vào khuôn viên. Chúng tôi dám nói rằng đi đến đâu cũng thấy những người mỉm cười với chúng tôi, hầu hết họ đã nhiều tuổi và đang sống nhờ vào lòng “rộng rãi” của ngài Drury Lane. Ông cho xây dựng trong pháo đài để tiếp cận này một nơi trú ẩn cho người trong giới nghệ thuật bị eo hẹp về kinh tế. Bố tôi quả quyết rằng vô số người đã chúc phúc cái tên Drury Lane vì sự ban phát hào phóng của ông.

Thống đốc Bruno gặp gỡ chúng tôi trong các khu vườn. Ông vẫn chưa thông báo với quý ông già nua kia và chọn cách chờ chúng tôi đến. Trông ông ấy vẫn phong độ - có dáng người chắc nịch, mặt vuông, trán cao, đôi mắt sắc sảo của người trí thức và quai hàm xương xẩu của một đấu sĩ. Đoàn quân nhân của bang đi cùng ông, cảnh giác lớn vờn phía hậu cảnh.

Nhưng tôi quá háo hức nên không chỉ nghĩ đến ngài thống đốc. Đang chậm rãi bước về phía chúng tôi, qua những cây thủy lạp với các cây thông đỏ viền quanh, là một ông già - một người rất già, tôi ngạc nhiên nghĩ. Những miêu tả của bố về ngài Lane luôn khiến tôi nghĩ đến một người còn trẻ tuổi, cao lớn đang ở vào thời điểm đẹp nhất trong đời. Giờ tôi nhận ra mười năm qua đã tẻ bạc với ông ấy thế nào. Đôi vai rộng của ông rũ xuống, đám tóc bạc bù xù rậm rì thưa đi, khuôn mặt hằn nếp nhăn, đôi bàn tay khô héo và bước chân khỏe mạnh phải run rẩy. Nhưng đôi mắt ông vẫn tinh anh - đôi mắt vui nhộn, thông thái, trong veo sáng lấp lánh khiến người ta bối rối. Đôi má ông ửng hồng, ban đầu dường như ông không nhận ra tôi. Ông xiết chặt tay bố tôi, thống đốc Bruno và áp sát vào người họ thì thầm: “Ôi hai ngài thật có lòng quá, có lòng quá!” Tôi đã luôn tự xem mình như một

thiếu nữ không đa sầu đa cảm ở mức vừa phải. Nhưng giờ đây, tôi thấy mình như có cục nghẹn ngu ngốc trong cổ họng, nước mắt hoen bờ mi...

Bố tôi hỉ mũi, nói bằng giọng khàn khàn: “Ngài Lane, tôi muốn ngài gặp gỡ... con gái tôi, có Chúa mới biết.”

Ông nắm tay tôi, nhìn vào mắt tôi. “Cháu ngoan,” ông nói rất nghiêm túc. “Cháu ngoan. Chào mừng đến lâu đài Hamlet.”

Và rồi tôi nói một câu mà trước kia luôn khiến tôi đỏ mặt đến khốn khổ. Đơn giản là tôi muốn được khoe khoang, muốn chứng tỏ trí thông minh ghê gớm của mình. Tôi cho rằng việc mình là Eva có liên quan đến chuyện này. Tôi biết rõ rằng mình đã mong mỏi cuộc gặp gỡ này từ lâu lắm rồi, và trong tiềm thức tôi đã cố trấn tĩnh mình cho một thử thách, mà rốt cuộc hoàn toàn không có thực.

Dù sao đi nữa, tôi lắp bắp: “Cháu rất hạnh phúc thừa ngài Lane. Ngài không biết cháu đã muốn đến thế nào - cháu thật sự...” Thế rồi nó đến. Tôi đã liếc mắt gợi tình - đó chắc chắn là cái liếc mắt gợi tình - và thốt ra: “Cháu thấy rằng ngài đang lên kế hoạch viết hồi ký!”

Dĩ nhiên, tôi thấy hối hận ngay lúc những từ này bật ra; thật ngu xuẩn, tôi cắn môi vì xấu hổ. Tôi nghe thấy bố thở ra tiếng bực dọc, thống đốc Bruno hết sức kinh ngạc. Còn về phần ngài Lane, đôi lông mày già nua nhướng lên, đôi mắt ngày càng sắc sảo và ông dò xét gương mặt tôi một lúc lâu trước khi trả lời. Rồi ông cười lặng lẽ, xoa hai tay vào nhau và nói: “Cháu ngoan của ta, chuyện này thật kinh ngạc đấy. Thanh tra, tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho ngài vì đã giấu bí ẩn cô gái trẻ này bao nhiêu năm thế. Tên cháu là gì?”

“Patience ạ,” tôi lầm bầm.

“Ha, ảnh hưởng người Puritan đấy, thanh tra! Tôi dám nói rằng đây là nguồn cảm hứng của ngài còn hơn cả vợ ngài.” Ông lại cười lặng lẽ, xiết chặt cánh tay tôi với sức mạnh đáng ngạc nhiên rồi nói thêm: “Đi thôi nào, những người cố lỗi. Chúng ta có thể nói về bản thân mình sau... Kinh ngạc, kinh ngạc thật!” Ông tiếp tục cười lặng lẽ, dẫn chúng tôi vào một khu râm mát đáng yêu, hối hả sai mấy ông già bé nhỏ hồng hào đi làm việc vặt rồi tự tay ông phục vụ chúng tôi. Song song đó, vẫn liếc trộm tôi. Lúc này tôi vẫn

đang chìm sâu vào bối rối, không ngừng tự chửi rủa tính tự cao tự đại ngu ngốc gợi cảm hứng cho nhận xét của tôi.

“Giờ thì,” quý ông già nua lên tiếng khi chúng tôi đã thoả mái trở lại, “nào Patience, hãy cùng xem xét tuyên bố đáng chú ý của cháu.” Giọng ông ru ngủ đôi tai tôi; có âm sắc trầm, điềm tĩnh lạ thường và đầy đặn như rượu vang trắng Moselle ủ lâu. “Có phải tôi đang lên kế hoạch viết hồi ký không à? Đúng vậy! Và cháu ngoan, đôi mắt tuyệt đẹp của cháu còn nhìn thấy những gì nữa?”

“Ôi thật ra,” tôi ấp úng, “Cháu xin lỗi vì đã nói vậy... ý cháu là... không phải... cháu không muốn chiếm độc quyền cuộc nói chuyện này, thưa ngài Lane. Đã lâu quá rồi ngài mới gặp thống đốc và bố cháu.”

“Vớ vẩn, cháu yêu. Ta chắc chắn rằng mấy lão già như ta đã hiểu phải bồi dưỡng Patience.” Ông lại cười lặng lẽ. “Một dấu hiệu nữa của tình trạng lão suy. Cháu muốn nói gì nữa không, Patience?”

“Dạ,” Tôi đáp, hít một hơi sâu, “ngài đang học đánh máy chữ, thưa ngài Lane.”

“Ôi!” Ông có vẻ giật mình. Bố nhìn tôi chăm chăm như thể chưa từng gặp tôi.

“Và,” tôi ngoan ngoãn tiếp tục, “ngài đang tự học, thưa ngài Lane. Ngài đang học đánh máy mười ngón hơn là học đánh mõ cò.”

”Chúa lòng lành! Đây đúng là một sự đền đáp ngoài sức mong đợi.” Ông quay sang bố tôi, mỉm cười. ”Thanh tra, ngài đã sinh ra một người khổng lồ thông thái thực sự. Nhưng có lẽ ngài đã kể về tôi cho Patience nghe?”

”Trời ạ! Tôi cũng kinh ngạc chẳng kém gì ngài. Làm thế quái nào con bé biết chứ? Chính tôi cũng không hiểu. Có đúng không ạ?”

Thống đốc Bruno đưa tay xoa cằm. “Tôi nghĩ mình có thể tận dụng thiếu nữ trẻ như cháu tại Albany, Thumm ạ...”

“Này! Chẳng có gì là không thích hợp hết,” Drury Lane lẩm bẩm. Đôi mắt ông vụt sáng bừng lên. “Đây là một thách thức. Suy luận, đúng không? Vì Patience đã làm được, rõ ràng là việc này có thể làm được. Để tôi xem nào... Chính xác đã xảy ra chuyện gì kể từ lúc chúng ta gặp nhau? Đầu tiên là tôi đến gần qua những cái cây. Sau đó tôi chào đón ngài thanh tra rồi tiếp

theo là ngài Bruno. Sau đó Patience và tôi nhìn nhau và - bắt tay nhau. Chà! Những suy luận giật mình... Ha! Đôi bàn tay, dĩ nhiên rồi!” Ông xem xét hai bàn tay mình nhanh chóng, kỹ lưỡng rồi mỉm cười nói thêm. “Cháu ngoan, thực sự đáng kinh ngạc đấy. Đúng, đúng! Tự nhiên thôi! Học đánh máy đúng không? Ngài thanh tra, xem hai bàn tay tôi sẽ cho ngài biết điều gì?”

Ông giơ lên hai bàn tay có những đường gân trắng trước mũi bố tôi và chớp mắt. “Cho tôi biết đi? Hai người có thể cho tôi biết điều gì nào? Chúng sạch bong, chỉ thế thôi!”

Chúng tôi cùng phá lên cười. “Khẳng định với ngài thanh tra, tôi không ngừng tin rằng việc quan sát những chi tiết vụn vặt có tầm quan trọng rất lớn trong điều tra. Có vẻ như các móng tay trên bốn ngón tay mỗi bàn tay bị gãy, nứt nẻ. Trong khi hai móng tay cái thì không sao hết, mà thực ra là được cắt đi. Rõ ràng hoạt động bằng tay duy nhất của tôi làm hỏng toàn bộ các móng tay, ngoại trừ những móng tay ngón cái đó là đánh máy - học đánh máy. Vì các móng tay không chịu được tác động của các đầu móng tay lên bàn phím, và chúng vẫn chưa lành... Hoan hô, Patience!”

“À...” bố tôi bắt đầu cộc cằn.

“Ồ thôi nào, thanh tra,” quý ông già lên tiếng, cười toét. “Ngài vẫn luôn hoài nghi thế. Đúng, đúng, Patience, tuyệt vời! Giờ nói về chuyện đánh mười ngón này. Một kết luận sắc sảo. Vì trong cái được gọi là hệ thống săn lùng này, những người mới học sẽ chỉ dùng hai ngón tay nên sẽ chỉ có hai móng tay bị nứt nẻ. Mặt khác, với hệ thống đánh máy mười ngón bắt buộc phải dùng hết các ngón tay ngoại trừ hai ngón cái.” Ông nhắm mắt lại. “Và rằng tôi đang lên kế hoạch viết hồi ký của tôi! Một bước nhảy xa đấy từ các hiện tượng quan sát được, cháu ngoan ạ, nhưng cho thấy rằng cháu sở hữu được năng khiếu trực giác cũng như quan sát và suy luận. Bruno à, ngài có biết nàng thám tử trẻ trung quyến rũ này đưa ra kết luận đó như thế nào không?”

“Không hề,” thống đốc thừa nhận.

“Đó là một mảnh khóe đáng ghét,” bố tôi càu nhàu. Nhưng tôi để ý điều xì gà của ông đã cháy hết và ngón tay ông đang run rẩy.

Ngài Lane lại cười khúc khích. “Rất đơn giản! Nào nói xem Patience, một lão già lẩm cẩm, già nua bảy mươi tuổi có nên bất ngờ tự đâm đầu vào rắc rối khi học đánh máy không? Chắc chắn hành động này là bất hợp lý, vì rõ ràng là ông ta đã không thèm học suốt năm mươi năm trước đó! Đúng thế không, Patience?”

“Chính xác, thưa ngài Lane. Ngài có vẻ hiểu rất nhanh...”

“Và cháu đã nói khi một người đạt đến độ tuổi của ta còn theo đuổi trò ngớ ngẩn này, chỉ có thể vì ông ta nhận ra rằng những tháng ngày đẹp đẽ nhất đã ở phía sau, nên ông ta muốn viết ra điều gì đó riêng tư và dĩ nhiên bao trùm - toàn bộ cuộc đời - hồi ký, dĩ nhiên rồi! Đúng là phi thường.” Đôi mắt ông tối sầm. “Nhưng Patience, ta không thể hiểu được làm thế nào cháu suy luận rằng ta đang tự học. Điều đó đúng, nhưng đối với cuộc đời ta...”

“Điều đó,” tôi lí nhí nói, “là một ít kỹ thuật mà suy luận dựa trên đó. Với lập luận đúng là nếu ngài đang được người khác dạy đánh máy, ngài sẽ được dạy giống hệt như tất cả những người mới học đánh máy khác - tức là đánh mười ngón. Nhưng nhằm mục đích không cho học sinh liếc trộm bàn phím thay vì ghi nhớ vị trí từng chữ cái, người dạy sẽ đặt những miếng đệm cao su nhỏ lên các phím che đi chữ cái. Nhưng nếu có các tấm đệm cao su đặt lên các phím của ngài, thưa ngài Lane, các móng tay của ngài sẽ không bị gãy! Do đó, có khả năng là ngài đang tự học.”

Bố tôi nói: “Tôi đi chết đây,” rồi nhìn tôi chăm chú như thể ông đã giúp mang đến thế giới này một Nữ Thần Chim hoặc một Cô Gái Zuzu, hay bất kỳ nhân vật kỳ quái nào đó trong tự nhiên. Tuy nhiên, màn thể hiện ngu ngốc trí tuệ sắc sảo của tôi làm ngài Lane vui lòng đến nỗi, kể từ giây phút đó, ông đã chấp nhận xem tôi như một kiểu đồng nghiệp rất đặc biệt. Tôi sợ làm bố hơi thất vọng, ông đã luôn luôn ở tuyến đầu cùng quý ông già nua về chủ đề những phương pháp thám tử so sánh.

Chúng tôi cùng nhau dành buổi chiều đi dạo trong những khu vườn yên tĩnh đến thăm ngôi làng nhỏ trên con đường rải đá cuội mà ngài Lane đã xây dựng cho những người cùng làm việc với mình, uống bia nâu trong quán rượu Mermaid của ông, chiêm ngưỡng nhà hát riêng của ông, thư viện

khổng lồ của ông, bộ sưu tập Shakespeare độc đáo và xúc động của ông. Đó là buổi chiều thú vị nhất tôi từng trải qua, và nó đã trôi qua quá nhanh.

Vào buổi tối một bữa tiệc quý tộc được mở trong đại sảnh tổ chức tiệc của lâu đài cổ, có sự tham gia của toàn bộ cư dân lâu đài Hamlet nhân dịp sinh nhật ngài Lane. Sau đó bốn người chúng tôi rút về các căn hộ riêng của quý ông già nua, cùng nhấm nháp cà phê và rượu Thổ Nhĩ Kỳ. Một người đàn ông nhỏ thó đến ngạc nhiên, với cái bấu trên lưng cứ ra vào phòng suốt; ông ta có vẻ già đến không tin nổi, ngài Lane bảo đảm với tôi rằng ông ấy đã hơn một trăm tuổi rồi. Đây là Quacey đáng ngưỡng mộ, thần hộ mệnh của ông, người diễn viên sân khấu tôi đã từng nghe và đọc rất nhiều những câu chuyện thú vị.

Sự thanh bình với ánh lửa nhảy nhót, những bức tường sồi tan biến sau âm thanh náo động dưới nhà. Tôi đã thấm mệt nên thầm biết ơn được thư giãn trên chiếc ghế tựa tuyệt đẹp và lắng tai nghe. Người bố lực lưỡng, mái tóc xám bù xù với bờ vai rộng; thống đốc Bruno với chiếc cằm ương bướng, thể trạng yếu ớt cùng người diễn viên già với gương mặt quý tộc...

Thật vui khi có mặt ở đó.

Ngài Lane đang phút cao hứng tấn công bố tôi và ngài thống đốc bằng một lô câu hỏi, nhưng chính ông thì lại từ chối nói vào chi tiết.

“Tôi đã tiến đến những ngày tồi tệ,” có lúc ông nói thật nhẹ nhàng. “Héo hon như lá vàng, và như Shakespeare đã nói, tôi nên chuẩn bị sẵn cho tấm thân này về với Chúa. Các bác sỹ của tôi đang cố gắng hết sức gửi tôi về với Người mà còn nguyên vẹn. Tôi già rồi.” Rồi ông phá lên cười. “Thôi không nói về lão già run rẩy này nữa. Ngài thanh tra, chẳng phải lúc này ngài bảo ngài cùng Patience sắp về vùng nông thôn?”

“Patty và tôi sẽ về nông thôn giải quyết một vụ.”

“À,” ngài Lane nói, hai lỗ mũi run rẩy. “Một vụ. Tôi đã mong ước, tôi gần như ước gì có thể đi cùng hai bố con. Thế là vụ gì vậy?”

Bố tôi nhún vai. “Chưa rõ lắm. Mà cũng không liên quan chuyên môn của ngài. Cho dù chắc ngài quan tâm đấy, ngài Bruno. Tôi nghĩ ông bạn già của ngài, Joel Fawcett ở hạt Tilden có dính líu đến vụ này.”

“Đừng pha trò thế,” thống đốc sắc lạnh nói. “Joel Fawcett không phải là bạn tôi. Cái thực tế chuyện lão ta là bạn của tôi chỉ khiến tôi tức điên. Lão ta là một kẻ lừa đảo, xây dựng nên một tổ chức thích sử dụng vũ lực tại hạt Tilden.”

“Rất vui khi nghe điều đó,” bố tôi cười toét. “Có vẻ như lại có trò hay rồi. Ngài có biết gì về bác sỹ Ira Fawcett, em trai ông ta không?”

Tôi nghĩ rằng thống đốc Bruno bị giật mình. Sau đó đôi mắt ông lấp lánh, nhìn chăm chăm vào ngọn lửa. “Thượng nghị sỹ Fawcett là thằng khốn lừa đảo chính trị vào loại tệ hại nhất. Tuy nhiên, Ira Fawcett, em trai lão ta lại là ông trùm thống trị thực sự. Hẳn ta không giữ chức vụ gì. Nhưng tôi không nghĩ mình đang bịa khi nói rằng hẳn chính là quyền lực đứng đằng sau anh trai hẳn.

“Chuyện đó hợp lý đấy,” bố tôi quắc mắt nói. “Ngài biết không, tên bác sỹ Fawcett là một hội viên chung vốn ẩn danh của một người bán đá quý tại Leeds, và ngài Clay - tên người bán đá quý này - muốn tôi điều tra một số hợp đồng “có mùi” mà ông ta nghi ngờ tên hội viên này đang tìm cho công ty. Đối với tôi tất cả chuyện này chẳng có gì mới mẻ. Nhưng để chứng minh nó là một chuyện hoàn toàn khác.”

“Tôi không ghen tị với ngài, bác sỹ Fawcett là một kẻ lừa dối khéo léo. Clay à? Tôi biết ông ta. Có vẻ như ông ta là người đứng đầu... Tôi đặc biệt quan tâm vì nhà Fawcett phải đối mặt với một trận chiến mùa thu năm nay.”

Ngài Lane đang ngồi hai mắt nhắm nghiền, mím cười yếu ớt. Tôi choáng váng nhận ra rằng lúc này ông chẳng nghe thấy gì. Bố tôi thường xuyên đề cập đến chứng nghẽn ngãng của người diễn viên già này, cùng khả năng đọc môi của ông ta. Tuy nhiên, cả hai mi mắt của ông ta cũng nhắm chặt.

Tôi lắc đầu sốt ruột trước những bất kính đang trôi nổi trong suy nghĩ của tôi, tự ép mình phải lắng nghe. Thống đốc đang nói rõ một cách mạnh mẽ tình hình tại Leeds và hạt Tilden. Hóa ra một chiến dịch chính trị quyết liệt đã được dự tính trong những tháng tới. Tay công tố viên trẻ tuổi sôi nổi của hạt, John Hume, được đề cử làm thượng nghị sỹ với lá phiếu cạnh tranh. Anh ta được cử tri địa phương ngưỡng mộ và yêu mến, đã khẳng định được

danh tiếng thẳng thắn, trong sạch với trọng trách một ủy viên công tố. Anh ta đang nghiêm túc thách thức quyền lực của nhà Fawcett. Được sự ủng hộ của một trong những chính trị gia tinh khôn nhất trong bang, Rufus Cotton, chàng John Hume đang tiếp tục một cương lĩnh cải cách - tôi cho rằng đó là một cương lĩnh đặc biệt thích hợp, nếu xét đến thực tế rằng thượng nghị sĩ Fawcett vốn nổi tiếng là không trung thực - “con lợn đầu đàn gặm tiền chính phủ nông thôn,” như ngài Bruno đã diễn tả - và rằng tại Leeds, xứ sở nông thôn này là nơi một trong những nhà tù của đất nước, Algonquin, được xây dựng.

Ngài Lane mở mắt và trong vài phút ông đọc môi của ngài thống đốc với sự mê mải hiếu kỳ, vì một lý do nào đó mà tôi không hiểu. Tôi thấy đôi mắt già nua sắc sảo của ông lấp lánh khi đọc đến chữ nhà tù.

“Algonquin hả?” ông reo lên. “Đó là điều thú vị nhất. Vài năm trước - trước khi ngài được bầu vào chức thống đốc, Bruno - Phó thống đốc bang Morton đã dàn xếp với cai ngục Magnus cho tôi được phép vào trong kiểm tra một vòng. Một nơi hấp dẫn. Tôi đã gặp một người bạn cũ tại đó - Muir, Cha tuyên úy. Ngày xưa tôi có quen biết ông ấy - tôi nghĩ là trước thời của hai người. Ông ta từng là vị thần hộ mệnh của hạt Bowery khi hạt này rơi vào tình cảnh tồi tệ. Nếu ngài thanh tra có gặp ông ấy, nhờ gửi đến ông ấy lời hỏi thăm chân thành nhất của tôi nhé.”

“Không còn cơ hội nữa. Những tháng ngày điều tra trong tù của tôi chấm dứt rồi... Đã thành dĩ vãng rồi, Bruno?”

Tay thống đốc miễn cưỡng đứng dậy. “Tôi phải đi rồi. Đồi Capitol đang gọi. Tôi đã lên đi ngay giữa một chuyện rất quan trọng.”

Nụ cười của ngài Lane biến mất, những nếp nhăn vì tuổi tác lại xuất hiện. “Ôi, thôi nào, Bruno. Ngài không thể bỏ mặc chúng tôi thế. Tại sao chứ - chúng ta chỉ vừa mới bắt đầu, ngài biết đấy...”

“Xin lỗi nhé, ông bạn già, tôi thực sự phải đi rồi. Cô Thumm, cô sẽ ở lại chứ?”

Bố đưa tay lên gãi cằm, quý ông già nua ngắt lời: “Dĩ nhiên ngài thanh tra và cô Patience sẽ ở lại qua đêm rồi. Tôi chắc chắn họ chẳng vội gì.”

“À tôi cho rằng con chim Fawcett này chắc đợi được,” bố tôi nói với tiếng thở dài khi duỗi chân khoan khoái, và tôi gật đầu.

Thế nhưng, giá như bố con tôi khởi hành đến Leeds ngay đêm đó, mọi chuyện có lẽ đã rất khác. Trước hết, có lẽ chúng tôi đã gặp được bác sỹ Fawcett trước khi ông ta tiếp tục hành trình bí ẩn của mình. Và phần nhiều những mơ hồ có thể đã được sáng tỏ... Thế nhưng vì quá đăm đối với vẻ đẹp diệu kỳ của Hamlet, nên chúng tôi tiếp tục ở lại.

Thống đốc Bruno tiếc hùi hụi khi phải quay về cùng đám quân lính của ông ta. Và ngay sau khi ông ta đi khỏi, tôi lăn qua lăn lại trong nỗi mệt mỏi đến tột độ giữa đồng ga giường mềm mại trên chiếc giường Tudor khổng lồ, hạnh phúc được quên đi tất cả những gì đang đợi chờ trước mắt.

Phát Hiện Xác Chết

Leeds là một thành phố nhỏ nhộn nhịp và quyến rũ nằm dài dưới chân một ngọn đồi hình nón. Thành phố nằm ở trung tâm một vùng nông thôn, bao xung quanh là những dải đất nhấp nhô và sương mù bàng lãng trên những ngọn núi xanh. Giả như không có pháo đài khó chịu nằm trên đỉnh đồi, thì nơi đây hẳn là một thiên đường. Có thể nói vậy, màu xám nặng nề phía trên là những nốt gác, các chông máy móc xấu xí, vẻ đồ sộ đến ngột ngạt và đe dọa của nhà tù rộng lớn bao trùm lên vùng thôn quê và thành phố xinh xắn như một tấm vải liệm. Ngay cả những chân đồi xanh ngắt cây cối cũng không thể làm dịu đi cảnh u ám. Tôi tự hỏi rằng có bao nhiêu kẻ tuyệt vọng bị nghiền nát giữa những bức tường dày này, thiết tha nghĩ đến khu rừng mát mẻ ngay gần nhà tù, nhưng cũng xa vời như rừng Martian.

“Rồi con cũng quen thôi, Patty,” bố nói khi chúng tôi đi taxi từ ga tàu. “Hầu hết những kẻ trong đó đều rất tồi tệ. Đó không phải là trường học ngày Chủ nhật, nhóc ạ. Đừng phí công đồng cảm với chúng.”

Có lẽ cả đời phải đối phó với tội phạm đã khiến tâm hồn ông chai sạn. Nhưng đối với tôi, dường như là bất công khi giam hãm những con người này khỏi mặt đất xanh, khỏi bầu trời xanh kia. Tôi không thể hiểu nổi họ đã phạm phải tội ác nào đến nỗi phải hứng chịu hình phạt trái đạo đức như thế.

Chúng tôi cùng im lặng trên chuyến đi ngắn tới nhà Elihu Clay.

Dinh thự Clay - một ngôi nhà chống đỡ bằng cột lớn màu trắng theo truyền thống Thuộc địa phong phú nhất - nằm trên lưng chừng đồi ở vùng ngoại ô thành phố. Đích thân Elihu Clay đang đợi chúng tôi dưới mái cổng. Ông ta là vị chủ nhà duyên dáng và chu đáo, từ phong cách của ông ta hẳn sẽ không thể nghĩ rằng theo nghĩa nào đó chúng tôi làm việc cho ông ta. Ngay lập tức ông ta khiến chúng tôi cảm thấy thoải mái, sai quản gia dẫn

chúng tôi đến những phòng ngủ để chịu, dành toàn bộ thời gian còn lại của buổi chiều chuyện phiếm về Leeds và về chính mình - cứ như thể chúng tôi là những người bạn cũ. Ông ta là người góa vợ; khi nói về người vợ quá cố, giọng ông ta đầy tiếc nuối xót xa, bảo rằng một trong những hồi tiếc lớn nhất trong cuộc đời ông ta đó là không có con gái để chăm sóc, ủi an ông thay vợ. Dường như đối với tôi, đặt trong bối cảnh riêng tư và thích hợp này, Elihu Clay hoàn toàn khác xa hình ảnh một doanh nhân lỗ mãng đã nhờ vả chúng tôi tại New York. Tôi ngày càng ưa thích ông ta trong những tháng ngày bình lặng theo sau đó.

Bố tôi cùng Clay đã dành nhiều giờ gần gũi với nhau trong phòng làm việc. Suốt cả ngày họ ở bên nhau tại các mỏ đá cách Leeds vài dặm gần sông Chataharie. Ông đang do thám kẻ thù, từ bản tính hay cáu bẳn không thể chữa được của bố, trong mấy ngày đầu, tôi thấy rằng, ông đã dự đoán một cuộc chiến dài hơi, và có lẽ là không thành công.

“Chẳng có một mẫu bằng chứng tài liệu nào hết, Patty,” ông làu bàu với tôi. “Tay Fawcett này chắc phải là tên canh cổng của quý. Không ngạc nhiên khi Clay phải cầu xin giúp đỡ. Vụ này khó nhằn hơn bố nghĩ.”

Nhưng trong khi thông cảm với ông, gần như tôi chẳng thể làm được gì hỗ trợ cuộc điều tra. Bác sỹ Fawcett không có mặt. Thật tình cờ ông ta đã rời Leeds vào buổi sáng chúng tôi đến nơi - ngay từ khi chúng tôi đang trên đường - để tới điểm đến không rõ ở đâu. Tôi cho rằng chuyện này không bất thường; ông thường làm nên những điều kỳ diệu theo những cách bí ẩn, chuyện ông đến rồi đi luôn luôn mơ hồ và khó đoán trước. Giá như ông ở nhà, hẳn là tôi đã có thể có cơ hội phát huy sức quyến rũ trời phú. Tôi nghi ngờ bố tôi sẽ ủng hộ kế hoạch này, chắc chắn tôi chỉ mang lại cho ông một đồng rắc rối.

Tình hình phức tạp dễ chịu hơn vì một yếu tố khác. Có một ngài Clay thứ hai - cậu Clay với phom người sáu múi, nụ cười mê hồn đủ sức đốn tim những cô nàng địa phương. Quý ông này tên là Jeremy, thật xứng với mái tóc quăn màu hạt dẻ và đôi môi cong chắc chắn đến quý cũng phải mê. Mang một cái tên như thế, lại ăn diện sành điệu trông anh như bước ra từ tiểu thuyết của Farnol. Quan trọng hơn là Jeremy vừa tốt nghiệp Đại học

Dartmouth, nặng một trăm chín mươi pound, là tay chèo thuyền có mái chèo, thuộc tên họ nửa tá siêu sao bóng đá người Mỹ, chẳng ăn món gì ngoài rau và khiêu vũ nhẹ như mây. Theo như anh nghiêm túc bảo đảm với tôi trên bàn ăn buổi tối đầu tiên ở Leeds, anh sắp tạo ra một loại đá cẩm thạch của riêng nước Mỹ. vút toẹt tấm bảng vào máy nghiền đá, anh lao động miệt mài tại các mỏ đá của bố tại Leeds, sát cánh cùng những thợ khoan người Ý dầm mồ hôi, quăng thuốc nổ tứ tung và bột đá phủ trắng xóa mái tóc. Anh hăng hái nói rằng mình chắc chắn có thể học được cách làm đá cẩm thạch có chất lượng cao hơn hẳn... Bố anh ném sang con trai cái nhìn tự hào xen lẫn hoài nghi.

Tôi nhận thấy Jeremy là một thanh niên hấp dẫn nhất. Dù sao đi nữa trong vài ngày, tham vọng làm đá cẩm thạch Mỹ tạm gạt sang một bên, vì bố tôi nhờ anh bớt chút thời gian làm bạn với tôi. Jeremy trẻ trung sở hữu một chuồng ngựa nhỏ nhưng tuyệt vời, vài buổi chiều anh cưỡi ngựa cùng tôi. Nền giáo dục tôi được hấp thụ ở trời Tây chẳng giúp được gì cho tôi trong một vấn đề. Chưa từng có ai dạy tôi nghệ thuật cường lại những tuyệt chiêu làm tình của những anh chàng sinh viên đại học Mỹ.

“Anh đúng là tên hư đốn,” một hôm tôi gay gắt mắng, khi anh khéo léo dúm ngựa của chúng tôi xuống con mương nhỏ hẹp không lối thoát, rồi bạo gan siết chặt tay tôi mà không xin phép.

“Thế thì cùng hư đốn đi,” anh gợi ý, mồm cười toét, đổi thế ngồi một bên trên yên ngựa. Tôi vung roi ngựa lên đánh vào chóp mũi anh, vừa kịp ngăn chặn một sự cố nhỏ.

“Ái!” anh nói, nhảy lùi lại. “Thế có phải đẹp không? Pat, em đang thờ hồn hên kia kìa.”

“Không có!”

“Có. Em thích thế.”

“Em không thích.”

“Được rồi,” anh nói nghe đáng lo ngại. “Anh có thể chờ được.” Khi quay về anh vẫn giữ trên môi nụ cười rạng rỡ.

Tuy nhiên, sau đó ngài Jeremy Clay chỉ cưỡi ngựa một mình. Nhưng anh vẫn cứ là anh chàng đẹp mã nguy hiểm. Thực ra tôi tức giận khi phát hiện

ra có lẽ tôi thật lòng muốn sự cố ấy xảy ra với mình.

Trong làn sương mù của cảnh điền viên Arcadi, tai họa bất ngờ ập xuống.

Nó đã đến giống như mọi chuyện khác với yếu tố bất ngờ như cơn bão mùa hè. Chúng tôi không hề mong đợi nó. Tin tức lan đến tai chúng tôi khi kết thúc một ngày yên tĩnh, êm đềm. Jeremy giận dữ nên tôi phải dành hai giờ đồng hồ sung sướng nghịch phá mái tóc anh đã chăm sóc tỉ mỉ đến vô lý, và chọc ghẹo anh.

Bố tôi đã tham gia chuyến khám phá cực kỳ kín đáo. Elihu Clay thì ở lại trong văn phòng mình cả ngày. Ông không xuất hiện trong bữa tối, bố tôi cũng thế.

Với mùi hương dễ chịu tỏa ra từ mái tóc, Jeremy gần như đối xử khách sáo với tôi. Lúc nào cũng “Cô Thumm” thế này, “Cô Thumm” thế kia, anh lạnh lùng để ý đến nhu cầu của tôi, khăng khăng đòi bổ sung thêm đệm, gọi thêm những món ăn đặc biệt từ trong bếp cho bữa tối của tôi, châm thuốc cho tôi và rót cocktail cho tôi - anh làm tất cả những việc đó với sắc mặt âu lo, xa cách của người đàn ông từng trải đã quen với những cử chỉ giao tiếp lịch thiệp, trong khi bộ não mỗi một chỉ toàn những ý nghĩ tự sát.

Sau khi trời tối, bố tôi xuất hiện gắt gỏng, mồ hôi vã ra như tắm và khó chịu; ông tự nhốt mình trong phòng ngủ, vào phòng tắm xối nước ào ào. Một tiếng sau, ông bước xuống lặng lẽ ra hút xì gà trên hàng hiên, nơi Jeremy đang chua chát gảy guitar còn tôi thì cất tiếng hát, với vẻ nhu mì, một ca khúc ngân khùng học được trong một quán cà phê tại Marseilles. Tôi cho rằng mình đã gặp may khi bố không hề biết tiếng Pháp, ngay cả Jeremy, dưới cái vẻ chua chát ấy trông anh cũng sốc. Nhưng có điều gì đó trong ánh trăng và bầu không khí cuốn hút tôi. Tôi nhớ, tôi đã mơ màng suy tính xem mình có thể đi xa đến đâu với Quý ngài Jeremy Clay, mà không làm mờ đi ngón tay trình nguyên của tôi bỗng rất...

Tôi vừa bắt đầu vào đoạn điệp khúc thứ ba - là đoạn cao trào nhất - thì Elihu Clay lái xe đến. Tôi nghĩ trông ông khá mệt mỏi, lăm lăm lời xin lỗi vì về trễ. Có vẻ như chuyện gì đó khiến ông buộc phải nán lại văn phòng.

Ông còn chưa kịp ngồi xuống và nhận điều xì gà chất lượng kém của bố tôi, thì điện thoại trong phòng ông reo vang.

“Mặc nó đi, Martha,” ông gọi bà quản gia. “Tôi sẽ nghe.” Ông xin lỗi rồi bước vào trong nhà.

Phòng làm việc của ông nằm phía trước nhà, các cửa sổ trong phòng nhìn thẳng ra hàng hiên đang mở toang, nên chúng tôi buộc phải nghe cuộc đối thoại của ông với ai đó có chất giọng the thé giục giã trên ống nghe.

Những lời nói đầu tiên của ông là: “Chúa lòng lành,” với một tông giọng hoảng hốt khiến bố tôi đứng bật dậy, bàn tay Jeremy bất động trên dây đàn. Tiếp theo: “Khủng khiếp, khủng khiếp... Tôi không thể hình dung được... Không, tôi chẳng hề biết ông ấy ở chỗ quái nào hết. Ông ấy bảo sẽ quay lại trong một vài ngày... Trời ơi, tôi không thể... tôi không thể tin được!”

Jeremy chạy vào trong nhà. “Chuyện gì thế bố?”

Ngài Clay giơ bàn tay run rẩy xua anh ra ngoài. “Cái gì cơ?... À, tất nhiên tôi sẽ làm theo lệnh của ngài... À, mà nhân tiện! Chuyện này là tuyệt mật, dĩ nhiên rồi, nhưng tôi đang tiếp đãi một người có khả năng giúp được ngài... Vâng, là thanh tra Thumm ở thành phố New York... Vâng, là ông ấy đấy... người đã về hưu vài năm trước và ngài đã từng nghe danh tiếng của ông ấy... Vâng, vâng! Tôi thực sự rất tiếc, ông bạn già.”

Ông ta gác máy, chậm rãi quay ra hàng hiên, lau mồ hôi trên trán.

“Bố! Có chuyện gì thế?”

Gương mặt Elihu Clay trắng bệch. “Thanh tra, thật may là ngài đã ở đây với tôi. Đã xảy ra một chuyện còn nghiêm trọng hơn nhiều vấn đề vặt vãnh của tôi. Đó là John Hume, công tố viên của chúng ta. Anh ta muốn biết bác sỹ Fawcett, đối tác của tôi đang ở đâu.” Ông ta buông mình xuống ghế, mỉm cười yếu ớt. “Thượng nghị sỹ Fawcett vừa được phát hiện bị đâm đến chết trong phòng làm việc tại nhà, phía bên kia thành phố!”

Có vẻ công tố viên John Hume quá háo hức muốn nhờ sự giúp đỡ của một người đã cống hiến cả cuộc đời điều tra án mạng. Ngài Clay thông báo yếu ớt rằng mọi thứ phải để nguyên chờ bố tôi điều tra. Viên công tố giục thanh tra đến hiện trường tội ác càng sớm càng tốt.

“Tôi sẽ đưa ngài đi,” Jeremy nói nhanh. “Có nửa phút thôi,” nói rồi anh ta biến mất vào bóng tối đi lấy xe.

“Dĩ nhiên con sẽ đi cùng,” tôi nói. “Bố biết ngài Lane đã nói gì rồi đấy.”

“À, bố sẽ không trách Hume nếu cậu ta loại con ra,” ông lầu bầu. “Án mạng không phải là chỗ dành cho con nít. Bố không biết...”

“Sẵn sàng rồi!” Jeremy gọi to, chiếc xe tiến đến. Đường như anh ta ngạc nhiên khi thấy tôi nhảy vào ghế sau xe limousine với bố tôi, nhưng không phản đối. Ngài Clay vẫy tay chào từ biệt chúng tôi. Ông ta nói chắc nịch mình không chịu được khi nhìn thấy máu.

Bóng tối nuốt chửng chúng tôi khi chiếc xe phóng trên đường, Jeremy đang phóng xe âm ỉ xuống đồi. Tôi ngoảnh đầu lại nhìn đằng sau. Xa xa trên kia, xuyên qua những làn mây đen kịt là những ánh đèn nhà tù Algonquin sáng chói. Tôi không hiểu tại sao tôi lại nghĩ đến nhà tù vào lúc đó, khi đang thẳng tiến đến hiện trường vụ án mạng, chỉ có kẻ tự do mới phạm phải. Nhưng điều này khiến tôi phiền muộn, người run lên bèn rúc vào bờ vai rộng của bố. Jeremy không nói gì, đôi mắt anh ta còn mãi nhìn đường.

Chúng tôi kết thúc hành trình trong thời gian ngắn đến ngạc nhiên, nhưng đối với tôi thì dường như vô tận. Tôi đang trải qua một cảm giác khó chịu với những sự kiện xảy ra trước mắt... Xe chúng tôi dường như cũng phải mất mấy tiếng đi qua hai cánh cổng sắt, dừng lại trước cửa một dinh thự trang trí hết sức công phu rực sáng ánh đèn.



Xe ô tô ở khắp nơi, nào quân nhân nào cảnh sát đang bò lổm ngổm trên mặt đất tối om. Cửa trước mở rộng. Tì người vào thanh rầm cửa là một người đàn ông lặng im, hai tay cho vào túi. Ai ai cũng im lặng như anh ta; không hề có tiếng nói chuyện, không có những âm thanh quen thuộc nào của con

người. Âm thanh duy nhất là tiếng đế kêu vui vẻ tán chuyện về ngôi nhà lộng lẫy.

Từng chi tiết của đêm đó còn mãi như hồi ức. Đối với bố, đó là một câu chuyện cũ kỹ khó chịu. Nhưng đối với tôi, đó là niềm thích thú kinh hoàng - và tôi thừa nhận - là không lành mạnh. Người chết trông sẽ thế nào nhỉ? Tôi chưa bao giờ được thấy người chết. Tôi đã thấy mẹ mình chết nhưng lúc ấy trông bà thanh bình lắm, trên môi nở nụ cười thật là hiền. Người chết này sẽ là một con quỷ, tôi chắc chắn như thế. Tôi chắc chắn gương mặt ông ta đang nhăn nhó vì khiếp đảm. Rồi sẽ là những cơn ác mộng với máu...

Tôi thấy mình đang đứng trong một phòng làm việc lớn, sáng lòa với đủ loại đèn đóm chật kín người. Tôi có ấn tượng mơ hồ với những người cầm máy ảnh; những người cầm bàn chải lông lạc đà nhỏ xíu, những người mò mẫm giữa các cuốn sách và những người chẳng làm gì cả. Nhưng ấn tượng thực tế là về một nhân vật cô độc. Trong số tất cả những người có mặt ở đây, ông ta là người điềm tĩnh nhất và ít liên quan nhất. Ông ta là người khỏe mạnh, với vẻ phục phịch xấu xí; trên người mặc áo sơ mi, hai tay áo xắn lên quá khuỷu tay lộ ra hai cánh tay lông lá rất khỏe. Chân ông ta đi đôi dép rơm cũ kỹ và rộng rãi. Trên gương mặt to, thô kệch là biểu hiện bực mình nhưng không hề khó ưa.

Giọng ai đó nặng nề lắm bầm. “Xem ông ta đi nào, thanh tra.”

Qua lớp sương mù đang nhảy múa trước mắt mình, tôi cứ nhìn mãi, và nghĩ rằng thật khiếm nhã khi một người chết, một người bị giết ngồi đó lặng lẽ và không còn biết gì trong khi cả thế giới xoay quanh căn phòng của ông, xâm phạm sự riêng tư của ông, chiếm đoạt những cuốn sách của ông, chụp ảnh bàn làm việc của ông, bôi bẩn đồ nội thất bằng thứ bột nhôm, lục soát bừa bãi giấy tờ của ông... Đây là thượng nghị sĩ Joel Fawcett, ngài thượng nghị sĩ Fawcett quá cố.

Lớp sương mù tan dần, đôi mắt tôi tập trung nhìn vạt trước áo sơ mi trắng. Thượng nghị sĩ Fawcett ngồi sau một chiếc bàn trày xước, tấm thân to béo ép vào mép bàn, đầu hơi nghiêng sang một bên như muốn dò hỏi. Ngay phía trên mép bàn đó, ở giữa và về bên phải các nút áo sơ mi lóng lánh như ngọc trai của ông, có một vết bẩn lan rộng ra từ trái tim, nơi một

con dao rọc giấy mảnh mai đang cắm vào. Là máu, tôi buồn bã nghĩ, trông nó giống như thứ mực đỏ đã đông cứng... Và rồi một người đàn ông nhỏ bé nặng xị, mà sau này tôi biết là bác sỹ Bull, người khám nghiệm pháp y của hạt Tilden lọt vào tầm nhìn của tôi và che khuất xác chết. Tôi thở dài và lắc đầu xua đi cơn chóng mặt chợt đến. Tôi cảm thấy bố xiết chặt khuỷu tay mình nên vững tâm hơn, cố gắng bình tĩnh lại.

Có vài người đang nói lao xao. Tôi ngược lên nhìn vào mắt một thanh niên rất trẻ. Bố tôi đang nói oang oang câu gì đó - tôi nghe được cái tên “Hume”, và nhận ra ông đang trình bày với công tố viên của hạt, một quý ông - Lạy Chúa! Tôi nghĩ - đã từng là đối thủ chính trị của người chết trong chiến dịch đang diễn ra... John Hume có dáng người cao, gần như là cao bằng Jeremy - tôi tự hỏi Jeremy đâu rồi nhỉ? - và anh ta có đôi mắt đen rất đẹp và thông minh. Suy nghĩ nhỏ bé tội lỗi đang cố gắng len lỏi vào trong lương tâm tôi, cuộn xoắn lại rồi chết trong xấu hổ. Không phải người này. Với dáng vẻ gầy còm, thèm khát của anh ta. Thèm khát... cái gì nhỉ? Quyền lực? Hay sự thật?

“Chào cô Thumm,” anh ta quả quyết nói bằng giọng được rèn luyện kỹ lưỡng. “Thanh tra đã bảo tôi rằng bản thân cô cũng là một thám tử. Cô chắc chắn mình muốn ở lại chứ?”

“Hoàn toàn chắc chắn,” Tôi nói bằng chất giọng vô tư nhất có thể. Nhưng đôi môi tôi khô khốc, các từ ngữ bật ra vụn vỡ. Đôi mắt anh ta vẫn nhiệt tình.

“Ôi, rất tốt,” Anh ta nhún vai. “Ngài có muốn xem xét thi thể không, thanh tra?”

“Người nắn xương của cậu sẽ cho cậu biết nhiều hơn tôi. Khám xét quần áo chưa?”

“Trên thi thể chẳng có gì đáng quan tâm đâu.”

“Không phải ông ta đang đợi một người phụ nữ,” bố tôi lầm bầm. “Với cái gã này thì không. Với đôi môi và những móng tay yếu đuối thế kia, ông ta sẽ chẳng quyến rũ được ai cả... Ông ta kết hôn chưa, Hume?”

“Chưa.”

“Có bạn gái không?”

“Không kể hết được, thanh tra, ngài sẽ đến gần sự thật hơn đấy. Một diễn viên tồi tệ, và tôi không nghi ngờ có nhiều phụ nữ hẳn sẽ thích đâm dao vào ngực ông ta.”

“Có đặc biệt nghĩ đến ai không?”

Bốn mắt họ gặp nhau. “Không,” John Hume đáp rồi quay đi. Anh ta đột ngột ra hiệu, một người đàn ông tai cúp, to béo và lùn tịt khom lưng bước qua phòng về phía chúng tôi. Công tố viên giới thiệu lão ta là sếp Kenyon của phòng cảnh sát hạt. Người này có đôi mắt sền sệt của loài cá; tôi lập tức thấy không ưa lão ta. Và tôi tưởng tượng mình trông thấy cái liếc mắt ác ý của lão về phía bố tôi.

Người đàn ông bé nhỏ nặng xị, bác sỹ Bull, viết nguệch ngoạc bằng chiếc bút máy to đùng xuống một mảnh giấy chính thức, duỗi thẳng tờ giấy rồi bỏ tọt bút vào túi.

“Thế nào bác sỹ?” Kenyon hỏi. “Phán quyết là gì?”

“Giết người,” bác sỹ Bull đáp nhanh. “Tôi không thắc mắc gì nữa. Mọi thứ đều diễn ra theo cách đó hơn là tự sát. Gạt sang bên tất cả những cân nhắc khác, đơn giản các vết thương dẫn đến cái chết không thể do tự gây ra.”

“Thế thì có hơn một nhát đâm à?” bố tôi hỏi.

“Đúng, Fawcett bị đâm hai nhát vào ngực. Cả hai vết thương đều chảy máu rất nhiều, như ngài thấy, vết thương đầu tiên dù nghiêm trọng nhưng chưa làm ông ta chết ngay. Thế nên để chắc chắn hung thủ đã đâm tiếp nhát nữa.”

Ông ta búng ngón tay về phía con dao rọc giấy cắm sâu vào trái tim người chết. Rút con dao ra khỏi thi thể nạn nhân, ông ta đặt nó xuống bàn. Trông con dao u ám với sắc đỏ ối còn đọng lại trên lưỡi dao. Một viên thám tử thận trọng cầm nó lên bắt đầu phủi bụi bằng một loại bột màu xám nhạt.

“Ông chắc chắn rằng đây không thể nào là tự sát?” Hume ngắt lời.

“Chắc như bấp. Các góc và hướng của cả hai vết thương ủng hộ mạnh mẽ kết luận đó. Cho dù còn một thứ khác cậu sẽ muốn xem. Cực kỳ thú vị.”

Bác sỹ Bull rảo bước vòng quanh bàn đến đứng cạnh thân người bất động, giống như một giảng viên đứng trước một tác phẩm nghệ thuật. Hoàn toàn băng quơ ông nâng lên cánh tay phải của người chết vốn đang cứng dần trong hiện tượng co cứng tử thi. Nước da xanh xao vàng vọt, những sợi lông dài trên cẳng tay trông gớm ghiếc vì rậm rì bóng nhẫy. Rồi tôi quên bém mất đây là một xác chết....

Trên cẳng tay có hai vết khác thường. Một là vết thương mỏng sắc lẹm ngay phía trên cổ tay, máu đã rỉ ra từ đây. Vết còn lại xa hơn trên cánh tay bốn phân; một vết thương hở mờ nhạt đáng ngờ khiến tôi băn khoăn.

“Bây giờ,” bác sỹ khám nghiệm pháp y vui vẻ nói, “vết cắt dài này nằm ngay trên cổ tay. Hẳn nhiên là được tạo ra bằng con dao rọc giấy kia. Hoặc ít nhất,” ông nhanh chóng nói thêm, “là bằng một thứ sắc nhọn như con dao rọc giấy.”

“Còn vết kia?” bố tôi hỏi gặng, nhú mày.

“Phán đoán của ngài cũng tốt như của tôi. Tôi sẽ chỉ nói chắc chắn được một điều, rằng vết thương hở này không phải do hung khí tạo ra.”

Tôi liếm môi, một ý tưởng đang thì thầm. “Ông có cách nào xác định thời gian cả hai vết thương được tạo ra trên cánh tay không, bác sỹ?”

Tất cả mọi người liếc xéo tôi. Hume cân nhắc lời nhận xét, bố tôi ngày càng trở nên trầm tư. Ông bác sỹ khám nghiệm mỉm cười. “Đó là câu hỏi hay thưa quý cô. Phải, tôi xác định được. Cả hai vết thương này mới được tạo ra rất gần đây - trong khoảng thời gian án mạng nói chung - và tôi nên nói là vào thời gian ước chừng tương tự.”

Viên thám tử đang khám nghiệm hung khí đầm máu đứng thẳng dậy với nét mặt khó chịu. “Không có vân tay trên con dao,” ông ta tuyên bố. “Gay go đây.”

“Chà,” bác sỹ Bull vui vẻ nói, “việc của tôi đến đây là xong rồi. Dĩ nhiên, các ngài sẽ muốn giải phẫu pháp y. Mặc dù tôi chắc chắn sẽ chẳng tìm được gì gây nghi ngờ thông tin riêng tôi đã nói với các ngài. Ai trong số các ngài đi gọi mấy người bên Phúc lợi Xã hội vào đây mang xác này đi.”

Ông ta đóng nắp túi đồ nghề cứu thương. Hai người mặc đồng phục bước đi. Một trong hai người đang nhòm nhoàm món gì đó, người kia thì sục sục - mũi anh ta ẩm ướt và đỏ tấy. Những chi tiết này luôn luôn chiếm vị trí nổi bật trong tâm trí tôi, không thể quên đi tính tàn nhẫn của những sự việc đang diễn ra. Tôi khẽ quay mặt đi...

Hai người kia bước tới gần bàn làm việc, đặt một dụng cụ hình dáng như cái rổ lớn có bốn tay cầm xuống sàn, nắm chặt hai bên nách người chết xốc ông ta lên khỏi ghế với những tiếng gầm gừ, đặt thi thể vào thùng rồi đập nắp liểu gai, người đàn ông đang nhai kẹo và người kia vẫn đang xỉ mũi cùng cúi xuống mang cái thùng nặng nề đi khỏi.

Tôi thấy thoải mái hơn, thở phào nhẹ nhõm dù chỉ trong vài phút rồi thu hết can đảm tiến đến gần cái bàn và chiếc ghế trống. Lúc này với một chút ngạc nhiên tôi nhận thấy bóng lêu nghêu của Jeremy Clay trong sảnh, đang cùng một cảnh sát viên tựa người vào rầm cửa. Anh đang chăm chú nhìn tôi.

“Mà nhân tiện,” bố tôi lau bầu khi viên bác sỹ pháp y cầm túi lên quay ra cửa, “thằng cha này bị giết khi nào?” Có ánh nhìn khó chịu trong đôi mắt ông, tôi đồ rằng có điều gì đó cầu thả trong việc tiến hành điều tra án mạng này. Bản tính cẩn thận, được đào tạo ở thành phố của ông tức giận với sự thờ ơ tuyệt đối của Kenyon, người đang lười nhác dạo quanh phòng làm việc và bác sỹ Bull, người đang huýt sáo một giai điệu có phần vui tươi.

“Ôi! Đúng rồi, tôi quên mất. Tôi có thể xác định chính xác thời gian chết của tạo vật xinh đẹp đó,” bác sỹ Bull nói. “Mười giờ hai mươi phút tối nay, tôi nói vậy đấy. Mười giờ hai mươi phút. Đúng. Không hơn không kém một phút. Mười giờ hai mươi...” Ông ta chép miệng, đầu lắc nhẹ rồi biến mất sau cánh cửa.

Bố càu nhàu rồi xem đồng hồ đeo tay. Năm phút nữa đến nửa đêm. “Ông ta đúng là kẻ hợm hĩnh,” ông lẩm bẩm.

John Hume sốt ruột lắc đầu, bước ra cửa. “Gọi anh chàng Carmichael vào đây.”

“Carmichael là ai?”

“Thư ký của thượng nghị sĩ Fawcett. Kenyon cho rằng anh ta có nhiều lời khai giá trị cho chúng ta. Mà một lúc nữa chúng ta sẽ biết.”

“Tìm được dấu vết nào không, Kenyon?” bố lâu bầu, ném ánh mắt trầm ngâm oai vệ sang cảnh sát trưởng.

Kenyon giật mình. Lão ta đang xìa răng bằng một cái tăm ngà, đôi mắt lơ đãng. Rút tăm ra khỏi mồm, lão ta cau có hỏi một trong số các cảnh sát viên. “Tìm được dấu vết nào không?”

Anh ta lắc đầu. “Không có dấu vết rào của kẻ xâm nhập. Rất nhiều dấu vết của ngài thượng nghị sĩ và của Carmichael. Dù là kẻ nào làm chuyện này, cũng phải là kẻ ham đọc truyện trinh thám. Hẳn có mang găng tay.”

“Hẳn có mang găng tay,” Kenyon nói, rồi lại nhét tăm vào mồm.

John Hume đứng bên cửa ngắt lời: “Ông bảo anh ta nhanh lên được không?” bố tôi nhún vai, châm điếu xì gà. Tôi có thể thấy ông đang khó chịu với tất cả chuyện này.

Tôi cảm thấy cái huých nhẹ lên hai hông bèn quay phắt lại. Ra là Jeremy Clay đang mỉm cười, mang theo một cái ghế.

“Ngồi đi, nàng Sherlock,” anh nói. “Nếu em cứ khăng khăng đòi đứng đây, em cũng đừng nên bắt cặp giò bé bỏng, xinh đẹp của em cũng phải nghĩ chứ.”

“Thôi đi!” Tôi giận dữ, nói bằng giọng nửa thì thầm. Nơi đây không có chỗ cho sự khinh suất. Anh toét miệng cười, ép tôi ngồi xuống ghế. Chẳng ai thèm chú ý đến chúng tôi. Nên tôi cho phép mình ngồi xuống, hơi có cảm giác mình vô dụng... thế rồi tôi chợt liếc thấy khuôn mặt bố tôi.

Điếu xì gà cách miệng hai phân, ông đang nhìn trừng trừng ra ngưỡng cửa.

Chiếc Hộp Đen

Người đàn ông dừng chân trên ngưỡng cửa, mắt nhìn bàn làm việc. Có nét ngạc nhiên trên gương mặt gầy còm của anh ta khi bộ não nhận thấy cái ghế trống trơn. Rồi đôi mắt anh ta gặp ánh mắt ngài công tố viên. Anh ta mỉm cười buồn, gật đầu rồi bước vào phòng đứng ngay giữa tấm thảm, hoàn toàn bất động, một sự bình thản hoàn hảo. Anh ta trông còn thấp hơn cả tôi, thể hình gọn gàng phần nào tạo ấn tượng phân bố cơ bắp của động vật. Dáng đi đứng và hình thể của anh ta khiến tôi có cảm giác lạ lùng, không giống một thư ký. Anh ta có vẻ tầm tuổi bốn mươi, dù sở hữu một diện mạo không tuổi khó xác định.

Tôi lại nhìn bố. Điếu xì gà vẫn cách miệng ông một khoảng. Đôi mắt ông đang nhìn chăm chú người mới đến với sự kinh ngạc chân thực nhất.

Rồi viên thư ký của người quá cố cũng nhìn bố tôi chăm chú hòng tìm ra dấu hiệu nhỏ nhất cho thấy hai người nhận ra nhau, tôi cũng không thể phát hiện ra rung động đơn thuần nào trên đôi mắt trơ tráo của anh ta. Ánh mắt anh ta nhìn sang tôi, nét mặt thoáng ngạc nhiên. Nhưng thế cũng là quá nhiều ở vào địa vị của anh ta, khi đứng trước một người phụ nữ trong khung cảnh u ám thế này.

Đôi mắt tôi lại quay sang bố. Ông đang lặng lẽ hút điếu xì gà và gương mặt ông lại đờ ra. Dường như không ai nhận thấy trạng thái sững sờ ngăn ngùi của ông. Nhưng tôi biết ông đã nhận ra người này là Carmichael, và cho dù anh ta không để lộ ra bất kỳ dấu hiệu nào, tôi dám chắc rằng anh ta cũng bị sốc trong một khoảnh khắc. Tôi tự nhủ một cá nhân có khả năng tự chủ giỏi đến thế, hẳn sẽ chịu được cảnh bị người khác soi mói.

“Carmichael,” John Hume đột ngột lên tiếng, “cảnh sát trưởng Kenyon nói rằng anh có thông tin quan trọng muốn nói với chúng tôi.”

Cặp lông mày viên thư ký hơi nhướng lên. “Còn phụ thuộc ngài muốn nói ‘quan trọng’ với ý gì, ngài Hume. Dĩ nhiên, tôi thấy xác chết...”

“Phải, phải.” Giọng công tố viên băng quơ. Thư ký của thượng nghị sĩ Fawcett... Tôi hình dung mình đã nắm được các sắc thái. “Kể chúng tôi nghe chuyện đã xảy ra đêm nay đi.”

“Sau bữa tối thượng nghị sĩ cho gọi ba người: đầu bếp, quản gia và hầu phòng - vào phòng làm việc ở đây và cho phép họ nghỉ ngơi tối nay. Ông ấy...”

“Làm sao cậu biết chuyện này?” Hume đột ngột hỏi.

Carmichael mỉm cười. “Tôi cũng có mặt mà.”

Kenyon cúi người về phía trước. “Đúng đấy, Hume. Tôi vừa chào hỏi những người hầu rồi. Họ đi xem phim trong thành phố, vừa quay về nửa tiếng trước.”

“Nói tiếp đi, Carmichael.”

“Khi những người hầu ra ngoài, thượng nghị sĩ bảo tôi cũng có thể nghỉ ngơi tối nay. Sau khi giải quyết xong các thư từ cho thượng nghị sĩ, tôi rời khỏi nhà.”

“Chẳng phải yêu cầu này có hơi bất thường sao?”

Thư ký nhún vai. “Không hề.” Miệng anh ta nở nụ cười khoe hàm răng trắng. “Ông ấy thường xuyên... tham dự những việc riêng; chuyện ông ấy giải phóng chúng tôi như thế này cũng bình thường. Dù sao đi nữa, tôi đã quay về sớm hơn dự kiến và phát hiện cửa trước mở toang...”

“Chú ý thời gian,” bố nói bằng giọng trầm vang. Nụ cười của anh ta có phần ngõ ngàng, rồi trở lại trạng thái ban đầu; anh ta kiên nhẫn chờ đợi câu hỏi quan tâm lịch sự hơn. Phong thái của anh ta thật hoàn hảo, tôi tự nhủ; điều này khiến tôi hết sức kinh ngạc, không thể hình dung một thư ký tầm thường đang trải qua một cuộc thẩm vấn, mà vẫn cư xử khôn khéo đến vậy. “Khi rời khỏi nhà, cậu có đóng cửa không?”

“Có chứ! À, mà cửa ra vào, như các ngài có thể đã nhận ra, có một khóa lò xo. Và ngoài thượng nghị sĩ và tôi, chỉ những người hầu mới có chìa khóa. Thế nên tôi cho rằng thượng nghị sĩ đã tự cho phép ai đó bước vào đây.”

“Làm ơn không phỏng đoán,” Hume ngắt lời. “Chúng tôi cần thông tin xác thực, anh biết đấy! Anh quay về và thấy cửa trước mở. Rồi sau đó?”

“Sự thực này khiến tôi cực kỳ nghi ngờ, có cảm giác rằng đang có chuyện không ổn. Tôi chạy vào trong phòng thì phát hiện thi thể của thượng nghị sĩ tại bàn, ngồi trên ghế, đúng như tư thế lúc cảnh sát trưởng Kenyon đến. Tất nhiên, việc đầu tiên tôi làm khi phát hiện ra xác chết đó là gọi điện cho cảnh sát.”

“Anh không đụng vào xác chết chứ?”

“Dĩ nhiên là không.”

“Hừm. Lúc đó là mấy giờ, Carmichael?”

“Chính xác là mười rưỡi. Khi tôi trông thấy thượng nghị sĩ Fawcett đã bị giết, tôi lập tức xem ngay đồng hồ. Tôi biết chi tiết như thế có thể quan trọng.”

Hume nhìn bố tôi. “Thú vị, đúng không? Anh ta phát hiện xác chết mười phút sau khi kết thúc công việc... Và anh không thấy bất kỳ ai rời khỏi nhà?”

“Không. Tôi e rằng có hơi lơ đãng khi tới gần lối đi bộ vào nhà. Lúc đó trời cũng tối. Hẳn sẽ cực kỳ đơn giản nếu kẻ sát nhân lẫn trốn trong bụi rậm khi nghe tiếng bước chân tôi, và đợi chờ tôi bước vào nhà trước khi tẩu thoát.”

“Đúng vậy, Hume,” bố tôi bất ngờ nói. “Sau khi gọi cho cảnh sát, Carmichael, cậu đã làm gì?”

“Tôi vẫn đứng nguyên trên ngưỡng cửa và chờ đợi. Cảnh sát trưởng Kenyon đến rất nhanh. Không quá mười phút sau cuộc gọi của tôi.”

Bố tôi bước lộp cộp ra cửa, ngó ra ngoài hành lang. Rồi ông quay vào và gật đầu.

“Rộng đấy. Vậy là cậu nhìn rõ cửa trước suốt thời gian đó. Cậu có trông thấy hay nghe thấy ai đang cố gắng ra khỏi nhà không?”

Carmichael quả quyết lắc đầu. “Không ai rời khỏi hoặc cố gắng rời khỏi. Tôi thấy cửa phòng làm việc mở và tôi không đóng nó lại. Ngay cả khi gọi điện thoại, tôi đứng đối mặt với cửa vào, có thể thấy bất kỳ ai đi qua. Tôi chắc chắn trong nhà chỉ có mình tôi.”

“Tôi e rằng tôi không hoàn toàn hiểu...” John Hume bắt đầu bằng giọng tức giận.

Kenyon mắt cá cắt ngang bằng giọng nam trung the thé. “Bất kỳ kẻ nào làm việc này cũng đã thực hiện nó trước khi Carmichael tới. Chẳng ai bỏ trốn sau khi chúng tôi đến. Chúng tôi đã khám xét cả bãi rác từ trên xuống dưới nữa.”

“Còn những lối ra khác thì sao?” bố tôi hỏi.

Kenyon vỗ vào lò sưởi phía sau bàn làm việc trước khi đáp. “Không thể,” lão ta nhếch mép. “Chúng tôi thấy tất cả lối ra đều bị khóa từ bên trong, ngoại trừ cửa trước, cả các cửa sổ cũng thế.”

“Ô, được rồi,” Hume nói. “Chúng ta đang phí thời gian.” Anh ta bước đến bàn làm việc cầm lên con dao rọc giấy nhuộm máu. “Anh có nhận ra cái này không, Carmichael?”

“Thực ra là có. Nó là dao của thượng nghị sĩ. Lúc nào nó cũng nằm trên bàn của ông ấy, thưa ngài Hume.” Carmichael nhìn chăm chú thứ vũ khí này chỉ một lát, rồi hơi quay mặt đi. “Còn gì khác nữa không? Tôi đang rất đau buồn, ngài biết đấy...”

Đau buồn! Anh ta còn yếu thần kinh hơn cả một con côn trùng.

Công tố viên bỏ con dao xuống bàn. “Anh biết gì về tội ác này không? Có gợi ý nào không?”

Anh ta trông thật sự đau buồn. “Tôi chẳng có ý tưởng nào hết, thưa ngài Hume. Dĩ nhiên, chính ngài cũng biết rằng thượng nghị sĩ có không ít kẻ thù trong sự nghiệp chính trị của ông ấy...”

Hume chậm rãi nói: “Điều anh vừa nói có ý gì?”

Carmichael có vẻ mặt đau khổ. “Ý gì ư? Tôi biết chắc mình vừa nói gì. Thượng nghị sĩ là người bị nhiều kẻ căm ghét như ngài cũng biết. Có lẽ là rất nhiều đàn ông - mà có cả phụ nữ nữa - những kẻ có thể được xem là những hung thủ tiềm năng...”

“Tôi hiểu,” Hume lẩm bẩm. “Đến lúc này chúng tôi đã hỏi xong. Vui lòng đợi ở ngoài.”

Carmichael gật đầu, mỉm cười rồi rời phòng.

Bố tôi kéo công tố viên sang một bên, tôi nghe thấy giọng nam trầm của ông đang làm Hume bối rối với những nghi vấn về thượng nghị sĩ Fawcett, những kẻ thân thiết với ông ta, mức độ những sự phá hoại chính trị của ông ta và một loạt những câu hỏi rất ngớ ngẩn về Carmichael.

Cảnh sát trưởng Kenyon tiếp tục tuần tra sàn nhà, nhìn lên các bức tường và trần nhà một cách ngu ngốc.

Cái bàn làm việc bên kia phòng hấp dẫn tôi. Và tôi tự hỏi - như tôi đã làm suốt quãng thời gian Carmichael được thẩm vấn - rằng liệu mình có dám đứng dậy khỏi ghế và bước đến chỗ cái bàn không. Dường như với tôi, có nhiều thứ đơn giản đã bị bỏ qua, không quan tâm đến. Tôi không thể hiểu nổi tại sao bố tôi, công tố viên lẫn Kenyon đều không thèm chú ý xem xét kỹ rất nhiều thứ trên mặt bàn gỗ.

Tôi nhìn quanh. Chẳng ai trông thấy tôi.

Jeremy cười toét khi tôi đứng lên nhanh chóng bước đến chiếc bàn. Không để phí thời gian, không e sợ bị ngắt quãng hay lời la mắng nghiêm khắc nào đó, tôi cúi xuống mặt bàn. Ngay trước cái ghế nơi thi thể của thượng nghị sĩ Fawcett từng ngồi, có một bàn thẩm màu xanh. Nằm trên bàn thẩm, chiếm một nửa mặt bàn làm việc, là một tập giấy ghi chú dày và mịn. Tờ giấy trên cùng sạch sẽ, trống trơn. Tôi thận trọng nhắc tập giấy ghi chú lên và phát hiện một thứ khiến tôi tò mò.

Thượng nghị sĩ đã tựa sát vào mép bàn, tì hẳn người vào nó. Tôi nhớ lại những vết thương trên ngực ông ta không bắn máu lên quần ông ta hay lên ghế như bây giờ tôi quan sát thấy, mà bắn lên bàn thẩm. Khi nhắc tập giấy ghi chú lên, tôi phát hiện một lượng máu lớn đã bắn vào bàn thẩm màu xanh. Thế nhưng vết máu này thật lạ lùng. Nó có hình dáng của một trong những góc dưới của tập giấy. Nghĩa là khi nhắc tập giấy khỏi bàn thẩm, tôi trông thấy một vết tối màu trên mặt bàn thẩm màu xanh sáng có hình cầu không bình thường, tuy nhiên, trên chiếc bàn thẩm ở nơi từng bị góc tập giấy ghi chú đè lên, lại xuất hiện một khoảng hình chữ nhật rất sạch sẽ.

Thế là rõ rồi! Tôi nhìn quanh. Bố tôi và Hume vẫn đang trò chuyện bằng giọng thấp. Kenyon vẫn đang nhịp chân một cách máy móc. Nhưng Jeremy và một số người mặc đồng phục đang nhìn tôi, đôi mắt nghiêm khắc và tôi

ngần ngừ. Có lẽ như thế là không thông minh... Nhưng giả thuyết này cần được thử nghiệm. Tôi hạ quyết tâm và cúi xuống bàn bắt đầu đếm tập giấy ghi chú. Có phải còn mới nguyên không? Vẻ ngoài của nó dường như cho thấy điều này. Thế nhưng... Có chín mươi tám tờ giấy trong tập giấy. Trên tờ bìa nếu tôi không nhầm chắc phải có ghi chép...

Phải! Tôi đã đúng. Tờ bìa của tập giấy cho tôi biết rằng tập giấy còn nguyên, chưa được sử dụng phải bao gồm một trăm tờ. Tôi đặt lại tập giấy xuống cuốn sổ nháp như cũ, tim đập thành thịch trong lồng ngực như con chó đập đuôi xuống sàn. Trong khi thử nghiệm và xác nhận giả thuyết này của mình, tôi tự hỏi phải chăng phát hiện của tôi không có tầm quan trọng lớn lao. Đúng, vào lúc này nó dường như chẳng dẫn đến đâu cả. Thế nhưng một đầu mối sẽ mang đến những khả năng không thể bỏ sót trong tâm trí...

Tôi cảm thấy bố chạm vào vai tôi, “Rình mò hả Patty?” ông thô lỗ hỏi nhưng đôi mắt nhìn chăm chăm tập giấy tôi vừa bỏ xuống, nhú mày lại trầm tư. Hume nhìn tôi với sự quan tâm chiếu lệ, khẽ mỉm cười rồi quay đi. Tôi nghĩ: ”Ra thế đấy, ngài Hume! Kẻ cả bề trên à!” Tôi quyết tâm bóc mẽ cái vẻ ngoài tự mãn của anh ta ngay trong cơ hội đầu tiên.

“Giờ hãy cùng xem thứ vớ vẩn này, Kenyon,” anh ta mạnh mẽ nói. “Tôi muốn xem thanh tra Thumm nghĩ gì về nó.”

Kenyon càu nhàu, thọc hai tay vào túi lôi ra một đồ vật rất lạ kỳ.

Trông nó giống như một phần của món đồ chơi. Một hộp đồ chơi được làm bằng loại gỗ rẻ tiền, mềm mại như gỗ thông. Chiếc hộp nhuộm một màu đen lốm đốm, hoen gỉ với một số ghim bấm kim loại thô nhỏ trên các góc để trang trí, cứ như thể đây là mô hình của một cái rương. Những chiếc ghim bấm kim loại tượng trưng các mảnh đồng bảo vệ các góc. Tuy nhiên, tôi không có cảm giác như thế, trông nó giống một cái hộp hay cái rương thu nhỏ hơn. Chiều cao của nó không quá ba phân.

Nhưng đặc điểm thu hút của đồ vật này là ở chỗ, nó là phần duy nhất của một chiếc rương thu nhỏ. Mặt phải của miếng này được cửa rất gọn và mịn, thứ Kenyon đang cầm trong những ngón tay cẩu bẩn, móng tay đen đúa chỉ rộng có hai phân. Tôi làm một con tính nhanh. Theo tỷ lệ chiều cao, toàn

bộ cái rương chắc phải rộng khoảng sáu phân. Cái này rộng hai phân; do đó nó chỉ bằng một phần ba kích thước rương thật.

“Dù tôi có nói gì ông cũng phải chấp nhận,” Kenyon nghiêm túc nói với bố tôi. “Ông cóm thành phố sẽ nói gì về nó hả?”

“Ông tìm thấy nó ở đâu?”

“Trên cái bàn kia, đang dựng đứng lên, không thể nhằm được khi chúng tôi lao vào đây. Nó nằm phía sau tập giấy, đối diện với cái xác cứng ngắc.”

“Đúng là lạ lùng,” bố tôi lăm băm, lấy đồ vật trên ngón tay Kenyon xem xét kỹ hơn.

Nắp hộp - đúng hơn là một phần của cái nắp đang nằm trên phần rương còn lại sau khi bị cửa - gắn liền vào thân rương bằng một bản lề nhỏ xíu. Bên trong chẳng có gì; mặt trong rương không bị nhuộm bẩn, bề mặt gỗ mới toanh của rương cũng sạch bong. Và ở mặt trước cái hộp nổi lên trên màu đen bản thủ có hai chữ cái mạ vàng được sơn tỉ mỉ, *H-E*.

“Giờ thì cái chữ quái quỷ này có ý gì?” Bố ngậy ra nhìn tôi. “Anh ta là ai?”

“Khó hiểu, đúng không?” Hume mỉm cười, ra vẻ là người ra câu đố thú vị.

”Dĩ nhiên,” tôi trầm tư nói, “có lẽ nó chẳng hề mang nghĩa là ‘anh ta’ đâu.”

“Điều gì khiến cô nói vậy, cô Thumm?”

“Ngài Hume,” tôi đáp bằng giọng ngọt ngào nhất có thể, “tôi phải nghĩ rằng, một người có nhận thức như ngài sẽ thấy những khả năng trong cái được gọi là ý tưởng bất ngờ. Một phụ nữ đơn thuần, ngài biết đấy...”

“Tôi không thể tin nổi điều này lại quan trọng,” Hume đột ngột ngắt lời, nụ cười của anh ta thật sự khó hiểu. “Ngài Kenyon cũng không nghĩ vậy. Đồng thời chúng tôi không muốn bỏ qua một đầu mối khả dĩ nào. Ngài nghĩ sao, thanh tra?”

“Con gái tôi,” bố đáp, “đã gợi ý một bước ngoặt. Đây có thể chỉ là một phần của một từ - hai chữ cái đầu tiên. Và trong trường hợp đó sẽ không có nghĩa là ‘anh ta.’ Hoặc nó là từ đầu tiên của một câu ngắn.”

Kenyon thốt lên tiếng nhạo báng.

“Đã khám nghiệm vân tay cái này chưa?”

Hume gật đầu, anh ta dường như bối rối. “Chỉ có dấu vân tay của Fawcett thôi.”

“Tìm thấy trên bàn à,” bố tôi lẩm bẩm. “Đêm nay khi Carmichael rời khỏi nhà, nó có nằm trên bàn không?”

Hume nhướng mày. “Thực ra tôi không nghĩ hỏi anh ta chuyện này là ý hay. Cứ gọi Carmichael vào đây rồi tìm hiểu đi.”

Công tố viên sai người đi gọi tay thư ký. Anh ta nhanh chóng xuất hiện với vẻ lịch thiệp và dò hỏi hiện trên gương mặt dịu dàng. Đồ vật nhỏ bằng gỗ trong tay bố tôi đập vào mắt anh ta.

“Tôi thấy các ngài đã tìm thấy nó,” anh ta lẩm bẩm. “Thú vị, đúng không?”

Hume trở nên cứng rắn. “Anh thấy vậy à? Anh biết gì về nó?”

“Đó là một câu chuyện nhỏ hiếu kỳ, ngài Hume. Tôi không có cơ hội kể cho ngài, hay ngài Kenyon nghe về nó...”

“Chờ chút đã,” bố tôi dài giọng. “Cái vật không tên này tối nay có nằm trên bàn thượng nghị sĩ khi cậu rời phòng không?”

Carmichael mỉm nụ cười mỏng, bình thản. “Không.”

“Vậy thì chúng ta có thể nói,” bố tôi tiếp tục, “rằng cái thứ này có đủ ý nghĩa nào đó đối với Fawcett, hoặc kẻ giết ông ta, để bằng cách này hay cách khác đặt nó lên bàn. Chẳng lẽ điều này còn không đủ quan trọng với cậu hay sao hả Hume?”

“Có lẽ ông nói đúng. Tôi đã không nhìn nó theo chiều hướng đấy.”

“Dĩ nhiên chẳng hạn, chúng ta không thể nói rằng thượng nghị sĩ không lấy nó ra khi ông ta ở một mình chỉ để xem qua. Trong trường hợp đó, có lẽ chẳng liên quan gì đến kẻ sát nhân. Cho dù theo kinh nghiệm của mình tôi thấy rằng khi một người bị giết làm gì đó trong những hoàn cảnh như thế này - khi đuổi mọi người xung quanh đi hết - thì việc này phần lớn đều có liên quan đến vụ giết người. Chọn đi. Tôi sẽ nói thứ này cần được xem xét kỹ lưỡng.”

“Có thể,” Carmichael gợi ý nhẹ nhàng, “các quý ông, tốt hơn hết các ngài nên lắng nghe điều tôi phải nói trước khi đưa ra bất kỳ kết luận nào.

Cái hộp gỗ kia đã nằm trong bàn làm việc của thượng nghị sĩ nhiều tuần rồi. Trong ngăn kéo này.” Anh ta đi vòng quanh bàn rồi mở ngăn kéo trên cùng ra. Những thứ bên trong ngăn kéo rất lộn xộn.

“Ai đó đã đụng vào ngăn kéo này!”

“Ý anh là sao?” Công tố viên hỏi nhanh.

“Thượng nghị sĩ Fawcett là một người cực kỳ ngăn nắp. Yêu thích mọi thứ phải nằm đúng chỗ. Tôi tình cờ biết được điều này ngày hôm qua, chẳng hạn cái ngăn kéo này đã được sắp xếp ngay ngăn đến hoàn hảo. Giờ thì các giấy tờ lộn xộn hết cả lên. Ông ta không bao giờ để chúng như thế, tôi chắc chắn đấy. Tôi dám nói rằng ai đó đã lục lọi ngăn kéo này!”

Kenyon thét lác người của lão ta. “Có ai ngu xuẩn lảng vảng quanh cái bàn này không?” Không một câu trả lời vang lên. “Vui thật,” lão lẩm bẩm. “Đích thân tôi bảo họ để nguyên cái bàn này. Tên quái nào lại...?”

“Bình tĩnh lại đi, Kenyon,” bố tôi càu nhàu. “Chúng ta đang đạt được bước tiến. Không thể nói chắc được, có vẻ hung thủ đã làm thế. Nào, Carmichael, điều rắc rối gì đằng sau món đồ vật ngớ ngẩn này. Nó nghĩa là gì?”

“Tôi ước gì có thể nói với ngài, thưa thanh tra,” tay thư ký trả lời nuối tiếc. Bốn mắt họ nhìn nhau vô cảm. “Nhưng với tôi nó cũng đầy bí ẩn như với ngài thôi. Ngay cả cách làm sao nó xuất hiện ở đây cũng khó hiểu rồi. Khoảng ba tuần trước, tôi nghĩ vậy - nó đã đến trong một... Không, có lẽ tôi nên bắt đầu từ đầu.”

“Ngăn gọn thôi.”

Carmichael thở dài. “Thượng nghị sĩ đã nhận ra rằng ông ta đang trong cuộc chiến tiền bầu cử khó khăn, ngài Hume...”

“Ồ vậy sao, ông ta ư?” Hume nói với cái gật đầu buồn bã. “Và chuyện này thì liên quan gì?”

“Thượng nghị sĩ Fawcett nghĩ rằng mình có thể là một ứng cử viên nổi tiếng hơn nếu đứng ra - tôi dùng từ này thận trọng đấy - bảo vệ cho người dân nghèo địa phương. Ông ta có ý tưởng mở một gian hàng bán các sản phẩm của tù nhân lao động cưỡng bức - tất nhiên là ở nhà tù Algonquin - cho những người thất nghiệp trong hạt.”

“Việc này bùng nổ khá dữ trên tờ Leeds Examiner.” Hume lạnh lùng ngắt lời. “Cắt bỏ hết các tin không quan trọng. Cái hộp có liên quan gì đến gian hàng?”

“Thượng nghị sĩ được sự cho phép của Ban Quản lý nhà tù và cai ngục Magnus để kiểm tra một vòng Nhà tù Algonquin,” Carmichael nói tiếp. “Chuyện này xảy ra khoảng một tháng trước. Ông ta thu xếp với cai ngục gửi các mẫu sản phẩm của tù nhân đến cho mình ở đây để quảng cáo trước.” Carmichael dừng lại, đôi mắt anh ta rục rịch sáng. “Và trong thùng đồ chơi được sản xuất tại xưởng mộc trong tù, có bao gồm mẫu rương xinh xắn này!”

“Vâng,” bố tôi lẩm bẩm. “Làm sao cậu biết được chuyện này?”

“Tôi mở các thùng carton ra mà.”

“Cái vật này nằm xen lẫn với các món đồ vô giá trị còn lại à?”

“Không hoàn toàn, thưa thanh tra. Nó được bọc trong một tờ giấy bìa thủ ghi bằng bút chì gửi cho thượng nghị sĩ. Có một mẫu giấy bên trong gói, nằm trong một phong bì cũng được gửi cho ông ta.”

“Mẫu giấy!” Hume rít lên. “Trời ạ, chính thứ đó có tầm quan trọng cực kỳ đấy! Tại sao anh không nói với chúng tôi tất cả mọi chuyện từ này? Nó đâu rồi? Anh đã đọc chưa? Mẫu giấy viết gì?”

Carmichael trông buồn bã. “Tôi rất tiếc, ngài Hume, nhưng vì cái hộp và bức thư cũng được gửi cho thượng nghị sĩ Fawcett, nên tôi không thể... Ngài thấy đấy, khi tìm thấy chúng tôi đã gửi lại cho thượng nghị sĩ. Lúc tôi mở các thùng carton ông ấy ngồi bên bàn đang xem xét mấy thứ. Tôi không biết trong gói ấy có cái gì, cho đến khi ông ấy mở nó ra. Tôi chỉ kịp nhìn lướt qua một dòng địa chỉ. Mặt thượng nghị sĩ tái nhợt như xác chết khi chợt nhìn thấy cái hộp, ông ấy mở phong bì với những ngón tay run rẩy. Tôi xin thề mình nói thật. Và cùng lúc đó ông ấy bảo tôi đi ra ngoài - ông ấy sẽ đích thân mở các thùng carton...”

“Tệ quá, tệ quá,” Hume ngắt lời. “Vậy là anh không biết lá thư ấy ở đâu, hoặc liệu ông Fawcett đã hủy nó đi rồi hay chưa, đúng không?”

“Sau khi chuyển đồ chơi và các thùng carton khác qua các nơi bán hàng trong thành phố, tôi nhận thấy mảnh rương ấy không nằm trong thùng

đồ chơi nữa. Còn về lá thư thì tôi không bao giờ thấy lại nữa..”

Hume nói: “Chờ chút đã, Carmichael,” rồi thì thầm điều gì đó với Kenyon, trông rất chán nản, càu nhàu một mệnh lệnh với ba cảnh sát viên. Một trong số ba người lập tức đến bên bàn làm việc, ngồi xổm xuống bắt đầu lục lọi các ngăn kéo. Hai người kia đi ra ngoài.

Bố tôi liếc mắt trầm tư nhìn phần đầu điều xì gà. “Carmichael, cậu cho tôi biết ai là người đã chuyển thùng carton đồ chơi đến? Cậu đã nói đến chuyện này chưa nhỉ?”

“Hình như chưa! Những tù nhân được hưởng đặc ân ở từng khu, ngài biết đấy. Thật ra tôi không quen biết họ.”

“Nói tôi nghe. Thùng carton đồ chơi khi chuyển đến cho cậu có niêm phong không?”

Carmichael nhìn chăm chăm. “Ồ, tôi biết rồi. Ngài nghĩ người chuyển đến có thể đã mở thùng và bỏ cái gói ấy vào trên đường đến đây? Tôi không nghĩ vậy, ngài thanh tra. Dấu niêm phong hoàn hảo. Tôi chắc chắn nếu có những dấu hiệu bị can thiệp, hẳn tôi đã phát hiện ra rồi.”

“Ha,” bố tôi nói, chép miệng. “Xuất sắc. Phải thận trọng hơn nữa đấy, Hume. Nhà tù, Chúa ơi. Tôi nghĩ cậu đã bảo rằng chi tiết nhỏ này không quan trọng!”

“Tôi đã lầm,” Hume thú nhận, có sự phấn khích trẻ con trong đôi mắt đen của anh ta. “Và thưa cô Thumm, cô cũng nghĩ rằng điều này là quan trọng chứ?”

Thái độ hờn hĩnh chế nhạo trong giọng anh ta khiến tôi sôi máu. Dám kè cả với tôi lần nữa à! Tôi hếch cằm lên, rồi đáp bằng giọng cay độc. “Ngài Hume thân mến của tôi, chắc chắn điều tôi nghĩ thì ảnh hưởng gì đến ngài nhỉ?”

“Ồ, thôi nào. Tôi không có ý xúc phạm cô. Cô thật sự nghĩ gì về chuyện cái rương gỗ?”

“Tôi nghĩ rằng,” tôi ngắt lời, “tất cả các ngài đều bị mù nặng rồi đấy!”

Lá Thư Thứ Năm

Trong những ngày nóng bức đầu tiên tại New York sau khi về nước, tôi đã dành khá thời gian hòa nhập với nền văn hóa Mỹ. Tôi đọc rất nhiều báo và bị hấp dẫn đặc biệt bởi các doanh nghiệp ảnh hưởng đến sự phát triển của Mỹ trong phần quảng cáo. Nếu bạn muốn biết về họ hãy đọc những trang quảng cáo! Một công thức thú vị. Ví dụ điển hình là những dòng quảng cáo trên trang: *Người Ta Phá Lên Cười Khi Tôi Ngồi Bên Cây Đàn Piano* và *Người Ta Mím Cười Khi Tôi Gọi Một Hầu Bàn Người Pháp* - những chương nói về cuộc sống của các nhà thẩm mỹ nổi tiếng khiến bạn bè họ kinh ngạc, khi bất ngờ thể hiện một tài năng, tầm ảnh hưởng hoặc bản sắc văn hóa mà không ai nghi ngờ trong quá khứ vô sản của họ.

Lúc này tôi ghen tị với những tay chơi nghiệp dư mới nổi theo giả thuyết ấy. Vì John Hume thì cười thầm, Kenyon không thể chịu đựng được kêu tướng lên, đám cảnh sát cười chế nhạo và ngay cả Jeremy Clay cũng tùm tùm cười khi tôi bảo họ mù.

Thật không may, lúc này, tôi không ở vào vị thế minh họa được mức độ chính xác chứng mù của họ, hoặc chiều sâu sự ngu xuẩn đáng kinh ngạc của họ; vì thế nên tôi nhăn nhó với vẻ quả quyết lạnh lùng hết mức có thể, tự hứa với mình rằng, niềm vui sướng trong tương lai của tôi đó là nhìn thấy họ há hốc mồm vì ngạc nhiên. Quay lại với biển cố vừa rồi, thật khôi hài và trẻ con hết sức. Hồi còn bé tôi thường cảm thấy thế khi bà vú không chấp nhận ý tưởng ngang ngạnh chọt nảy ra - mà chúng nhiều lắm! - và nhiều khi đưa ra những hình phạt khủng khiếp nhất. Nhưng lúc này, tôi đang giữ thái độ đúng mực đáng thương, quay lưng lại bàn với những tiếng cười chế nhạo lọt vào tai, dạ dày sôi trào lên trong cơn phẫn nộ.

Người bố tội nghiệp xấu hổ; mặt ông đỏ rần tới tận mang tai, ném sang tôi cái nhìn tức tối.

Để che giấu sự bối rối của mình, tôi bắt đầu nghiên cứu một góc bàn, nơi một số phong bì có địa chỉ được đánh máy, dán kín và không dán tem xếp gọn ghẽ. Trước khi làn sương mù phần nộ trên mắt tôi kịp tan đi để tập trung nhìn cho rõ, John Hume - ăn năn vì đã khiến tôi xấu hổ, tôi nghĩ vậy - nói với Carmichael. “Phải, về những lá thư đó. Thật vui vì cô đã để ý đến chúng, cô Thumm. Anh có đánh máy chúng không, anh bạn?”

“Hả?” Carmichael giật mình; dường như anh ta chìm sâu vào dòng suy tư của riêng mình. “À, những lá thư. Vâng, tôi đã đánh máy chúng. Đó là nhiệm vụ thượng nghị sĩ giao cho tôi hôm nay sau bữa tối. Tôi đã hoán đổi bố cục các bức thư trên máy mình trước khi bỏ đi theo yêu cầu của thượng nghị sĩ. Văn phòng riêng của tôi quá nhỏ so với phòng làm việc này, ngài biết đấy.”

“Có gì thú vị trong các bức thư đó không?”

“Chẳng có gì giúp được ngài tìm ra kẻ giết thượng nghị sĩ đâu, tôi chắc chắn.” Carmichael cười buồn. “Thực tế thì theo tôi thấy, chẳng lá thư nào có khả năng liên quan đến vị khách ông ấy đang đợi. Tôi nói thế vì thái độ của ông ấy khi tôi đánh máy xong rồi đặt các lá thư xuống trước mặt ông ấy... Ông ấy đọc chúng rất nhanh, ký tên rồi gập lại nhét vào trong các phong bì và dán kín - tất cả được thực hiện một cách lơ đãng, hấp tấp. Những ngón tay của ông ấy run rẩy. Tôi có cảm giác nhất định rằng điều duy nhất ông ấy quan tâm đến là lúc ông ta được thoát khỏi tôi.”

Hume gật đầu. “Anh có tạo các bản giấy than, tôi nghĩ vậy. Chúng ta cũng có thể xem qua, đúng không thanh tra? Gần như có khả năng tìm ra đầu mối từ nội dung những lá thư này.”

Carmichael bước đến bàn làm việc, lấy mấy tờ giấy mỏng màu hồng, bóng loáng nằm trên cùng một rổ sắt treo tường. Hume hờ hững đọc những bản sao bằng giấy than này, lắc đầu rồi trao cho bố tôi. Bố con tôi cùng xem.

Tôi hơi giật mình khi thấy trên cùng là một bức thư đề gửi Elihu Clay. Bố con tôi nhìn nhau rồi cùng đọc thông điệp. Sau dòng địa chỉ, nội dung

bức thư như sau:

ELI THÂN MẾN!

Một lời khuyên nhỏ chân thành mà dĩ nhiên tôi tin ngài không tiết lộ, về nội dung cũng như nguồn gốc của nó. Đây chỉ là chuyện nhỏ giữa chúng ta, như trước kia.

Rất có thể ngân sách mới cho năm tiếp theo sẽ bao gồm khoản dự phòng xây dựng tòa án bang trị giá triệu đô la cho hạt Tilden. Trụ sở tòa án cũ như ngài biết đã trở nên lỗi thời, đang nát thành từng mảnh; vài người trong số chúng ta ở ủy ban Ngân sách đang thúc ép chuẩn y ngân sách xây trụ sở tòa án mới. Đơn vị bầu cử của Joel Fawcett sẽ không bao giờ còn nói rằng ông ta lờ đi dân chúng tại quê nhà!

Tất cả chúng ta đều cho rằng sẽ thật tốt, nếu kinh phí cho việc xây lắp này được dùng hết. Chỉ dùng loại đá cẩm thạch tốt nhất, có thể nói như vậy.

Tôi nghĩ mục này sẽ khiến ngài “quan tâm”. Như luôn luôn thế.

JOE FAWCETT

“Một lời khuyên hữu nghị hả,” bố tôi càu nhàu. ”Nóng hổi đây, Hume. Không ngạc nhiên khi những kẻ như cậu theo đuổi bí mật của ông ta.” Ông hạ giọng, ném sang Jeremy ánh mắt thận trọng. Anh ta vẫn đang đứng trong góc, mắt nhìn đầu mẩu thuốc thứ mười lăm của mình. “Nghĩ xem chuyện này tin được không?”

Hume cười buồn. “Không, tôi không tin. Chỉ là một trong số những trò lừa đảo ghê gớm ngài thượng nghị sĩ quá cố tự cho phép mình nhúng vào. Ngài Elihu Clay già chắc chắn là người tốt. Đừng để lá thư này đánh lừa. Ông ta không thân thiết với ngài thượng nghị sĩ đáng kính theo kiểu Eli-Joe như lá thư ám chỉ đâu.”

“Cố tình nhấn mạnh lời đe dọa phải không?”

“Phải. Nếu có nói lên điều gì, có lẽ tờ giấy than này sẽ cho thấy Elihu Clay là kẻ đồng lõa tích cực trong việc bảo vệ các hợp đồng cẩm thạch sinh lời cho công ty riêng của mình. ‘Người bạn’ tốt của ông ta, thượng nghị sĩ

Fawcett, anh trai một đối tác của Clay, đang rêu rao chuyện này, ngụ ý rằng trong quá khứ từng nhiều lần thế rồi. Clay có vẻ đáng bị khiển trách như tất cả những kẻ còn lại, nếu vụ làm ăn bán thiu này bị phơi bày.”

“Dù sao tôi cũng thấy mừng cho ông ta. Ra cái con khi đột này từng là tên vô lại ghê tởm đến vậy à!... Cùng xem lá thư tiếp theo nào, Patty. Cứ mỗi phút lại biết thêm một điều mới.”

Tờ giấy than tiếp theo là một lá thư gửi đến chủ bút tờ Leeds Examiner.

“Đó là tờ báo duy nhất trong thành phố,” công tố viên giải thích, “từng có gan gây khó khăn cho đám Fawcett.”

Lá thư với từ ngữ mạnh mẽ này có nội dung như sau:

Bài xã luận không có lý do xác đáng, với lập luận không vững chắc của ngài hôm nay cố tình giải thích sai lệch những thông tin nhất định trong hồ sơ chính trị của tôi.

Tôi yêu cầu thu hồi lại bài viết, thông báo cho hầu hết những người tốt tại Leeds và hạt Tilden, rằng những lời bóng gió bán thiu của ngài về nhân cách cá nhân của tôi là vô căn cứ!

“Chuyện cũ rích,” bố tôi càu nhàu, ném tờ này sang một bên. “Xem tiếp nào, Patty.”

Tờ giấy màu hồng thứ ba gửi cho cai ngục Magnus của nhà tù Algonquin, có bao gồm một thông điệp rất ngắn gọn.

GỬI NGÀI CAI NGỤC!

Đính kèm đây là một bản sao giấy than những giới thiệu chính thức của tôi gửi đến Ban Quản lý nhà tù bang, liên quan đến các quảng cáo tại nhà tù Algonquin trong năm tới.

Chào thân ái,

JOEL FAWCETT

“Lạy Chúa tôi, phải chăng người này làm ăn với cả nhà tù nữa?” bố tôi thốt lên. “Cái gì đây... thịt nướng à?”

John Hume cay đắng đáp. “Giờ thì ngài đã hiểu cái được gọi là ‘bảo vệ cho người nghèo’ rồi đấy. Thậm chí ông ta còn cố lấy phiếu bầu trong tù

bằng cách quy định đỡ đầu cho cai ngục. Những lời của ông ấy đối với Ban quản lý có sức nặng đến mức nào thì tôi không biết, nhưng ngay cả nếu chẳng có ý nghĩa gì, ông ta vẫn cố xoay sở tạo ấn tượng rằng mình giống như Haroun-al-Rashid*, người đã đi khắp nơi ban phát ân huệ cho mọi người. Chết tiệt!”

Bố tôi nhún vai, cầm lên tờ giấy than thứ tư và lần này ông cười lặng lẽ. “Lão già khờ tội nghiệp! Cũng cùng một giuộc với nhau, Patty ạ. Đọc cái này đi. Dĩ nhiên là nóng hôi hổi.” Tôi ngạc nhiên khi thấy lá thư này được gửi cho bạn cũ của bố, thống đốc Bruno. Tôi tự hỏi ngài thống đốc sẽ nói gì khi, hoặc nếu, ông ấy nhận được lá thư hỗn xược và thiếu tôn trọng như thế:

GỬI BRUNO,

Tôi được vài bạn bè trên Đồi Capitol cho biết ông đang bô bô một cách thẳng thừng về các cơ hội tái cử của tôi tại hạt Tilden.

Để tôi cho ông biết một điều: Nếu hạt Tilden về tay Hume - việc tiến cử Hume được bảo đảm - ảnh hưởng chính trị có thể có tác động rất nặng đến những cơ hội tái cử của chính ông trong tương lai. Tilden là trung tâm chiến lược của Thung lũng. Ông quên à?

Tôi khuyên ông muốn điều tốt lành thì nghiêm túc nghĩ lại, trước khi tự hủy hoại nhân cách và tiền đồ của chính ông, với tư cách một thành viên thượng viện xuất chúng.

J. FAWCETT

“Nói thật là tôi muốn òa lên khóc đấy,” Bố tôi quăng tờ giấy than vào rổ sắt. “Chúa tôi, Hume, tôi gần như suýt nữa thì đã rút lại những lời chỉ trích. Cái tên khốn chả ai yêu quý này xứng đáng nhận một nhát dao vào ngực... Có chuyện gì thế, Patty?”

“Có quá nhiều vấn đề,” tôi chậm rãi nói. “Con phải hỏi lại bố, có bao nhiêu tờ giấy than thế ạ?”

Hume liếc xéo tôi.

“Thì có bốn tờ.”

“Nhưng có năm phong bì trên bàn!”

Tôi cảm thấy đỡ hơn một chút trước cái nhìn khó chịu của công tố viên, những ngón tay thèm khát của anh ta giật chùng phong bì đánh máy bé nhỏ trên bàn.

“Cô Thumm đã đúng!” anh ta hét lên. “Carmichael, chuyện này là thế nào? Thượng nghị sĩ đã đọc cho anh viết bao nhiêu lá thư?”

Tay thư ký thực sự ngạc nhiên. “Chỉ có bốn lá thôi, ngài Hume. Ngài vừa đọc bản sao của cả bốn lá đấy thôi.”

Hume nhanh chóng lục tung các phong bì, trao chúng cho chúng tôi khi anh kiểm tra xong. Phong bì đựng lá thư gửi cho Elihu Clay nằm trên cùng, bắn tung tóe những giọt máu đặc khô khốc. Từ phía dưới gửi biên tập viên báo Leeds Examiner và từ *THƯ RIÊNG* đánh máy chữ trên góc phong bì được gạch dưới đậm. Phong bì thứ ba gửi cho cai ngục và có hình kẹp giấy rập nổi ở cả hai đầu của mặt phẳng. Dòng ghi chú: *V/v: Hồ sơ thư số 245, Quảng cáo tại Algonquin* chiếm hết góc dưới bên phải. Phong bì gửi thống đốc được đóng dấu hai lần bằng con dấu riêng của thượng nghị sĩ bằng sáp xanh, một lần nữa chữ *THƯ RIÊNG* lại xuất hiện cũng được gạch dưới đậm.

Nhưng chính trong phong bì thứ năm này - lá thư không có bản sao giấy than - Hume kiểm tra nó thật lâu, đôi môi bật ra tiếng huýt sáo câm lặng.

“Fanny Kaiser,” anh ta nói. “Thì ra mọi chuyện là thế?” vậy chúng tôi lại gần hơn. Địa chỉ không được đánh máy: họ tên, địa chỉ tại địa phương và dòng chữ *Leeds, N. Y.*, được viết bằng mực đen với nét chữ bay bướm của một người tự yêu mình hơn hết thảy.

“Fanny Kaiser là ai?” bố tôi hỏi gặng.

“À, một trong số các công dân hàng đầu của chúng ta,” công tố viên lơ đãng đáp khi xé phong bì. Tôi quan sát thấy người cảnh sát trưởng Kenyon cứng đờ; ông ta bước nhanh lộp cộp đến chỗ chúng tôi. Vài người đứng xung quanh nháy mắt với nhau một cách dâm dăng đúng kiểu, khi nhắc đến những người đàn bà nổi tiếng dễ dãi.

Lá thư bên trong cũng viết tay giống như địa chỉ trên phong bì. Lỗi viết nguệch ngoạc phô trương tương tự... Hume bắt đầu đọc to lên, nhưng ngay

ở từ đầu tiên anh ta dừng lại, liếc mắt sang ai đó nằm ngoài tầm nhìn của tôi, rồi tiếp tục đọc thầm. Đôi mắt anh ta sáng lên. Kéo Kenyon, bố con tôi sang một bên, quay lưng lại với những người khác, anh ta cho phép chúng tôi đọc lá thư, lắc đầu nhẹ, anh ta cảnh báo chúng tôi chỉ đọc thầm thôi.

Không có lấy một lời chào hỏi. Lá thư được mở đầu đột ngột, không ký tên.

Nghi ngờ đường dây của tôi bị C nghe trộm.

Đừng dùng điện thoại. Tôi đang viết thư cho Ira để thông báo cho ông ấy về sự thay đổi kế hoạch liên quan đến cuộc nói chuyện của chúng ta, và gợi ý của ông ngày hôm qua.

Ngồi im tại chỗ và đừng nói gì cả. Chúng ta vẫn chưa nói gì hết. Để Maizie đi xung quanh xem. Có một chút ý tưởng cho người bạn H.

“Nét chữ của Fawcett à?” bố tôi hỏi.

“Không nghi ngờ gì nữa. Giờ thì ngài nghĩ sao về nó?”

“C,” Kenyon lẩm bẩm. “Ngạc nhiên thật, ông ta không có ý là...?” Lão ta liếc nhìn Carmichael bằng đôi mắt cá nhỏ tí. Anh ta đang đứng bên kia phòng lặng lẽ nói chuyện với Jeremy Clay.

“Tôi không nên ngạc nhiên,” Hume lẩm bẩm. “Chà, chà! Tôi nghĩ rằng đã có gì đó hơi lạ về anh bạn thư ký này.” Anh ta hất đầu về phía một trong các thanh tra đứng bên ngưỡng cửa. Người này thờ thẩn bước đến, dáng vẻ chán nản như một nữ công tước tại buổi chiều thứ một trăm của bà ta. “Gọi mấy người đi tìm kiếm đường dây nghe trộm trong nhà,” Hume nói bằng giọng thấp. “Các đường dây điện thoại. Làm ngay đi.”

Người đàn ông gật đầu, thông thả bước đi.

“Ngài Hume,” tôi gắng hỏi, “Maizie là ai?”

Hai bên khước miệng anh ta nhả lại. “Tôi biết chắc rằng Maizie là một phụ nữ trẻ rất có tài trong một lĩnh vực nhất định.”

“Tôi hiểu. Tại sao ngài không nói thẳng ra, ngài Hume? Tôi trưởng thành rồi. Và còn ‘người bạn H’, tôi cho rằng thượng nghị sĩ Fawcett muốn ám chỉ ngài?”

Anh ta nhún vai. “Có vẻ là thế. Tôi hình dung đối thủ hào phóng của tôi cố tình cho thấy một điều ai cũng biết như một cái ‘khung’, rằng John Hume không phải là nhà đạo đức kỹ tính như anh ta tuyên bố. Tất nhiên Maizie là người nấu đồ ăn hợp với khẩu vị của tôi, làm hại tôi. Nhưng điều này đã từng diễn ra rồi, cô biết đấy, và tôi không chút nghi ngờ rằng hẳn sẽ có rất nhiều nhân chứng chứng minh sự... dâm dăng của tôi.”

“Ngài thật tử tế khi nói vậy, ngài Hume!” Tôi ngọt ngào đáp lại. “Ngài kết hôn chưa?”

Anh ta mỉm cười. “Trời ạ... cô đang định cầu hôn đấy à?”

Đúng lúc này tay thanh tra được cử đi điều tra các đường dây điện thoại quay về, cứu tôi khỏi câu hỏi khó chịu.

“Đường dây lắp đặt đều ổn cả, ngài Hume. Cả bên ngoài căn phòng này cũng vậy. Tôi sẽ kiểm tra các đường dây ở đây...”

“Chờ chút,” Hume gấp gáp nói, rồi cao giọng. “À, Carmichael.” Anh ta nhìn lên. “Hiện giờ chúng tôi hỏi xong rồi. Cảm phiền đợi ở ngoài.”

Rất điềm tĩnh, Carmichael rời khỏi phòng. Tay thanh tra ngay lập tức xem xét các đường dây từ bàn làm việc đến hộp phân phối, rồi xem đến chính chiếc hộp đen một lúc lâu.

“Khó nói lắm,” anh ta báo cáo, rồi đứng dậy. “Nhìn qua có vẻ không có gì, nhưng nếu tôi là ngài, ngài Hume, tôi sẽ nhờ ai đó bên công ty điện thoại đến đây kiểm tra thật chuyên nghiệp.”

Hume gật đầu, tôi nói tiếp. “Còn một chuyện nữa, ngài Hume. Tại sao lại không mở các phong bì này ra? Hoàn toàn có khả năng những lá thư này không trùng với các bản sao.”

Anh ta nhìn tôi chăm chú bằng đôi mắt trong, mỉm cười rồi lại cầm lên những chiếc phong bì. Nhưng tất cả các thông điệp đều tương đồng với những bản sao chúng tôi đã đọc. Công tố viên dường như đặc biệt hứng thú với mẫu giấy ngoài lá thư gửi đến nhà tù Algonquin, gắn kèm vào bản gốc tin nhắn của thượng nghị sĩ bằng cái kẹp giấy. Mẫu giấy này liệt kê một số những cái tên được tiến cử để quảng cáo. Anh ta xem xét danh sách với con mắt cay đắng, rồi liệng nó sang một bên.

“Chẳng có gì cả. Quá nhiều cho linh cảm của cô đấy, cô Thumm.” Tôi trầm tư, công tố viên đến chỗ chiếc điện thoại trên bàn, nhắc ống nghe. “Phòng Thông tin à? Công tố viên Hume đây. Cho tôi số nhà riêng của Fanny Kaiser, số địa phương.” Anh ta lặng lẽ chờ. “Cảm ơn,” anh ta nói rồi quay số. Anh ta đứng đó chờ đợi, chúng tôi có thể nghe thấy tiếng vo vo đều đặn của chuông điện thoại nhà điều hành trung tâm. “Không trả lời. Hừm!” Anh ta đặt ống nghe xuống giá.

“Đó là một trong những công việc đầu tiên của chúng ta - thăm vấn bà Fanny Kaiser,” Hume xoa hai tay vào nhau một cách ngây thơ, dù là chán nản.

Tôi bước lại gần bàn làm việc một chút. Trong tầm với, cách chiếc ghế nơi người chết đã ngồi không quá hai feet* là một bàn cà phê. Trên bàn này là một bình pha cà phê chạy điện, một chiếc tách trên đĩa nằm trong khay. Những ngón tay tò mò của tôi chạm vào mặt bên của bình pha cà phê, nó vẫn còn ấm. Tôi nhìn vào trong tách, cặn cà phê còn đọng lại dưới đáy tách xám xịt.

Giả thuyết của tôi đang hình thành như sợi dây thừng của thầy tu khổ hạnh Hindu! Mong mỗi lớn nhất của tôi là giả thuyết sẽ được chứng minh lâu dài hơn. Vì nếu điều này là đúng...

Tôi quay đi giấu niềm vui đắc thắng hiện rõ trong mắt tôi. Công tố viên Hume quan sát tôi gần như với nỗi tức giận. Tôi tin anh ta có ý hoặc nghi hoặc tôi hoặc nghi ngờ tôi, khi xảy ra một chuyện làm thay đổi toàn bộ tiến trình điều tra.

Lá Thư Thứ Sáu

Phát hiện này bị chậm lại một lúc.

Từ hành lang vắng đến tiếng lao xao và tiếng bàn chân lê bước. Sau đó, một trong các thanh tra của Kenyon đứng trước cửa ra vào thì thầm gì đó như thể hối tiếc rồi bước sang bên, quỳ một gối xuống, giống như đang chào đón sự hiện diện của hoàng gia. Tất cả các cuộc nói chuyện chấm dứt. Tôi tự hỏi con người mạnh mẽ này là ai, mà có thể khiến một nhân vật lãnh đạo trong bộ áo quyền lực phải nhượng bộ.

Nhưng người đàn ông xuất hiện ngay sau đó có diện mạo chẳng ghê gớm gì. Đó là một ông già có sắc mặt hồng hào, đầu hói nhẵn thín với gò má cao, đặc điểm thường thấy ở những người ông hiền từ. Cái bụng phệ nhỏ rung rinh như một phúc lành. Quần áo của ông ta không vừa vặn, chiếc áo khoác ngoài còn tệ hơn nhiều.

Và rồi khi để ý đôi mắt, ngay lập tức tôi phải sửa lại ấn tượng đầu tiên của mình về ông ta. Người này là một thế lực được xem trọng tại bất kỳ công ty nào. Những đường gân xanh dưới đôi lông mày ông ta viền quanh hai tầng băng; cứng rắn, tàn bạo, đôi mắt của nhà hiền triết với mở kiến thức đầy những điều xấu xa. Đôi mắt ấy không chỉ mang nét xảo quyệt đơn thuần, mà còn ác độc tuyệt đối. Và chúng càng trở nên khủng khiếp hơn khi kèm theo nụ cười hân hoan trên đôi má hiền từ, cái sọ hồng hào của ông ta thận trọng đu đưa sang hai bên.

Tôi từng sờ quan sát John Hume - nhà cải cách đi ngang phòng xiết chặt đôi tay nhỏ bé mập mạp của ông già, vẻ tôn trọng và sung sướng hiện rõ mồn một. Phải anh ta đang diễn không? Dường như không có khả năng anh ta không chú ý đến ánh nhìn lạnh giá, tàn bạo trong đôi mắt ông già. Nhưng có lẽ tuổi trẻ, năng lượng và tính ngay thẳng của chính anh ta cũng chỉ là

lớp nguy trang như nụ cười của kẻ mới đến... Tôi liếc nhìn bố, nhưng chẳng phát hiện được gì trên gương mặt chân thành, xấu xí như người chết của ông.

“Vừa nghe tin xong,” ông già bé nhỏ cất tiếng lạnh lạnh với giọng kim như trẻ con. “Khủng khiếp, John, thật khủng khiếp. Tôi vội vã đến đây nhanh hết sức. Có tiến triển nào không?”

“Một chút thôi,” Hume đáp, bối rối. Anh ta dẫn kẻ mới đến đi quanh phòng. “Cô Thumm, cho phép tôi giới thiệu với cô người đang nắm giữ vận mệnh chính trị của tôi chứ? - Rufus Cotton. Và đây, Rufe, là thanh tra Thumm của New York.”

Rufus Cotton cúi đầu và mỉm cười, xiết chặt tay tôi rồi nói, “Đúng là một vinh hạnh bất ngờ, thưa cô,” đôi má mồm mồm vồng xuống, ông ta nói thêm. “Chuyện này thật khủng khiếp,” vẫn đang nắm tay tôi, ông ta quay sang bố tôi. Tôi giăng tay ra cố gắng tỏ vẻ bình thường, nhưng dường như ông ta không để ý. “Vậy ra đây là thanh tra Thumm vĩ đại! Đã từng nghe nói đến ngài rồi, từng nghe nói rồi. Bạn cũ của tôi trong thành phố, ủy viên Burhage - vào thời của ngài, đúng không? - đã từng kể rất nhiều chuyện hay về ngài.”

“Hừm,” bố tôi nói, vui vẻ giống nhân vật Punch. “Ông là người đứng sau Hume à? Tôi cũng đã nghe nói về ông, Cotton.”

“Vâng,” Rufus Cotton kêu ré lên, “John sẽ trở thành thượng nghị sĩ tiếp theo từ hạt Tilden. Tôi đang cố gắng tí chút giúp cậu ấy tạo ấn tượng. Giờ thì có chuyện này - người chết, trời ạ!” Ông ta kêu cục cục như một con gà trống già, suốt thời gian đó đôi mắt mang nọc độc lấp lánh của ông ta không hề chớp. “Giờ xin ngài thanh tra và quý cô đây lượng thứ,” ông ta nói tiếp, quay sang tôi tươi cười, “John và tôi sẽ bàn về chuyện này. Chuyện khủng khiếp, như tôi nói. Có thể có quan hệ trọng đại đến vị thế chính trị...” vẫn đang nói lấp bắp, ông ta kéo tay công tố viên trẻ sang bên, trong vài phút họ đứng đó chụm đầu lại trao đổi bằng tông giọng thấp nôn nóng. Tôi nhận thấy Hume là người nói hầu hết, mái đầu tay chính trị gia lớn tuổi thi thoảng lắc mạnh, đôi mắt khác thường của ông ta nhìn chăm chăm khuôn mặt chàng thanh niên được đỡ đầu... Cái nhìn của tôi về

chàng hiệp sĩ chính trị trẻ tuổi trong bộ giáp sáng này trải qua một sự thay đổi. Trước đó cũng như bây giờ, tôi ngày càng kinh ngạc hơn nhiều khi hiểu rằng cái chết của thượng nghị sĩ Fawcett là một vận may tuyệt vời không thể đong đếm đối với Hume, Cotton và phe phái mà họ đại diện. Với sự liên quan đến những tiết lộ về nhân cách thật của nạn nhân, chắc chắn bảo đảm cho việc ứng cử của ứng cử viên cải cách. Không một ai phe của Fawcett được tiến cử làm thượng nghị sĩ trong cơn rối loạn vì thảm kịch.

Bắt gặp một tín hiệu của bố, tôi bước nhanh đến bên ông. Khám phá...



Lẽ ra tôi nên biết và tôi cay đắng tự nhủ với mình. “Patience Thumm, mày là một con ngốc số dách!” khi thấy điều gì đang làm phiền bố tôi.

Ông đang quỳ xuống trước lò sưởi sau bàn làm việc, tìm hiểu điều gì đó với sự quan tâm đáng kể. Một viên thanh tra đang nói gì đó bằng giọng thấp, và tay thợ ảnh đang bận rộn đứng một bên chụp ảnh phía trong lò sưởi. Một ánh đèn xanh chớp lên, và có một tiếng nổ bị bóp nghẹt; căn phòng tràn ngập khói. Tay thợ ảnh ra hiệu bố tôi đứng sang bên, rồi chụp lần nữa cái gì đó nằm trên mép thảm chùi chân liền kề lò sưởi, đối diện ngay vì lò. Tôi thấy đó là hình dáng mũi giày chân trái của ai đó hằn sâu. Tro tàn từ trong lò sưởi vương vãi bừa bãi chút ít trong phòng: ai đó đã vô tình dẫm phải chúng... Tay thợ ảnh càu nhàu bắt đầu gói ghém lại đồ đạc. Tôi đồ rằng đây là công việc cuối cùng của ông ta. Ai đấy đã nói rằng các tấm ảnh người chết và những nơi khác trong căn phòng được chụp trước khi chúng tôi đến.

Tuy nhiên, đối tượng khiến bố tôi quan tâm không phải là vết mũi giày trên thảm, mà là thứ trong chính lò sưởi. Trông có vẻ vô hại - một dấu chân đã mờ đáng kể nhưng không thể nhầm lẫn in sâu vào lớp tro mỏng sáng màu nằm trên cùng đồng tro cũ hơn và tối màu hơn, hoàn toàn tách biệt đến ngạc nhiên, rõ ràng là phần còn lại của đồng lửa buổi tối.

“Con nghĩ sao về thứ này, Patty?” Bố tôi thốt lên khi tôi vươn cổ qua vai ông. “Theo con nó trông giống cái gì?”

“Dấu giày chân phải của đàn ông.”

“Chính xác,” bố tôi nói, rồi đứng dậy. “Còn một điều nữa. Thấy sự khác biệt về độ đậm giữa lớp tro trên cùng dấu giày in lên đó, với lớp tro bên dưới không? Một thứ khác đã bị đốt cháy, nhóc ạ. Bị đốt mới đây thôi, và bị dập tắt bằng giày. Giờ thì tên ác quỷ nào đã đốt nó, và thứ bị hấn đốt là cái quái quỷ gì?”

Tôi biết nhưng không nói gì.

“Còn giờ là dấu vết nữa, dấu mũi giày này,” bố tôi lẩm bẩm, nhìn xuống tấm thảm. “Đường nét còn khá rõ. Có vẻ hấn đứng ngay trước lò sưởi, bàn chân trái dẫm lên lớp tro trên thảm rồi hấn đốt cái gì đó trong lò sưởi, dùng chân phải dập tắt... Đúng chưa nào?” bố tôi càu nhàu điều gì đó với tay thợ ảnh, ông ta gật đầu. Bố tôi lại quỳ xuống và bắt đầu thận trọng đào bới giữa lớp tro sáng màu. “Ha!” ông kêu lên, đứng thẳng dậy đắc thắng, trong tay ông là một mẫu giấy nhỏ xíu.

Đó là một tờ giấy mịn dày, không nghi ngờ gì nữa nó là một phần của tờ giấy mới bị đốt cháy. Bố tôi xé ra một phần rất nhỏ từ mẫu giấy rồi châm lửa đốt. Đám tro này đồng màu với phần tro sáng màu trong lò sưởi.

“Chà,” ông nói, đưa tay gãi đầu, “ra thế. Mẫu giấy này xuất phát từ chỗ mẹ nào nhỉ? - Bố xin lỗi Patty. Bố tự hỏi...”

“Từ tập giấy trên bàn làm việc,” tôi bình tĩnh đáp, “Con thấy nó ngay lập tức, bố ạ. Đó là loại đồ dùng văn phòng chất lượng cực tốt thượng nghị sĩ đã dùng, dù ông ta nói dối rằng đó chỉ là tập giấy thấm.”

“Chúa ơi, Patty, con đã đúng về chuyện này!” Ông lao đến bàn làm việc. Chúng tôi biết ngay khi ông so sánh phần còn lại của tờ giấy bị đốt với tờ ghi chú còn nguyên, rằng nó chính là một tờ trong tập giấy này đúng như tôi đã dự đoán. Bố tôi lẩm bẩm: “Đúng, nhưng điều này chẳng cho chúng ta biết được nhiều. Làm sao chúng ta biết nó được đốt khi nào? Có thể là đã nhiều giờ trước khi tội ác diễn ra ở đây. Có thể đích thân Fawcett... Chờ một chút.” Ông chạy lại phía lò sưởi, lại lục tìm trong đám tro. Và một lần nữa ông lại tìm thấy một thứ - lần này từ trong đám tro tàn mong manh đẹp

mắt ấy, ông lôi ra một miếng vải lanh dài dán băng keo nhớp nháp. “Đúng, cái này ghim vào nó. Một phần miếng băng keo của tờ giấy ghi chú. Dính chặt vào tờ giấy, và khi tờ giấy bị đốt, mảnh băng keo này đã không bị cháy. Nhưng bố vẫn...”

Ông quay lại cho Hume và ông Rufus Cotton xem những gì mình tìm được. Lợi dụng lúc họ đang nói chuyện với nhau, tôi làm một vòng thám thính riêng. Dòm xuống dưới gầm bàn, tôi thấy thứ mình đang tìm - một thùng giấy rác. Nó hoàn toàn trống trơn. Rồi tôi lục qua các ngăn kéo của bàn làm việc nhưng không tìm được thứ mình muốn - một tập giấy ghi chú khác đã dùng rồi hoặc chưa dùng. Nên tôi lén ra khỏi phòng làm việc và thầm lặng bám theo Carmichael. Tôi thấy anh ta trong phòng vẽ đang thanh thản đọc một tờ báo - dưới con mắt theo dõi của một thám tử cố gắng tỏ ra ngây thơ, như quả trứng mới nở của W.S.Gilbert.

“Ngài Carmichael,” tôi hỏi gặng, “tập giấy ghi chú trên bàn của thượng nghị sĩ có phải là tập giấy duy nhất trong nhà không?”

Anh ta nhảy dựng lên, vò nát tờ báo. “Tôi... cô nói gì. Tập giấy à? À đúng, đúng. Tập duy nhất. Có những tập giấy khác nhưng dùng hết rồi.”

“Lần cuối cùng sử dụng nó là khi nào, ngài Carmichael?”

“Hai ngày trước. Chính tay tôi đổ thùng carton đi mà.”

Tôi quay về phòng làm việc suy nghĩ rất lung. Có quá nhiều khả năng khiến bộ não của tôi quay mòng mòng; nhưng cũng có quá nhiều manh mối đang thiếu. Rốt cuộc có manh mối nào khác không? Liệu mình có khả năng chứng minh điều gì giờ đây mình nghi ngờ... ?

Những suy đoán của tôi đột ngột khựng lại.

• • •

Ngay tại đây mà cả buổi tối nay lần lượt kẻ sát nhân, cảnh sát, chúng tôi rồi Rufus Cotton bước vào, bất ngờ xuất hiện một nhân vật nổi bật. Dù hữu hình hay không, tay thanh tra đi cùng người này chẳng hề tận dụng cơ hội,

bàn tay to bè của anh ta xiết chặt cánh tay trên của người phụ nữ, nét mặt rất cau có.

Bà ta có vóc người quá cao, quá thô và vạm vỡ như một phụ nữ Amazon. Ngay lập tức tôi cho rằng bà ta khoảng bốn mươi bảy tuổi, không ủng hộ sự nhạy bén của tôi - bà ta chẳng hề cố gắng giấu giếm đi tuổi tác của mình. Trên khuôn mặt nam tính và cục mịch, bà ta không hề thoa phấn hoặc tô son, cũng như không tẩy đi hàng ria mép nổi bật trên bờ môi dày. Mái tóc màu nâu đỏ góm ghiếc của bà ta được che phủ bằng chiếc mũ phớt, tôi chắc chắn nó được mua tại một cửa hàng bán quần áo của đàn ông hơn là của phụ nữ. Phục trang của bà ta không phân biệt giới tính: vì bà ta ăn mặc quần áo nam tính đến kinh ngạc. Một chiếc áo veston có ve áo cài chéo; một cà vạt của nam giới thắt lỏng trên cổ họng... ấn tượng chung về người phụ nữ này đó là đáng sợ. Tôi kinh ngạc nhận ra ngay cả eo lưng của bà ta cũng hồ cứng ngắc, thời trang theo kiểu đàn ông, hai cổ tay áo thò ra từ hai ống tay áo vest cài khuy măng sét, chạm khắc rất đẹp có thiết kế bằng kim loại lạ lùng.

Còn một điều nữa ngoài vẻ kỳ quái tạo sự cuốn hút ở người phụ nữ phi thường này. Đôi mắt bà ta như hai viên kim cương, sắc sảo và long lanh. Giọng nói của bà ta khi cất tiếng rất trầm và mềm mại, lại vừa khàn khàn lãnh đạm nghe không hề khó chịu. Và bất chấp vẻ ngoài kỳ dị, bà ta là người phụ nữ cơ trí - mặc dù thuộc kiểu người thô lỗ, hoang dã. Tôi không nghi ngờ rằng đây là Fanny Kaiser.

Kenyon bừng tỉnh khỏi trạng thái ngủ mê, kêu rú lên: “Xin chào, Fanny!” với tông giọng như mấy cha chiến hữu gặp nhau khiến tôi thất kinh. Người đàn bà này là ai?

“Xin chào Kenyon,” giọng bà ta ồm ồm. “Chết tiệt mắt mũi của anh, muốn véo anh một cái quá? Chuyện gì đang diễn ra ở đây thế?”

Chỉ một cái liếc mắt bà ta thấy hết mọi người - Hume, bà ta gật đầu lãnh đạm, Jeremy, bà nhìn lướt qua nét mặt không thể hiện gì; bố tôi, khiến bà ta trầm tư; và đến tôi, bà ta nhìn khá lâu với ánh mắt như kiểu ngạc nhiên. Đảo hết một vòng, bà ta nhìn chăm chăm vào đôi mắt công tố viên, hỏi

gặng: “Tất cả câm hết rồi à? Sự náo động này là gì đây? Joe Fawcett đâu? Ai đó nói xem nào!”

“Mừng vì bà đã ghé qua, bà Fanny,” Hume nói nhanh. “Chúng tôi muốn nói chuyện với bà. Hãy đến với chúng tôi. À... mời vào, mời vào!”

Bà ta nghe theo với những bước dài chậm rãi, dậm thành thịch, to bè như trong vần thơ của bài *Il Penseroso**; những ngón tay của bà ta thọc vào túi áo ngực rộng khi bước vào, rút ra một chiếc xì gà to, mập mạp trầm tư ngâm giữa đôi môi dày. Kenyon nặng nề tiến lên phía trước tay cầm một que diêm. Bà ta rít một hơi thuốc, liếc mắt một cái về phía bàn làm việc, cắn chặt chiếc xì gà giữa hàm răng trắng bóng.

“Thế nào?” bà ta càu nhàu, tựa người vào bàn. “Đã xảy ra chuyện gì với Quý ngài thượng nghị sĩ thế?”

“Bà không biết?” Hume lặng lẽ hỏi.

Đầu chiếc xì gà hếch lên thành hình vòng cung chậm rãi. “Tôi ư?” Chiếc xì gà hạ xuống. “Làm thế quái nào tôi biết được?”

Hume quay sang viên thanh tra dẫn người phụ nữ này vào. “Có chuyện gì vậy Pike?”

Anh ta cười toét. “Bà ấy mặt dày mày dạn tiến đến - đi thẳng vào nhà, và khi đến cửa trước nhìn thấy mấy người đang đứng dưới những ánh đèn thì bà ấy có vẻ ngạc nhiên. Nên bà ấy nói: “Chuyện quái gì đang diễn ra ở đây thế?” Và tôi nói: “Tốt hơn bà nên vào xem, bà Fanny. Công tố viên đang tìm bà.”

“Bà ấy có cố gắng vùng thoát, chạy trốn không?”

“Bình tĩnh đi, Hume,” Fanny Kaiser đột ngột ngắt lời. “Để làm cái khi gì chứ? Và tôi vẫn đang đợi một lời giải thích đây.”

“Được rồi,” Hume thì thầm với cậu thanh tra, anh ta bước ra ngoài. “Giờ bà Fanny, tôi cho rằng bà nên cho tôi biết tại sao tối nay bà đến đây.”

“Điều đó liên quan gì đến cậu?”

“Bà đến đây để gặp thượng nghị sĩ, đúng không?”

Bà ta vỗ vỗ chiếc xì gà. “Chắc không mong tôi đến đây để gặp Tổng thống đấy chứ? Thế nào, đến đây chơi thôi cũng trái luật à?”

“Không,” Hume mỉm cười. “Cho dù tôi có những nghi ngờ, bà Fanny. Vậy là bà không biết chuyện gì đã xảy ra với ông bạn thượng nghị sĩ của bà?”

Đôi mắt bà ta lóe lên giận dữ, bỏ điếu xì gà xuống. “Này, chuyện gì thế? Chắc chắn là không? Biết rồi còn hỏi làm gì đúng không? Trò khôi hài gì thế?”

“Trò khôi hài, bà Fanny,” Hume nói bằng giọng thân thiện, “đó là tối nay thượng nghị sĩ đã từ bỏ thế gian này.”

“Nghe này, Hume,” Kenyon nghiêng răng kèn kẹt, “Cậu đang nghĩ cái quái gì thế hả? Bà Fanny không...”

“Vậy là ông ta đã chết,” Fanny Kaiser chậm rãi nói. “Chết rồi, đúng không? Chà. Hôm nay còn đây, ngày mai đã chết... Chỉ là bị vứt bỏ như thế, đúng không nhỉ?”

Bà ta không hề tỏ ra ngạc nhiên chút xíu nào. Nhưng tôi có nhận thấy các cơ xương hàm của bà ta nghiêng chặt, đôi mắt bà ta nheo lại cảnh giác đề phòng.

“Không đâu, Fanny. Ông ta không bị vứt bỏ như thế.”

Bà ta rít từng hơi đều đặn. “Ôi! Thế là tự sát à?”

“Không, Fanny. Mà là bị giết.”

Bà ta lại nói “Ôi!”, và tôi biết rằng bất chấp vẻ điềm tĩnh, bản thân bà ta đã được tôi luyện trước biến cố này, bà ta chờ đợi nó và có lẽ đồng thời khiếp sợ nó.

“Vậy là bà Fanny,” công tố viên vui vẻ tiếp tục, “bà biết lý do tại sao chúng tôi hỏi những câu hỏi. Bà có hẹn với ngài Fawcett tối nay à?”

“Chắc chắn điều này cho cậu một đầu mối tốt, Hume... Cuộc hẹn à?” Bà ta lơ đãng nói ồm ồm. “Không. Không, tôi chỉ ghé qua thôi, ông ta không biết là tôi sẽ đến...” Bà ta nhún đôi vai rộng, bất ngờ quyết định lẳng điếu xì gà vào lò sưởi - qua vai mình. Tôi nhận thấy, bà ta làm được điều đó mà không cần nhìn. Vậy thì quý bà này phải quen thuộc phòng làm việc của thượng nghị sĩ như lòng bàn tay. Khuôn mặt bố tôi càng vô cảm hơn nữa; cả ông cũng đã thấy được ý nghĩa trong hành động của bà ta. “Giờ thì nghe đây nhóc,” bà ta nói xác xược với Hume. “Tôi biết trong óc mọi người

đang nghĩ điều gì. Cậu là một chàng trai tốt nhưng đừng đổ hết mọi thứ lên đầu Fanny Kaiser bé nhỏ này. Chẳng lẽ tôi còn gan bước chân vào đây nếu có liên quan gì đến vụ giết người chết tiệt này à? Đừng làm phiền tôi nữa, tôi về đây.”

Bà ta bước thình thịch ra cửa.

“Đợi một chút, bà Fanny,” Hume nói nhưng vẫn bất động. Bà ta dừng bước. “Tại sao lại đưa ra những kết luận thế? Tôi còn chưa buộc tội bà cơ mà. Nhưng tôi rất tò mò một chuyện. Đêm nay bà đến gặp ngài Fawcett có việc gì?”

Bà ta đáp bằng một giọng đáng sợ. “Tôi nói rồi, đừng làm phiền tôi nữa.”

“Bà đang rất ngốc nghếch đấy, Fanny.”

“Nghe này, nhóc.” Bà ta dừng lại, rồi cười toét như bức tượng thú đá, ném cái nhìn hài hước kỳ quặc sang Rufus Cotton, người đang lạnh lùng đứng ở phía sau, nụ cười khùng khiếp vẫn nở trên môi ông ta.

“Tôi là một phụ nữ với rất nhiều quan hệ làm ăn, thấy không? Cậu sẽ ngạc nhiên khi thấy tôi có bao nhiêu bạn trong đám tai to mặt lớn ở cái thị trấn này. Nếu cậu đang nghĩ đến chuyện buộc tội bất cứ tội gì, Hume, cậu hãy nhớ điều đó. Chẳng hạn, những khách hàng của tôi có thể không thích nếu được nêu tên đâu; và họ sẽ dẫm nát cậu đấy, Hume, đúng như vậy đấy.” Bà ta dậm một cách hằn học lên tấm thảm bằng chân phải. “Nếu cậu bất ngờ muốn gây khó dễ.”

Hume quay lưng lại, đổi sắc mặt bất ngờ chặn đường bà ta, dúi vào tận mặt bà ta lá thư thượng nghị sĩ Fawcett viết cho bà ta: lá thư thứ năm từ chồng phong bì trên bàn.

Bà ta lạnh lùng đọc lá thư mà không chớp mắt. Nhưng tôi cảm nhận được sự hốt hoảng phía sau mặt nạ ấy. Lá thư này với nét chữ được chứng thực là của thượng nghị sĩ gửi cho bà ta, tuy bề ngoài là bí ẩn nhưng rõ ràng là thân mật, không gây cười cũng như không gây ra mối đe dọa nào.

“Thế này là sao?” Hume lạnh lùng hỏi. “Maizie là ai? Những tin nhắn điện thoại bí ẩn mà thượng nghị sĩ sợ rằng bị nghe trộm có nội dung là gì? Ông ấy nói đến ‘người bạn H’ ở đây là ai?”

“Ngài nói thử tôi nghe xem.” Đôi mắt bà ta đanh lại. “Ngài biết đọc mà.”

Khi Kenyon lê bước lên phía trước với nét mặt khô hài nôn nóng kéo Hume ra một chỗ nói chuyện bằng giọng thấp gấp gáp, tôi biết ngay công tố viên đã phạm sai lầm chiến thuật khi cho Fanny Kaiser xem lá thư thượng nghị sĩ viết. Biết được chuyện này làm vốn, bà ta có thừa sự quyết đoán ghê gớm lẫn khao khát lạ lùng, không bao giờ biến thành nỗi sợ hãi nhưng có thể trở thành mối đe dọa... Và trong khi Hume lắng nghe những phản đối gay gắt của Kenyon, bà ta nghiêng đầu hít một hơi sâu, nhìn chăm chăm Rufus Cotton với ánh mắt băng giá, hai lông mày nhíu lại kỳ dị hiên ngang bước ra khỏi phòng làm việc. Hume để bà ta rời khỏi đây mà không cản trở. Tôi thấy anh ta giận dữ nhưng không hiểu sao lại thấy anh ta vô dụng. Gật đầu cụt lùn với Kenyon, anh ta quay sang bố tôi.

“Không thể giữ bà ấy lại,” anh ta lẩm bẩm. “Nhưng bà ta sẽ được theo dõi.”

“Người đàn bà thú vị đấy” bố tôi kéo dài giọng. “Bà ta làm nghề gì?”

Công tố viên hạ giọng xuống, đôi lông mày rậm của bố tôi nhướng lên. “Thế cơ à!” Tôi nghe ông nói. “Lẽ ra tôi phải biết. Tôi đã từng gặp loại người như bà ta. Khó xử lý lắm.”

“Cứ cho rằng,” tôi ngoa ngoắt nói với Hume, “ngài nói nhỏ với tôi đi. Bà ta không phải là nữ thần Juno, đúng không?”

Hume lắc đầu, bố tôi trả lời dứt khoát. “Những chuyện này không dành cho con, Patty. Con không nghĩ rằng tốt hơn nên quay về nhà Clay rồi à? Cậu Clay sẽ đưa con...”

“Không!” Tôi cúi kính đáp. “Con chẳng hiểu lý do gì... Con hơn hai mươi mốt tuổi rồi, bố biết đấy, ngài thanh tra yêu dấu. Sức mạnh bí mật của người đàn bà này là gì? Không thể là sự quyến rũ về tình dục...”

“Thôi đi, Patty!”

Tôi bước về phía Jeremy, và tôi chắc chắn rằng anh biết rõ về nhận dạng và thẩm quyền bất hợp lý của bà ta tại Leeds; anh chàng tội nghiệp tỏ ra khó chịu, với những nỗ lực yếu ớt hòng đổi chủ đề.

“Chà,” cuối cùng anh nói, lảng tránh ánh mắt tôi, “bà ấy thuộc dạng như người ta vẫn gọi là ‘nữ hoàng suy đồi.’”

“Ra thế!” Tôi ngắt lời. “Vì tất cả những quan niệm cũ kỹ, ngu ngốc! Bố đối xử với em như một bông huệ tây non nớt vừa mới ra khỏi tu viện. Bà Kaiser à? Chúa ơi! Tại sao tất cả những người đàn ông này đều sợ bà ta?”

“Chà... Kenyon,” anh nhún vai. “Ông ta chỉ là một mắt xích trong cỗ máy. Anh cho rằng ông ta có tên trên bảng lương của bà ta. Ông ta được trả lương để bảo vệ các cơ sở của bà ta.”

“Và bà ta cũng nắm thóp của Rufus Cotton nữa, đúng không?”

Mặt anh đỏ rần vì ngượng. “Thôi nào, Pat. Làm thế quái nào em biết được?”

“Ồ, anh đúng là quá quắt.” Tôi cắn môi tức giận. “Người đàn bà đó! Thật đáng ghét. Giờ thì em hiểu hết rồi. Bà ta và ngài thượng nghị sĩ Fawcett cao quý này. Em cho rằng con người khủng khiếp này đã cố gắng bắt tay cả với ông ta nữa?”

“À, đồn thổi đấy thôi,” Jeremy dè dặt nói. “Thôi nào, Pat; cũng ra khỏi đây thôi. Đây không phải là chỗ của em.”

“Không phải chỗ của anh ý!” Tôi kêu lên. “Và anh tự gọi mình là đàn ông. Tất cả những kẻ - những kẻ mặc quần dài này. Niềm tự hào công dân. Mẹ kiếp, trời đánh thánh vật - là thế đấy! Không đâu, Jeremy. Em dính chặt với nơi này - và cầu chúa phù hộ mục già cay nghiệt đó nếu em lao vào mục ta với móng vuốt!”

Và rồi, không hề báo trước, một điều hệ trọng bỗng xảy ra. Cho đến lúc này, sau hàng giờ điều tra, vẫn chẳng có lấy một nghi ngờ nào hướng về nhân vật tội nghiệp, người giờ đây trở thành tâm điểm trong vụ giết Fawcett. Giờ đây, tôi tự hỏi chuyện gì sẽ xảy ra nếu lá thư đó không được tìm thấy. Tôi cho rằng trong phân tích cuối cùng, việc lá thư đó không xuất hiện hẳn sẽ không tạo ra được một khác biệt đáng kể. Mỗi liên kết của ông ta với thượng nghị sĩ Fawcett chắc hẳn sẽ được tìm ra, và điều gì theo sau đó có khả năng sẽ diễn ra chậm lại. Có điều ông ta có thời gian để bỏ trốn...

Một viên thanh tra lao vào phòng, tay vẩy vẩy một tờ giấy nhàu nát, đã dùng nhiều rồi. “Thưa ngài Hume!” anh ta hét lên. “Nóng hổi đây! Tôi tìm

thấy lá thư này cùng với mảnh rương gỗ trên gác trong tủ sắt, tại phòng ngủ của thượng nghị sĩ!”

Hume nhận lấy tờ giấy như người chết đuối vớ được cọc. Chúng tôi tụ lại xung quanh. Ngay cả Kenyon với bản năng chậm chạp - người là bằng chứng sống của thuyết tiến hóa; Tôi có thể thấy tổ tiên thuộc Kỳ Cambri của ông ta đang lê chân dưới đáy đại dương nhóp nháp! - Đường như cũng bị khuấy động trước phát hiện này, đôi má ông ta rung bần bật khi hít vào một hơi sâu..

Căn phòng im phăng phắc.

Hume chậm rãi đọc:

GỬI THƯỢNG NGHỊ SĨ FAWCETT

Món đồ chơi bé nhỏ được đưa của tôi có gợi ngài nhớ điều gì không? Ngày hôm đó trong xưởng mộc ở nhà tù ngài đã không nhận ra tôi, nhưng tôi nhận ra ngài, cái linh hồn chết tiệt của ngài. Đúng là một dịp may đối với Aaron bé bỏng.

Nghe này, lão khờ. Tôi mong đợi được phóng thích sớm. Cái ngày tôi ra tù tôi sẽ gọi cho ngài. Và đêm đó, ngài... chính ngài sẽ trả tôi năm mươi tờ một nghìn đô la tiền lời ngay từ những khoản ngài kiếm được, thượng nghị sĩ. Ngài đã đến gần thế giới này như thế nào, ngài... Nếu không tôi sẽ kể hết cho người dân thành phố này câu chuyện rằng...

Nhưng ngài biết đấy. Hoặc nôn tiền ra, hoặc Aaron bé bỏng này sẽ quàng quạc lên. Không đùa đâu đấy!

AARON DOW

Khi nhìn chăm chặp thông điệp viết bằng bút chì thô lỗ, từng chữ viết hoa khó nhọc - lá thư của một kẻ tuyệt vọng, đáng khinh, với câu chữ bần thiêu, đánh vần sai, độc địa và điểm chỉ bằng ngón cái - tôi run rẩy, và bất chợt một cái bóng đen ngòm, lạnh lẽo phủ xuống căn phòng, tôi biết đó là bóng đen của nhà tù trên đời.

Miệng Hume mím chặt thành một đường thẳng liền, một nụ cười băng giá khiến hai lỗ mũi anh ta phồng lên.

“Giờ thì,” anh ta chậm rãi nói khi nhét tờ giấy vào ví của mình, “đây là thứ tôi gọi là đạt được bước tiến. Tất cả những chuyện này... chuyện này...” Anh ta dừng lại vì không tìm ra từ. Tôi bắt đầu cảm thấy sợ. Nếu có chuyện gì xảy ra...

“Bình tĩnh nào, Hume,” bố tôi nói bằng giọng trầm tĩnh.

“Tin tôi đi, thanh tra.”

Công tố viên bước đến gần chiếc điện thoại.

“Điều hành đây à. Nối máy cho tôi với cai ngục Magnus tại nhà tù Algonquin... Cai ngục à? Công tố viên Hume đây. Xin lỗi đã quấy rầy giấc ngủ của ông đêm muộn thế này. Tôi cho rằng ông đã nghe tin tức rồi chứ?... Thượng nghị sĩ Fawcett bị giết tối muộn hôm nay... Vâng, vâng. Không... Giờ thì nghe này, cai ngục. Cái tên Aaron Dow có ý nghĩa gì với ông không?”

Chúng tôi đợi chờ trong câm lặng đặc sệt, Hume xiết chặt ống nghe vào ngực mình, lạng lẽ nhìn trừng trừng lò sưởi mà như không nhìn. Không ai trong chúng tôi cử động suốt năm phút.

Thế rồi đôi mắt công tố viên nhanh chóng lấy lại vẻ sắc sảo. Anh ta lắng nghe, gật đầu rồi nói: “Chúng tôi sẽ qua đó, cai ngục Magnus,” rồi đặt điện thoại xuống bàn.

“Thế nào?” Kenyon hỏi, giọng khàn khàn.

Hume mím cười. “Magnus đã đến thăm hấn. Một tù nhân có tên là Aaron Dow, hấn ta được tuyển dụng vào làm ở xưởng mộc, mới được ra tù vào chiều nay!”

Gặp Gỡ Aaron Dow

Đến lúc này tôi đã nhận thức được một cái bóng mơ hồ đâu đó trên đầu chúng tôi, xa xôi như một giấc mơ. Những thông tin quay cuồng trong đầu tôi, và âm thanh của chúng làm mờ đi tầm nhìn của tôi trước thảm kịch sắp xảy ra. Nhưng lúc này, bất ngờ như cú đâm dao từ phía sau lưng, đôi mắt tôi trở nên trong trẻo và tôi lại trông thấy tất cả. Aaron Dow... Bản thân cái tên ấy chẳng có ý nghĩa gì với tôi; cũng có thể giống với John Smith hoặc Knut Sorensen. Tôi chưa từng nghe thấy cái tên này cũng như chưa từng gặp anh ta. Có điều - cứ gọi là ngoại cảm hay giác quan thứ sáu, hay một suy luận bằng tiềm thức từ dữ liệu được biết có một nửa - tôi biết chắc như thể tôi sở hữu được siêu năng lực thánh thần, rằng con người này, kẻ cứu tù này, có lẽ là nạn nhân đời bại của xã hội, xứng đáng trở thành nạn nhân còn khủng khiếp hơn nhiều của bóng đen khổng lồ, chân thực và sống động giờ đang phủ xuống tất cả chúng tôi.

Tôi hồi tưởng lại một chút những sự kiện nhỏ. Não bộ của tôi phát ốm với những suy nghĩ được hình dung không hoàn chỉnh, trái tim tôi đang đập thình thịch đau đớn trong lồng ngực. Tôi cảm thấy mình vô dụng, và cho dù có bố ở bên cạnh, một sức mạnh an ủi vững chắc, tôi vẫn thấy mình đang mơ hồ cầu nguyện cho quý ông già vĩ đại mà chúng tôi đã bỏ rơi, nuối tiếc nhìn theo chúng tôi từ lâu đài Hamlet.

Tôi biết rằng công tố viên Hume và Rufus Cotton lại thì thầm với nhau; rằng Kenyon đã bất ngờ sống lại, nhanh chóng ban ra những mệnh lệnh bằng chất giọng gắt gỏng như thể đang giấp lá cà với một kẻ độc ác. Tôi nhớ lại những thông điệp không ngừng đưa ra trên điện thoại, những mệnh lệnh quát tháo. Tôi run rẩy nhận ra rằng những con chó săn, nói theo cách văn hoa - và có lẽ là theo nghĩa đen, trong chừng mực mà tôi biết! - đã lên

đường theo dấu vết tên Aaron Dow vô hình vô dạng này, kẻ đã được phóng thích khỏi nhà tù Algonquin để rồi lại bị truy lùng gắt gao vài giờ sau đó...

Tôi nhớ lại cánh tay mạnh mẽ của Jeremy Clay đỡ tôi vào chiếc xe đậu bên ngoài, niềm vui sướng khi tôi hít hà bầu không khí ban đêm rét buốt. Công tố viên ngồi bên cạnh Jeremy, bố con tôi ngồi ghế sau. Chiếc xe lao đi, đầu tôi quay mòng mòng, bố chỉ thỉnh thoảng nhìn trong khi Hume hân hoan thưởng ngoạn con đường tối om phía trước, Jeremy với đôi môi mím chặt ngồi trước vô lăng. Chuyển đi lên ngọn đồi dốc là một giấc mơ, mọi thứ có liên quan đến cuộc hành trình chóng tan như phù du và sương mù. Và rồi vồ ngay lấy chúng tôi khi ra khỏi bóng tối của khung cảnh, như một con ác quỷ ăn thịt trong cơn ác mộng... Nhà tù Algonquin.

Tôi chưa bao giờ tin rằng những vật vô tri vô giác như đá và thép lại có thể tỏa ra sắc thái xấu xa sống động đến thế. Hồi còn bé tôi đã rùng mình với những chuyện sờn gai ốc về các tòa lâu đài ma quái đen tối, những lâu đài bị bỏ hoang và những thánh đường bị ma ám. Nhưng trong suốt những năm tháng du ngoạn đến thăm các phế tích tại châu Âu, tôi chưa từng chạm trán một kết cấu nhân tạo đơn thuần nào có sức mạnh gợi lên nỗi kinh hoàng... Và bây giờ, khi Jeremy bóp còi xe lạnh lạnh trước hai cánh cổng thép to lớn, tôi thành tình biết rằng cảm thấy sợ một tòa nhà nghĩa là thế nào. Hầu hết nhà tù chìm trong bóng tối sâu thẳm, ánh trăng đã biến mất từ lâu, và gió đang thét. Không có âm thanh nào của con người từ phía sau những bức tường cao vút kia; ở đây, liền kề ngay với nhà tù cũng chẳng thấy ánh đèn nào cả. Tôi cúi người xuống cảm thấy bàn tay của bố tôi, ông nhanh chóng nắm chặt tay tôi - người bố đáng yêu già cả không tưởng tượng nổi! - và thì thầm: “Chuyện gì vậy, Patty?” Chính câu cầu nhàu chân thành của ông đã đưa tôi quay lại với thực tế; những con quỷ đã biến mất, tôi cố gắng xoa đi tâm trạng u ám.

Cánh cổng bất ngờ bật mở, Jeremy lái xe lên phía trước. Trong ánh đèn pha sáng chói có vài người đàn ông đứng đó, những kẻ ghê gớm mặc đồng phục tối màu và đội mũ lưỡi trai, vai khoác súng trường.

“Công tố viên Hume!” Jeremy rú lên.

“Cậu tắt đèn đi!” một giọng thô lỗ ngắt lời. Jeremy làm theo, một chùm đèn pha công suất mạnh chiếu thẳng vào mặt chúng tôi, người này tiếp người khác. Các lính gác nhìn chúng tôi trừng trừng với đôi mắt lạnh lẽo, không ra nghi ngờ cũng không ra hữu nghị.

“Không sao, các bạn,” Hume gấp gáp nói. “Tôi là Hume, và đây là các bạn của tôi.”

“Cai ngục Magnus đang chờ mọi người, ngài Hume,” vẫn cái giọng thô lỗ nói bằng ngữ điệu ấm áp hơn. “Nhưng những người này - họ phải đợi ở ngoài.”

“Tôi sẽ bảo đảm cho họ.” Hume thì thầm với Jeremy. “Clay, tôi nghĩ có lẽ cậu và cô Thumm tốt hơn nên đỗ xe bên ngoài đợi chúng tôi.”

Anh ta xuống xe. Jeremy có vẻ ngần ngại tuy nhiên những người mặt lạnh có súng rõ ràng đã khiến anh nao núng. Anh gật đầu, lại ngồi thụp xuống ghế. Bỗng tôi nặng nề bước xuống mặt đường bê tông, tôi đi theo sau ông. Kể cả ông cũng như công tố viên đều không ai để ý đến tôi. Tôi chắc chắn về điều đó khi hai người bước qua nhóm lính gác vào trong sân nhà tù; nhóm lính gác chẳng nói gì, rõ ràng họ xem sự có mặt của tôi là đương nhiên. Phải đến vài phút sau đó, Hume quay người lại mới thấy tôi ngoan ngoãn theo sau, anh ta nhún vai rồi bước tiếp.

Chúng tôi bước vào một không gian mở rộng rãi - rộng đến mức tôi không thể đoán được trong bóng tối; đôi chân chúng tôi vang lên lạnh lạnh một cách không thật trên những phiến đá lát đường. Bước vài bước chúng tôi băng qua một cánh cửa thép đồ sộ, được một lính gác đội mũ lưỡi trai xanh mở nhanh từ bên trong - thấy mình rõ ràng đang ở trong Tòa nhà Điều hành. Hoang vắng, âm lặng, không có sức sống. Ngay cả những bức tường ở đây cũng liếc mắt đều cáng và thì thầm không thành tiếng với tôi những câu chuyện đáng sợ; đây không phải là những bức tường của xà lim mà là tường của văn phòng. Tôi tự hỏi ảo ảnh la hét nào đang sinh sống trong những kết cấu khủng khiếp vây quanh chúng tôi.

Tôi khấp khểnh theo sau bố và Hume lên một cầu thang nhiều bậc hơn, nằm xa hơn phía trong tòa nhà. Rồi chúng tôi dừng lại trước một cánh cửa

khiêm nhường, có tấm biển như một văn phòng kinh doanh đề chữ: *Cai ngục Magnus*.

Hume gõ cửa, một người đàn ông mắt sắc mặc thường phục - chúng đang xộc xệch; rõ ràng ông ta vừa mới xuống khỏi giường - ra mở cửa. Người đàn ông này chắc là một thư lại hay thư ký gì đó - một nhân vật khác của nhà tù, tôi nghĩ; người không biết cười, lạnh lẽo và chẳng có nét thiện nào - găm gờ rồi dẫn đường cho chúng tôi đi qua một phòng tiếp khách rộng, ở ngoài là một văn phòng. Ông ta mở cửa cho chúng tôi vào bên trong rồi đưa mắt dò xét tôi với vẻ khó chịu băng giá khi tôi bước qua ngưỡng cửa.

Chẳng liên quan, nhưng tôi chợt phát hiện tất cả các cửa sổ trong hành trình ngăn ngừa mà chúng tôi thấy khi đến căn phòng này, đều có chấn song thép.

Người đàn ông chào đón chúng tôi trong căn phòng ngăn nắp, thình lặng có thể là chủ ngân hàng. Ông ta mặc trang phục xám nghiêm trang, và cho dù cà vạt có thắt nút vôi vàng, vẻ ngoài của ông ta vẫn rất chững chạc. Đường nét nghiêm khắc, từ tốn và dãi dầu của người phải thường xuyên đối mặt với cái xấu xa từ những tên tội phạm hiện rõ trên mặt ông cùng với đôi mắt cảnh giác của người luôn phải sống giữa nguy hiểm. Mái tóc của ông xám và thưa, khẩu súng trường được đeo chéo qua vai.

“Xin chào, ngài cai ngục,” công tố viên nói bằng giọng thấp. “Xin lỗi đã dựng ngài dậy vào sáng sớm thế này. Nhưng tôi e án mạng không chờ chúng ta đâu. Ha ha ha!.... Vào đi, thanh tra và cô nữa, cô Thumm.”

Cai ngục Magnus khẽ mỉm cười, chỉ vào mấy cái ghế. “Không ngờ cả một phái đoàn đến thế này,” ông ta nói bằng giọng nhẹ nhàng.

“À, cô Thumm - nhân tiện hãy gặp gỡ cai ngục Magnus, đây là cô Thumm; và thanh tra Thumm, đây là cai ngục Magnus - Cô Thumm giống như một thám tử vậy, ngài cai ngục, và dĩ nhiên thanh tra Thumm quá sành sỏi nghề này rồi.”

“Đúng,” cai ngục nói. “Tuy nhiên, cũng chẳng hại gì mà.” Gương mặt ông trở nên trầm tư. “Vậy thượng nghị sĩ Fawcett phải trả giá. Thật lạ lùng làm sao khi số mệnh đối xử với ta như thế, ngài Hume nhỉ?”

”Nó đã xảy ra với ông ấy, đúng vậy,” Hume lặng lẽ đáp.

Chúng tôi ngồi xuống, bố tôi bất ngờ lên tiếng: “Thề có Chúa, giờ thì tôi biết rồi! Chẳng phải ngài có liên quan đến công việc của cảnh sát mười lăm năm trước sao, cai ngục? Vùng nông thôn nào đó gần đây?”

Magnus nhìn ông chăm chăm, rồi mỉm cười. “Tôi nhớ rồi... Vâng, ở Buffalo. Vậy ra ông chính là Thumm vĩ đại đó? Ôi, thanh tra, tôi mừng khôn xiết khi gặp lại ngài ở đây. Tôi tưởng ngài về hưu rồi mà?”

Và hai người cứ nói chuyện mãi thôi. Tôi tựa mái đầu đang đau nhức vào lưng ghế, nhắm mắt lại. Nhà tù Algonquin... Trong cái nơi rộng lớn và cảm lạnh này, xung quanh tôi có hơn một nghìn - hai nghìn - người ngủ, hoặc cố gắng ngủ trong những xà lim chật hẹp không đủ cho những cơ thể bầm tím của họ duỗi vươn thoải mái. Những người khác mặc đồng phục thả bước trong các hành lang. Bên ngoài phía trên mái nhà là bầu trời và bầu không khí ban đêm, cách đây không xa là những cánh rừng xào xạc. Trong lâu đài Hamlet, một ông già bệnh tật đang say ngủ. Phía ngoài những cánh cửa thép là Jeremy Clay giận dữ. Tại nhà xác ở Leeds, duỗi thẳng chân tay trên bàn mổ, là cái xác bị cắt xẻo của một người đàn ông chẳng còn tí quyền lực nào nữa... Tại sao họ lại chờ đợi? Tôi tự hỏi. Tại sao họ không nói về tên Aaron Dow này?

Tôi mở mắt khi nghe thấy tiếng bản lề rít lên chói tai. Viên thư lại với đôi mắt sắc đứng bên ngưỡng cửa. “Cha Muir đã đến, thưa cai ngục.”

“Cho ông ta vào.”

Lúc sau, đứng ngay cửa là một người đàn ông bé nhỏ với mái tóc bạc, đôi mắt kính dày vô số nếp nhăn với khuôn mặt nhân hậu nhất và hiền từ nhất tôi từng thấy. Trên khuôn mặt ấy, nét lo lắng hay đau đớn không làm lu mờ đi vẻ quý tộc bên trong; vị tu sĩ cao tuổi này thuộc kiểu người có sức quyến rũ theo bản năng; và tôi có thể hiểu được, làm sao lớp vỏ cứng của ngay cả những tên tội phạm tàn bạo nhất cũng phải tan chảy trước một vị thánh như ông.

Ông kéo lại chiếc áo linh mục đen bạc màu quanh người, đôi mắt cận thị của ông lấp lánh dưới ánh đèn, một cuốn kinh nhật tụng đỏ sáng bóng được

nắm chặt trong tay phải. Rõ ràng ông đang bối rối trước sự có mặt của những người lạ trong văn phòng cai ngục, vào giờ giấc báng bổ thế này.

“Mời Cha vào, mời vào,” cai ngục Magnus nhẹ nhàng nói. “Tôi muốn Cha gặp gỡ vài người.” Ông ta giới thiệu chúng tôi.

“Vâng,” Cha Muir nói. “Vâng,” với phong cách khéo léo, chính xác và lơ đãng. Ông nhìn tôi chăm chú. “Chào cô bé.” Rồi ông tiến đến bàn làm việc của cai ngục và kêu lên: “Cai ngục, điều này thật khủng khiếp! Tôi không tin điều đó, vì Chúa là người phán xét ta!”

“Bình tĩnh, thưa Cha,” cai ngục nói bằng giọng tôn kính. “Vào lúc này hay lúc khác người ta rồi cũng lầm lỗi mà. Ngồi xuống nào. Tất cả cũng sắp tranh luận về chuyện đó đây.”

“Nhưng Aaron,” Cha Muir nói bằng giọng run rẩy. “Aaron là một người tốt, thật chân thành.”

“Thôi mà Cha. Hume, tôi cho rằng ngài đang rất háo hức muốn nghe những gì tôi phải nói. Nhưng đợi một phút đã, tôi sẽ cho ngài xem một hồ sơ hoàn chỉnh.” Cai ngục Magnus bấm một nút trên bàn làm việc, một lần nữa viên thư lại mở cửa. “Mang cho tôi hồ sơ của Dow. Aaron Dow. Được phóng thích vào chiều nay.” Viên thư lại biến mất, một lúc sau quay lại với một hồ sơ màu xanh to. “Đây rồi. *Aaron Dow. Tù nhân số 83532. Tuổi khi vào tù: bốn mươi bảy tuổi.*”

”Hắn đã thụ án bao lâu rồi?” bố tôi hỏi.

”Mười hai năm và vài tháng... Chiều cao mét sáu, nặng năm mươi năm cân, mắt xanh, tóc xám, vết sẹo hình bán nguyệt trên ngực trái...” Cai ngục Magnus ngược mắt lên trầm tư. “Ông ta đã thay đổi rất nhiều trong mười hai năm ở đây. Tóc rụng gần hết, ngày càng trở nên yếu đuối - giờ ông ta gần sáu mươi rồi.”

“Hắn phạm tội gì?” Công tố viên gặng hỏi.

“Ngộ sát. Thẩm phán Proctor của New York tuyên ông ta mười lăm năm tù. Ông ta đã giết một người tại một quán rượu bên bờ sông ở New York. Dường như ông ta lúc đó say mèm rượu gin rẻ tiền nên mới gây rối. Ông ta chưa từng gặp nạn nhân, theo như những gì bên nguyên có thể tìm hiểu được.”

“Hắn từng có tiền án chưa?” bố tôi hỏi.

Cai ngục Magnus xem bản ghi chép. “Họ không thể tìm ra. Tôi để ý là không thể truy được tên Dow này. Thậm chí có người còn nghĩ rằng tên của ông ta là một bí danh, cho dù họ không thể chứng minh được.”

Tôi cố gắng hình dung ra người này, ông ta đang già đi ngay trước mắt tôi, nhưng tôi vẫn không thể thấy được ông ta hoàn toàn. Rõ ràng có điều gì đó chưa đúng ở đây. “Ngài cai ngục, tên Dow này là kiểu tù nhân gì? Bất trị à?” Tôi e dè thăm dò.

Magnus mỉm cười. “Tôi thấy cô Thumm đây hỏi câu hỏi rất hay. Không đâu, thưa cô Thumm, ông ta là một tù nhân kiểu mẫu - Hạng A, căn cứ theo hệ thống xếp loại của chúng tôi. Tất cả tù nhân đều đủ tư cách hưởng những ưu tiên sau thời gian được thả nhận, mặc quần áo thơm tất trong thời gian học việc trên đồng than, và được Ban Quản lý nhà tù chỉ định công việc đều đặn trong tù. Khi ông ta yên tâm làm ăn theo đúng quy định, người tù này hòa nhập vào cộng đồng nhỏ bé của chúng tôi - bản thân chúng tôi cũng tạo nên một thành phố, cô biết đấy - chủ yếu phụ thuộc vào chính ông ta. Nếu ông ta không gây ra rắc rối gì, tuân thủ mệnh lệnh và tất cả các quy định, ông ta có thể giành lại sự tôn trọng xã hội đã cướp khỏi tay ông ta. Aaron Dow không bao giờ gây ra chút rắc rối gì đối với Giám ngục, người thi hành kỷ luật chính trong tù. Kết quả ông ta được xếp Hạng A, hưởng thụ rất nhiều ưu tiên và được phóng thích sớm ba mươi tháng vì cải tạo tốt.”

Cha Muir hướng đôi mắt dịu dàng, sâu thẳm sang tôi. “Ta cam đoan với cô, cô Thumm, Aaron là người tốt nhất. Tôi biết ông ta rất rõ. Cho dù không theo đức tin của tôi, ông ta sùng đạo lắm; thưa cô, người như ông ta không thể, tuyệt đối không thể...”

“Hắn đã từng giết người rồi,” Hume lạnh lùng nhận xét. “Tôi nên nói rằng hắn đã tạo ra một tiền lệ.”

“Mà nhân tiện,” bố tôi bình luận, “hắn đã giết người tại New York mười hai năm trước thế nào? Đâm chết à?”

Cai ngục Magnus lắc đầu. “Đánh vào đầu nạn nhân bằng một chai whisky còn đầy nguyên, khiến não bị chấn động dẫn đến cái chết.”

“Điều ấy thì có khác biệt gì?” Công tố viên lầm bầm, một cách sốt ruột. “Ngài còn biết gì về hắn ta không, cai ngục?”

“Rất ít. Hắn nhiên những anh chàng có thời gian thụ án dài nhất thì thường cứng đầu.” Magnus lại xem qua hồ sơ xanh. “Đúng rồi! Ở đây có một ghi chép có thể khiến ngài thích thú. Vào năm thứ hai thụ án, ông ta đã gặp một tai nạn khiến mắt phải bị mù và liệt cánh tay phải - một chuyện khủng khiếp, mà cũng do chính ông ta hoàn toàn lơ đãng khi vận hành máy tiện...”

”Ô, vậy là hắn chỉ còn một mắt!” Hume thốt lên. “Điều đó quan trọng đấy. Thật thông minh vì ngài đã ghi lại, cai ngục.”

Cai ngục Magnus thở dài. “Đương nhiên chúng tôi không ghi chép chuyện này; Chúng tôi không thích những tin tức như thế lộ ra ngoài. Ngài biết đấy, cách đây không lâu, các tù nhân ở đây bị đối xử rất tồi tệ, chẳng khác nào súc vật, mà dĩ nhiên họ là thế, như khoa hình phạt học hiện đại đã thừa nhận, tôi e là vậy. Công chúng - à mà một phần trong đó - nghĩ rằng những thể chế trừng phạt của chúng tôi vẫn như các trại tập trung Siberia thời Nga hoàng. Chúng tôi đang cố gắng hết sức xóa đi ấn tượng đó. Khi Dow gặp tai nạn...”

“Rất thú vị,” công tố viên lịch sự lầm bầm.

“Hừm. Vâng.” Cai ngục ngả người vào lưng ghế, hơi bực mình, tôi nghĩ. “Dù sao đi nữa, trong một thời gian ông ta đúng là rắc rối. Với cánh tay phải bị liệt, mà ông ta lại thuận tay phải nên Ban Quản lý nhà tù đành phải giao cho ông ta công việc khác, không dính đến chân tay để làm. Ông ta không được đi học; biết đọc nhưng chỉ viết được chữ in hoa như trẻ con. Về tâm thần ông ta đạt ngưỡng rất thấp. Vào thời điểm gặp tai nạn, ông ta đang làm việc trong xưởng mộc bên máy tiện như tôi đã nói. Cuối cùng, Ban Giám đốc trả ông ta về lại đúng xưởng đó, và căn cứ theo ghi chép, ông ta đã dần quen với việc làm mộc bằng tay bất chấp tình trạng thương tật. Chà! Tôi hiểu mọi người xem tất cả các thông tin này không liên quan, có thể là vậy. Nhưng tôi muốn cho mọi người xem hình ảnh hoàn chỉnh về người này - vì những lý do của riêng tôi.”

“Ý ngài là sao?” Hume đột ngột hỏi, ngồi thẳng dậy.

Magnus nhíu mày. “Đợi một chút rồi ngài sẽ hiểu... Để tôi nói nốt câu chuyện. Dow không có gia đình hay bạn bè nào hết. Bởi vì trong suốt mười hai năm tại Algonquin, ông ta chưa từng nhận hay gửi một lá thư nào hết, cũng chẳng có ai đến thăm ông ta.”

“Hài thật,” bố tôi lẩm bẩm, đôi hàm xanh của ông nghiêng trèo trẹo.

“Chẳng phải thế sao? Khác thường đáng nguyên rủa, tôi sẽ nói thế đấy, thanh tra - Vô cùng xin lỗi, cô Thumm!”

“Hoàn toàn không cần thiết đâu,” tôi mết mỏi đáp, phát ốm vì lúc nào người ta cũng phải xin lỗi tôi với từng câu “đáng nguyên rủa” rồi “chết tiệt” được thốt ra. Cai ngục Mangus nói tiếp: “Tôi sẽ nói như thế là khác thường, vì suốt những tháng năm dài làm cai ngục tôi chưa từng thấy một tù nhân nào lánh đời như Dow. Dường như chẳng có ma nào ngoài những bức tường này thèm quan tâm đến việc ông ta sống hay chết. Như thế là đủ gây hiểu kỳ rồi, ngay cả trong những trường hợp tồi tệ nhất của chúng tôi, những kẻ ác độc nhất nói chung vẫn còn ai đó quan tâm đến chúng - mẹ, em gái, chị gái hay người yêu. Thế nhưng Dow không chỉ chưa từng có liên hệ nào với thế giới bên ngoài, ngoại trừ năm đầu tiên của ông ta, giống như tất cả các tù nhân khác được chỉ định vào nhóm làm đường một thời gian, ông ta còn chưa bước qua những bức tường này cho đến ngày hôm qua! Rất nhiều lần, nhiều tù nhân được hưởng đặc ân - những người có thể hiện tốt - đều được phép ra ngoài giải quyết chuyện nọ chuyện kia. Nhưng hành vi tốt của Dow dường như chưa đủ hình thành ở ông ta khao khát được phục hồi sự trợ lực về đạo đức. Ông ta chỉ là quá mệt, quá lãnh đạm hoặc đã quá chán nản rồi.”

“Nghe không giống một kẻ tống tiền,” bố tôi lẩm bẩm. “Cũng không giống một kẻ sát nhân.”

“Chính xác!” Cha Muir phấn khích reo lên. “Đó chính là điều ta đang nghĩ, thanh tra. Các quý ông, ta muốn nói...”

“Xin lỗi,” công tố viên ngắt lời, “nhưng chúng ta đang chẳng đi đến đâu cả.” Mơ màng nghe anh ta nói, tôi đang ngồi trong chốn linh thiêng lạ lùng đến mức từ đây số phận của hàng trăm con người được định đoạt, tôi nghĩ mình trông thấy một ánh sáng đẹp tuyệt vời. Tôi cảm thấy giờ là lúc để nói

ra những gì tôi biết, những gì logic nghiêm ngặt nhất diễn tả. Tôi tin mình đã há miệng ra định nói, nhưng khép lại ngay. Những chi tiết tầm thường này - liệu chúng có thể mang đúng ý nghĩa như bề ngoài không? Tôi nhìn Hume, nhìn gương mặt sắc sảo như trẻ con của anh ta và ngẫm lại lời cảnh báo từ nội tâm. Sẽ cần thêm một logic nữa để thuyết phục anh ta. Mình vẫn còn thời gian...

“Và bây giờ,” cai ngục vừa quăng hồ sơ màu xanh lên bàn làm việc vừa nói. “Tôi sẽ kể cho mọi người một câu chuyện nhỏ, khiến tôi phải đề nghị mọi người đến tối nay.”

“Tốt!” Hume khô khốc nói. “Đó là điều chúng tôi muốn nghe.”

“Làm ơn hiểu cho,” Magnus nghiêm trang nói tiếp, “rằng mỗi quan tâm của tôi đối với Dow không dừng lại chỉ vì ông ta không còn là tù nhân ở đây nữa. Chúng tôi thường xuyên theo dõi những trường hợp được phóng thích, vì nhiều người trong số họ cuối cùng cũng quay lại - thời gian này là khoảng 30 phần trăm - ngành khoa học hình phạt ngày càng mang tính phòng ngừa hơn là khắc phục. Đồng thời tôi không thể nhắm mắt lại trước những thực tế, và tôi kể cho mọi người nghe câu chuyện này vì bốn phận buộc tôi phải làm thế.”

Gương mặt Cha Muir trở nên trắng bệch vì đau đớn, những khớp ngón tay của ông trên cuốn kinh nhật tụng thâm tím.

“Ba tuần trước, thượng nghị sĩ Fawcett đến gặp tôi, và lạ lùng hết sức, ông ta hỏi kín tôi về một trong số các tù nhân của chúng tôi.”

“Trời ạ,” linh mục rên rỉ.

“Dĩ nhiên, người tù nhân đó là Aaron Dow.”

Đôi mắt Hume lấp lánh. “Tại sao Fawcett lại đến? Ông ta đã biết gì về Dow?”

Magnus thở dài. “Thượng nghị sĩ đã yêu cầu được xem hồ sơ của Dow và bức ảnh tù nhân. Theo quy định tôi sẽ từ chối một đề nghị như thế, nhưng vì thời gian thụ án của Dow đã gần hết, và rốt cuộc Fawcett là một công dân xuất chúng,” - ông ta nhăn mặt. - “Tôi cho ông ta xem ảnh và tập hồ sơ. Dĩ nhiên tấm ảnh được chụp mười hai năm trước, khi Dow mới bị tổng giam. Bất chấp thực tế đó, thượng nghị sĩ dường như vẫn nhận ra được

gương mặt của Dow, vì ông ta ngay lập tức vừa căng thẳng vừa hít sâu. Để rút ngắn câu chuyện, ông ta đưa ra một đề nghị kỳ lạ. Ông ta muốn tôi bịt miệng Dow trong vài tháng! ‘Bịt miệng’ - đó chính xác là từ ông ta dùng. Mọi người nghĩ sao về điều này?”

Hume xoa hai tay vào nhau trước một chi tiết, mà dường như với tôi rất khó chịu. “Quan trọng đấy, cai ngục! Nói tiếp đi.”

“Bất chấp sự trơ tráo đần độn của người đang đưa ra đề nghị không tưởng như thế,” Magnus nói tiếp, quai hàm ông cứng lại, “Tôi cảm thấy rằng tình hình này đòi hỏi phải giải quyết tinh tế. Điều đó khiến tôi thích thú. Bất kỳ quan hệ nào giữa một tù nhân với công dân, đặc biệt là một công dân có tiếng thơm như Fawcett, bốn phần của tôi đó là phải điều tra. Nên tôi không phạm một sai lầm nào ngoài việc dụ ông ta nói. Tôi đã hỏi, tại sao ông lại muốn bịt miệng Aaron Dow?”

“Ông ta có nói tại sao không?” bố tôi hỏi, hai lông mày nhíu lại.

“Ban đầu thì không. Ông ta vã mồ hôi như tắm, run rẩy như thằng cha mới say xỉn. Thế rồi câu đó bật ra - ông ta nói Dow đang tống tiền ông ta!”

“Chúng tôi biết điều đó,” Hume lẩm bẩm.

“Tôi nghi ngờ nhưng không thể hiện ra. Ngài nói bị ông ta tống tiền à? Tôi không tin chuyện này lại có thể, nên hỏi thượng nghị sĩ làm sao Dow liên hệ với ông ta được. Chúng tôi thực hiện kiểm soát rất ngặt nghèo mọi thư từ, ngài biết đấy, và cả những liên hệ nữa.”

“Hắn đã gửi cho Fawcett một lá thư và một mảnh đồ chơi bị cưa,” công tố viên giải thích, “trong một thùng carton đựng đồ chơi làm tại nhà tù.”

“Ra vậy.” Magnus bặm môi trầm tư. “Đó là một sơ hở chúng tôi sẽ phải bịt lại. Dĩ nhiên có khả năng chuyện này không khó. Nhưng tôi rất quan tâm vì trong thời gian này, việc tuần tin tức vào hoặc ra khỏi nhà tù là một trong những vấn đề đáng lo nhất của chúng tôi. Trong một thời gian dài tôi đã nghi ngờ có rò rỉ nghiêm trọng ở đâu đó. Dù sao đi nữa, Fawcett cũng không chịu nói làm sao Dow có thể liên hệ với ông ta, thế nên tôi không truy cứu nữa.”

Tôi liếm đôi môi mình, chúng khô ran. “Thượng nghị sĩ Fawcett có thừa nhận tên Dow này thực sự có liên quan đến ông ta?”

‘Khó nói. Ông ta bảo rằng câu chuyện của Dow là lối bịch, một lời nói dối trắng trợn - những lời phủ nhận thông thường. Tất nhiên, tôi không tin ông ta; ông ta quá lo lắng nên không thể nào vô tội trước bất kỳ điều gì khiến Dow chiếm lợi thế hơn ông ta. Ông ta cố gắng giải thích mối quan tâm của mình khi nói rằng việc để lộ chuyện này sẽ cực kỳ nguy hiểm, nếu không muốn nói là làm thất bại những cơ hội tái ứng cử vào chức thượng nghị sĩ bang của ông ta, cho dù câu chuyện này là dối trá.’

“Gây nguy hiểm nghiêm trọng đến cơ hội của ông ta à?” Hume chán nản nói. “Ông ta chưa bao giờ có cơ hội. Tuy nhiên, đây không phải trọng tâm vấn đề. Tôi dám cá rằng dù Dow chiếm lợi thế gì đối với ông ta, điều đó cũng dư sức hợp pháp.”

Cai ngục Magnus nhún vai. “Tôi cũng nghĩ vậy. Đồng thời, tôi lâm vào một tình huống khác thường. Chỉ nghe những lời của Fawcett thôi thì tôi không thể trừng phạt Dow, và tôi cũng bảo với ông ta như thế. Dĩ nhiên, nếu ông ta muốn nhấn mạnh hình phạt, ông ta phải nói ra lời “dối trá” ấy là gì... Nhưng thượng nghị sĩ gần như chỉ quan tâm tới việc tôi nên bịt miệng tên tù nhân Hạng A lại. Ông ta không muốn chuyện này công khai. Rồi sau đó ông ta bóng gió nói rằng ông ta có thể “giúp đỡ” tôi về mặt chính trị, nếu tôi cho biệt giam Dow trong vòng vài tháng.” Magnus cười lớn. “Cuộc phỏng vấn biến thành một hoạt cảnh trong vở kịch Melo ngày xưa. Quan chức biến chất, và tất cả những chuyện như thế. Dĩ nhiên, mọi người biết rằng chẳng có hoạt động chính trị nào phía sau những bức tường này. Tôi có danh tiếng là người thanh liêm nên đã nhắc nhở Fawcett về chuyện này. Ông ta thấy rằng chẳng có ích lợi gì nên bỏ đi.”

“Sợ à?” bố tôi càu nhàu.

“Khiếp đảm. Tất nhiên, tôi không cho phép thứ cở đại đó mọc dưới chân mình. Ngay sau khi Fawcett ra đi, tôi cho gọi Aaron Dow vào văn phòng. Ông ta tỏ vẻ vô tội, phủ nhận chuyện âm mưu tống tiền thượng nghị sĩ. Nên với việc Fawcett từ chối áp đặt hình phạt, tôi đơn thuần chỉ cảnh cáo Dow rằng nếu tôi phát hiện thấy sự thật nào trong câu chuyện này, tôi sẽ thu hồi lại lệnh phóng thích ông ta, và tước hết tất cả những ưu tiên của ông ta.”

“Có thể thôi à?” Hume hỏi.

“Gần như tất cả rồi. Sáng hôm nay - tôi nên nói là sáng hôm qua - Fawcett gọi điện thoại cho tôi đến đây nói rằng ông ta quyết định “mua” sự im lặng của Dow, hơn là cho phép một “câu chuyện giả dối” bị lan truyền, và đề nghị tôi quên hết toàn bộ chuyện này đi.”

“Rõ ràng là kỳ cục,” bố tôi trầm tư nói. “Thật ra là nghe mùi xấu xa! Nghe chẳng giống lão Fawcett này chút nào. Ngài có chắc chắn Fawcett là người gọi không?”

“Chắc chắn. Tôi cũng nghĩ rằng cuộc gọi của ông ta thật lạ lùng, và tôi tự hỏi tại sao ông ta lại tự tìm rắc rối khi bảo tôi rằng, ông ấy muốn trả tiền để giữ im lặng.”

“Đúng là vui,” công tố viên cau mày. “Ngài có nói với ông ta rằng Dow đã được phóng thích ngày hôm qua không?”

“Không. Ông ta không hỏi, thì tôi không nói.”

“Ngài biết không,” bố tôi kéo dài giọng, vắt chân chữ ngũ, “tôi biết về cuộc gọi đó. Đúng vậy, thưa ngài. Nó đến với tôi bất thành hình. Tôi biết thượng nghị sĩ Fawcett đang khép tội Aaron Dow già cả, đáng thương theo cả hai cách đến mức tuyệt diệu.”

“Ý ngài là sao?” Cai ngục hỏi với sự thích thú.

Bố tôi cười toét. “Ông ta đang tạo dấu vết, ngài cai ngục. Chuẩn bị một chứng cứ ngoại phạm. Hume, tôi dám cá bằng tất cả số tiền cậu có, rằng cậu phát hiện thấy Fawcett đã rút năm mươi tờ một nghìn đô la khỏi ngân hàng của mình. Đàng hoàng và vô tội, đúng không? Ông ta sắp trả khoản tiền bị tổng tiền mà, hoàn toàn chấp nhận được - ngạc nhiên chứ! Và rồi đã xảy ra một chuyện.”

“Tôi không hiểu ý ngài,” công tố viên ngắt lời.

“Nghe này. Fawcett muốn giết chết Dow! Và rồi nhờ vào lời chứng của cai ngục và việc ông ra rút tiền, nếu chuyện này lộ ra, ông ta muốn cho thấy rằng ông ta sẽ trả tiền. Nhưng Dow vẫn cứng rắn và trong cuộc chiến ông ta đã thất bại. Ông ta đang trong hoàn cảnh tồi tệ, Hume. Ông ta chắc phải tính đến nước liều một phen còn hơn để Dow nhờn như khắp nơi.”

“Có thể,” Hume trầm tư lầm bầm. “Có thể! Nhưng các kế hoạch của ông ta đổ bể, và ông ta lại là người phải chết. Hừm.”

“Tôi nói cho các ngài biết,” Cha Muir kêu lên, “rằng Aaron Dow không hề lấy máu người đó! Có một bàn tay ghê gớm nào đó đằng sau tất cả chuyện này, ngài Hume. Nhưng Thượng đế sẽ không để người vô tội phải chịu khổ. Rằng đứa trẻ bất hạnh tội nghiệp ấy...”

Bố tôi nói: “Hume đã nói với ngài hai phút trước rồi, ngài cai ngục, rằng lá thư của Dow viết cho Fawcett xuất phát từ đây với một mảnh rương bé. Trong số đồ chơi ở xưởng mộc của ngài, có cái rương gỗ be bé nào sơn một bên bằng các chữ mạ vàng không?”

“Tôi sẽ tìm nó cho các ngài,” Magnus nói chuyện với một nhân viên điều hành nhà tù qua điện thoại nối liền các nhà tù, rồi ngồi đợi trong khi ai đó xuống khỏi giường, tôi nghĩ vậy. Khi đặt điện thoại xuống, ông ta lắc đầu. “Trong xưởng không có cái gì như thế, ngài thanh tra. Ngăn đồ chơi của chúng tôi thật ngẫu nhiên hăng còn mới nguyên. Chúng tôi thấy rằng Dow cùng hai tù nhân khác biết khắc đã làm ngăn đồ chơi trong xưởng mộc.”

Bố tôi liếc sang công tố viên vẻ khó hiểu, Hume nói nhanh. “Vâng. Tôi hoàn toàn đồng ý rằng chúng ta phải tìm hiểu chính xác mảnh gỗ ấy có ý nghĩa gì.” Nhưng tôi có thể nói rằng anh ta thực sự cảm thấy nó không quan trọng, một chi tiết liên quan đến động cơ. Anh ta vươn tay ra tóm lấy điện thoại của cai ngục. “Tôi có được phép không... Thưa thanh tra, tôi nghĩ rằng, bây giờ tôi sẽ xem linh cảm của ngài về năm mươi nghìn đô la Dow đòi hỏi trong lá thư ấy có chính xác không.”

Cai ngục nháy mắt. “Đó chắc phải là chuyện quan trọng giữa Dow với Fawcett. Năm mươi nghìn đô la cơ mà!”

“Tôi có một người sẵn sàng kiểm tra ngân hàng của Fawcett. Được, chúng ta sẽ xem.” Anh ta nói số điện thoại cho nhân viên điều hành nhà tù.

“Xin chào! Mulcahey hả? Hume đây. Có tìm thấy gì không?” Hai bên khóe miệng anh ta căng lên.

“Tuyệt! Giờ tiếp tục với Fanny Kaiser đi, xem có thể lần ra được bất kỳ ràng buộc tài chính nào giữa bà ta và thượng nghị sĩ không.” Anh ta gác máy, đột ngột nói. “Ngài đã đúng, thanh tra. Fawcett đã rút năm mươi ngàn bằng trái phiếu thanh toán và tiền không được đánh dấu chiều hôm qua - lưu ý là vào buổi chiều hôm ông ta bị sát hại.”

“Cùng một lúc,” bố tôi vặc lại, quắc mắt giận dữ. “Tôi không thích thế. Suy nghĩ cẩn thận không chút cường điệu rằng, kẻ tổng tiền hăn đã cầm chắc tiền của ông ta, sau đó giết chết người đã trao tiền cho hăn?”

“Đúng, đúng,” Cha Muir háo hức nói. “Một vấn đề rất quan trọng, ngài Hume.”

Công tố viên nhún vai. “Nhưng nếu có đánh nhau thì sao? Nhớ rằng con dao rọc giấy của Fawcett được sử dụng trong việc giết người. Điều đó cho thấy kẻ sát nhân không được chuẩn bị. Một kẻ có ý định ra tay giết người sẽ phải tự chuẩn bị một thứ vũ khí. Fawcett đã khẩu chiến với Dow sau khi trao tiền cho hăn ta, hoặc tấn công hăn ta; đã có ẩu đả. Dow chộp được con dao rọc giấy - và mọi chuyện là thế.”

“Ngài Hume,” tôi nhẹ nhàng gợi ý, “cũng có thể kẻ sát nhân trước đó đã tự chuẩn bị cho mình một thứ vũ khí, nhưng hăn lại chọn sử dụng con dao rọc giấy khi hăn tìm thấy nó, vì nó ở rất gần hăn.”

John Hume rõ ràng có vẻ bực mình. “Một giả thuyết khó tin, cô Thumm,” anh ta lạnh lùng nói, cai ngục và Cha Muir ngạc nhiên gật đầu như thể họ tự hỏi: Làm sao một phụ nữ tầm thường lại nghĩ ra được một giải thích bực mình đến thế.

Và rồi một trong số các điện thoại trên bàn cai ngục Magnus đổ chuông, ông ta nhắc ống nghe. “Của ngài đây, Hume. Có người đang rất phấn khích.”

Công tố viên vụt đứng dậy khỏi ghế, vồ lấy chiếc điện thoại... Khi bỏ điện thoại xuống, quay về phía chúng tôi, tim tôi nhảy một nhịp. Từ nét mặt của anh ta, tôi đoán một biến cố gì đó vừa diễn ra. Đôi mắt anh ta rực sáng hoan hỉ.

“Đó là cảnh sát trưởng Kenyon,” anh ta chậm rãi nói. “Aaron Dow đã vừa bị bắt, sau một hồi vật lộn trong khu rừng phía bên kia Leeds!”

Có một quãng im lặng ngắn, chỉ bị ngắt bởi tiếng rên rỉ khẽ của giáo sĩ.

“Hăn ta trông bản thủ, say quắc cần câu.” Hume cao giọng. “Cuối cùng chuyện này kết thúc rồi. Ngài cai ngục, cảm ơn nhiều nhé. Có lẽ chúng tôi cần lời làm chứng của ngài trước tòa...”

“Chờ đã, Hume,” bố tôi lặng lẽ nói. “Kenyon có thấy hấn mang theo tiền không?”

“À... thì không. Nhưng chẳng hề gì đâu. Có lẽ hấn đã chôn nó đâu đấy rồi. Điều quan trọng đó là chúng ta đã tóm được kẻ giết Fawcett!”

Tôi đứng dậy, kéo giật đôi găng tay. “Thật không, ngài Hume?”

Anh ta nhìn tôi trừng trừng. “Tôi e rằng mình không hoàn toàn hiểu...”

“Ngài không hoàn toàn hiểu à, ngài Hume?”

“Cái quái... cô nói thế là ý gì, cô Thumm?”

Tôi rút son môi ra. “Aaron Dow,” tôi nói, mím môi lại. “không giết thượng nghị sĩ Fawcett, và hơn thế nữa,” tôi nói, tháo một găng tay ra, ngắm đôi môi của mình trong gương. “Tôi có thể chứng minh điều đó.”

Thắt Thòng Lọng

“Patty,” sáng hôm sau bố tôi nói, “có thứ gì thối rữa trong thành phố này.”

“A ha,” tôi thì thầm, “bố cũng nghĩ thấy à?”

“Bố ước gì con sẽ không nói như thế,” bố tôi làu bàu. “Đây không phải chuyện ủy mị đàn bà. Thế quái nào mà con không nói với bố - được rồi, con xung khắc với Hume - nhưng còn bố? Làm sao con biết Dow vô tội? Sao con có thể chắc chắn thế?”

Tôi nhăn nhó. Đúng là thiếu cân nhắc. Thực ra, tôi không thể chứng minh được, vẫn còn thiếu một chi tiết. Chỉ cần nắm được chi tiết đó, tôi có thể làm họ sáng mắt ra... Nên tôi nói: “Con vẫn chưa làm được.”

“Hừm! Phần khô hài trong chuyện này là người đó không hề giết Fawcett, chừng nào bố cũng quan tâm.”

“Ôi, bố đáng yêu quá,” tôi reo lên, hôn má ông. “Con biết không phải ông ta, ông ta vô tội như người bốn mươi năm vẫn còn gin với chứng bệnh đậu mùa. Ông ta không thể giết kẻ huênh hoang khoác lác được bầu là thượng nghị sĩ.” Tôi dõi theo Jeremy, khi anh xuống dưới đường; anh chàng tội nghiệp sáng nay vừa gia nhập tầng lớp vô sản và sẽ quay về nhà nấu bữa tối, khắp người phủ đầy lớp bụi bẩn thỉu. “Tại sao bố nghĩ vậy?”

“Này, cái gì đây?” bố tôi càu nhàu. “Một bài học đấy à? Thêm nữa, con hăng còn quá ngây thơ không thể cứ đi khắp nơi đưa ra tuyên bố như thế. Chứng minh hả? Nghe này, Patty, tốt hơn con nên thận trọng đi. Bố không muốn họ nghĩ rằng...”

“Bố xấu hổ vì con chứ gì?”

“Thôi nào, Pat, bố không có ý...”

“Bố nghĩ rằng con đang làm vướng chân đúng không? Bố nghĩ tốt hơn con nên cuộn mình trong chiếc chăn lông cừu, rúc vào một xó nào đó, đúng

không?”

”Ờ thì...”

”Bố nghĩ chúng ta đang trở về những ngày váy phồng và váy lót dài xếp tầng ngày xưa à? Bố nghĩ rằng phụ nữ không được bầu cử, hút thuốc, chửi thề và có bạn trai rồi nghịch ngợm à? Và bố vẫn tin kiểm soát tỷ lệ sinh đẻ là phương tiện đắt giá, đúng không?”

“Patty,” bố tôi đáp, cau có đứng dậy, ”con không nên nói chuyện như thế với bố mình.” Nói rồi ông dậm chân bước vào ngôi nhà kiểu thuộc địa tuyệt đẹp của Elihu Clay. Mười phút sau ông bước ra, tay cầm que diêm để châm một điếu thuốc khác; rồi ông xin lỗi, và có vẻ như chuyện vặt này khiến ông bối rối. Ông bố tội nghiệp! Ông ấy không hiểu phụ nữ.

Sau đó, chúng tôi vào thành phố.

Bố của Jeremy cùng bố tôi đã thỏa thuận vào sáng hôm đó - tức là thứ Bảy, một ngày sau vụ án mạng và phiên gặp gỡ kỳ lạ của chúng tôi tại nhà tù Algonquin - rằng chúng tôi vẫn là khách tại nhà Clay. Trước khi chúng tôi chia tay đêm hôm qua, bố tôi đã cảnh báo công tố viên Hume cùng những người khác đừng nói gì về danh tiếng và vị thế chính thức của ông. Cả anh ta lẫn Elihu Clay đều cảm thấy việc bố tôi điều tra tư cách của bác sỹ Fawcett, với các hợp đồng cầm thạch béo bở đầy cám dỗ đóng vai trò nào đó trong vụ sát hại thượng nghị sỹ Fawcett. Kế hoạch của ông là lặng lẽ tìm hiểu, xem ông có thể biết được những gì. Đối với tôi quyết định này cực kỳ quan trọng, vì tôi biết rằng trừ phi Hume và những người khác vất vả thu được chứng cứ tuyệt vời, bằng không Aaron Dow tội nghiệp sẽ gánh chịu hình phạt lớn nhất về mặt thể xác.

Bố con tôi đều rất hứng thú với hai điều cơ bản sau vụ bắt giữ con người tội nghiệp say khướt đêm hôm qua: lắng nghe câu chuyện của ông ta nếu có, gặp gỡ và nói chuyện với bác sỹ Fawcett huyền bí.

Vì di biến động của bác sỹ này vào buổi sáng thứ Bảy vẫn là một bí ẩn; chúng tôi đã cố gắng hết sức đạt được mục đích đầu tiên.

Chúng tôi lập tức được mời vào văn phòng riêng của công tố viên Hume trong tòa thị chính bằng đá ở Leeds. Sáng nay Hume rất phấn khởi - bạn

rộn, nhanh nhẩu, thân mật, đôi mắt sáng long lanh và đặc thẳng đầy đáng ghét đối với tôi.

“Xin chào, xin chào!” anh ta nói, xoa hai tay vào nhau. “Sáng nay khỏe không cô Thumm? Vẫn nghĩ rằng chúng tôi đang hành hạ một con quỷ vô tội à? Vẫn nghĩ rằng cô có thể chứng minh được nhiều điều à?”

“Hơn bao giờ hết, ngài Hume,” tôi đáp, ngồi xuống một cái ghế và hút thuốc.

“Hừm. Tôi sẽ để bản thân cô tự phán xét. Bill!” Anh ta quát gọi ai đó ở văn phòng ngoài. “Gọi đến nhà tù hạt bảo họ mang Dow qua đây thăm vấn.”

“Cậu đã quần thảo với hắn rồi đấy à?” bố tôi dò hỏi.

“Chắc chắn rồi. Nhưng tôi muốn làm hài lòng mọi người.” Anh ta nói câu này với vẻ tự mãn của người hoàn toàn tin vào bản thân. Bất chấp thái độ trái ngược của chúng tôi, rõ ràng anh ta đã xem Aaron Dow là kẻ có tội, chỉ cần nhìn gương mặt, ương ngạnh đó tôi hiểu sẽ rất khó thuyết phục anh ta. Giả thuyết của tôi hoàn toàn phi logic. Con người này sẽ không bao giờ chấp nhận bất kỳ điều gì mà không có bằng chứng.

Aaron Dow được hai viên thanh tra to lớn áp giải đến, một sự đề phòng có vẻ hoàn toàn chẳng cần thiết. Đối với một kẻ cựa tù là một lão già nhỏ bé, say khướt và yếu ớt với đôi vai nhỏ và hẹp, chỉ cần một trong hai tay thanh tra cũng có thể bé gãy lưng ông ta bằng một tay. Tôi đã từng tự do hình dung vẻ ngoài của nhân vật trông tầm thường này, nhưng ngay cả mô tả của cái ngục Magnus về ông ta, cũng không thể khắc họa được một hình ảnh rõ nét của con người khốn khổ như tôi thật sự thấy bây giờ.

Ông ta có gương mặt nhỏ, hình dáng như một lưỡi rìu - sắc nhọn, nhọn, nhẵn, xám xịt, trông ngớ ngẩn và vô vọng, tối tăm - hẳn lên một nỗi sợ hãi và tuyệt vọng hẳn sẽ lay động trái tim của bất kỳ ai trừ Kenyon, với sự ngu xuẩn tàn bạo của lão, và Hume, với ý thức bốn phạm quá cao của anh ta. Chính nhờ khuôn mặt hiền như nữ tu khiến mảnh hồn người tả tơi, khiếm nhược này không phạm tội giết người. Chính sự ngây thơ của ông ta lại khiến ông ta trông có tội, những kẻ hống hách, độc đoán này đều không thể nhìn ra phản ứng căn bản này của loài người. Kẻ giết thượng nghị sĩ Joel

Fawcett là một bàn tay máu lạnh, và có khả năng sẽ là một diễn viên cừ: những kết luận này là không thể tránh khỏi căn cứ theo các thông tin về tội ác. Nhưng kẻ đáng thương này ư?

“Ngồi xuống, Dow,” Hume nói với giọng khó nghe, người đàn ông vâng lời một cách cứng nhắc. Con mắt xanh độc nhất của ông ta trong veo với nỗi sợ hãi và niềm hy vọng xen kẽ. Thật lạ lùng, làn da trên mí mắt phải của ông ta hiện lên rõ mồn một; cánh tay phải của ông ta - tôi để ý có hơi run rẩy - buông thõng lỏng lẻo một bên người, nhưng vẻ ngoài của ông ta không vì thế mà đáng sợ. Trái lại còn làm tăng vẻ vô dụng của ông ta. Bốn bức tường nhà tù đè nặng xuống ông ta, với dấu ấn bào mòn của thời tiết. Những cử động mạnh, bất thành tình hình ngấm ngấm của mái đầu. Nước da mịn như sáp đến kỳ cục và kiểu lê chân bước của ông ta....

Ông ta nói nghe the thé giận dữ, “Vâng, thưa ngài. Vâng, thưa ngài Hume. Vâng, thưa ngài,” rất nhanh với sự phục tùng luẩn quẩn của một con chó trung thành. Và ngay cả cách nói của ông ta cũng là cách nói của một tội phạm đã định tội; câu chữ bật ra qua làn môi khô cứng của khóe miệng nhỏ nhắn nheo. Tôi nín thở nhận ra ông ta bất ngờ quay con mắt độc nhất sang tôi; như thể tôi làm ông ta bối rối, cân nhắc những khả năng hỗ trợ nào đó từ sự hiện diện của tôi.

Bố tôi lặng lẽ đứng dậy. Con mắt biểu cảm đó vội liếc lên trên với sự quan tâm và cầu xin hy vọng.

“Dow,” Hume nói, “đây là một quý ngài muốn giúp đỡ ông. Ngài ấy đã vượt đường xa đến đây từ New York chỉ để nói chuyện với ông” - một phần mở rộng của sự thật mà tôi nghĩ hoàn toàn vô nghĩa.

Con mắt biết nói của Aaron Dow bất ngờ sáng lên ánh hoài nghi. “Vâng, thưa ngài,” ông ta nói, lún sâu hơn vào ghế. “Nhưng tôi chẳng làm gì cả. Tôi nói với ngài rồi, ngài Hume. Tôi không đánh... ông ấy.”

Bố tôi ra hiệu cho công tố viên, Hume gật đầu rồi ngồi xuống. Tôi nhìn ông với vẻ hứng thú. Tôi chưa từng thấy bố tôi hành động; phong cách một cảnh sát viên của ông đối với tôi vẫn chỉ là huyền thoại. Ngay tắp lự tôi nhận ra rằng ông là người có tài năng đặc biệt. Trong cách tiếp cận của ông với vấn đề giành được sự tin tưởng của Aaron Dow, ông cho tôi thấy khía

cạnh khác của con người ông. Với phong cách xù xì, thô ráp của mình, ông là một nhà tâm lý học rất sáng suốt.

“Nhìn tôi nè, Dow,” ông nói bằng giọng dễ nghe pha lẫn dấu ấn quyền lực vừa đủ. Ông già tội nghiệp cứng người lại rồi nhìn bố tôi, bốn mắt họ giao nhau một lúc trong im lặng. “Ông có biết tôi là ai không?”

Dow liếm môi. “K... không. Không, thưa ngài.”

“Tôi là thanh tra Thumm, của Sở Cảnh sát New York.”

“À.” Người cựu tù tỏ ra rất hoài nghi, cảnh giác; ông ta liên tục lắc lắc cái đầu nhỏ, với lượng tóc xám vừa đủ từ bên nọ sang bên kia, không bao giờ nhìn vào mắt chúng tôi; đề phòng, hy vọng, sẵn sàng xông lên phía trước.

“Vậy là ông đã nghe nói đến tôi?” bố tôi tiếp tục.

“Thì...” Dow đấu tranh giữa bản năng đòi giữ im lặng và khao khát muốn nói chuyện. “Trong tù tôi đã gặp một người bị kết tội ăn cắp. Hắn ta nói rằng ngài... ngài đã cứu hắn khỏi phải ngồi ghế điện...”

“Tại Algonquin à?”

“Vâng ... Vâng, thưa ngài.”

“Thế thì chắc là Sam Levy của băng nhóm Houston Street,” bố tôi nói, mỉm cười nhớ lại. “Sammy là thằng bé ngoan, tiếc là nó giao du với một đám du thủ du thực nên nhiễm thói xấu. Giờ quay lại với ông, Dow. Sam còn kể cho ông biết gì về tôi?”

Dow không ngừng cựa quậy trên ghế. “Ngài muốn biết làm gì?”

“Chỉ hứng thú thôi. Chết tiệt, tôi không nghĩ Sam sẽ nói xấu tôi, sau những gì tôi đã làm cho thằng nhóc đó...”

“Không đâu!” Dow rít lên với cái liếc mắt rầu rĩ. “Hắn ta nói ngài là người da trắng, một thám tử thẳng thắn.”

“Ồ, hắn nói thế sao, thật không?” bố tôi càu nhàu. “Mà tại sao hắn lại không nói thế? Nhân tiện, ông biết rằng tôi sẽ không buộc tội người ta, đúng không? Ông biết rằng tôi không bao giờ xử tệ với ai đúng không?”

“Tôi... Tôi cho rằng đúng vậy, thưa thanh tra.”

“Tốt! Vậy là chúng ta hiểu nhau rồi.” Bố tôi ngồi xuống, thoải mái vắt chân chữ ngũ. “Bây giờ ngài Hume đây nghĩ rằng ông đã đánh thượng nghị

sĩ Fawcett. Tôi đang nói thẳng với ông. Không vợ vẫn đâu. Ông đang ở vào tình thế khó khăn đấy.” Đôi mắt ông ta lại đong đầy sợ hãi, trở lên nhìn Hume. Anh ta có hơi ngượng ngùng, ném sang bố tôi cái nhìn giận dữ. “Tôi... Tôi không nghĩ ông giết chết Fawcett. Và cả con gái tôi cũng vậy - quý cô trẻ tuổi ngồi đây. Con bé cũng nghĩ rằng ông vô tội.”

“Ừm, Ừm” Dow lẩm bẩm, không ngược mắt lên.

“Bây giờ lý do tôi cho rằng ông không giết Fawcett là gì - ông biết không, Dow?”

Lần này câu trả lời tích cực hơn; người tù nhân nhìn thẳng vào mắt bố tôi; gương mặt u tối của ông ta sáng lên nét hiếu kỳ và niềm hy vọng. “Không, thưa ngài. Tôi không biết! Tất cả những gì tôi biết là tôi không đánh ông ta. Tại sao thế?”

“Tôi sẽ nói cho ông biết tại sao.” Bố tôi đặt năm đấm to lên đầu gối bé nhỏ, xương xẩu của người đàn ông. Tôi thấy nó run rẩy. “Bởi vì tôi biết bọn chúng. Tôi hiểu những kẻ sát nhân. Tất nhiên, ông đã vướng vào rắc rối này mười hai năm trước, vô tình đánh gục một tên say khướt. Nhưng một người như ông không phải là kẻ sát nhân.”

“Đúng vậy, thưa thanh tra!”

“Bây giờ, ngay cả nếu muốn đánh gục ai đó, ông sẽ dùng đến dao chứ?”

“Không!” Dow thét lên, cảm ông ta hằn lên những đường gân xanh. “Không phải tôi! Không một chút nào!”

“Chắc chắn là không rồi. Như vậy tất cả chúng ta đều rõ ràng rồi. Bây giờ ông nói rằng ông không giết thượng nghị sĩ Fawcett, và tôi tin ông. Nhưng ai đó đã giết ông ta. Đó là kẻ quái quỷ nào đây?”

Bàn tay trái già nua trắng bệch, cơ bắp xiết chặt lại. “Tôi không biết, tin tôi đi, ngài thanh tra. Tôi bị gài, tôi bị gài.”

“Chết tiệt, đúng là ông bị gài. Nhưng ông quen biết Fawcett, đúng không?”

Dow nhảy dựng khỏi ghế: “Đương nhiên tôi biết ông ta, lão quịt nợ bản thủ đó!” Và rồi, với biểu hiện kinh hoàng trên gương mặt, có lẽ nhận ra rằng mình bị lừa thú tội, ông ta đột ngột khựng lại, nhìn bố tôi trừng trừng với sự căm hận khiến tôi thấy xấu hổ với cái tên Thumm.

Với tài năng kinh ngạc làm được những điều không thể, bố tôi cố không tỏ ra bị tổn thương. “Ông hiểu nhầm tôi rồi, Dow,” ông càu nhàu. “Ông nghĩ rằng tôi lừa ông thú nhận à. Không đâu nhé. Ông không việc gì phải thừa nhận mình quen biết thượng nghị sĩ Fawcett. Công tố viên đã bắt quả tang ông tại đó - có một lá thư của ông trên bàn làm việc của Fawcett. Hiểu chưa?”

Người cựu tù già ngồi phịch xuống, miệng lẩm bẫm. Và lần này ông ta theo dõi những đường nét của bố tôi với sự tập trung cao độ. Tôi dò xét gương mặt ông ta, và hơi run rẩy. Gương mặt khó chịu, sắc sảo này với những biểu hiện nghi ngờ, hy vọng xen lẫn sợ hãi còn chế giễu tôi trong những ngày sắp tới.

Tôi liếc nhìn John Hume, dường như anh ta không bị ấn tượng. Sau này, tôi biết rằng trong phiên chất vấn đầu tiên với cảnh sát và công tố viên, Aaron Dow đã cứng đầu không thừa nhận bất kỳ điều gì, ngay cả khi bị đe dọa bằng lá thư chết dẫm đó. Thông tin này khiến tôi biết ơn sự khôn ngoan theo bản năng của bố tôi hơn nữa, khi ông tấn công vào lớp vỏ bọc của người đàn ông kia.

“Tôi hiểu,” Dow làu bàu. “Tôi hiểu, thưa thanh tra.”

“Tốt,” bố tôi bình tĩnh nói. “Chúng tôi không thể giúp ông được, Dow, trừ phi ông kể chúng tôi nghe toàn bộ câu chuyện. Ông quen biết thượng nghị sĩ Fawcett được bao lâu rồi?”

Con người tội nghiệp ấy lại liếm đôi môi khô. “Tôi... tôi... Chết tiệt... cũng lâu lắm rồi.”

“Ông chửi thề đấy à, Dow?”

“Tôi không nói vậy, thưa thanh tra.”

“Được rồi.” Bố tôi ngay lập tức chuyển sang hướng tấn công khác, ông đã nhận ra những chi tiết Dow sẽ tiếp tục ngoan cố giữ im lặng, nhanh hơn cả tôi. “Nhưng ông đã liên hệ với ông ta từ trong nhà tù Algonquin đúng không?”

Im lặng. Rồi: “Vâng. Vâng, thưa ngài, tôi đã làm thế.”

“Ông đã gửi cho ông ta mảnh rương lớn bị cửa đi trong lá thư của ông, để trong hộp đồ chơi à?”

“À... tôi nghĩ vậy.”

“Ý ông nghĩa là sao khi gửi mẫu rương đó đến?”

Tất cả chúng tôi đều thấy được rằng, ngay cả trong những điều kiện thoải mái nhất vẫn không thể mong Dow nói ra toàn bộ sự thật. Đề cập đến mảnh rương đồ chơi dường như khiến suy nghĩ bị quan chột xâm chiếm đầu óc ông ta; vì thực sự đã xuất hiện nụ cười trên gương mặt nhàu nát cùng tia xảo quyệt không thể nhầm lẫn trong con mắt độc nhất. Bố tôi cũng trông thấy điều đó, ông giấu đi sự thất vọng.

“À, đó là một dấu hiệu nhỏ,” Dow rít lên bằng giọng cảnh giác. “Chỉ là cách để ông ấy biết là tôi.”

“Tôi hiểu. Lá thư của ông nói rằng ông sẽ gọi cho thượng nghị sĩ vào ngày ra tù. Ông có làm thế không?”

“Có. Tôi đã làm thế.”

“Đích thân thượng nghị sĩ nói chuyện với ông à?”

“Chết tiệt, đúng thế,” Dow đáp với tiếng gầm gừ bé, rồi tự chỉnh lại. “Ông ấy đã trả lời, đúng vậy.”

“Ông đã sắp xếp một cuộc hẹn vào đêm qua?”

Một lần nữa, ánh hoài nghi bắt đầu len lỏi vào con mắt xanh nhìn chòng chọc ấy. “À... vâng.”

“Cuộc hẹn vào lúc mấy giờ?”

“Sáu tiếng chuông tàu. Ý tôi là mười một giờ.”

“Và ông đến đúng hẹn chứ?”

“Không, thanh tra, ngài giúp tôi với!” Những từ ngữ bật ra. “Tôi đã bị cầm tù gần mười hai năm rồi. Không giống như kiểu một người gặp được quân bài tốt. Mười hai năm là thời gian dài đằng đặc, chẳng khác nào địa ngục. Thế nên tôi muốn nốc một chút. Chẳng có gì ngoài nước khoai tây, đã quá lâu rồi tôi không còn nhớ vị rượu thật ra sao nữa.” Bố tôi giải thích với tôi rằng, một “quân bài tốt” là một biệt ngữ trong tù chỉ án tù một năm. Còn “nước khoai tây”, cai ngục Magnus sau đó từng bảo tôi rằng đó là rượu ủ lên men gặt do các tù nhân bí mật tự làm, bằng vỏ khoai tây cùng phần còn lại của các loại rau khác. “Nên tôi bước đến một quán rượu, thanh tra ạ, chẳng bao lâu họ đuổi tôi ra. Quán rượu trên góc phố Chenango G Smith,

ngay trong cái thị trấn này. Cứ hỏi người phục vụ quầy rượu, thưa thanh tra, anh ta sẽ tạo bằng chứng ngoại phạm cho tôi.”

Bố tôi nhíu mày. “Có đúng vậy không Hume? Cậu đã kiểm tra chưa?”

Hume mỉm cười. “Dĩ nhiên. Tôi nói với ngài rồi mà, thanh tra. Tôi không phải là kẻ ép buộc một người vô tội. Điều không may trong chuyện này, đó là trong khi người chủ quán rượu xác nhận câu chuyện của Dow, anh ta còn nói thêm rằng Dow đã rời khỏi quán vào khoảng tám giờ tối qua. Thế nên chẳng có ngoại phạm nào hết, vì Fawcett bị sát hại vào lúc mười giờ hai mươi.”

“Tôi đã say rượu,” Dow lẩm bẩm. “Tôi đã nốc quá nhiều rượu đều sau khi ra tù. Tôi không còn ‘nhớ nhiều’ chuyện gì xảy ra sau khi rời khỏi quán. Cứ thế đi loanh quanh thôi. Tôi rời khỏi quán rượu một quãng, và ‘khoảng’ mười một giờ tôi gần như tỉnh táo hơn.” Ông ta nhăn nhó, lại liếm môi môi như một con mèo đói khát.

“Nói tiếp đi,” bố tôi nhẹ nhàng đáp. “Ông đã đến nhà của Fawcett?”

Con mắt của Dow rực sáng trong đầu đón khi ông ta thét lên. “Phải, nhưng tôi không bước vào, tôi không bước vào đó! Tôi trông thấy những ánh sáng đèn, những tên cớm và viên thám tử, và ngay lập tức tôi biết rằng mình bị gài bẫy, rằng lão già lập dị đó đã chơi tôi. Thế nên tôi chuồn, chạy trốn chết vào trong rừng và... và rồi họ đến tóm tôi. Nhưng tôi không làm thế, thề có Chúa, tôi không làm thế!”

Bố tôi đứng dậy, bắt đầu đi lại không ngừng trên sàn nhà. Tôi thở dài: thật tồi tệ, khi nụ cười nửa miệng của công tố viên Hume lộ rõ vẻ đắc thắng. Chẳng cần có kiến thức về luật, tôi cũng nhận ra người đàn ông bất hạnh này đã có dính líu sâu sắc đến thế nào, ông ta chẳng còn gì để trông cậy ngoài danh tiếng xấu xa không ai ưa, để hòng bác bỏ một chứng cứ gián tiếp đang áp đảo.

“Và ông không cầm năm mươi nghìn đô la đấy chứ?”

“Năm mươi nghìn?” người tù hét lên đinh tai. “Thậm chí tôi còn chưa nhìn thấy chúng. Tôi nói rồi!”

“Được rồi, Dow,” bố tôi càu nhàu. “Chúng tôi sẽ làm những gì có thể cho ông.”

Hume ra hiệu cho hai thanh tra. “Mang hẳn quay về nhà tù hạt đi.”

Họ xốc nách Aaron Dow lôi ra khỏi cửa, không để ông ta kịp nói câu nào.

Cuộc thẩm vấn của chúng tôi với người bị buộc tội được chúng tôi mong đợi rất nhiều, đã cho thấy không thu được thông tin bổ sung nào. Dow đang bị giam tại nhà tù hạt Leeds theo lệnh của bồi thẩm đoàn, chúng tôi không thể làm được gì để ngừng bản cáo trạng. Điều gì đó mà Hume đã nói trước khi chúng tôi ra về đã thuyết phục bổ tôi, người có tư duy thông thái của các chính trị gia, rằng Dow sẽ là một vật tế tức thời cho “công lý.” Tại thành phố New York, với các lịch xử án ken đặc kín mít, hầu hết các vụ tố tụng hình sự sẽ phải mất đến hàng tháng chuẩn bị. Nhưng ở nơi cách xa thành phố như ở đây, nơi số lượng các vụ án ít và vì các lý do chính trị, mỗi quan tâm của công tố viên, một phiên xử sẽ được thúc giục giải quyết nhanh gọn. Dự kiến Aaron Dow có thể chính thức bị truy tố, xét xử và tuyên án trong khoảng thời gian ngắn đến khủng khiếp.

“Ngài thanh tra,” Hume nói, “dân chúng chỉ muốn vụ này được giải quyết ngay không chậm trễ,”

“Lũ chuột,” bổ tôi khó chịu nói. “Ủy viên công tố thì muốn thêm chiến thắng nữa để rộng đường hoạn lộ, còn băng nhóm của Fawcett thì muốn trả thù. À, mà bác sỹ Fawcett đâu? Cậu có thông tin gì về anh ta chưa?”

“Nghe này, thanh tra,” Hume ngắt lời, đỏ mặt. “Tôi không quan tâm đến giọng lưỡi của ngài. Tôi đã từng nói với ngài rằng, tôi chân thành tin rằng người này có tội, bằng chứng gián tiếp đang chiếm ưu thế. Tôi chú trọng vào thông tin, chứ không phải giả thiết! Và lời nói bóng gió của ngài rằng tôi đang tranh thủ về chính trị...”

“Kiềm chế đi,” bổ tôi lạnh lùng nói. “Cậu chân thành, công nhận điều đó. Nhưng cậu cũng mù quáng và sẵn sàng nắm chắc lấy cơ hội. Xét theo quan điểm của cậu, thì không thể nói là tôi trách cậu. Nhưng Hume này, toàn bộ chuyện này quá thú vị. Cậu không thường xuyên nhận được vụ như thế này, khi bằng chứng chỉ ra một nghi phạm rõ ràng, về mặt tâm lý học thì sai bét. Kẻ ranh mãnh bé nhỏ đáng thương này thì không hợp tiêu chí đó, thế thôi... Mà cậu còn chưa trả lời câu hỏi của tôi về bác sỹ Ira Fawcett.”

“Vẫn chưa tìm được ông ta,” Hume nói bằng giọng thấp. “Tôi xin lỗi đã cảm thấy như vậy về Dow, thừa thanh tra. Tại sao lại phải đi tìm một lời giải thích khó hiểu, khi sự thật bày ra ngay trước mặt ngài? Ngoại trừ lời giải thích về cái mảnh rương bé tí ấy - mà đó không thể là chi tiết quan trọng ngoài ý nghĩa về mặt lịch sử - thì chỉ còn một nhúm việc chưa giải quyết nữa cần hoàn thành thôi.”

“Hừm,” bố tôi nói. “Thế hả? Vậy thì chúng tôi sẽ chúc cậu một ngày tốt lành.”

Thế rồi bố con tôi quay về nhà Clay trên đồi, với tâm trạng chán nản nãy nê.

Bố tôi dành trọn ngày Chủ nhật với Elihu Clay tại các mỏ đá, tham gia cuộc tấn công bất ngờ các sổ sách và ghi chép nhưng không đạt kết quả. Về phần mình, tôi tự giam mình trong phòng tỏ thái độ khó chịu không giấu giếm đối với Jeremy, và đốt hết một bao thuốc trong khi ngẫm nghĩ về vụ án. Mặt trời sưởi ấm những khớp ngón tay trần của tôi khi nằm ườn ra trên giường trong bộ pijama. Nhưng trái tim tôi đông cứng; tôi cảm thấy lạnh giá và phát ốm khi thấy khiếp đảm trước tình cảnh của Dow, và sự vô dụng của chính mình. Tôi điếm lại giả thiết của mình qua từng liên kết. Trong khi chuỗi sự kiện rất mạnh mẽ về mặt logic, thì tôi lại không thể tìm được cái móc nào đủ chắc làm bằng chứng pháp lý về sự vô tội của Dow. Họ sẽ chẳng bao giờ tin...

Jeremy gõ cửa phòng ngủ của tôi. “Lạnh lùng thế Pat. Đi cưỡi ngựa với anh đi.”

“Ra ngoài đi, nhóc.”

“Đúng là một ngày lạ thường, Patty ạ. Mặt trời, cây lá rồi mọi thứ. Cho anh vào đi.”

“Cái gì! Giải trí với một thanh niên khi mặc pijama à?”

“Thế dục thôi mà. Anh muốn nói chuyện với em.”

“Anh có hứa không tỏ ra mình đa tình đấy chứ?”

“Anh chẳng hứa chết tiệt gì cả. Cho anh vào đi.”

“Được rồi,” tôi thở dài, “cửa có khóa đâu, Jeremy. Và nếu anh cứ khăng khăng lợi dụng một phụ nữ yếu đuối sao em cản anh được.”

Anh bước đến ngồi trên mép giường tôi. Ánh nắng cũng ve vuốt dịu dàng mái tóc xoăn của anh.

“Chàng trai bé nhỏ của bố hôm nay tẻ nhạt thế?”

“Không nói thế! Nghe này, Pat, nghiêm túc đấy. Anh muốn nói chuyện với em.”

“Được thôi, tất nhiên. Amidan của anh có vẻ trong tình trạng tốt nhỉ.”

Anh xiết chặt tay tôi. “Sao em cứ loanh quanh với cái chuyện ghê tởm kia mãi thế?”

Tôi trầm tư phá từng làn khói ngẩn lên trần nhà. “Giờ anh ngày càng ích kỷ rồi. Em không hiểu nổi anh, Jeremy. Anh không thấy một người vô tội đang sắp phải lên ghế điện à?”

“Cứ để những người có chuyên môn tốt nhất xử lý chuyện đó.”

“Jeremy Clay ơi, ” tôi cay đắng nói, “đó là lời nhận xét ngu xuẩn nhất em từng được nghe. Ai là người có chuyên môn tốt nhất hả? Hume à? Một thanh niên đẹp trai với những ảo tưởng sức mạnh quá rõ ràng. Anh ta không thấy được cái gì dài quá cái mũi mình hai phân. Kenyon à? Một lão nhà quê ngu như bò, với đôi ủng xấu kinh. Có luật pháp tại Leeds, chàng trai ạ; và giữa chúng là Aaron Dow tội nghiệp chẳng có lấy một cơ hội nào.”

“Thế còn bố em thì sao?” anh cố tình hỏi với ác ý.

“Ôi, bố em đi đúng hướng đấy nhưng một sự trợ giúp nhỏ có làm hại ai đâu... Và làm ơn đừng có vuốt ve bàn tay em nữa, ngài Clay. Ngài sẽ làm xước da đấy.”

Anh nghiêng người sang gần hơn. “Patience, em yêu, anh...”

“Đấy,” tôi nói, ngồi dậy trên giường, “cái kiểu bóng gió ám chỉ của anh đấy. Khi một thanh niên tăng thân nhiệt bất thường, với nét dục tính trong mắt, họ thường ăn nói như thế...”

Tôi thở dài khi anh bỏ đi. Jeremy là một thanh niên dễ coi nhất, nhưng anh ấy sẽ chẳng giúp được gì để cứu rỗi Aaron Dow khỏi biển bằng chứng gián tiếp.

Thế rồi tôi nghĩ đến già Drury Lane, và cảm thấy tâm trạng khá hơn. Nếu mọi nỗ lực đều sẽ thất bại...

Vị Cứu Tinh

Khi nghiền ngẫm lại vụ này trong óc, một yếu tố xâm chiếm toàn bộ tâm trí tôi, đó chính là sự vắng mặt bí ẩn của em trai nạn nhân. Dường như đối với tôi, trong số các lỗi bỏ sót còn lại của mình, Hume còn tập trung quá ít sự chú ý vào bác sỹ Fawcett. Tôi đã quyết định kế hoạch hành động của mình sẽ liên quan tới quý ông thích xê dịch này, việc anh ta bỏ trốn khiến tôi thấy thú vị xen lẫn tò mò.

Có lẽ tôi đã suy nghĩ quá nhiều đến chuyện này. Chắc chắn khi bác sỹ Fawcett xuất hiện, sự rụt rè của của công tố viên liên quan đến từng hành động của anh ta dường như có lý do chính đáng. Thế nhưng, tôi vẫn cảm thấy không thể phán xét một cách hời hợt con người này, qua một thời gian ngắn ở bên cạnh anh ta, tôi hoàn toàn đồng tình với bố tôi rằng, những nghi ngờ của Elihu Clay thực sự có cơ sở.

Vào sáng thứ Hai, hai ngày sau cuộc thẩm vấn thất vọng với Aaron Dow, bác sỹ Fawcett xuất hiện. Ngày thứ Hai đã trôi qua mà không xảy ra chuyện gì quan trọng, bố tôi thất vọng thông báo cho già Clay ông định bỏ vụ này. Mọi đầu mối đều chẳng dẫn tới đâu. Không có một tài liệu, hay ghi chép ở bất kỳ hình thức nào chứng minh bác sỹ Fawcett có tội; Và trong khi bố tôi có vài phỏng đoán e dè dường như hứa hẹn các kết quả, thì lúc nào cũng vậy, đến cuối cùng cuộc điều tra lại dậm chân tại chỗ.

Lần đầu tiên chúng tôi nghe nói bác sỹ Fawcett trở về là từ Elihu Clay, tại một bữa trưa ngày thứ Hai.

“Đối tác của tôi quay về rồi,” ông ta không kịp thở, tuyên bố với bố tôi. “Mới xuất hiện sáng nay.”

“Cái gì!” bố tôi kêu lên. “Tại sao lão khi già Kenyon hay Hume lại không cho tôi biết? Ông nghe nói chuyện này lúc nào?”

“Vài phút trước, đó là lý do tại sao tôi lao về nhà ăn bữa trưa. Fawcett đã gọi điện thoại cho tôi từ Leeds.”

“Anh ta đã nói gì? Anh ta sao rồi? Anh ta đã ở đâu?”

Clay lắc đầu với một nụ cười yếu ớt. “Tôi không biết. Dường như anh ta yếu ớt lắm. Anh ta bảo tôi mình đang gọi điện từ văn phòng của Hume.”

“Tôi muốn đi xem thằng cha đó,” bố tôi cầu nài. “Giờ anh ta ở đâu?”

“Ngài sẽ có cơ hội ấy sớm lắm. Tối nay anh ta sẽ tới đây nói rõ mọi chuyện. Tôi vẫn chưa cho anh ta biết ngài là ai, mà chỉ nói rằng ngài là khách ở đây.”

Đối tượng của cuộc thảo luận này ghé nhà Clay sau bữa tối một lúc. Anh ta đến bằng chiếc limousine cáu cạch mà bố tôi châm biếm gọi là “cái loại xài tiền thuế của dân.” Tài xế là một gã có bộ mặt khó coi với đôi tai nham nhở và cái mũi của một võ sĩ đấm bốc. Chỉ cần một cái liếc mắt, tôi hoàn toàn không nghi ngờ gì chức năng của anh ta không chỉ là lái xe, mà còn phải bảo vệ nhiều thứ khác.

Bác sỹ Fawcett là một người cao, tái nhợt như xác chết, giống hệt với ông anh trai quá cố ở gương mặt. Bố sung thêm nét độc đáo ở hàm răng vàng, khỏe khoắn, một nụ cười như ngựa và một chòm râu thưa, ngắn, nhọn và gọn gàng màu đen. Người anh ta toát ra thứ mùi thuốc lá ôi và thuốc sát trùng - một mùi hương chính trị - được phẩm thú vị nhưng khó chịu, không làm tăng được nét quyến rũ của anh ta. Tôi đồn rằng anh ta già hơn người anh trai thượng nghị sỹ của mình, sau này tôi biết là đúng thế. Có điều gì đặc biệt khó chịu ở anh ta, và tôi nghĩ không phải là không tưởng, khi một người như anh ta hóa ra là một chính khách nham hiểm của một thị trấn nhỏ. Thậm chí lúc này tôi nhớ lại ấn tượng khó ưa do Rufus Cotton mang lại cho tôi, lão trùm chính trị phe đối lập. Tôi thấy đau đớn cho người dân ở hạt Tilden vì họ đang ở vị thế chẳng ai thèm muốn giữa búa và đe.

Có một chuyện tôi chắc chắn ngay lập tức khi Elihu Clay giới thiệu anh ta với tôi, khi anh ta dò xét tôi chăm chú; đó là dù có cược toàn bộ vàng tại Christendorf, tôi cũng không dám tự tin vào bản thân khi chỉ có một mình với quý ông y tế này. Anh ta có thói quen dùng đầu lưỡi liếm bờ môi rất ghê tởm, theo kinh nghiệm tệ hại, đó là một dấu hiệu tư duy chắc chắn của

đàn ông. Và bác sỹ Fawcett không phải là người dễ xử lý ngay cả trước một phụ nữ khéo léo; anh ta sẽ tận dụng từng lợi thế một, không cho phép bất kỳ dẫn đò nào cản trở mình.

Tôi tự nhủ: “Patience Thumm, cẩn thận đấy. Thay đổi kế hoạch của mày đi.”

Khi đôi mắt anh ta chụp X-quang tôi xong, anh ta quay sang những người khác và một lần nữa biến thành người họ hàng gây choáng váng của người quá cố. Trông anh ta thực sự phờ phạc. Dường như với tôi, anh ta xem bố tôi - người mà Clay đã giới thiệu là “Ngài Thumm” - với sự nghi ngờ, nhưng sự có mặt của tôi chắc phải an ủi được anh ta, vì sau khi chột lóe sáng yếu ớt, đôi mắt anh ta lại phủ màu u ám. Sau đó anh ta dành phần lớn nhận xét cho đối tác của mình.

“Tôi đã có một ngày khủng khiếp với Hume và Kenyon,” anh ta nói, tay vuốt chòm râu nhọn. “Clay, ông không biết chuyện này đã ảnh hưởng đến tôi ra sao đâu. Án mạng! Trời ạ, chuyện này thật dã man...”

“Hẳn nhiên rồi,” Clay thì thầm. “Và cậu không biết chút gì về nó, cho đến sáng nay khi cậu tới đây?”

“Chẳng biết tí gì hết. Lẽ ra tôi nên nói với ông tuần trước tôi đã ở đâu, nhưng tôi chẳng bao giờ dám mơ đến... Ông thấy đấy, tôi đã cắt đứt liên lạc với nền văn minh kể từ khi rời khỏi đây; cũng chẳng buồn xem báo luôn. Tôi không thể tưởng tượng được... Tên Dow này... sao chứ, chắc hẳn ta bị điên!”

“Vậy là cậu không biết ông ta?” bố tôi ngẫu nhiên hỏi.

“Dĩ nhiên là không. Tuyệt đối xa lạ với tôi. Hume đã cho tôi xem bức thư được tìm thấy trên bàn làm việc của Joel, hoặc đúng ra là” - anh ta cắn môi rất nhanh, đôi mắt cũng liếc nhanh như chớp; anh ta đã phạm sai lầm và anh ta biết điều đó - “ý tôi là lá thư được tìm thấy trên gác trong tủ phòng ngủ của Joel. Nói ông biết, tôi đã bị sốc. Tổng tiền! Không thể tin nổi, không thể tin nổi. Tôi chắc chắn có sai lầm ghê tởm ở đâu đó.”

Vậy là anh ta cũng quen biết Fanny Kaiser! Tôi nghĩ. Lá thư... Thứ làm bận rộn tâm trí anh ta không phải nét nguệch ngoạc bằng bút chì của Dow, mà là lá thư anh trai anh ta gửi cho quý bà hấp dẫn ấy. Và lúc này tôi cảm

thấy không phải tất cả cảm xúc của anh ta đều là giả, những lời nói của anh ta dĩ nhiên có vẻ không xác thực, nhưng điều gì đó tận sâu trong tâm khảm đang gặm mòn anh ta. Có vẻ gì đó bị ám ảnh ở anh ta, như thể anh ta đang ngồi dưới lưỡi gươm Damocles, trông thấy mái tóc mình đang bạc dần.

“Chắc anh phải cực kỳ đau buồn, bác sỹ Fawcett,” tôi nhẹ nhàng nói. “Lúc này tôi có thể hình dung được cảm xúc của anh. Án mạng...” và tôi khéo léo run rẩy. Anh ta hướng ánh mắt sang tôi và xem xét tôi lần nữa, lần này với sự quan tâm riêng tư hơn. Rồi lại liếm môi lần nữa, hoàn toàn giống tên tội phạm có ria mép trong các vở kịch Melo cũ.

“Xin cảm ơn cô,” anh ta nói bằng giọng trầm.

Bố tôi sốt ruột cựa quậy. “Tay Dow này,” ông càu nhàu. “Chắc phải có liên quan gì đó với anh trai cậu.”

Cái nhìn ám ảnh quay lại, bác sỹ Fawcett quên biến tôi. Không khó để nhận ra bóng ma trong vụ này là tên tội phạm già nua, gầy nhom trong nhà tù hạt tại Leeds. Vấn đề Fanny Kaiser một lần nữa biến thành chủ đề khác. Nhưng tại sao bác sỹ Fawcett lại sợ Dow? Con người đáng thương ấy đang sở hữu sức mạnh gì?

“Hume đã rất tích cực,” Clay nói, nheo mắt lại nghiên cứu đầu điều xì gà của mình.

Bác sỹ Fawcett xua tay phản đối. “À, phải, dĩ nhiên. Anh ta không làm phiền tôi. Hume là người tốt mặc dù có hơi bị thiếu định hướng trong những niềm tin chính trị. Đúng là quá tồi tệ khi người ta kiếm lời từ đau thương của kẻ khác. Tôi cho rằng những gì báo chí nói là đúng - rằng anh ta đang lợi dụng vụ anh trai tôi bị giết để nắm lấy những cơ hội chính trị. Lá phiếu lẽ ra phải kém quan trọng hơn án mạng chứ... Nhưng thôi, chẳng thành vấn đề. Điều quan trọng đó là tội ác kinh hoàng này.”

“Dường như Hume cho rằng Dow có tội,” bố tôi đánh bạo nói, với khẩu khí của một người chỉ đơn thuần lặp lại những gì mình được nghe.

“Ra vậy.” Anh ta lại cắn môi, nhú mào. “Tôi chưa từng nghĩ đến chuyện đó. Dĩ nhiên, tôi đòi hỏi công lý phải được thực thi, ngài biết đấy. Nhưng đồng thời chúng ta không được phép để bản năng của mình thắng thế so với công lý.” Tôi cảm thấy như muốn thét lên. Con người này thốt ra những

câu nói khoa trương liến thoắng như nghệ sĩ rồi. “Tôi sẽ phải tìm hiểu điều này. Nói chuyện với Hume...”

Một tràng những câu hỏi lấp ló trên môi tôi, nhưng điều gì đó trong ánh mắt của bố ngăn tôi không thốt ra. Cái nhìn của ông như muốn ra hiệu tôi không được dính vào.

“Còn bây giờ,” bác sỹ Fawcett nói, đứng dậy, “nếu được cho phép, già Clay và cô Thumm,” anh ta lại dò xét tôi lần nữa thật lâu. “Tôi rất hy vọng tôi được hân hạnh gặp mặt hai người - riêng tư,” hai chữ cuối cùng anh ta nói bằng giọng thấp, xiết chặt tay tôi trong những ngón tay ve vuốt. “Hai người hiểu cho.” Anh ta tiếp tục nói to. “Cú sốc khủng khiếp. Tôi phải quay về rồi. Có đến hàng nghìn chi tiết... Sáng mai tôi sẽ xuống các mỏ đá, ngài Clay, sau đó chúng ta có thể nói chuyện.”

Khi xe anh ta đã rời đi, Elihu Clay nói với bố tôi. “Thanh tra này, ngài nghĩ sao về đối tác của tôi?”

“Tôi cho rằng hẳn là kẻ lừa đảo.”

Clay thở dài. “Tôi đang hy vọng những nghi ngờ của tôi là vô căn cứ. Tôi tự hỏi tại sao tối nay anh ta lại đến đây. Qua điện thoại anh ta có nói đến chuyện tiếp quản mọi thứ. Và bây giờ anh ta bảo ngày mai sẽ gặp tôi.”

“Tôi sẽ cho ngài biết tại sao tối nay anh ta qua đây,” bố tôi ngắt lời. “Đó là vì ở nơi nào đó - có lẽ là văn phòng của Hume - anh ta nghe phong thanh công việc thực sự của tôi ở đây.”

“Ngài thực sự nghĩ vậy à?” Clay thì thầm.

“Đúng. Anh ta đến đây để thăm dò tôi. Có lẽ chỉ là một nghi ngờ.”

“Thế thì tệ quá, thanh tra ạ.”

“Sẽ là vậy đấy,” bố tôi chán nản nói, “toàn bộ chuyện này là điều tồi tệ. Tôi không thích sự can đảm của thằng cha này. Không một chút nào.”



Đêm qua tôi gặp ác mộng với những con quỷ đáng sợ đang trèo lên giường, con nào con nấy - hình dung cũng khá trùng hợp - đều sở hữu bộ ria mép ngắn, nhọn và gọn cùng cái liếc mắt đều cáng như mắt ngựa. Tôi thấy mừng khi mặt trời đã lên.

Sau bữa sáng, bố con tôi lập tức đến ngay văn phòng công tố viên tại Leeds.

“Nói tôi nghe,” bố tôi càu nhàu khi Hume chưa kịp chào chúng tôi theo lệ, “hôm qua cậu có nhỏ to gì với Fawcett về thân phận thực sự của tôi không?”

Hume nhìn trừng trừng. “Tôi á? Tất nhiên là không. Sao thế, anh ta biết ông là ai à?”

“Nghe này. Thăng cha đó biết hết tất cả. Tối qua hẳn ta ghé nhà Clay, và theo cách hẳn nhìn tôi thì hẳn ta biết tổng rồi.”

“Hừm. Tôi cho rằng chắc là Kenyon đấy.”

“Lão nhận lương của Fawcett à?”

Công tố viên nhún vai. “Là một luật sư tôi không thể tuyên bố về việc đó ngay cả kín đáo. Nhưng ngài có thể tự rút ra kết luận của mình, thanh tra.”

“Bố đừng quá bức mình,” tôi ngọt ngào nói. “Ngài Hume, nếu ngài không phản đối chuyện tiết lộ bí mật trọng đại, cho hỏi chuyện gì đã xảy ra ở đây hôm qua?”

“Chẳng nhiều nhận gì đâu, cô Thumm. Bác sỹ Fawcett thú nhận rằng anh ta rất sốc trước việc anh trai bị sát hại, rằng anh ta chẳng biết gì về chuyện này vân vân. Chẳng góp được gì cho cuộc điều tra của chúng ta.”

“Anh ta có nói với ngài mình đã ở đâu vào cuối tuần không?”

“Không. Và tôi cũng không nhấn mạnh chuyện đó.”

Tôi liếc mắt sang bố tôi. “Là đàn bà, đúng không thanh tra?”

“Thôi nào, Patty!”

“Chúng tôi đã có buổi nói chuyện chẳng vui vẻ gì,” Hume chán nản nhận xét. “Và tôi vẫn đang để mắt tới anh ta. Hôm qua, ngay sau khi rời khỏi văn phòng tôi, anh ta đã cùng một nhóm những kẻ vô lương tâm, dối trá mở một cuộc họp riêng. Nói cho ngài biết, chúng đang âm mưu một chuyện

bản thủ. Với cái chết của thượng nghị sĩ, chúng phải hành động thật nhanh để khắc phục tổn thất...”

Bố tôi xoa tay. “Xin lỗi cậu, Hume, nhưng tôi không thể quan tâm đến những rắc rối chính trị của cậu, hay của anh ta nữa. Nghe này: Hẳn ta có biết gì đến mảnh rương đó không?”

“Anh ta nói anh ta không biết.”

“Hẳn đã gặp Dow chưa?”

Hume im lặng một lúc. “Rồi. Cũng rất thú vị. Nhưng mà,” anh ta nói thêm rất nhanh, “không phải phá hoại, hoặc có ý định khiến chúng ta không thể chống lại Dow. Mà thực tế là anh ta muốn thúc đẩy nó.”

“Đã xảy ra chuyện gì?”

“Chúng tôi đưa bác sỹ Fawcett đến nhà tù hạt gặp Dow.”

“Và?”

“Và bất chấp vị bác sỹ đáng kính của chúng ta có nói gì, anh ta rõ ràng quen biết Dow.” Hume dẫn mạnh quả đấm xuống mặt bàn. “Tôi chắc chắn điều đó. Một điều gì đó đã lóe lên giữa hai người họ. Chết tiệt, ngài sẽ nghĩ rằng chúng đang có âm mưu giữ im lặng. Tôi có ấn tượng chắc chắn rằng cả hai đều có lợi ích khi giữ im lặng về chuyện gì đó.”

“Sao vậy, ngài Hume,” tôi thì thầm, “tôi tin rằng ngài đang nói lý thuyết suông.”

Nhìn anh ta có vẻ khó chịu. “Bình thường tôi không quá để tâm những chuyện này. Nhưng Fawcett căm ghét Dow, chứ không chỉ quen biết. Và còn hơn thế nữa, sợ hãi... về phần Dow, tôi tin rằng cuộc nói chuyện ngăn ngại với bác sỹ đã cho hẳn niềm hy vọng. Lạ thật nhỉ, đúng không? Nhưng hẳn thực sự vênh váo lắm.”

“Chà,” bố tôi cau có nói, “vượt quá tầm tay tôi rồi. Mà này, khám nghiệm pháp y của bác sỹ Bull có tiến triển nào chưa?”

“Chưa có gì mới hết. Vẫn như được chuẩn đoán vào hôm xảy ra án mạng.”

“Dạo này Fanny Kaiser sao rồi?”

“Quan tâm thế?”

“Chết tiệt. Phải, tôi quan tâm đấy. Cô à đấy biết điều gì đó.”

“À thì,” Hume nói, ngả người về phía sau, “Tôi có những quan điểm riêng về Fanny. Bà ta là người kín đáo - không dễ moi được gì từ bà ta. Nhưng tôi tin ngày nào đó chúng ta sẽ làm Fanny phải ngạc nhiên trong đời mình.”

“Đào sâu hơn vào giấy tờ của thượng nghị sĩ phải không?”

“Có thể.”

“Rồi, cứ đào đi thanh niên, rồi ngày nào đó cậu sẽ làm Tổng thống Hoa Kỳ.” Ông đứng thẳng dậy. “Đi tiếp thôi, Patty.”

“Một câu hỏi cuối,” Tôi chậm rãi nói. Hume đan hai tay sau đầu nhìn tôi với đôi mắt mỉm cười. “Ngài Hume đã kiểm tra hết các chi tiết của tội ác chưa?”

“Cô Thumm, ý cô là sao?”

“À,” tôi đáp, “dấu mũi giày phía trước lò sưởi chẳng hạn. Ngài đã so sánh nó với đôi dép lê hay đôi giày của thượng nghị sĩ Fawcett chưa?”

“À rồi! Không phải dấu giày của thượng nghị sĩ. Đôi dép lê cũng thế - quá rộng; còn đôi giày ngài ấy thường đi lại quá to.”

Tôi thở dài nhẹ nhõm. “Còn Dow? Ngài đã kiểm tra giày của Dow chưa?”

Hume nhún vai. “Cô Thumm thân mến của tôi ơi, chúng tôi đã kiểm tra mọi thứ rồi. Làm ơn đừng quên cái dấu mũi dày đó mờ lắm. Đó có thể là giày của Dow.”

Tôi đi găng tay vào. “Đi thôi bố. Trước khi con lại dính vào một cuộc tranh cãi. Ngài Hume, nếu Aaron Dow tạo ra hai dấu chân đó - trên thảm chùi chân và trong lò sưởi - tôi sẽ đi bằng đầu.”

• • •

Khi nhìn lại vụ án lạ lùng của Aaron Dow, giờ đây tôi thấy rằng đại khái nó đang rơi vào ba giai đoạn phát triển. Và cho dù vào lúc này tôi không thể

nói trước được vụ này đi về đâu, nhưng chúng tôi đã đang gần kết thúc giai đoạn một, với sự nhanh chóng mà tôi không dám hy vọng nhiều.

Giờ đây khi nhìn lại, tôi không thể nói điều gì đã đẩy mọi chuyện nhanh đến ngạc nhiên. Thật ra mà nói, trong tiềm thức, tôi mới chỉ chuẩn bị một nửa tâm lý đón nhận nó.

Sau đêm đầu tiên ấy, khi tất cả chúng tôi đứng trong phòng làm việc của nạn nhân, tôi đã định hỏi bố tôi về Carmichael. Như tôi còn nhớ, bố tôi đã lộ ra vẻ ngạc nhiên không nhỏ khi Carmichael lần đầu tiên bước vào phòng, và có ấn tượng nhất định rằng Carmichael cũng nhận ra bố tôi. Tôi không hiểu sau đó tại sao lại không hỏi ông về anh ta, có lẽ sự phấn khích với những sự kiện đến sau đó đã xua ý định này ra khỏi tâm trí. Nhưng giờ tôi nhận ra Carmichael và thân phận thật sự của anh ta ngay từ đầu là điều quan trọng với bố tôi. Ông hẳn sẽ nói rằng mình để dành viên thư ký như một quân át chủ bài, kiên nhẫn chờ thời cơ....

Hình ảnh Carmichael đột ngột trở lại với tôi vài ngày sau đó, khi tất cả mọi thứ dường như đều vô vọng và trong trạng thái khó hiểu đến bực mình. Jeremy với khuôn mặt thờ thẫn dưới chân tôi - tôi nhớ rằng anh đã nắm lấy mắt cá chân tôi, khi chúng tôi ngồi trên hàng hiên và hào hứng tán phét về tính mảnh mai của nó một cách rất ngớ ngẩn - thì bố tôi xuất hiện, hưng phấn cao độ, lôi tuột tôi ra khỏi vòng tay của Jeremy đang ôm mắt cá để nói chuyện riêng.

“Patty,” ông thì thầm, “nóng bỏng đây! Bố vừa nhận được một cuộc gọi của Carmichael!”

Đúng là quá đột ngột. “Chúa ơi! Con đã định hỏi bố về anh ta. Anh ta là ai thế ạ?”

“Không có thời gian đâu. Bố phải đi gặp anh ta ngay tại nơi nào đó ngoài Leeds. Ở nhà hàng, anh ta nói vậy. Vào chuẩn bị đi.”

Chúng tôi vội vã rời khỏi nhà Clay với vài lý do ngớ ngẩn - Tôi nghĩ rằng bố tôi nói rằng ông đã nhận một cuộc gọi của người bạn cũ - mượn một trong những chiếc xe của Clay, chúng tôi khởi hành đến điểm hẹn gặp Carmichael. Chúng tôi đã lạc vài lần mới đi đúng đường, vào lúc đó cả hai bố con gần như cùng phát điên vì tò mò.

“Con sẽ ngạc nhiên đấy,” bố tôi nói khi ngồi bên vô lăng, “nếu biết Carmichael là một gián điệp của chính phủ.”

Tôi trở mắt nhìn. “Ôi, Lạy chúa, đúng là hãi thật. Không phải Mật Vụ ạ?”

Bố tôi cười thầm. “Tay thám tử liên bang này gắn bó với Bộ Tư pháp tại Washington. Ngày xưa bố đã gặp anh ta vài lần. Một trong số những người giỏi nhất của Bộ. Bố đã nhận ra ngay khi anh ta bước vào phòng của Fawcett, nhưng bố không muốn lật tẩy anh ta. Bố cho rằng nếu anh ta đang đóng vai thư ký, anh ta sẽ không cảm ơn bố khi làm anh ta bị lộ đâu.”

Nhà hàng là một nơi yên tĩnh đối diện xa lộ chính, vào giờ sớm như thế này nó gần như vắng tanh. Chúng tôi - hoặc bố tôi - cố gắng xoay sở rất thông minh, tôi nghĩ vậy. Ông đề nghị một phòng ăn riêng tư, và từ nụ cười tự mãn trên gương mặt người quản lý nhà hàng, rõ ràng trong tâm trí ông ta, chúng tôi đã được phân loại như một trong những cặp vợ chồng người Mỹ quyến rũ, thường xuyên hẹn hò kín đáo - ở nơi mà sự hiện diện của kẻ chơi bời phóng đảng tóc bạc cùng một cô nàng đáng tuổi con gái mình được mặc nhiên chấp nhận, cuộc sống gia đình kiểu Mỹ là như thế.

Chúng tôi được dẫn vào một phòng riêng, bố tôi cười toét: “Không, Patty, bố sẽ không tìm chỗ vui vẻ đâu,” rồi cánh cửa bật mở và Carmichael lạng lẽ bước vào. Anh ta khóa cửa lại, khi bồi bàn gõ cửa, bố tôi càu nhàu: “Biến đi nhóc,” nhận lại nụ cười thầm lịch thiệp của tay người hầu lão luyện đó.

Họ bắt tay nhau với niềm vui sướng, Carmichael cúi đầu trước tôi. “Từ biểu hiện trên nét mặt cô, cô Thumm, tôi hiểu người bố già tội lỗi này đã cho cô biết tôi là ai.”

“Vậy anh là Carmichael của Royal Mounted - Ý tôi là Mật Vụ,” tôi thốt lên. “Tôi sướng run lên đây! Tôi đã nghĩ những người như anh chỉ tồn tại trong tiểu thuyết của Oppenheim.”

“Chúng tôi tồn tại mà,” anh ta buồn rầu nói, “nhưng chúng tôi không được vui như những chàng trai trong cuốn sách đó. Ngài thanh tra, tôi đang rất vội, chỉ cố gắng lên ra được một tiếng thôi.” Có điều gì đó mạnh mẽ mới mẻ ở thái độ của anh ta: tự tin và - nguy hiểm - hơn bao giờ hết. Mật

lãng mạn trong con người tôi phản ứng như thường lệ; tôi lại ngược mắt nhìn dáng người chắc nịch, vẻ ngoài xanh xao không tuổi của anh ta rồi thờ dài. Giá như anh ta sở hữu được thể hình của Jeremy Clay!

“Thế quái nào cậu lại không liên hệ với tôi trước?” bố tôi gặng hỏi. “Tôi đã rất nóng ruột đợi chờ một tín hiệu.”

“Tôi không thể.” Anh ta rảo bước khắp phòng với phong cách lạ lùng của động vật, mỗi bước chân hạ xuống nhẹ như mèo, không một tiếng động. “Tôi đã bị theo dõi. Ban đầu là một người phụ nữ nào đó tôi nghi ngờ theo lệnh của Fanny Kaiser bám theo tôi. Tiếp theo là bác sỹ Fawcett. Tôi vẫn đang tạo vỏ bọc nhưng tình hình ngày càng nóng, ngài thanh tra. Không muốn để lộ mình quá mức cần thiết... Giờ thì nghe này.”

Tôi tự hỏi chuyện gì sẽ đến.

“Nói đi,” bố tôi càu nhàu.

Carmichael giải thích các vấn đề bằng giọng trầm tĩnh. Anh ta đã bị thượng nghị sỹ Fawcett và đảng chính trị hạt Tilden bám đuôi một thời gian dài. Hầu như tất cả bọn chúng đều đang bị chính phủ Liên bang truy nã vì các tội gian lận thuế thu nhập.

Anh ta đã cố gắng bảo vệ mình trong nhóm nòng cốt bằng nhiều cách khôn khéo. Trở thành thư ký của thượng nghị sỹ Fawcett - mà tôi đồ rằng người thư ký tiền nhiệm đã được thu xếp ra đi một cách thận trọng - kể từ đó anh ta thu thập từng chút một bằng chứng tài liệu về những chiêu thức trốn thuế của băng nhóm Fawcett.

“Cả Ira nữa à?” bố tôi hỏi.

“Tôi nên hy vọng có thể chứng minh được.”

Chữ cái C trong lá thư thượng nghị sỹ gửi cho Fanny Kaiser có thể muốn nói đến Carmichael. Anh ta là người đặt các đường dây điện thoại từ bên ngoài vào nhà. Tuy nhiên, vào lúc này các nguồn phát sinh đường dây đã được tìm thấy, kể từ khi có vụ án mạng anh ta vẫn đang ẩn mình.

“Chính xác thì Fanny Kaiser là ai, ngài Carmichael?” Tôi hỏi.

“Bà ta nhúng tay vào tất cả trò đồi bại ở hạt Tilden. Những phi vụ tay trong tay với băng nhóm của Fawcett - được bọn chúng bảo hộ, cung cấp

cho chúng hưởng chiết khấu lớn. Hume sẽ đào xới toàn bộ vụ này sớm thôi, đó sẽ là dấu chấm hết cho cả băng nhóm bản thủ này.”

Còn đối với bác sỹ Fawcett, Carmichael đã ví von anh ta với con bạch tuộc, là bộ não đứng đằng sau hình bóng đồ sộ của ông anh trai thượng nghị sỹ, bên cạnh nghề phụ là bác sỹ cấy ghép mô, thông qua Elihu Clay ngây thơ.

Carmichael cung cấp cho bố tôi hàng đống thông tin làm sao các hợp đồng đá cẩm thạch, tại hạt này và Leeds, được tuồn trái phép vào công ty của Clay mà ông ta không hề biết, bố tôi liền ghi chép lại hết.

“Nhưng điều tôi thực sự muốn đến đây nói với ngài,” tranh tra Liên bang khô khan nói tiếp, “còn quan trọng hơn nhiều. Tốt hơn tôi nên nói hết cho ngài biết trong khi vẫn đang ở trong nhà Fawcett, được cho là giải quyết các vấn đề của thượng nghị sỹ... Tôi có thông tin cực kỳ thú vị về án mạng!”

Bố con tôi cùng giật mình. “Ngài biết kẻ nào làm à?” Tôi kêu lên.

“Không. Nhưng có những thông tin chắc chắn chỉ mình tôi biết nhưng không thể nói cho Hume, vì để giải thích chuyện này tôi phải cho họ biết tôi là ai, và tôi không muốn thế.”

Tôi ngồi thẳng dậy, phải chăng điểm mấu chốt này trong nguyên cầu của tôi là chi tiết quan trọng cuối cùng?

“Tôi đã đang theo dõi thượng nghị sỹ suốt mấy tháng. Vào đêm xảy ra án mạng, khi ông ấy đuổi tôi ra ngoài, tôi đã nghi ngờ. Thật khôi hài, tôi quyết định nán lại và xem có chuyện gì. Tôi bước xuống những bậc thềm hàng hiên và náu mình sau bụi rậm đối diện lối đi. Lúc này là chín giờ bốn mươi năm phút. Trong vòng mười lăm phút không ai đến...”

“Đợi chút đã, ngài Carmichael,” tôi kêu lên phấn khích cao độ, “ngài để mắt đến cửa trước từ mười giờ kém mười lăm đến mười giờ à?”

“Còn hơn thế nữa. Đến tận mười rưỡi, khi tôi quay lại vào trong nhà. Nhưng hãy để tôi nói nốt.” Tôi có thể đã hét lên. Tuyệt vời!

Anh ta nói tiếp, vào lúc mười giờ, một người đàn ông ăn mặc kín mít lên tận mắt bước nhanh trên các bậc thềm, đến bậc trên cùng ông ta bấm chuông cửa. Đích thân thượng nghị sỹ cho người này vào; Carmichael đã

trông thấy cái bóng của Fawcett trên kính cửa đã đóng băng. Không còn ai khác đi vào nhà, và cũng chính cái bóng kín mít ấy rời đi, một mình vào lúc mười giờ hai mươi năm phút. Carmichael đợi thêm năm phút thấy nghi ngờ hơn bao giờ hết, rồi đến lúc mười rưỡi anh ta đi vào nhà thì thấy Fawcett đã chết sau bàn làm việc. Đáng tiếc Carmichael không thể cung cấp mô tả nào về người khách đó, người đàn ông ăn mặc kín mít đến tận mắt, và bên ngoài nhà lúc đó trời rất tối. Phải, có thể tin đó là Aaron Dow.

Tôi nóng ruột gạt bỏ điều này. Thời gian, thời gian! Đó mới là điều quan trọng.

“Ngài Carmichael,” tôi căng thẳng nói, “ngài tuyệt đối tin rằng ngài đã theo dõi cửa trước ngay sau khi rời khỏi nhà cho đến khi vào lại nhà, và không còn ai ngoài nhân vật ăn mặc kín mít đó đi vào rồi lại đi ra?”

Dường như anh ta bị tổn thương. “Cô Thumm thân mến của tôi ơi, nếu không tự tin thì tôi tuyên bố làm gì.”

“Và cũng chính nhân vật đó đi ra đó đã đi vào à?”

“Chính xác.”

Tôi hít một hơi sâu. Chỉ cần thêm một chi tiết nữa, vụ của mình sẽ hoàn thành.

“Khi ngài vào phòng làm việc và phát hiện thượng nghị sĩ đã chết, ngài có bước vào trước mặt lò sưởi không?”

“Không.”

Chúng tôi chia tay cùng nhau hứa sẽ giữ im lặng. Miệng tôi khô khốc trên suốt chặng đường về nhà Clay. Vẻ đẹp và sự đơn giản của lập luận gần như làm tôi khiếp sợ... Tôi liếc nhìn quai hàm bố tôi trong ánh sáng bảng táp lô. Nó cứng lại, đôi mắt ông có nét lo âu.

”Bố à,” tôi dịu dàng nói, “Con hiểu rồi.”

“Hả?”

“Con đã sẵn sàng chứng minh Aaron Dow vô tội.”

Bánh xe rít lên chói tai, bố tôi chửi thề kèm theo hơi thở khi ông bẻ ngoặt lái sang bên phải.

“Lại thế nữa rồi! Ý con là chỉ ngồi đó và nói cho bố biết những gì Carmichael vừa nói với chúng ta, là đủ chứng minh Dow vô tội à?”

“Không. Nhưng nó đã cung cấp cho con miếng ghép cuối cùng trong giả thuyết. Nó rõ ràng như kim cương rồi.”

Ông lái xe một lúc lâu trong im lặng. Rồi nói: “Bằng chứng thật sự à?”

Tôi lắc đầu. Điều này đã khiến tôi lo lắng ngay từ đầu. “Chẳng có bằng chứng nào bố có thể đưa ra trước tòa hết.” tôi buồn bã đáp.

Ông gầm gừ. “Cứ nói bố nghe xem nào, Patty.”

Tôi đồng ý. Tôi hào hứng nói mười phút trong khi gió thổi vù vù qua tai chúng tôi. Bố im lặng cho đến khi tôi nói xong, rồi gật đầu.

“Nghe hay đấy,” ông lẩm bẫm. “Nghe hay đấy. Chắc chắn không giống như đang nghe già Drury nói ra những điều kỳ diệu. Nhưng...”

Tôi thất vọng. Tôi không thể hiểu người bố tội nghiệp đang nghĩ gì trong sự ngập ngừng ấy.

“Chà,” ông thở dài, “quá sức với bố rồi, bà cụ non Patty ạ. Bố thừa nhận mình không đủ tài để đưa ra phán quyết. Đặc biệt có một điểm bố không thể hòa hợp được, Patty,” đôi bàn tay ông xiết chặt vô lăng. “Bố nghĩ chúng ta sẽ có một chuyến đi nhỏ.”

Tôi hoảng lên. “Bố! Không phải bây giờ?”

Ông cười toét. “Sáng ngày mai. Bố nghĩ tốt hơn chúng ta nên chạy đến nói chuyện với con chim ó già kia.”

“Bố! Làm ơn nói tiếng Anh đi. Gặp ai ạ?”

“Lane chứ còn ai. Nếu có điều gì đó không ổn trong giả thuyết của con, nhóc ạ, ông ta sẽ quan tâm đến nó. Dù sao ở đây bố cũng bị ra rìa rồi.”

Và đó là cách mọi chuyện được sắp xếp. Vào buổi sáng bố tôi nói hết toàn bộ thông tin liên quan đến bộ máy của bác sỹ Fawcett với Elihu Clay, nhưng không nói gì đến nguồn cấp tin. Ông khuyên ông ta đừng nên hành động gì cho tới khi chúng tôi quay về.

Xong xuôi chúng tôi lên đường, lòng không quá hy vọng.

Bài Học Về Logic

Chúng tôi tìm thấy lâu đài Hamlet đang đắm mình trong những tấm thảm xanh, trần nhà khổng lồ của lâu đài mang màu xanh ngút mắt, những bức tường véo von tiếng hót của ngàn loài chim. Được ăn học trong nền văn minh cực kỳ hiện đại, tôi không còn là một thiếu nữ điềm tĩnh thờ dài đa cảm trước những vẻ đẹp giản dị của trái đất; nhưng tôi phải thú nhận rằng tính ngọt ngào, mãnh liệt của thiên đường này xâm chiếm đầu óc tôi, tôi phải nín thở còn háo hức hơn cả một trinh nữ lạnh lùng được cho rằng sẽ làm thế, trong những ngày sống với khí carbon và xà lim sắt thép.

Chúng tôi tình cờ bắt gặp ngài Drury Lane, ngồi theo kiểu của Thánh Gandhi, trên một đồi rậm cỏ dưới ánh mặt trời. Có biểu hiện hơi khổ sở trên gương mặt ông; và chúng tôi thấy ông đang nhận một thìa đầy thuốc chán ngắt từ tay con quỷ ranh mãnh Quacey khó tin ấy. Người đàn ông nhỏ thó có làn da nám già nua nhăn nhó bản khoăn. Ngài Lane nuốt ực thứ nước khó uống ấy, nhăn mặt, tay kéo chặt hơn chiếc áo choàng vải bông vào phần thân để trần. Da thịt phần thân trên của ông vẫn săn chắc so với một người ở tuổi bảy mươi; nhưng ông gầy gò gớm, và rõ ràng là ông không khỏe.

Rồi ngược mắt lên, ông trông thấy chúng tôi. “Thumm!” ông reo lên, gương mặt bừng sáng. “Và Patience nữa, cháu yêu! Chỉ cần đưa cháu nhỏ này thôi còn tốt hơn nhiều thuốc của người đấy, Caliban*!”

Ông đứng phắt dậy, nòng hậu xiết chặt tay chúng tôi, vui sướng, hai con mắt sáng ngời, nói năng liến thoắng như một cậu nhóc học sinh, sự chào đón chân thành của ông làm bố con tôi hết sức xúc động. Ông xua Quacey đi lấy đồ uống có đá rồi kéo tôi ngồi xuống cạnh chân ông.

“Patience này,” ông nói, nghiêm túc dò xét tôi, “cháu là hơi thở của thiên đàng đích thực. Con gió nào đã mang bố con cháu tới đây? Thực sự là một việc phúc đức nhất đấy, ta đảm bảo với cháu.”

“Ồm rồi hả!” bố tôi càu nhàu, với đôi mắt lo âu.

“Tệ lắm. Tuổi già đã đánh gục ta rồi. Có vẻ ta đã mắc phải từng cơn đau của tình trạng lão suy căn cứ theo lịch y tế... Nào cho ta biết chuyện hai bố con cùng cuộc hành trình đi. Đã xảy ra chuyện gì? Cuộc điều tra đến đâu rồi? Hai bố con đã tổng tên bác sỹ Fawcett vô lại vào tù chưa?”

Bố con tôi nhìn nhau kinh ngạc. “Ngài không đọc báo à, ngài Lane?” Tôi thở gấp.

“Hả?” Nụ cười của ông vụt tắt, ông sắc sảo dò xét chúng tôi. “Không. Các bác sỹ của ta đến tận hôm nay vẫn cấm tiệt mọi hình thức giải trí tinh thần... Nhìn mặt hai người ta hiểu đã xảy ra chuyện cực kỳ không mong muốn.”

Và bố tôi kể cho ông nghe vụ giết thượng nghị sỹ Joel Fawcett. Khi nghe từ “án mạng”, đôi mắt sắc bén của ông già vụt sáng, sắc hồng trở lại trên đôi má ông. Hoàn toàn vô thức ông cởi phăng tấm áo choàng vải bông và hít thật sâu; rồi chuyển ánh mắt từ bố tôi sang tôi hỏi những câu hỏi thực sự giật mình.

“Hừm,” cuối cùng ông nói. “Thú vị. Thú vị nhất đấy. Nhưng tại sao hai người lại rời khỏi hiện trường? Patience, nghe không giống cháu gì cả. Bỏ cuộc không đỏi nữa à? Ta nên hình dung rằng hẳn là cháu sẽ phải hăng say giống một con chó săn bé bỏng, xinh xắn đến cùng chứ.”

“Ôi, con bé tích cực lắm đấy,” bố tôi căn nhắc.

“Nhưng thưa ngài Lane, thực tế là chúng tôi đã gặp khó khăn. Patty có những ý tưởng - chết tiệt, con bé ăn nói giống hệt ngài! Chúng tôi muốn có lời khuyên của ngài.”

“Ta sẽ tặng hai người,” ngài Lane nói, mỉm cười buồn, “vì những điều xứng đáng thế này giờ không còn nhiều nữa.” Khi ông nói đến đây, Quacey quay lại, bước đi loạng choạng tay mang một khay bánh sandwich và đồ uống; ngài Lane nhìn chúng tôi, khi tôi e rằng chúng tôi đã mất hết kiên nhẫn.

“Được rồi,” ông nói nhanh khi chúng tôi ăn uống xong xuôi, “hai người kể ta nghe toàn bộ câu chuyện từ đầu xem nào, không bỏ sót chi tiết nào cả.”

“Kể ra hết đi, Patty,” bố tôi nói với tiếng thở dài. “Thề có Chúa, đây là lịch sử lặp lại chính nó! Còn nhớ không - bao giờ nhỉ? - mười một năm trước à? Khi Bruno và tôi đã đến đây lần đầu tiên, kể cho ngài nghe về vụ giết Harley Longstreet? Lâu quá rồi nhỉ, ngài Lane.”

“Ngài cứ khẳng khẳng nhắc tôi nhớ về quá khứ huy hoàng ấy, chán thật,” quý ông già lẩm bẩm. “Nói tiếp đi, Patience. Ta sẽ không rời mắt khỏi môi cháu đâu. Và phải chắc chắn cháu không được bỏ sót gì.”

Và thế tôi kể một câu chuyện dài về vụ giết thượng nghị sĩ Fawcett, mô tả mọi thứ với sự chuẩn xác của bác sỹ phẫu thuật - những biến cố, thông tin, những ấn tượng về mọi người. Ông ngồi đó như một pho tượng Phật bằng ngà, lắng nghe bằng mắt. Và có vài lần cặp mắt phi thường đó rục sáng, ông khẽ gật đầu như thể nhìn thấy điều gì đó cực kỳ quan trọng trong những gì tôi đã nói.

Tôi hoàn tất thiên truyện khi giải thích lời làm chứng của Carmichael trong nhà hàng, cập nhật thêm cho câu chuyện. Và rồi ông mạnh mẽ gật đầu và mỉm cười, nằm ngả lưng xuống mặt cỏ ẩm.

Chúng tôi ngồi trong im lặng, ánh mắt bố hướng lên trời, nét mặt ngây ra đến lạ lùng. Tôi nhắm nghiền mắt lại, thở dài, tự hỏi lời phán quyết sẽ là gì. Phải chăng tôi đã bỏ lỡ gì đó trong phân tích của mình? Liệu ngài ấy có đề nghị tôi vạch ra giả thiết đã ăn sâu trong óc tôi sau bao nhiêu dòng suy nghĩ tràn đến?

Tôi mở mắt ra, ngài Lane đang ngồi dậy.

“Aaron Dow,” ông nói bằng giọng ấm áp nhẹ tênh, “là người vô tội.”

“Wow!” Tôi hét lên. “Bố, bây giờ bố nghĩ con gái mình thế nào hả?”

“Bố chưa từng nói hẳn có tội, chết tiệt,” bố tôi lẩm bẩm. “Chính cái cách con đạt đến điều đó làm phiền bố thôi.” Ông chớp mắt hai lần vì mặt trời, rồi nhìn chăm chăm ngài Lane. “Làm sao ngài biết điều đó?”

“Vậy là ngài cũng đưa ra kết luận đó,” ngài Lane lẩm bẩm. “Ngài nhắc tôi nhớ đến định nghĩa về thơ phú của Samuel Johnson. Ông ta nói rằng

tinh túy của thơ phú đó là sáng tạo - sáng tạo sản sinh sự kinh ngạc. Cháu đúng là một nhà thơ phi thường nhất đấy, Patience.”

“Thưa ngài,” tôi mạnh mẽ nói, “đó là cách nói của một quý ông đấy.”

“Giá mà ta trẻ hơn nữa, cháu yêu ạ... Giờ cho ta biết làm sao cháu quyết định rằng Aaron Dow không có tội.”

Tôi ngồi lại thật thoải mái trên lớp cỏ dưới chân ông, đắm chìm vào lập luận của mình.

“Trên cánh tay phải của thượng nghị sĩ Fawcett,” tôi bắt đầu, “xuất hiện hai vết trầy khác thường: một là vết thương do dao gây ra cách cổ tay một đoạn ngắn, vết còn lại - nhất định không phải do dao gây ra, theo lời bác sỹ pháp y Bull - cao hơn trên cánh tay khoảng bốn phân. Hơn nữa, bác sỹ Bull nói cả hai vết trầy được tạo ra ngay trước khi chúng cháu phát hiện ra xác chết, cũng vào khoảng thời gian xấp xỉ. vì những tuyên bố này khá trùng hợp với thực tế rằng tội ác bạo lực đã diễn ra không lâu trước đó. Cháu cảm thấy có lý do chính đáng để giả định rằng các vết trầy có khả năng được tạo ra trong lúc diễn ra vụ giết người.”

“Đánh giá tốt đấy,” quý ông lẩm bẫm. “Đúng, cháu có lý do chính đáng. Nói tiếp đi.”

“Suy nghĩ này khiến cháu thấy thú vị ngay từ đầu. Làm sao hai vết trầy khác nhau - tức là hai vết trầy được tạo ra với các lực khác nhau cơ bản - tuy nhiên lại xuất hiện cùng một lúc? Khi ngài ngừng lại để suy nghĩ, thì sẽ thấy đó là điều bất thường nhất. Cháu là một phụ nữ rất đa nghi mà, ngài Lane, nên cháu đã quyết định rằng vấn đề này phải được giải quyết ngay lập tức.”

Ông cười rộng ngoác. “Ta sẽ chắc chắn không phạm tội giết người, Patience, nếu cháu đang ở cách hiện trường trong bán kính mười ngàn dặm. Sắc sảo lắm, cháu yêu! và cháu đã kết luận như thế nào?”

“Vết thương do dao gây ra được giải thích rất dễ dàng. Từ vị trí xác chết trên ghế sau bàn làm việc, việc tái hiện lại nội dung tội ác đó rất đơn giản. Kẻ sát nhân chắc phải đứng trước mặt nạn nhân của hấn, phía trước bàn làm việc hoặc đứng chệch sang bên một chút. Hấn cầm lên con dao rọc giấy nằm trên bàn rồi tấn công nạn nhân. Giờ chuyện gì đã xảy ra? Thượng

ngệ sĩ theo bản rằng chắc phải giơ cánh tay phải lên tránh cú đâm. Và con dao sượt cổ tay ông ta, để lại một vết trầy sắc lẹm. Đây là bức tranh duy nhất cháu có thể dựng lại từ các thông tin.”

“Như ảnh chụp vậy, cháu yêu. Hoan hô. Rồi thì sao? Còn vết trầy kia?”

“Cháu đang nói đến nó đây. Vết trầy kia không phải do dao gây ra, hoặc ít nhất cũng không do cùng con dao đó gây ra như vết thương trên cổ tay thượng nghị sĩ, bởi vì vết trầy này - mờ nhạt và lờ mờ. Vết trầy thứ hai này xuất hiện trên cánh tay của thượng nghị sĩ cùng thời điểm lưỡi dao chém vào cổ tay ông ta. Cụ thể vết trầy này cách vết trầy do dao gây ra bốn phân trên cánh tay phải.” Tôi hít một hơi sâu. “Tức là vật gây ra nó là lưỡi dao sắc nhưng không bén nằm cách con dao trong tay kẻ sát nhân khoảng bốn phân.”

“Ngưỡng mộ.”

“Nói cách khác, giờ đây chúng ta phải tìm thứ gì đó trên tay kẻ sát nhân gây ra vết trầy thứ hai. Thứ gì có thể nằm trong tay kẻ sát nhân cách con dao trong nắm tay của hắn bốn phân.”

Quý ông già gật đầu dứt khoát. “Kết luận của cháu, Patience?”

“Một sợi dây chuyền của phụ nữ,” tôi đắc thắng reo lên, “được nạm ngọc hoặc có chạm khắc, đã cào xước cánh tay trần của Fawcett - ông ta đang mặc áo sơ mi dài tay, nhớ không - trong khi con dao đang sượt qua cổ tay ông ta!!”

Bố tôi lầm bầm trong hơi thở, ngài Lane mỉm cười. “Lại sắc sảo, cháu yêu ạ, nhưng nên hạn chế. Vậy là một phụ nữ đã giết thượng nghị sĩ Fawcett? Không nhất thiết đâu, vì có một thứ trên tay người đàn ông tương ứng về vị trí với chuỗi hạt trong tay người phụ nữ, khi cánh tay giơ lên...”

Tôi ngu ngốc nhìn chăm chăm. Sai lầm đầu tiên của tôi? Những ý nghĩ giận dữ sôi lên trong đầu tôi. Rồi: “À, ý ngài là khuy măng sét của người đàn ông? Dĩ nhiên! Cháu đã nghĩ tới rồi, nhưng làm sao đó qua trực giác cháu cảm thấy chuỗi hạt của người phụ nữ khả thi hơn.”

Ông lắc đầu. “Nguy hiểm đấy, Patience. Đừng bao giờ làm thế. Phải nghiêm túc tuân thủ những khả năng logic... Vậy là giờ chúng ta đã biết rõ được kẻ thủ ác sẽ là đàn ông hay phụ nữ.” Ông yếu ớt mỉm cười. “Có lẽ

đây chỉ đơn thuần là một trường hợp nhận thức chưa hoàn chỉnh. Giáo hoàng nói rằng tất cả những mối bất hòa là do không hiểu sự hòa hợp. Ai biết được chứ? Nhưng nói tiếp đi, Patience, cháu làm ta cảm thấy thú vị quá.”

“Bây giờ, ngài Lane, không biết đàn ông hay phụ nữ sử dụng con dao đó và gây ra hai vết trầy, chỉ chắc chắn được một điều thôi: kẻ sát nhân dùng tay trái để chém thương nghị sĩ Fawcett.”

“Làm sao cháu biết điều đó, cháu yêu?”

“Với logic đơn giản ạ. vết thương do dao gây ra nằm trên cổ tay phải của thương nghị sĩ, còn vết trầy do khuy măng sét gây ra cách bốn phân trên cổ tay ông ta, tức là vết trầy do khuy măng sét nằm bên trái vết thương do dao gây ra. Đến giờ rõ ràng chưa ạ? Giờ giả sử hung thủ cầm dao trong tay phải, vết trầy do khuy măng sét gây ra hẳn sẽ xuất hiện bên phải vết thương do dao gây ra, như khám nghiệm ban đầu sẽ cho thấy điều đó. Nói cách khác, con dao trong tay phải luôn luôn mang nghĩa là vết trầy do khuy măng sét gây ra nằm ở bên phải; tương tự nếu con dao nằm trong tay trái. Nhưng thực tế là gì? Thực tế là vết trầy do khuy măng sét gây ra xuất hiện bên trái vết thương do dao gây ra, do đó cháu kết luận rằng hung thủ dùng tay trái để thực hiện cú đâm. Trừ phi hẳn là kẻ lập dị và dĩ nhiên thế là ngu ngốc.”

“Thanh tra,” quý ông già nhẹ nhàng nói, “ngài nên tự hào về con gái mình đi. Vẫn không thể tin nổi,” ông thì thầm, mỉm cười với tôi, “rằng một phụ nữ lại có thể suy luận sắc bén đến vậy. Patience, cháu là... một viên ngọc đấy. Nói tiếp đi.”

“Đến giờ ngài vẫn đồng ý à, ngài Lane?”

“Ta kiệt sức vì sự cứng rắn không thể tránh khỏi trong logic của cháu,” ông cười thầm. “Cho đến giờ thì hoàn hảo. Nhưng cẩn thận đấy, cháu yêu, cháu đã quên đưa ra một điểm rất quan trọng”

“Đâu có ạ,” tôi trả miếng. “Ôi trời! Ý cháu là cháu quên không đưa ra, nhưng chỉ vì cháu chưa đi đến đó... Aaron Dow, kẻ đã thụ án tại nhà tù Algonquin mười hai năm hoặc hơn là người thuận tay phải - một thực tế

được đưa ra, với những thực tế khác nữa trong câu chuyện của cai ngục Magnus. Đấy có phải là điều ngài nghĩ đến không ạ”

“Đúng vậy. Ta tò mò muốn biết sao cháu nghĩ được thế.”

“Thế này ạ. Hai năm sau khi ông ta đến Algonquin, ông ta gặp một tai nạn làm liệt cánh tay phải. Và thế là ông ta học cách dùng tay trái như một phong cách riêng. Nói ngắn gọn, trong vòng mười năm ông ta trở thành người thuận tay trái.”

Bố tôi ngồi dậy. “Bây giờ chúng ta đến đây rồi,” ông phấn khích nói. “Đây là nơi chúng tôi khó hiểu, ngài Lane.”

“Ta lại nghĩ ta biết chuyện gì đang làm phiền hai người,” quý ông già nói. “Tiếp đi, Patience.”

“Đối với cháu,” tôi quả quyết nói, “thì rất rõ ràng. Mặc dù cháu phải thừa nhận mình chẳng có căn cứ gì ngoài phán đoán và quan sát để hỗ trợ ý kiến của mình - nhưng cháu vẫn cho rằng bán cầu não phải và bán cầu não trái (có phải là thuật ngữ không nhỉ?) hoạt động tương đương nhau như với chân và tay.”

“Nói tiếng Anh đi,” bố tôi càu nhàu. “Con có cái suy nghĩ đấy từ chỗ quái nào thế?”

“Bố! Con muốn nói là một người thuận tay phải dĩ nhiên sẽ thuận chân phải; và tương tự như thế thuận tay trái nghĩa là thuận chân trái. Con biết mình là người thuận tay phải, và con luôn luôn bước chân phải lên trước khi làm hầu hết mọi việc; và con cũng nhận ra điều này ở những người khác nữa. Nào, có phải cháu đang đưa ra giả định công bằng không, ngài Lane?”

“Ta hiếm khi có căn cứ về những chủ đề này, Patience. Nhưng cho đến giờ ta tin ý kiến của giới y học sẽ xác minh lời cháu. Tiếp theo là gì?”

“Nếu ngài chấp nhận điều đó, lý lẽ tiếp theo đó là nếu một người thuận tay phải không thể sử dụng được cánh tay yêu thích của mình, và phải học cách dùng tay trái, như Aaron Dow đã làm suốt mười năm, vậy thì trong tiềm thức ông ta sẽ bắt đầu dùng chân trái để đập bàn đập nữa, bất chấp thực tế là hai chân ông ta không bị làm sao. Đó là điểm bố cháu nghi ngờ nhiều nhất. Nhưng nó dường như logic, đúng không ạ?”

Ông nhú mào. “Ta e rằng cháu không thể luôn luôn áp dụng logic vào các thực tế sinh lý học, Patience.” Tim tôi chùng xuống, nếu vấn đề này bị bác bỏ thì toàn bộ phần thân bài tranh luận của tôi sẽ sụp đổ.

“Nhưng mà,” và tôi lại thấy tràn trề hy vọng, “có một thực tế khác từ câu chuyện của ngài mà cực kỳ hữu ích. Và đó là bên mắt phải của ông Aaron Dow đó cũng bị hủy hoại đồng thời với cánh tay phải bị tê liệt.”

“Điều này giải thích được mọi chuyện thế nào?” bố tôi hỏi, bối rối.

“Nó làm thay đổi đáng kể các vấn đề đấy, thanh tra. Vài năm trước ta đã có dịp tư vấn một quan chức về chủ đề này. Ngài còn nhớ vụ Brinker mà câu hỏi về tay trái và tay phải trở nên quan trọng không?” Bố tôi gật đầu. “Vị quan chức được tôi tư vấn bảo tôi rằng, lý thuyết bán cầu não trái và phải được ngành y tế chấp nhận nhiều nhất là lý thuyết thị giác. Nếu tôi nhớ chính xác câu anh ta nói, lý thuyết thị giác duy trì quan điểm rằng, ở trẻ sơ sinh tất cả những cử động chủ động phụ thuộc vào hình ảnh. Anh ta cũng nói rằng các xung động thần kinh có liên quan với thị lực, bàn tay, bàn chân, nói, viết, tất cả đều bắt nguồn từ một vùng não tương tự - ta quên mất thuật ngữ chính xác rồi. Thị lực đòi hỏi cả hai mắt, nhưng mỗi con mắt là một chủ thể của chính nó, các hình ảnh của mỗi con mắt đạt ý thức hoàn toàn độc lập và riêng rẽ. Một trong hai con mắt như một ‘kính ngắm’ có chức năng như kính ngắm của súng. Con mắt nào dùng để ngắm sẽ quyết định cá nhân đó thuận tay trái hay tay phải. Nếu thị lực của một mắt bị hỏng, khả năng của thị lực sẽ được chuyển sang con mắt kia.”

“Cháu hiểu ngài đang nói tới đâu,” tôi chậm rãi nói. “Nói cách khác, căn cứ theo lý thuyết thị giác, một người thuận tay phải ngắm bằng mắt phải, và nếu người đó mất mắt phải và dùng mỗi mắt trái, khả năng thị lực được chuyển sang và ảnh hưởng đến cá nhân đó về mặt sinh lý, nhờ thế anh ta trở thành người thuận tay trái.”

“Đại thể đúng vậy. Dĩ nhiên, như ta hiểu, còn các yếu tố khác như thói quen nữa. Nhưng chắc chắn Dow đã sử dụng mỗi mắt trái trong mười năm, tương tự như thế là cánh tay trái. Trong trường hợp đó, ta cảm thấy chắc chắn anh ta hẳn bị thói quen đó chi phối, thần kinh anh ta cũng có sự thay đổi, để cũng trở thành một người thuận tay trái.”

“Wow!” Tôi nói. “Cháu có duyên với những con số lẻ! Thu được câu trả lời đúng dù thông tin không chính xác... Bây giờ ngài thấy đấy, nếu đúng là trong mười năm qua Aaron Dow đã thuận chân trái cũng như tay trái, vậy chúng ta có một mâu thuẫn đáng quan tâm trong bằng chứng.”

“Cháu vừa chứng minh rằng,” ngài Lane động viên nói, “hung thủ phải dùng tay trái để sao cho trùng khớp một cách chuẩn xác với Dow. Vấn đề là gì?”

Tôi châm một điếu thuốc bằng những ngón tay run rẩy. “Cháu sẽ thảo luận nó dưới một góc độ khác. Ngài còn nhớ cháu đã nói trong câu chuyện của mình, rằng có dấu giày trong lớp tro của lò sưởi - dấu giày chân phải. Từ các thông tin khác chúng cháu biết rằng ai đó đã đốt cái gì đó rồi dập lửa, hành động này giải thích cho dấu giày đó. Giờ thì với dập lửa - cháu sẽ cạo đầu ai phủ nhận điều này - đó hoàn toàn là một hành động vô tình.”

“Không nghi ngờ gì nữa.”

“Nếu ngài muốn dập lửa, ngài sẽ phải dùng chân là chủ yếu. À, cháu sẽ thừa nhận rằng đôi khi chỉ vì tiện với vị trí đứng, ngài có thể dập bằng chân trái ngay cả khi ngài thuận chân phải. Nhưng điều này không đúng với người dập tro tàn trong lò sưởi. Vì như cháu đã nói với ngài, chúng cháu thấy dấu mũi giày chân trái trên tấm thảm trước mặt lò sưởi, nơi thứ gì đó đang bị đốt. Tức là hung thủ đang ở vào vị trí có thể dễ dàng dùng cả hai chân. Trong trường hợp này, rõ ràng hẳn sẽ dập lửa bằng chân thuận của mình. Nhưng hẳn đã dập lửa bằng chân nào? Bằng chân phải! Vậy thì hẳn là kẻ thuận chân phải, và do đó là thuận tay phải!”

Bố tôi cần nhắc gì đó không thể hiểu nổi. Quý ông già thờ dài rồi nói: “Và tất cả điều này dẫn cháu đến sự mâu thuẫn nào?”

“Đến mâu thuẫn này: Dù kẻ nào sử dụng con dao đi nữa, hẳn dùng tay trái. Dù kẻ nào dập lửa đi nữa, hẳn là kẻ thuận tay phải. Nói cách khác, có vẻ như liên quan đến hai tên; một kẻ thuận tay trái ra tay giết người; và một kẻ thuận chân phải thì đốt mảnh giấy rồi dập tắt.”

“Nói thế thì có gì sai đâu cháu yêu?” ông già nhẹ nhàng hỏi. “Có liên quan đến hai tên như cháu nói. Thế thì sao?”

Tôi nhìn trừng trừng. “Ý ngài không phải thế hay sao?”

Ông cười thâm. “Ta có ý gì?”

“Dĩ nhiên ngài đang đùa cháu! Để cháu nói tiếp. Làm sao kết luận này lại ảnh hưởng đến Aaron Dow? Không cần biết Dow dính líu như thế nào, chắc chắn ông ta không phải người đốt tờ giấy rồi dập tắt. Vì ông ấy hẳn sẽ dập bằng chân trái như chúng ta đã phân tích, và chúng ta biết đốm lửa được dập bằng chân phải.”

“Rất tốt. Thế tờ giấy được đốt vào mốc thời gian nào? Tập giấy trên bàn làm việc là tập mới - chỉ có hai tờ giấy bị mất.”

“Các vết thương chí tử của thượng nghị sĩ Fawcett đã bắn máu ra bàn làm việc chỗ ông ta ngồi; vì có một vết máu lớn hình vuông góc trên bàn thấm, góc vuông được tạo thành bởi một góc của tập giấy khi nó còn nằm trên bàn thấm. Khi bố con cháu phát hiện ra, tờ giấy trên cùng của tập giấy ghi chú trống trơn - không dính máu. Nhưng sao có thể thế được? Nếu tờ giấy trên cùng đó là tờ giấy nằm trên bàn vào thời điểm thượng nghị sĩ bị giết, chắc chắn sẽ bị bắn máu, bởi vì bàn thấm phía dưới tập giấy có dính máu. Vậy thì tờ giấy sạch bố con cháu thấy không phải là tờ giấy nằm trên cùng tập giấy ghi chú khi máu bị bắn ra từ các vết thương của thượng nghị sĩ. Nói cách khác, chắc chắn phải có tờ giấy khác nằm phía trên nó bị bắn máu, và tờ giấy đẫm máu đó đã bị xé khỏi tập giấy ghi chú, bỏ lại tờ giấy sạch nằm bên dưới. Tờ giấy bọn cháu đã tìm thấy.”

“Chính xác.”

“Bây giờ chúng ta đã giải thích được một trong hai tờ giấy bị mất: nó nằm trong phong bì được gửi cho Fanny Kaiser, và chắc đã được chính Fawcett sử dụng trước khi bị giết. Vậy tờ giấy bị mất duy nhất - tờ giấy bị đốt trong lò sưởi mà đích thân bố cháu đã khẳng định xuất phát từ tập giấy ghi chú trên bàn - chắc chắn phải là tờ giấy bị xé khỏi tập giấy ghi chú, tờ giấy thấm máu lẽ ra phải nằm ở đó nhưng đã bị xé. Nhưng nếu tờ giấy bị mất đã dính máu, nó chắc phải bị xé đi sau vụ án mạng, chính do vụ án mạng làm bắn máu ra tờ giấy đó ngay từ đầu. Do đó tờ giấy này cũng bị đốt cháy sau vụ án mạng và được dập tắt sau đó. Ai đã đốt nó? Có phải hung thủ không? Nhưng nếu hung thủ là kẻ đốt tờ giấy đồng thời cũng là kẻ dập

lửa, vậy thì Dow, người mà cháu đã chứng tỏ rằng không thể là người làm việc đó, thì cũng không thể là kẻ giết người!”

“Đấy, đấy!” quý ông già nhẹ nhàng kêu lên.”Đừng nhanh quá thế, Patience. Cháu đang giả sử rằng kẻ giết người và kẻ dập lửa là một người. Nhưng cháu có thể chứng minh được không? Vì có một cách chứng minh điều đó, cháu biết đấy.”

“Ôi, trời đất!” Bố tôi rên rỉ, rầu rĩ nhìn chăm chăm xuống chân.

“Bằng chứng? Nhất định rồi! Giả sử rằng hung thủ và kẻ dập lửa là hai người, như ngài nói. Theo lời bác sỹ Bull, vụ giết người xảy ra vào lúc mười giờ hai mươi. Carmichael đã đứng gác bên ngoài từ mười giờ kém mười lăm đến mười rưỡi, chỉ trông thấy một người đi vào nhà trong khoảng thời gian đó, và cũng chính người đó bước ra. Hơn thế nữa, cảnh sát đã lục soát toàn bộ ngôi nhà và không tìm thấy ai đang trốn. Không có ai rời khỏi nhà giữa thời điểm Carmichael phát hiện xác chết và khi cảnh sát đến. Không có lối ra nào khác ngoài cửa ra vào Carmichael đã theo dõi, vì tất cả các cửa ra vào và cửa sổ khác được phát hiện đã bị khóa từ bên trong...”
Bố tôi lại rên rỉ. “Ôi, nhưng nó đẹp lắm, ngài Lane! Vì điều này có nghĩa là không liên quan đến hai người, chỉ có một người từ đầu chí cuối, do đó chỉ một người trong căn phòng có người chết, ra tay giết người, đốt bức thư rồi dập lửa. Nhưng như cháu đã cho thấy, Aaron Dow không thể nào là người dập lửa, nên ông ta cũng không thể là hung thủ. Vậy, Aaron Dow là người vô tội như ông ta đã từng thế mười năm về trước!”

Rồi tôi ngừng lại thở lấy hơi, chờ được tuyên dương và vì mệt mỏi.

Ngài Lane trông có vẻ hơi buồn. “Ngài thanh tra, giờ đây tôi nhận ra mình đã biến thành một kẻ vô dụng của xã hội như thế nào. Ngài đã có được một Sherlock Holmes thực sự, còn việc gì để tôi làm trong cái thế giới này nữa. Cháu yêu à, đó là một phân tích tuyệt vời. Cháu đã hoàn toàn đúng - cháu đã tiến đến tận mức này.”

“Lạy Chúa tôi,” bố tôi kêu lên, vùng đứng dậy, “ngài định nói là sẽ còn nữa cơ à?”

“Còn khá nhiều nữa đấy, thanh tra, và còn quan trọng hơn nhiều.”

“Ngài muốn nói,” tôi háo hức, “rằng cháu vẫn chưa đưa ra được kết luận tự nhiên? Dĩ nhiên, có chuyện này - nếu Dow vô tội, vậy thì ai đó đang gài bẫy ông ta.”

“Và?”

“Và kẻ trừng phạt Dow, kẻ đang gài bẫy ông ta thuận tay phải. Hắn đã dùng tay trái nhằm tạo sự tương đồng rất khớp với Dow, biến Dow thành hung thủ. Tuy nhiên, việc hắn vô tình sử dụng chân phải cho thấy hắn thực sự thuận tay phải.”

“Hừm. Đó không phải điều ta muốn nói. Cháu đã bỏ sót, hoặc không xem xét những yếu tố khác dẫn đến những suy luận còn giật mình hơn nhiều, cháu yêu!”

Bố tôi giơ cả hai tay lên. Về phần mình, ngoan ngoãn nói: “Vâng?”

Ngài Lane ném sang tôi cái nhìn sắc lẹm, bốn mắt chúng tôi giao nhau một lúc. Rồi ông mỉm cười. “Vậy là cháu cũng nghĩ ra rồi đúng chưa?”

Ông lại chìm trong mơ màng, tôi nghịch nghịch một nhánh cỏ khi tự hỏi có nên nói hay không ...

“Nghe này!” Bố càu nhàu. “Bố cũng phải quyết liệt đây. Mới tình cờ nghĩ đến nó. Được rồi, Patty, hãy trả lời câu này. Làm thế quái nào con có thể chắc chắn rằng cha để lại dấu mũi giày trên thảm cũng là kẻ đập lửa? Bố thừa nhận điều này có thể đúng. Nhưng nếu con không thể chứng minh được thật nhanh, thì cái lý thuyết tuyệt vời của con đâu hết rồi thế?”

“Nói cho ông ấy nghe đi, Patience,” Ngài Lane nhẹ nhàng đáp.

Tôi thở dài. “Bố tội nghiệp ơ! Chắc bố lẫn lộn khủng khiếp rồi. Chẳng phải con đã nói rằng chỉ liên quan đến một người thôi sao? Chẳng phải con đã hỏi Carmichael rằng anh ta có bước chân lên tấm thảm gần lò sưởi không, anh ta nói không đấy sao? Chẳng phải chúng ta đã nghe ngài Hume nói rằng những dấu chân đó không thể là của thượng nghị sĩ Fawcett đó sao? Vậy thì còn ai nữa có thể để lại dấu mũi giày ngoài kẻ sát-nhân-đốt-thư đập lửa?”

“Được rồi, được rồi! Giờ chúng ta làm gì?”

Ngài Lane nhướn cặp lông mày. “Thanh tra thân mến của tôi ơ! Điều này hiển nhiên rồi còn gì?”

“Cái gì hiển nhiên?”

“Dĩ nhiên là hành động. Ngài phải quay về Leeds ngay lập tức để gặp Dow.”

Tôi nhú mày; việc này quá sức đối với tôi. Về phần bố tôi, ông hoàn toàn bối rối. “Gặp Dow? Vì Chúa, để làm gì chứ? Lão ngu si tội nghiệp đó khiến tôi sợ đấy.”

“Nhưng việc đó cực kỳ quan trọng đấy, thanh tra,” Ngài Lane vụt đứng dậy khỏi khoảnh đồi, quàng chiếc áo choàng vải bông lên vai. “Ngài phải gặp Dow trước phiên tòa...” Ông bất ngờ trở nên rất suy tư, đôi mắt ông bỗng sáng lên. “Nói thật, ngài thanh tra ạ, sau khi suy nghĩ kỹ càng, tôi tin rằng tôi thích được tham gia vụ này. Ngài có nghĩ là còn phòng cho tôi không, hay liệu anh bạn John Hume của ngài có đuổi tôi ra khỏi Leeds không?”

Tôi kêu lên: “Hura!” bố tôi thực sự trông rất vui sướng: “Ngài biết không, đây đúng là một ý tuyệt vời. Tôi sẽ bị nghiền rủa mất nếu không vui sướng khi tự ngài giải quyết vụ này, đối với Patty mà nói.”

“Nhưng tại sao ngài lại muốn gặp Dow?” tôi hỏi.

“Patience thân mến của ta, chúng ta đã xây dựng một giả thuyết tuyệt vời từ những thông tin nhất định. Giờ thì,” ngài Lane khoác cánh tay trần lên vai bố tôi, nắm lấy tay tôi, “chúng ta sẽ không tạo giả thiết nữa và tiến hành thí nghiệm thôi. Và cho dù thế,” ông nói thêm với cái nhú mày, “chúng ta vẫn chưa ra được khỏi rừng đâu.”

“Ý ngài là gì ạ?”

“Chúng ta vẫn chưa thể khám phá được,” quý ông lặng lẽ đáp, “ai là kẻ đã giết thượng nghị sĩ.”

Phép Thử Trong Xà Lim

Trong lâu đài Hamlet, bố con tôi gặp Quacey lạ thường, con quái vật nửa người nửa quỷ với những nụ cười hiền hậu, với đôi bàn tay khéo léo của nhân vật kịch thuyền trưởng Falstaff, người quản gia được ngài Lane thuê làm việc vặt sẵn sàng phục vụ khiến chúng tôi thích thú. Và giờ đây như thể hoàn tất một ảo ảnh, chúng tôi được một người đánh xe gốc Miền Tây tóc đỏ, cười toe toét lái xe đưa ra khỏi những khu rộng rãi ấy, người mà quý ông già bắt chúng tôi phải gọi là Dromio. Tự tin rằng ngón nghề của mình đã đạt mức thăng hoa, Dromio lái chiếc limousine bóng nhoáng của ngài Lane, với sự tinh tế của một luật sư Philadelphia và sự uyển chuyển của một nữ vũ công ba lê hàng đầu. Chuyến đi của chúng tôi đến vùng nông thôn theo sự hướng dẫn của ông ta trở thành một hành trình tuyệt đẹp, vui vẻ mà tôi tiếc nuối ước rằng nó sẽ kéo dài mãi.

Chuyến đi ấy đặc biệt dễ chịu vì những cuộc nói chuyện đầy tiếng cười của Drury Lane với bố tôi. Phần lớn thời gian tôi hài lòng ngồi giữa họ, mơ màng lắng nghe họ nói chuyện về những ngày xưa cũ, đặc biệt là những hồi tưởng về nhà hát của quý ông già. Cứ mỗi giây phút trôi qua tôi lại càng yêu mến ông hơn. Tôi đã biết điều gì đó về bí mật sức quyến rũ của ông. Ông luôn cố gắng làm tăng sức hấp dẫn bằng phong cách hóm hỉnh nhẹ nhàng, tất cả những gì ông nói dường như đều chuẩn không cần chỉnh, hơn thế nữa lại còn thú vị. Ông đã sống một cuộc sống đủ đầy hơn hầu hết mọi người, đã trải qua hết những tai ương; đã quen biết với tất cả những người xứng đáng quen biết trong kỷ nguyên vàng của kịch nghệ... Nhìn chung, ông là một người hấp dẫn.

Trong hành trình, một người bạn đồng hành dễ chịu cũng tốt ngang với một chiếc xe ngon, như Syrus người viết châm ngôn đã chỉ ra ở đâu đó. Và

ở đây chúng tôi được hưởng trọn cả hai điều tuyệt vời nhất. Tiếc rằng nó kết thúc quá nhanh! Chẳng bao lâu chúng tôi đã xuống Thung Lũng, với dòng sông đang lấp lánh nằm một bên, nhà tù và Leeds nằm đâu đó ở giữa phía xa xa. Và tôi run rẩy nhận ra đây là một hành trình nơi cái chết rất có thể đang đợi chờ phía cuối con đường. Khuôn mặt nhỏ sắc sảo của Aaron Dow bắt đầu nhảy múa trong làn sương mù của những ngọn đồi, lần đầu tiên kể từ khi chúng tôi rời lâu đài Hamlet, tôi để mặc những suy nghĩ u ám xâm chiếm đầu óc; vì suốt mấy tiếng dài dằng dặc của chuyến đi, Aaron Dow chỉ biết câm lạng, không một lần nào tên của ông ta được xướng lên - nên có lúc tôi đã quên đi bản chất đen tối của nhiệm vụ này. Một ý nghĩ chợt đến, lúc này tôi tự hỏi phải chăng chúng tôi đang trong chuyến đi với mục đích nhân từ vô vọng, bất lực cứu vớt con người tội nghiệp không phí cuộc đời hèn mọn của mình trên ghế điện.

Khi chiếc xe vo vo chạy trên đường cao tốc chính đến Leeds, không ai nói chuyện với ai. Chúng tôi chìm trong im lặng một lúc lâu, tôi nghĩ chúng tôi chắc cùng xúc động vì niềm tin phù phiếm đến khó chịu.

Bố tôi nói: “Được rồi, Patty, bố cho rằng chúng ta nên ghé vào khách sạn trong thị trấn, không thể cứ ở nhà Clay mãi được.”

“Bố nói sao cũng được,” tôi mệt mỏi đáp.

“Xì!” quý ông già nói. “Hai người chẳng cần phải làm thế. Vì có ta đi cùng nên ta cho rằng mình có tiếng nói trong kế hoạch này. Ngài thanh tra, ta đề nghị ngài cùng Patience nên tiếp tục ở nhà Elihu Clay, chỉ một thời gian nữa thôi.”

“Nhưng tại sao?” bố tôi phản đối.

“Vì nhiều lý do, mà chẳng có lý do nào quan trọng cả, nhưng đều nằm trong một chiến lược.”

“Có thể nói là,” tôi thở dài, “chúng ta quay trở lại để tiếp tục điều tra về Fawcett?”

“Đúng vậy,” bố tôi trầm tư nói, “mà bố vẫn chưa xong với tên lưu manh khốn kiếp... Nhưng ngài thì sao ngài Lane? Ngài không khỏe đâu, ý tôi là...”

“Không,” quý ông già mỉm cười. “Ta sẽ không quấy rầy nhà Clay đâu. Nhưng ta có một ý... Cha Muir sống ở đâu?”

“Trong căn nhà riêng bé nhỏ ngoài nhà tù,” tôi đáp. “Đúng không bố nhỉ?”

“Ừm. Cũng không phải là một ý tồi. Chẳng phải ngài nói ngài biết ông ấy sao?”

“Thực ra là biết rất rõ. Một con người đáng mến. Ta tin rằng mình sẽ ghé thăm ông ấy,” ông cười thầm, “đờ phải trả tiền khách sạn. Hai người đi cùng với ta, sau đó Dromio sẽ đưa hai người quay về nhà Clay.”

Bố tôi chỉ đường cho tài xế, chúng tôi đi men theo thị trấn bắt đầu leo lên đồi, lấy bức tượng con voi ma mút xám xịt, khổng lồ xấu xí phía trên làm đích. Xe phóng vút qua nhà Clay rồi dừng lại cách lối vào chính của nhà tù không quá trăm thước. Trước mắt chúng tôi là ngôi nhà khung nhỏ kín mít cây thường xuân, bức tường đá của ngôi nhà nở tung tóe những bông hồng sớm, cùng hàng hiên với hai cái ghế xích đu lớn đang thiết tha mời mọc người ngồi.

Dromio bấm còi xe, cánh cửa trước bật mở đúng lúc ngài Lane bước lên bậc thềm. Trên ngưỡng cửa là Cha Muir, áo thầy tu xộc xệch, gương mặt già hiền từ đang nhăn nhó đau đớn khi cố nhìn qua cặp kính dày cộp xem ai đang đến thăm mình.

Một sự ngạc nhiên lớn xen lẫn vui sướng chậm rãi nở trên gương mặt ông khi nhận ra vị khách.

“Drury Lane!” ông kêu lên, nhiệt tình xiết chặt tay ngài Lane. “Ta không dám tin vào mắt mình. Ngài đang làm gì ở đây? Chúa ơi, ta rất vui được gặp ngài. Vào đi, vào đi.”

Chúng tôi không nghe thấy câu trả lời lí nhí của ngài Lane, trong một lúc mục sư cứ bi bô mãi. Sau đó nhòm thấy chúng tôi ngồi trong xe, ông liền vén vạt áo thầy tu rảo bước xuống bậc thềm.

“Thật vinh hạnh cho ta quá,” ông kêu lên, “Thực đấy, ta...” Gương mặt bé nhăn nheo của ông già cười rạng rỡ. “Hai người không vào à? Ta đã thuyết phục được ngài Lane ở lại - ngài ấy bảo rằng ngài ấy đang đi thăm

thú Leeds - nhưng mời hai người vào uống tách trà chút đã, ta chắc chắn...”

Tôi vừa định đáp lời thì trông thấy người diễn viên già, từ trên hàng hiên lắc đầu dứt khoát.

“Chúng cháu rất tiếc,” tôi nói nhanh khi bố tôi chưa kịp mở miệng, “nhưng chúng cháu đang ở nhà ngài Clay, chỉ ghé qua đây thôi, Cha biết đấy. Để lúc khác ạ cho dù Cha đã rất tử tế, thưa Cha.”

Dromio vác hai va li hành lý nặng nề từ trên xe mang lên hàng hiên, cười ngoác miệng với ông chủ rồi quay lại xe đưa chúng tôi xuống đồi. Hình ảnh cuối cùng của hai ông già là dáng cao cao của ngài Lane biến mất vào trong nhà. Còn Cha Muir vẫn đứng nhìn theo chúng tôi, đôi mắt nuối tiếc u buồn.



Chúng tôi không gặp khó khăn gì khi lại đóng vai khách trong nhà Clay; thực ra, khi đến nơi chẳng có ai ở nhà ngoài Martha, bà quản gia nhiều tuổi; bà chào đón chúng tôi như một lẽ tự nhiên. Thế nên chúng tôi lại quay về các phòng ngủ cũ như thể chúng tôi là chủ, một tiếng sau khi bố con Jeremy quay về từ mỏ đá ăn trưa, chúng tôi đang lặng lẽ đợi chờ trên hàng hiên - với vẻ mặt còn bình tĩnh hơn hẳn chúng tôi cảm thấy, tôi e là vậy. Nhưng chẳng có chút dè dặt gì đằng sau lời chào nồng hậu của Elihu Clay, còn đối với Jeremy, anh nhìn tôi chăm chăm, mắt trở ra như thể tôi là ma quỷ hiện hình từng ghé thăm anh với những kết quả hết sức thú vị, anh những tưởng sẽ chẳng bao giờ còn mong gặp lại. Điều đầu tiên anh làm khi bình tĩnh lại đó là lôi tôi ra sau nhà đến một giàn mắt cáo nhỏ khuất sau nhiều lá cây cố gắng hôn tôi, cùng bụi đá trên mặt anh và bao nhiêu thứ khác nữa; khi khôn khéo tránh được vòng tay điêu luyện của anh, cảm thấy đôi môi anh lướt qua đầu tai trái, trong chừng mực nào đó, tôi biết rằng mình đã trở về nhà, và mọi thứ vẫn như xưa.

Chính buổi chiều hôm đó, tiếng còi xe inh tai khiến chúng tôi đứng bật dậy khỏi hàng hiên, ngược mắt lên chúng tôi thấy chiếc xe dài của ngài Lane lướt vào lối xe vào nhà. Dromio cười toét bên vô lăng, ngài Lane vẫy tay từ ghế sau.

Sau khi đã hướng dẫn cụ thể, ngài Lane nói: “Ngài thanh tra, ta rất tò mò về con người tội nghiệp đó trong nhà lao hạt Leeds,” như thể ông vô tình nghe được câu chuyện Aaron Dow ở đâu đó, và đang tranh thủ hỏi thăm.

Bố tôi nhắc lại ngay cho ông mà không hề bực mình, “Cha tuyên úy già đó đã kể cho ngài về anh ta rồi, tôi chắc vậy. Một vụ buồn. Vậy là ngài đang định vào thị trấn à?”

Tôi tự hỏi tại sao ngài Lane lại thận trọng khi nhắc đến mối quan tâm sâu sắc của mình với vụ này. Chắc chắn ông không nghi ngờ - tôi liếc nhìn gia đình Clay. Elihu Clay đang mỉm cười với sự sung sướng ngớ ngẩn trước hình ảnh đích thực của quý ông già, Jeremy mở to mắt kinh ngạc. Bất ngờ tôi nhận ra Drury Lane là một người nổi tiếng, từ thái độ thoải mái, dễ chịu của ông, tôi có thể đoán ông đã quen với sự nịnh nọt.

“Đúng,” ông đáp. “Cha Muir nghĩ rằng tôi có thể giúp được ông ấy. Tôi nên có mong muốn được gặp kẻ tội nghiệp đó. Liệu ngài sẽ thu xếp cho tôi chứ, thanh tra? Tôi hiểu rằng ngài có được đặc quyền với công tố viên.”

“Tôi có thể thu xếp để ngài gặp được ông ta. Patty, con cũng đi cùng luôn đi. Ngài sẽ không phiền chứ, Clay?”

Chúng tôi thốt ra lời xin lỗi khách sáo nhất có thể, hai phút sau chúng tôi đã yên vị cạnh ngài Lane trong chiếc limousine tiến về thị trấn.

“Tại sao ngài không muốn họ biết chúng ta đến đây làm gì?” Bố tôi gắng hỏi.

“Không có lý do gì đặc biệt cả,” ngài Lane mơ hồ đáp. “Ta nghĩ rằng tốt hơn càng ít người biết càng tốt, thế thôi. Chúng ta không gieo rắc nỗi sợ hãi cho người của mình... Ra đó là Elihu Clay đấy à? Ngoài mặt thì có vẻ chân thành đấy, ta phải nói vậy. Kiểu thương nhân tự cho mình là đúng sẽ không lộ ra điều mờ ám trên mặt, tuy nhiên sẽ biến một giao kèo tàn nhẫn thành cuộc làm ăn hợp pháp.”

“Cháu nghĩ,” tôi gay gắt nói, “ngài chỉ đang chuyện phiếm thôi, ngài Lane, ngài có bí mật nào không đấy.”

Ông phá lên cười. “Cháu yêu ơi, cháu đang đánh giá thấp sự khôn ngoan của ta rồi. Chính xác như ta nói đấy. Hãy nhớ chuyện này còn mới lạ với ta, và ta phải cảm nhận theo cách của ta trước khi bước ra ánh sáng.”

Chúng tôi tìm thấy John Hume trong văn phòng.

“VẬY RA NGÀI LÀ DRURY LANE,” anh ta nói khi chúng tôi giới thiệu hai người. “Tôi đã từng hy vọng, thưa ngài. Ngài là một trong những thần tượng hồi trẻ của tôi. Cơn gió nào mang ngài tới đây thế?”

“Sự hiếu kỳ của người già,” ngài Lane mỉm cười. “Ta là kẻ vác tù và hàng tổng chuyên nghiệp mà, ngài Hume, chuyên đi soi mói chuyên người khác. Đã rời xa sân khấu đầy bụi rồi, không nghi ngờ gì giờ đây ta đi quấy rầy người khác... Ta rất mong muốn được gặp Aaron Dow.”

“Ái chà!” Hume nói, mắt liếc nhanh bố con tôi. “Tôi thấy ngài thanh tra và cô Thumm đây đã lấy hết can đảm. Vậy thì tại sao không? Như tôi đã giải thích nhiều lần trước đó, ngài Lane, tôi là một công tố viên không phải là đao phủ viên. Tôi vô tình tin rằng Dow phạm tội giết người. Nhưng nếu ngài có thể chứng minh điều ngược lại, tôi sẽ rất hạnh phúc. Tôi cam đoan với ngài, sẽ giúp luật sư hủy bỏ tuyên án.”

“Đó là công trạng của ngài, tất nhiên,” ngài Lane nói khô khốc. “Khi nào chúng ta có thể gặp Dow?”

“Ngay lập tức. Tôi sẽ đưa ông ta đến đây.”

“Không, không!” ông già đáp nhanh. “Chúng tôi sẽ không can thiệp đến mức ảnh hưởng tổ chức của ngài đâu, Hume. Nếu có thể, chúng tôi muốn đến nhà tù hạt gặp ông ta.”

“Như ngài muốn,” công tố viên nói, nhún vai viết ra một mệnh lệnh bằng giấy. Với mẫu giấy này, chúng tôi rời văn phòng thẳng tiến đến nhà tù hạt chỉ cách một quãng ngắn. Không lâu sau chúng tôi đi theo một người gác ngục dọc hành lang tối mờ, hai bên là những gian nhỏ có chấn song dẫn đến xà lim của Aaron Dow.

Hồi ở Vienna tôi được một bác sỹ phẫu thuật trẻ nổi tiếng mời đến xem một bệnh viện mới. Khi chúng tôi xuất hiện từ một phòng mổ lúc đó không

sử dụng, tôi nhớ rằng một người hơi xanh xao đang ngồi trên một ghế dài cách đó vài thước đứng lên nhìn bác sỹ. Rõ ràng ông ta nghĩ rằng chủ nhà của tôi đến từ một trong các phòng mổ, nơi người ông ta quan tâm đang được làm phẫu thuật. Tôi sẽ không bao giờ quên được gương mặt người đàn ông tội nghiệp đó. Một khuôn mặt nhìn chung là giản dị, giờ đây bao trùm là nét mặt phức tạp nhất - nỗi sợ hãi phờ phạc khổ sở cạnh tranh với niềm hy vọng yếu ớt, gượng gượng...

Khi Aaron Dow nghe tiếng chìa khóa lạnh canh trong ổ khóa xà lim, ngược nhìn nhóm nhỏ chúng tôi đứng đó, gương mặt ông ta quặn lại chỉ còn như một nét biểu cảm. Tôi tự hỏi đã xảy ra chuyện gì với cái vẻ “tự mãn” mà công tố viên Hume đã mô tả vài ngày trước, khi anh ta cho rằng Dow đã phản mình sau khi đối mặt với bác sỹ Fawcett. Đây không phải là kẻ bị buộc tội chắc chắn mình sẽ được ân xá. Niềm hy vọng từng lấp lánh trên chiếc mặt nạ đau khổ và sợ hãi đó đang ở vào trạng thái le lói nhất. Đó là hy vọng chập chờn của một con thú bị săn đuổi, cảm nhận thấy mình không còn đường thoát. Những đường nét nhỏ sắc sảo của ông ta bị như bắn, cứ hết như thể ông ta là một bức vẽ bằng chì than ai đó lỡ tay làm nó nhòe nhoẹt. Con mắt ông ta nhìn trừng trừng như ma trời, viền quanh một màu đỏ, một vòng cung thâm quầng đỏ ngẫu. Râu ria lâu ngày không cạo, quần áo ông ta cẩu thả. Đối tượng đáng thương nhất tôi từng chứng kiến, tim tôi như bị ai bóp nghẹt khi thấy vẻ ngoài của ông ta. Tôi liếc nhìn Drury Lane, gương mặt ông rất nghiêm nghị.

Người gác ngục lười nhác mở tung cửa ra cho chúng tôi, ra hiệu chúng tôi bước vào, đóng chặt rồi khóa lại.

“Xin chào, xin chào,” Aaron Dow u ám thốt lên, căng thẳng ngồi trên mép chiếc giường tồi tàn của ông ta.

“Chào Dow,” bố tôi nói với sự thân mật miễn cưỡng. “Chúng tôi dẫn một người tới gặp ông. Đây là ngài Drury Lane. Ông ấy muốn nói chuyện với ông.”

“Ồ.” Ông ta chỉ nói có thế, nhưng nhìn chăm chăm ngài Lane như con chó chờ được ném xương.

“Xin chào Dow,” quý ông già nhẹ nhàng nói, bất ngờ nghiêng đầu liếc nhìn ra ngoài hành lang. Người gác ngục hai tay khoanh trước ngực, đứng dựa vào bức tường trống đối diện xà lim, rõ ràng đang gà gật. “Ông không phiền trả lời vài câu hỏi chứ?”

“Bất cứ điều gì, ngài Lane, bất cứ điều gì,” Dow rên rỉ, giọng thiết tha.

Tôi nghiêng người tựa vào bức tường đá gồ ghề, hơi cảm thấy buồn nôn. Bố tôi thọc hai tay vào túi áo, lẩm bẩm câu gì đó chỉ mình ông nghe thấy, với cách thức vô hại nhất, ngài Lane đang hỏi tù nhân những câu hỏi vô nghĩa, lắng nghe những câu trả lời mà chúng tôi đã biết, hoặc có lý do để tin rằng Dow sẽ chẳng bao giờ hé lộ. Tôi đứng thẳng người lại. Việc này để làm gì nhỉ? Ông già này đang nghĩ cái gì thế? Cuộc ghé thăm khủng khiếp này nhằm mục đích gì?

Họ tiếp tục rỉ rầm chuyện trò, ngày càng trở nên quen biết nhau - và ngày càng chẳng đi đến đâu cả. Tôi thấy bố tôi không ngừng bước xa khỏi bức tường rồi quay lại, về mặt cực kỳ bối rối.

Thế rồi nó đến. Khi tù nhân còn chưa kịp kết thúc bài diễn văn cay đắng và trước sự kinh ngạc của chúng tôi, quý ông già bỗng rút phắt cây bút chì ra khỏi túi ném mạnh về phía Dow, như thể ông có cách hành hình khác thay vì ghim chặt Dow xuống giường.

Tôi biết mình đã kêu lên, bố tôi nguyên rủa trong kinh ngạc, nhìn ngài Lane như thể ông già này đột nhiên mất trí. Nhưng ngài Lane đang nhìn trừng trừng tù nhân một cách có chủ đích khiến tôi hiểu ra... về phần tù nhân, miệng ông ta há hốc, theo bản năng giơ lên cánh tay trái hông tránh bị quả tên lửa đâm phải. Lúc đó tôi nhận ra cánh tay phải khô héo, lỏng lẻo thông thò ra khỏi ống tay áo của ông ta vô dụng đến thế nào.

“Cái ý tưởng quái gì thế này?” Dow kêu ré lên, co người lại trên giường. “Cố gắng... cố...”

“Đừng để tâm gì đến tôi hết,” ngài Lane lẩm bầm. “Đôi khi tôi hay bị thế, nhưng thực sự chẳng làm hại ai đâu. Giúp tôi một việc được không, Dow?”

Bố tôi đã thoải mái lại, cười toét tựa lưng vào tường.

“Một việc ư?” tù nhân run rẩy hỏi.

“Phải,” quý ông già đáp, cúi khom người nhặt chiếc bút chì dưới sàn lên. Ông quay đầu có tẩy của bút chì về phía Dow. “Làm ơn cầm tôi đi, được không?”

Cái từ “đâm” làm lóe lên ánh thông tuệ le lói trong con mắt ướt của người tù. Ông ta nắm chặt lấy chiếc bút chì bằng tay trái, e dè tấn công ngài Lane một cách vụng về.

“Ha!” ngài Lane thốt lên thỏa mãn, bước lùi lại. “Một cú đâm xuất sắc. Nào, thanh tra, ngài có vô tình mang theo một mẫu giấy nào không?”

Dow trả lại bút chì với vẻ bối rối. Bối tôi càu nhàu. “Giấy? Để làm cái quái gì?”

“Cứ xem như một trò khác thường nữa của ta đi,” ngài Lane nói với nụ cười thâm. “Nhanh nào, nhanh nào thanh tra, ngài đang lè mề đấy!”

Bối tôi lăm bằm rồi chìa ra một cuốn sổ tay bỏ túi, quý ông già nhận lấy rồi xé một trang trắng.

“Giờ thì,” ông nói khi thọc tay vào túi, bí mật lục lọi cái gì đó, “ông tin rằng chúng tôi không hại ông rồi chứ?”

“Vâng. Vâng, thưa ngài. Tôi sẽ làm bất kỳ điều gì ngài nói.”

“Một đồng minh tuyệt vời.” Ông lôi ra một bao diêm nhỏ, quẹt một que diêm, rồi bằng sự bình tĩnh tuyệt vời, ông châm lửa vào tờ giấy. Nó cháy bùng lên, ông lơ đãng thả rơi nó xuống sàn, bước lùi lại như thể đang chìm trong suy tư.

“Ngài đang làm gì thế?” Tù nhân kêu lên. “Muốn cái thứ chết tiệt này cháy bùng lên à?” Nhảy dựng khỏi giường, ông ta bắt đầu diên cuồng dẫm lên tờ giấy đang cháy bằng chân trái, cứ thế đập liên tục cho đến khi chỉ còn lại tro.

“Và như thế, ta cho rằng,” ngài Lane lăm bằm với nụ cười mỉm, “ngay cả đám bồi thẩm đoàn cũng bị thuyết phục đấy, Patience. Còn thanh tra, giờ thì ngài tin chưa?”

Bối tôi làu bàu: “Nếu không được chứng kiến tận mắt, hẳn tôi đã không bao giờ tin. Càng sống chúng ta càng được học thêm.”

Tôi thấy nhẹ nhõm, cười khúc khích, “Sao vậy, bố thực sự đang cải đạo à! Aaron Dow, ông là người rất may mắn đấy.”

“Nhưng tôi chẳng giúp...” người tù bắt đầu nói, bối rối.

Ngài Lane vỗ tay lên đôi vai tả tơi của ông ta. “Kiên cường lên, Dow,” ông hiền từ nói. “Tôi nghĩ chúng tôi sẽ đưa được ông ra ngoài.”

Sau đó bố tôi gọi người gác ngục, anh ta bước qua hành lang, mở khóa xà lim cho chúng tôi ra ngoài. Dow lao đến túm chặt lấy các chấn song sắt, vươn cổ háo hức nhìn theo chúng tôi.

Nhưng lúc chúng tôi bước vào hành lang đáng sợ, một linh cảm xấu ủa đến với tôi. Vì người gác ngục với bộ chìa khóa loảng xoảng sau lưng chúng tôi có nét mặt rất lạ lùng trên gương mặt thô kệch. Nó khiến tôi chợt nghĩ đến ác quỷ, dù tôi tự nhủ với mình rằng chỉ là tưởng tượng. Lúc này tôi tự hỏi liệu anh ta có thực sự đang gạ gật khi đứng đối diện xà lim bên kia hành lang. Ôi dào! Rốt cục ngay cả nếu có theo dõi, anh ta có thể gây ra chuyện gì chứ? Tôi liếc nhìn ngài Lane, nhưng ông đang thả bước chìm trong suy tư, tôi cho rằng ông không để ý gương mặt người gác ngục.

Chúng tôi quay về văn phòng công tố viên, lần này phải đứng chờ mỗi gối ở phòng ngoài nửa tiếng. Trong thời gian đó, ngài Lane ngồi hai mắt nhắm nghiền, rõ ràng đang ngủ. Bố tôi thực sự phải vỗ vai ông khi thư ký của Hume cuối cùng cũng nói rằng chúng tôi có thể vào. Ông đứng lên ngay lập tức lầm bầm lời xin lỗi, nhưng tôi chắc chắn ông đang chìm trong suy nghĩ về điều gì đó nằm ngoài tầm hiểu biết của tôi.

“Ngài Lane,” Hume tò mò nói khi chúng tôi ngồi trong văn phòng anh ta, “ngài đã gặp ông ta. Giờ ngài nghĩ sao?”

“Trước khi ta băng qua đường đến nhà tù hạt tuyết vời của ngài, ngài Hume,” quý ông già nhẹ nhàng đáp, “Ta chỉ tin Aaron Dow không phạm tội giết thượng nghị sĩ Fawcett. Giờ thì ta biết như thế.”

Hume nhướng đôi lông mày. “Mọi người làm tôi kinh ngạc đấy. Trước tiên là cô Thumm, tiếp theo là ngài thanh tra và giờ là ngài Lane. Một tràng ý kiến ghê gớm chống lại tôi. Ngài có phiền cho tôi biết điều gì khiến ngài nghĩ Dow vô tội không?”

“Patience, cháu yêu của ta,” ngài Lane đáp, “cháu đã dạy cho ngài Hume bài học logic chưa đấy?”

“Anh ta không nghe đâu ạ,” tôi ảo não đáp.

“Ngài Hume, nếu ngài chịu mở rộng tâm trí, vui lòng cứ làm thế trong vài phút tới nhé. Hãy quên hết mọi thứ ngài biết về vụ án đi, và cô Thumm sẽ cho ngài biết lý do tại sao cả ba chúng tôi đều cho rằng Aaron Dow là người vô tội.”

Và thế, lần thứ ba trong nhiều ngày tôi nêu lại giả thuyết của mình, lần này vì lợi ích của John Hume; cho dù trong thâm tâm, trước khi bắt đầu tôi biết một người với cái miệng ương bướng, dòng máu tham vọng thế kia sẽ không quan tâm đến logic đơn thuần. Khi tôi thuật lại hết tất cả những suy luận từ thông tin (tôi có bao gồm lời chứng của Carmichael nhưng không nói đến tên anh ta), Hume lắng nghe với thái độ lịch thiệp hoàn hảo, có vài lần anh ta gật đầu và tôi cho rằng, đôi mắt anh ta ánh lên nét ngưỡng mộ. Nhưng khi tôi nói xong thì anh ta lắc đầu.

“Cô Thumm thân mến của tôi,” anh ta nói, “thật tuyệt vời đối với một phụ nữ - hay đàn ông cũng vậy thôi - nhưng với tôi chuyện này hoàn toàn không tin được. Thứ nhất, không bởi thẩm đoàn nào tin một phân tích như thế, ngay cả khi họ có thể hiểu được nó. Thứ hai, nó mắc phải những lỗi nghiêm trọng...”

“Lỗi?” Ngài Lane có vẻ tò mò. “Hồng nào cũng có gai, những đài nước thì có bùn, và ai cũng mắc sai lầm như Shakespeare từng nói ở một trong những vở Sonnet của ông ta. Tuy nhiên, ngài Hume, tôi lại muốn ngài chỉ ra xem có tha thứ được không. Những sai lầm gì vậy?”

“Lấy chuyện không tin nổi như chân trái và chân phải. Đơn giản cô không thể đưa ra tuyên bố như thế - rằng một người bị mất mắt phải và cánh tay phải sớm muộn sẽ là người thuận chân trái. Nghe ngớ ngẩn kiểu gì. Tôi thắc mắc tính xác thực của nó về mặt y tế. Và nếu điểm này sụp đổ, ngài Lane, toàn bộ giả thuyết của cô Thumm cũng sụp đổ theo.”

“Thấy chưa?” bố tôi càu nhàu, giơ hai tay lên.

“Sụp đổ? Thưa quý ngài,” quý ông già nói, “đó là một trong số vài vấn đề trong vụ này mà tôi sẵn sàng cam đoan rằng nó không thể lay chuyển!”

Hume cười toét, “Ồ, thôi nào ngài Lane, ngài không thể nói thế. Ngay cả việc cho rằng nói chung là đúng đi nữa...”

“Cậu đã quên,” ngài Lane lẩm bẩm, “rằng chúng tôi vừa đến thăm Dow.”

Công tố viên nghiêng hai hàm vào nhau. “Ra thế đấy! Các người đã...”

“Chúng tôi đã đặt vấn đề khái quát, ngài Hume, chúng tôi nói rằng một người có tiền sử bệnh tật cụ thể như Aaron Dow liên quan đến việc sử dụng hai bàn tay, hai bàn chân hẳn sẽ thay đổi từ cá nhân thuận chân phải sang cá nhân thuận chân trái. Nhưng như ngài nói, việc đặt ra quy tắc không chứng minh được một trường hợp cụ thể.”

Ngài Lane, ngừng lại, mỉm cười yếu ớt. “Và chúng tôi đã làm được điều ấy. Đó là mục đích ban đầu của tôi khi đến Leeds. Để chứng minh rằng Aaron Dow sẽ dùng chân trái thay vì chân phải thực hiện hành động không chủ tâm.”

”Và ông ta đã làm thế?”

“Đúng vậy. Tôi ném cái bút chì về phía ông ta, và ông ta giơ cánh tay trái lên trước mặt để tránh bị ném trúng. Tôi bảo ông ta cố gắng đâm tôi đi, ông ta thực hiện nỗ lực đó bằng cánh tay trái - Điều này khiến tôi hài lòng thấy rằng người này bây giờ thuận tay trái rồi, rằng cánh tay phải của ông ta thực sự đã bị liệt. Sau đó tôi châm lửa đốt một tờ giấy, và trong cơn hốt hoảng ông ta đã đập tắt nó bằng chân trái. Ngài Hume, tôi cho rằng đó là bằng chứng.”

Công tố viên im lặng. Tôi có thể thấy trong thâm tâm anh ta đang đấu tranh với vấn đề này và đang gặp khó khăn. Một nếp nhăn sâu hằn trên làn da giữa hai mắt anh ta. “Mọi người sẽ phải cho tôi thời gian,” anh ta càu nhàu. “Tôi không thể... thật đấy, tôi không thể tự bắt mình phải tin vào thứ...thứ...” Anh ta nôn nóng gõ lên bàn. “Chỉ là đối với tôi nó không phải là bằng chứng! Nó quá nhanh, quá thiếu thực tế, quá suy diễn. Bằng chứng về sự vô tội của người này không - à, không đủ xác thực.”

Đôi mắt quý ông già ngày càng lãnh đạm. “Ngài Hume, tôi nghĩ rằng trong hệ thống pháp lý của chúng ta, một người được xem là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội, chứ không phải theo bất kỳ cách nào khác!”

“Và ngài Hume,” tôi buột miệng, không dẫn được tính nóng, “tôi đã nghĩ rằng ngài phải là người biết điều hơn thế!”

“Patty,” bố tôi nhẹ nhàng nói.

Hume đỏ mặt. “Tôi sẽ xem xét chuyện đó. Giờ nếu mọi người không phiền, xin làm ơn - tôi còn rất nhiều việc phải làm...”

Chúng tôi chia tay nhau cứng nhắc, dạo bước xuống con phố trong im lặng.

“Ở thời của mình, bố từng gặp những thằng khốn cứng đầu,” bố tôi giận dữ nói, khi chúng tôi vào xe của Dromio, “nhưng cái thằng lỏi con này thì đúng là lần đầu!”

Ngài Lane ngồi chìm trong suy tư, chăm chú nhìn cổ áo của Dromio. “Patience, cháu yêu,” ông nói bằng giọng buồn, “ta tin rằng chúng ta thua rồi, cháu nói chỉ phí lời thôi.”

“Ý ngài là sao ạ?” Tôi háo hức hỏi.

“Ta e rằng, chàng Hume đầy tham vọng này sẽ chỉ coi trọng ý thức công lý của anh ta thôi. Lúc đó khi chúng ta đang ngồi nói chuyện, ý nghĩ này chợt đến với ta. Chúng ta đã phạm một sai lầm nghiêm trọng, anh ta có thể dễ dàng chiếu tướng chúng ta nếu chứng minh được chúng ta đã cấu thả...”

“Sai lầm ư?” Tôi kêu lên, hốt hoảng. “Chắc chắn ngài nói đùa, ngài Lane. Làm sao chúng ta phạm sai lầm được?”

“Không phải chúng ta, con gái, mà là ta.” Ông chìm trong im lặng, và rồi: “Luật sư của Dow là ai? Hay là chẳng có kẻ nào hết vậy?”

“Một luật sư địa phương tên là Mark Currier,” bố tôi càu nhàu. “Clay đang cho tôi biết về ông ta hôm nay. Tôi không biết tại sao ông ta nhận vụ này, trừ phi ông ta cho rằng Dow có tội, rằng Dow thật sự có năm mươi nghìn đô la cất đâu đó.”

“Thế à? Văn phòng ông ta ở đâu?”

“Trong tòa nhà Scoharie, liền kề tòa án.”

Ngài Lane gõ lên tấm kính. “Quay lại Dromio, đưa chúng tôi quay về thị trấn. Tòa nhà bên cạnh tòa án.”

Mark Currier là một quý ông tuổi trung niên béo ú, đầu hói bóng lộn và rất tinh khôn. Gã chẳng cố gắng tỏ ra mình bận rộn; khi chúng tôi bước vào, gã đang vắt vẻo (như phiên bản rút gọn của ngài Tutt*) trên chiếc ghế quay, hai chân gác lên bàn, miệng hút điếu xì gà cũng mập gần bằng gã, hai mắt sung sướng ngắm tác phẩm điêu khắc trên thép phủ bụi của ngài

William Blackstone trên tường. “A!” gã nói bằng giọng lười nhác sau khi chúng tôi tự giới thiệu bản thân, “đúng là những người tôi muốn gặp. Xin thứ lỗi vì đã không đứng dậy - người tôi hơi mập. Ở tôi mọi người sẽ thấy vẻ oai nghiêm của luật pháp phối hợp hài hòa... Cô Thumm, Hume bảo tôi rằng cô có thông tin nóng về vụ của Dow.”

“Anh ta nói với ngài điều đó lúc nào?” Ngài Lane đột ngột hỏi.

“Vừa gọi cho tôi một phút trước. Thân thiện, đúng không?” Currier dò xét chúng tôi bằng đôi mắt bé sắc sảo. “Sao không cho tôi tham gia với? Chúa mới biết tôi sẽ cần tất cả sự giúp đỡ tôi có thể trong cái vụ khốn kiếp này.”

“Nghe này, Currier,” bố tôi nói. “Chúng tôi chẳng hề quen biết ngài. Điều gì khiến ngài nhận vụ này?”

Tay luật sư cười như một con cú béo ị. “Câu hỏi lạ lùng đấy, thanh tra. Điều gì khiến ngài hỏi vậy?”

Hai bên chăm chú nhìn nhau ôn tồn. “À không có gì,” cuối cùng bố tôi đáp, nhún vai. “Nhưng hãy cho tôi biết với ngài đây không phải là bài tập, hay ngài có thực sự tin vào sự vô tội của Dow không?”

Currier kéo dài giọng: “Thì hẳn có tội còn quái gì nữa.”

Chúng tôi nhìn nhau. “Nói tiếp đi, Patty,” bố tôi nói bằng giọng u ám.

Và thế, trong nỗi mệt mỏi vì dường như phải nói đến lần thứ một trăm, tôi lặp lại phân tích các thông tin của mình. Mark Currier lắng nghe không chớp mắt, không gật đầu, không mỉm cười; tôi đồ rằng gần như không quan tâm nữa. Nhưng khi tôi nói xong, gã lắc đầu - giống hệt John Hume. “Khá. Nhưng không có tác dụng đâu cô Thumm. Cô sẽ không bao giờ thuyết phục được bồi thẩm đoàn, toàn những thằng nhà quê, với câu chuyện huyền thuyên đó đâu.”

“Công việc của ngài là thuyết phục bồi thẩm đoàn với câu chuyện đó,” bố tôi ngắt lời.

“Ngài Currier,” quý ông già nhẹ nhàng nói. “Hãy quên bồi thẩm đoàn đi một lát. Thế ngài nghĩ sao?”

“Có khác biệt gì đâu, ngài Lane?” Gã phả khói thành từng hơi ngắn, như trong bộ phim về hải quân. “Dĩ nhiên tôi sẽ cố gắng hết sức. Nhưng chắc

mọi người không nghĩ rằng, chút trò bịp bợm trong xà lim của Dow hôm nay có thể cứu mạng hẳn đấy chứ?”

“Mạnh mẽ đấy, ngài Currier,” tôi đáp. “Làm ơn giải thích đi.” Và khi nói câu này, tôi để ý ngài Lane ngồi lún sâu hơn một chút vào ghế, đôi mắt ngài chật chứa đầy nỗi đau.

“Cô vừa tiếp tay cho công tố viên rồi,” Currier nói. “Chẳng nhẽ cô không biết là tốt hơn hết đừng có thử nghiệm với bị cáo mà không có nhân chứng à?”

“Nhưng chúng tôi là nhân chứng!” Tôi kêu lên.

Bố tôi lắc đầu, Currier mỉm cười. “Hume sẽ dễ dàng cho thấy rằng tất cả mọi người có thành kiến. Chúa biết rằng cô đã đi gần như cả thị trấn này, nói với người ta rằng Dow vô tội như thế nào.”

“Vào thẳng vấn đề đi,” bố tôi cầu nhàu, ngài Lane càng lún sâu hơn vào ghế.

“Được rồi, tôi sẽ nói. Ngài có nhận ra ngài đã để mình dính vào vụ gì không? Hume sẽ nói rằng ngài đã thả Dow để diễn trò tại tòa án!”

Tên gác ngục! Tôi nghĩ, và giờ thì tôi biết linh cảm của tôi được dựa trên thực tế. Tôi không ngừng tránh nhìn ngài Lane; ông đã kiệt quệ và hoàn toàn ngồi im trên ghế.

“Đúng như ta đã e sợ,” cuối cùng ông lẩm bẩm. “Ta chợt nghĩ đến điều đó trong văn phòng của Hume. Sai lầm của ta, và ta chẳng tìm ra lời biện minh nào cho sai lầm đó.” Đôi mắt tuyệt vời của ông phủ màu u ám; rồi ông đơn giản chỉ nói: “Tốt lắm, ngài Currier. Vì sự ngu dốt của ta đã dẫn đến thất bại này, ta sẽ tiến hành khắc phục theo cách duy nhất của ta - bằng tiền. Tiền thuê ngài là bao nhiêu thế?”

Currier chớp mắt, rồi nói chậm rãi. “Tôi làm chuyện này vì thấy tiếc cho con người tội nghiệp đó...”

“Đúng vậy. Nói số tiền của ngài ra đi, Currier. Có lẽ nó sẽ kích thích ngài bày tỏ sự cảm thông hào hùng hơn.” Quý ông già rút ra cuốn séc từ trong túi, sẵn sàng cây bút máy trong tay. Trong một lúc, chỉ nghe thấy tiếng thờ khò khè của bố tôi. Rồi Currier lạnh lùng chụm các đầu ngón tay vào nhau, nói ra một con số khiến tôi loạng choạng, bố tôi há hốc mồm kinh ngạc.

Nhưng ngài Lane im lặng viết séc rồi đặt xuống trước mặt luật sư. "Đừng tiết kiệm gì cả. Ta sẽ trả các hóa đơn."

Currier mỉm cười, hai lỗ mũi mập mạp của gã khẽ run rẩy khi liếc nhìn sang bên cạnh tấm séc trên bàn. "Ngài Lane, với khoản chi phí như thế này, tôi đủ sức cãi cho cả Ma Cà Rồng Dusseldorf đấy." Gã nhét tờ séc cẩn thận vào trong chiếc ví cũng béo như gã. "Điều đầu tiên chúng tôi sẽ phải làm đó là tìm kiếm các chuyên gia."

"Phải! Ta đang nghĩ..."

Cuộc đối thoại vẫn cứ tiếp tục, tôi nghe như tiếng vo ve. Chỉ một điều rõ ràng tôi nghe thấy. Rằng trừ phi xảy ra phép màu nào phá tan nó, bằng không hồi chuông báo tử vẫn đang reo trên đầu Aaron Dow.

Phiên Tòa

Trong những tuần trôi qua tôi thấy mình càng đắm chìm sâu hơn vào vũng bùn tuyệt vọng. Tôi không thể nhìn rõ phía trước ngoại trừ khe hở phía trên vũng bùn, ánh sáng len lỏi qua khe hở ấy xám xịt và yếu ớt. Aaron Dow sẽ phải chịu số phận bi đát, câu nói này trở thành một điệp khúc trong những suy nghĩ của tôi. Cứ lượn lờ trong nhà Clay như một bóng ma, trong thâm tâm tôi ước rằng mình chết đi cho xong; tôi sợ rằng Jeremy thấy tôi như một người bạn đồng hành chán nản. Tôi thờ ơ với hoạt động xung quanh mình, bố tôi không ngừng ở bên cạnh ngài Lane, hai người bọn họ gặp mặt Currier hết lần này đến lần khác.

Với ngày diễn ra phiên xử Aaron Dow được ấn định, tôi phỏng đoán rằng quý ông già đang chuẩn bị sẵn sàng hành động trong trận chiến quyết liệt. Có vài lần khi gặp ông, tôi thấy ông bặm môi và lầm lì, ít nói. Có vẻ ông đã đặt hết tất cả các vốn liếng không thể hoang phí của mình theo yêu cầu của Currier. Ông lao đến Leeds gặp gỡ một nhóm các bác sỹ địa phương, những người sẽ hỗ trợ tiến hành các thử nghiệm với bị cáo tại tòa án; nỗ lực không đảm bảo thành công hòng xé toang bức màn câm lặng phủ quanh văn phòng công tố viên; và cuối cùng gọi điện sang New York cho bác sỹ riêng của ông, Martini, mời đến dự phiên tòa tại vùng nông thôn này.

Tất cả những hoạt động này khiến ông và bố tôi có việc để làm; nhưng với tôi, phải ngồi không và chờ đợi thì đó là cực hình khủng khiếp. Có vài dịp hiếm hoi tôi cố gắng đến gặp Aaron Dow trong xà lim, nhưng lệnh cấm đã được áp đặt và tôi thấy mình không thể bước đi quá xa phòng chờ của nhà lao hạt. Tôi có thể đến thăm Dow khi có Currier đi kèm, dĩ nhiên gã rất sẵn lòng giúp đỡ thân chủ của mình, nhưng đến đây một lần nữa điều gì đó

ghìm chân tôi lại. Tôi đã hình thành mối ác cảm với gã luật sư ở Leeds. Ý nghĩ gặp gỡ tù nhân dưới sự có mặt của Currier khiến tôi ghấy ghê tởm.

Sau những ngày tháng lê thê, Giờ G cũng đến; phiên tòa bắt đầu với sự phô trương quá mức của các tay phóng viên và đám đông tò mò chật ních trên phố. Ngay từ đầu phiên tòa đã nhuộm màu kịch tính, cùng với đó là sự đối đầu ngày càng gay gắt bất ngờ giữa luật sư và công tố viên, chỉ tổ gây cản trở hơn là giúp được gì cho bị cáo. Tôi cho rằng bị xúc động do sự khuấy động lương tâm nhẹ hoặc sự do dự nào đó, Hume trẻ trung chọn lối đi an toàn: Cho phép trợ lý công tố viên của anh ta là Sweet, thụ lý vụ này. Lập tức Sweet và Currier đã tập hợp trước bục thẩm phán, cắn xé nhau như hai con sói. Tôi hiểu rằng họ là những kẻ thù truyền kiếp, ít nhất như được chứng minh qua thái độ họ dành cho nhau trong tòa án. Họ chất vấn nhau bằng tông giọng hằn học nhất, và rất nhiều lần Tòa phải khiển trách họ nghiêm khắc vì hành vi không đúng mực.

Và cũng từ khởi đầu này tôi thấy tất cả vô vọng đến thế nào. Suốt quá trình tẻ ngắt tuyển chọn bồi thẩm đoàn từ ban hội thẩm - phải mất đến tận ba ngày - với Currier đang thách thức hầu hết tính quy củ máy móc. Tôi tránh không nhìn ông già bé nhỏ đau khổ đang cúi đầu trên ghế tại bàn luật sư bào chữa, lắng nghe ngài thẩm phán, nhìn trừng trừng Sweet cùng những người phụ tá với con mắt chua cay, mồm lẩm bẫm với chính mình, và cứ mỗi phút trôi qua lại nghiêng đầu như thể kiếm tìm gương mặt hiền từ nào đó. Tôi biết, và người đàn ông im lặng bên tôi cũng biết Aaron Dow đang tìm kiếm ai; và rằng lời khẩn cầu hy vọng lặp đi lặp lại ấy khiến tôi muốn bện, làm tăng thêm những nếp nhăn trên gương mặt u sầu của ngài Lane.

Chúng tôi ngồi thành nhóm gần nhau tại những vị trí ưu tiên, ngay phía sau một dãy các phóng viên báo chí. Elihu Clay và Jeremy ngồi cùng chúng tôi; và cách một vài ghế, phía bên kia lối đi, là bác sỹ Ira Fawcett đang nghịch nghịch chòm râu ngắn và hát to trong nỗ lực thu hút sự đồng cảm của công chúng. Tôi cũng để ý thấy vóc dáng như đàn ông của Fanny Kaiser phía cuối tòa án, hoàn toàn đứng yên lặng như thể bà ta không nôn nóng thu hút sự chú ý vào mình. Cha Muir ngồi cạnh cai ngục Mangus chỗ

nào đó phía sau, tôi có thoáng nhìn thấy Carmichael đang điềm tĩnh ngồi phía bên trái.

Sau khi vị bồi thẩm cuối cùng được chọn lựa thỏa mãn yêu cầu cả bên nguyên lẫn bên bị tuyên thệ xong, chúng tôi cùng ngồi xuống xem diễn biến. Và chúng tôi không phải đợi lâu. Ngay lập tức chúng tôi thấy gió đang thổi chiều nào, khi trợ lý công tố viên Sweet bắt đầu thêu dệt một mạng lưới bằng chứng gián tiếp về nạn nhân của mình. Sau khi những người làm chứng được gọi lên cho biết các thông tin bề ngoài về tội ác - Kenyon, bác sỹ Bull và những người khác cung cấp lời khai theo thông lệ - Carmichael được gọi lên; anh ta làm theo với sự tôn trọng trang nghiêm, lập tức đánh lừa Sweet rằng mình đang hỏi một tên ngốc. Tuy nhiên Carmichael nhanh chóng làm tay trợ lý phải tỉnh ngộ và chứng tỏ anh ta là một nhân chứng tinh khôn. Tôi quay người lại trông thấy cái quắc mắt cau có u ám trên gương mặt bác sỹ Fawcett.

“Viên thư ký” đảm nhận vai trò của mình hoàn hảo, kể lại câu chuyện một cách thẳng thắn. Anh ta liên tục ép Sweet phải lặp lại câu hỏi dùng thuật ngữ rõ ràng hơn; thế nên ngay sau khi phiên tòa mới bắt đầu, cơn giận của Sweet chỉ chực bùng nổ... Trong khi Carmichael được gọi lên lấy lời khai, mảnh rương bằng gỗ cùng chiếc bút chì từng nguệch ngoạc viết lá thư ký tên “Aaron Dow” cũng được mang lên làm chứng.

Tiếp theo cai ngục Magnus bước lên, lặp lại lời khai về cuộc viếng thăm của thượng nghị sỹ Fawcett đến nhà tù Algonquin; và cho dù phần lớn lời khai của ông ta được trích ra từ hồ sơ bất chấp những phản đối quyết liệt của Mark Currier, ý nghĩa đầy đủ của những gì bị xóa, cũng như những gì còn lại rõ ràng gây ấn tượng với bồi thẩm đoàn - gồm hầu hết là nông dân già cả tóc hoa râm và thương nhân địa phương thành đạt.

Quá trình khô khan tẻ ngắt này kéo dài trong vài ngày. Khi Sweet dựa vào nguyên tắc tố tụng của bang, rõ ràng công tố viên đã hoàn thành quá tốt nhiệm vụ chứng minh người bị buộc tội giết người. Tôi có thể cảm thấy điều đó trong không khí, trong những cái gật đầu thông minh của đám báo chí, trong những gương mặt căng thẳng và chăm chú của bồi thẩm đoàn.

Mark Currier không có vẻ khó chịu rõ nét trước cái mùi u ám của sự chết chóc trong tòa án. Gã lặng lẽ triển khai công việc. Tôi hiểu ngay trong tâm trí gã đang nghĩ gì. Gã, bố tôi cùng với ngài Lane đã quyết định rằng cách duy nhất để bào chữa đó là đưa ra những chi tiết chứng thực đơn giản tối đa mà giả thuyết dựa trên đó; rút ra kết luận căn bản cho bồi thẩm đoàn. Tôi cũng thấy rằng Currier đã lựa chọn người một cách thông minh; cứ hễ khi nào một bồi thẩm xuất hiện những xu hướng khờ dại, gã liền viện lý do này lý do khác, cố gắng chọn được một bồi thẩm có trí tuệ ở mức trung bình khá.

Từng chút một công tố viên Leeds đã đặt ra một cơ sở. Anh ta cho gọi Carmichael lên bục nhân chứng, lần đầu tiên Carmichael kể câu chuyện mình đã do thám căn nhà vào buổi tối xảy ra án mạng, về nhân vật bí ẩn mặc áo che kín mít đến thăm, về thực tế rằng chỉ có một người đi vào rồi lại rời khỏi nhà vào đêm có án mạng. Sweet hiểm độc cố tình luận tội lời làm chứng của Carmichael bằng cách chất vấn, hỏi những câu hỏi tôi e sẽ dẫn đến những câu trả lời sai; tuy nhiên, Carmichael bình tĩnh giải thích rằng anh ta không đưa ra lời chứng này từ trước vì sợ rằng làm thế mình sẽ mất việc - anh ta đã thông minh không tiết lộ nhiệm vụ do thám ngài thượng nghị sĩ quá cố. Tôi liếc nhìn xung quanh tìm bác sỹ Fawcett, gương mặt ông ta như một đám mây giông, và tôi biết rằng nhiệm vụ điều tra riêng tư của Carmichael theo lệnh chính phủ nhất định phải chấm dứt ngay.

Tình huống khó khăn đáng ghét tiếp tục. Bác sỹ Bull, Kenyon và bố tôi, một chuyên gia tử sở cảnh sát địa phương... Từng chút một những vấn đề làm cơ sở cho giả thuyết được nêu ra. Và khi Currier dùng quỹ kế thu được những thông tin trong hồ sơ, gã cho gọi Aaron Dow lên bục nhân chứng.

Con người này thật đáng thương, như đang đứng giữa bờ vực của sự sống và cái chết, ông ta liếm môi, lưng còng xuống và ngồi đu đưa trên ghế, con mắt duy nhất của ông ta đảo liên tục. Currier nhanh chóng bắt đầu hỏi. Tôi có thể thấy rằng Dow đã được tập luyện, những câu hỏi và trả lời không hề đề cập đến tai nạn của ông ta mười năm trước; khiến tay công tố viên trợ lý không tìm ra khe hở nào để dụ bị cáo làm chứng sai về chính tội ác đó. Sweet phản đối lớn tiếng với từng câu hỏi, nhưng bị Tòa bác bỏ sau

khi Currier chỉ ra, bằng một giọng mềm mại, rằng sự khởi đầu này là cần thiết nhằm xây dựng một tình huống để bào chữa.

“Thưa Quý tòa,” gã lạng lẽ nói, “và quý bồi thẩm đoàn, tôi sẽ chứng minh rằng thượng nghị sĩ Fawcett bị một người thuận tay phải đâm chết, và bị cáo là người thuận tay trái.”

Chi tiết này quyết định thành bại. Liệu bồi thẩm đoàn có chấp nhận ý kiến các chuyên gia y tế của chúng tôi đưa ra không? Sweet có chuẩn bị trước không? Liếc nhìn khuôn mặt tái xám của anh ta tìm tôi chùng xuống. Anh ta đang chờ đợi điều này với sự nôn nóng của một thợ săn...

Khi tất cả đã kết thúc, và khi làn khói của trận chiến đã tan, tôi ngồi tê liệt trên ghế. Những chuyên gia của chúng tôi! Họ đã làm rối tung mọi thứ. Ngay cả bác sỹ của ngài Lane, một người nổi tiếng, cũng không thể thuyết phục được bồi thẩm đoàn. Vì bản thân Sweet cũng có những chuyên gia, họ công khai bày tỏ nghi ngờ lý thuyết một người thuận chân phải sẽ trở thành người thuận chân trái khi thuận tay trái; và kết quả cuối cùng sau những phân tích, kéo dài và mệt mỏi, của hàng lối bác sỹ là ngộ cụt. Cứ nhân chứng này lại phủ nhận lời khai của nhân chứng trước đó. Bồi thẩm đoàn tội nghiệp không thể quyết định được ý kiến nào là đúng.

Từng cú đấm kế tiếp nhau giáng xuống. Lời giải thích rút gọn cẩn thận cho các suy luận của chúng tôi được Mark Currier trình bày tuyệt hảo: nhưng đòn phản công của Sweet đã xóa bỏ tất cả. Trong cơn tuyệt vọng, Currier đã triệu tập ngài Lane, đích thân tôi cùng bố tôi lên bục với hy vọng rằng lời khai của chúng tôi về những thử nghiệm trong xà lim của Dow sẽ đứng vững, khi mà ý kiến của các chuyên gia đã thất bại. Sweet nhảy dựng lên trước điều này, quý quyết đòi luận tội chúng tôi. Khi đã xuyên tạc lời chúng tôi, anh ta xin phép chính quyền bang cho mở lại vụ án này và cho gọi thêm nhân chứng tiếp theo. Hóa ra đó là tên gác ngục mặt quỷ ở nhà tù hạt. Người này trên bục nhân chứng cố tình buộc tội chúng tôi đã huấn luyện cho Dow những phản ứng bàn chân. Currier rít lên những lời phản đối, vò đầu bứt tóc, chỉ thiếu nước tấn công Sweet. Nhưng thiệt hại đã rõ rồi, bồi thẩm đoàn đã thoải mái trở lại, tôi biết rằng họ đã tin lời buộc tội của Sweet là đúng... Và thế tôi tê liệt, chỉ có thể thấy trước mắt là một hình

ảnh công khai Aaron Dow buộc phải diễn trên bục nhân chứng. Người đàn ông bất hạnh ấy đã trải qua những giờ phút mệt mỏi hết cấu, đấm ròi nắm chặt nhiều thứ bằng tay trái, dậm bằng cả hai chân rồi một chân; cái chân kia - vì phải trải qua đủ mọi kiểu cử động rồi đủ mọi tư thế đến nỗi cuối cùng ông ta thở hồng hộc, phát điên vì khiếp hãi, và có vẻ như ông ta sẵn sàng chấp nhận hết mọi lời buộc tội để làm sao chấm dứt nhanh cái trò tra tấn mình phải trải qua. Toàn bộ quá trình ghê tởm này càng làm dày thêm bầu không khí u ám và bất định.

Vào ngày cuối cùng của phiên tòa, Currier tiến hành tổng kết, tất cả chúng tôi đều thấy bản viết tay trên tường. Gã đã trải qua một cuộc chiến khó khăn và thua cuộc, gã biết điều đó. Tuy nhiên, gã lại tỏ ra cứng cỏi; tôi cho rằng theo phong cách riêng gã cũng xứng đáng được tôn trọng. Và để đáp lại khoản tiền hậu hĩnh đã nhận, gã đã quyết tâm sẽ cố gắng hết sức.

“Cho các ngài biết,” gã gầm lên như sấm với bồi thẩm đoàn bơ phờ, hoang mang, “rằng nếu các ngài tổng con người này lên ghế điện, các ngài đang giáng một quả đấm tồi tệ nhất trong suốt hai mươi năm vào công lý và chuyên môn y tế! Công tố viên đã tiến hành tố tụng chống lại bị đơn thật thông minh nhưng cũng thật sai lầm, một chuỗi các sự việc được thêu dệt lên con người tội nghiệp này. Các ngài đã được nghe chuyên gia chứng minh rằng, theo bản năng, thói quen và tình trạng thuận chân trái hiện thời, ông ta hẳn sẽ dậm tờ giấy đang cháy kia bằng chân trái, mà các ngài biết rằng kẻ sát nhân đã dậm lửa bằng chân phải, và hơn nữa là chỉ có một người duy nhất có mặt trong căn phòng ấy vào đêm đó; vậy làm sao các ngài có thể nghi ngờ bị cáo vô tội này chứ? Ngài Sweet đây đã rất thông minh nhưng lại thông minh quá. Không cần biết ngài ấy moi ra bao nhiêu chuyên gia để chứng minh điều ngược lại, tôi xin nói rằng ngài ấy không thể công kích sự toàn vẹn cá nhân, danh tiếng về chuyên môn và kiến thức rất chuyên ngành của chuyên gia bào chữa có uy tín, ngài Martini xuất chúng của New York!

“Nói các ngài biết, các quý ngài bồi thẩm đoàn, không cần biết cái bằng chứng này có vẻ đáng nguyên rửa thế nào, không cần biết công tố viên đã xảo quyệt ra sao khi tiêm nhiễm vào đầu các ngài ý tưởng có sự cấu kết

trong việc chuẩn bị cho vụ này, các ngài không thể đứng trước lương tâm của mình ép con người bất hạnh, tội nghiệp này chết trên ghế điện vì một tội ác, mà về mặt thể chất, ông ta không thể phạm phải!”

Sau khi bồi thẩm đoàn cân nhắc thật kỹ trong vòng sáu tiếng rưỡi, họ kết luận Aaron Dow đã phạm tội ác ông ta bị buộc tội.

Xét đến tính chất có thể gây ra tranh luận của một số bằng chứng, bồi thẩm đoàn kính đề nghị Tòa nên thể hiện lòng khoan dung.

Mười ngày sau, Aaron Dow bị tuyên án chung thân.

Sau Cơn Chấn Động

Currier kháng cáo nhưng bị từ chối. Aaron Dow bị xiềng tay với một phó cảnh sát trưởng to khỏe, vạm vỡ gửi trả về nhà tù Algonquin giam giữ. Án tù sẽ chỉ chấm dứt hợp pháp với cái chết của ông ta.

Chúng tôi lắng nghe những báo cáo mơ hồ của Cha Muir. Như một thông lệ, khi có phạm nhân tái phạm quay về Algonquin, Dow được đối xử chính xác như tất cả những tù nhân mới bắt chấp thời gian ông ta bị giam trước đó. Một lần nữa ông ta bị buộc phải trải qua toàn bộ thông lệ bệnh hoạn của nhà tù trong nỗ lực phục hồi bản thân; để được nhận những “đặc quyền” đáng thương; và trở thành một thành viên hữu ích của cộng đồng những linh hồn lạc lối tàn bạo ấy, chừng nào ông ta còn sống sót, tùy thuộc vào cách hành xử của ông ta và lòng nhân từ của những kẻ gác ngục.

Nhiều ngày trôi qua rồi nhiều tuần xuôi theo, biểu hiện u ám và cay đắng trên gương mặt Drury Lane vẫn chưa tan đi. Tôi ngạc nhiên trước sự kiên trì của ông, một mực không chịu quay về lâu đài Hamlet mà vẫn kiên trì cùng Cha Muir, tắm nắng trong khu vườn bé nhỏ của linh mục vào ban ngày, thi thoảng còn đàm đạo vào buổi tối với Cha cùng cai ngục Magnus. Đó luôn luôn là những dịp ông hỏi han cai ngục rất nhiều về Aaron Dow.

Suốt thời gian đó tôi thấy quý ông già đang chờ điều gì đó xảy ra; nhưng liệu ông thực sự còn hy vọng không, hay chỉ ở lại Leeds vì mặc cảm đã không cứu được người tù kia, tôi không thể khẳng định. Dù sao đi nữa chúng tôi không thể bỏ rơi ông, nên hai bố con tôi cũng ở lại Leeds.

Mọi thứ đang xảy ra chỉ liên quan mơ hồ đến vụ án. Cái chết của thượng nghị sĩ Fawcett với tiết lộ rùm beng về những xấu xa trong bộ máy của ông ta có mặt trên tất cả báo chí của phe đối lập, đặt bác sỹ Fawcett vào một tình thế chính trị bấp bênh. Đối với John Hume, vụ giết Fawcett đã lắng

xuống chỉ còn như một sự thỏa mãn mơ hồ, anh ta bắt đầu công khai tấn công trong cuộc đua vào chức thượng nghị sĩ.

Đòn tấn công của anh ta dưới hình thức một sự phơi bày có chọn lọc, rõ ràng anh ta nghĩ rằng điều này có thể tha thứ được xét theo phẩm chất những đối thủ của mình. Các lời đồn đại như bản nhất bắt đầu lan ra trong thị trấn liên quan đến tư cách, sự nghiệp của thượng nghị sĩ quá cố. Mỗi ngày lại có tin mới. Rõ ràng kho vũ khí mà Hume cùng Rufus Cotton thu thập khi điều tra vụ giết thượng nghị sĩ giờ đây, từng phát một, được bắn trả về phía kẻ thù với hiệu quả mạnh mẽ.

Tuy nhiên, bác sỹ Fawcett không dễ dàng cam chịu thất bại. Bộ óc thiên tài thực sự về hoạt động chính trị, bí mật thành công của anh ta được thể hiện rõ trong nước đi trả đũa. Một nhân vật chính trị tầm cỡ kém trí tưởng tượng hẳn sẽ chiến đấu với những lời buộc tội cay nghiệt của Hume bằng cách chửi rủa, xỉ vả. Nhưng bác sỹ Fawcett không làm thế. Chống lại tất cả những lời nhục mạ, anh ta chỉ im lặng một cách trang nghiêm. Câu trả lời duy nhất của anh ta, đó là đề cử Elihu Clay vào chức thượng nghị sĩ.

Chúng tôi vẫn đang nhấn mạnh đến tính hiếu khách của nhà Clay, và tôi sẵn sàng chờ xem toàn bộ vấn đề thận trọng này sẽ diễn biến thế nào. Bất chấp giàu có, Elihu Clay có danh tiếng tốt trong hạt Tilden: Là một người nhân đức, nhà lãnh đạo của thành phần kinh doanh lành mạnh, một trong số những thế lực trong Phòng Thương mại Leeds, một ông chủ lao động có tâm - theo quan điểm của bác sỹ Fawcett, ông là ứng cử viên lý tưởng cạnh tranh với John Hume luôn to mồm đòi cải cách.

Chúng tôi có manh mối đầu tiên cho biết bác sỹ đang nghĩ gì, khi vào tối nọ anh ta ghé qua nhà tự nhốt mình trong phòng với Elihu Clay. Hai người nói chuyện tay đôi sau những cánh cửa đóng kín trong hai tiếng. Khi cuối cùng cũng bước ra ngoài, khéo léo và trơn tru như luôn luôn thế, bác sỹ Fawcett lái xe đi, chúng tôi thấy gương mặt ông chủ nhà nhăn lại thành một nét mặt do dự khá dễ chịu.

“Mọi người sẽ không đoán được,” ông ta nói bằng giọng ngạc nhiên, như thể chính ông cũng không tin nổi, “anh chàng này muốn gì ở tôi đâu.”

“Muốn ông làm con ngựa gỗ chính trị cho hẳn,” bố tôi nói dài giọng.

Clay trở mắt. “Làm sao ngài biết?”

“Dễ hiểu mà,” bố tôi đáp khô khốc. “Đó là kế hoạch tên vô lại ấy hẳn sẽ nghĩ đến. Đề nghị của hẳn là gì?”

“Anh ta muốn tôi đồng ý ra ứng cử thượng nghị sĩ với lá phiếu của Fawcett.”

“Ông đứng về phe hẳn à?”

Clay đỏ mặt. “Tôi tin rằng về các nguyên tắc...”

“Bố!” Jeremy càu nhàu. “Bố đang không nghĩ đến chuyện nhúng tay vào đây chứ?”

“Ồ, tất nhiên là không,” Clay gấp gáp đáp. “Dĩ nhiên bố từ chối. Nhưng chờ chút đã, anh ta gần như suýt khiến tôi tin rằng lần này anh ta thực sự nghiêm túc. Anh ta nói rằng một ứng cử viên thẳng thắn, chính trực và thật thà là điều tốt cho đảng... ở chẳng hạn như tôi.”

“Chà,” bố tôi nói, “tại sao lại không chứ?”

Tất cả chúng tôi nhìn ông chăm chăm.

“Chết tiệt,” bố tôi cười thầm, thích thú cắn điều xì gà, “ngài phải lấy lửa chọi lửa đây, Clay. Hẳn ta đã tạo thuận lợi cho ngài rồi. Nên chấp nhận đề cử đi!”

“Nhưng, ngài thanh tra...” Jeremy bắt đầu bằng giọng kinh ngạc.

“Tránh xa chuyện này ra, nhóc ạ,” bố tôi cười toét. “Cậu không khoái với ý tưởng thấy ông già của cậu làm thượng nghị sĩ à? Nghe này, Clay. Vào lúc này cả hai chúng ta đều tin chắc rằng sẽ chẳng tìm được gì quanh đối tác của ngài đâu. Hẳn quá thông minh. Được rồi, chúng ta sẽ chơi với hẳn. Ngài chấp nhận mỗi câu của hẳn đi, và ngài sẽ là một trong số chúng, hiểu chưa? Biết đâu ngài sẽ có thể tiếp cận được bằng chứng tài liệu nào đó. Ai biết được. Những kẻ thông minh này thường phạm sai lầm khi thành công ngay trước mắt. Và nếu ngài có thể lôi ra vài bằng chứng trước khi bầu cử, ngài luôn có thể rời khỏi sàn nhảy vào phút cuối, rồi tung hê hết khi có người bảo trợ.”

“Tôi không thích thế,” Jeremy lẩm bẩm.

“Chà,” Clay nói, với cái nhú mày khó chịu. “Chỉ là... tôi không biết nữa, thanh tra. Nó dường như là một kiểu trò bịp bợm. Tôi...”

“Dĩ nhiên rồi,” bố tôi mơ màng nói, ”cần phải có gan. Nhưng ngài có thể tự tạo cho mình và người dân đất nước này một cú đảo chiều ngoạn mục, bằng cách phơi bày hết bợn chúng. Trở thành một dạng như anh hùng đô thị, vì Chúa!”

“Hừm.” Đôi mắt Clay bắt đầu sáng lên. “Tôi chưa bao giờ nghĩ theo kiểu đó, ngài thanh tra! Có lẽ ngài nói đúng. Phải, tôi tin ngài nói đúng. Tôi sẽ thử xem. Tôi sẽ gọi lại cho anh ta bây giờ và nói rằng tôi đã đổi ý!”

Tôi kìm lòng không lên tiếng phản đối. Được ích lợi gì đâu? Vừa nghĩ tôi vừa lắc đầu trong bóng tối. Tôi không quá lạc quan vào sự thành công của mưu mẹo mà bố tôi nghĩ ra. Dường như với tôi ông bác sỹ có râu, với tham vọng sắc sảo và to lớn này đã nhìn thấu ý định của bố tôi nhiều tuần trước, đã nghi ngờ các cuộc điều tra của ông vào các tài khoản và hồ sơ của công ty Clay; anh ta đưa ra đề nghị tiến cử Clay vào chức thượng nghị sỹ vì biết ông sẽ từ chối, biết rằng bố tôi sẽ thúc ép ông nhận lời. Có lẽ đây là lý luận quá tinh tế. Tôi biết điều này từ bố tôi - nhưng điều quan trọng - đó là ngay từ khi chúng tôi xuất hiện lần đầu tiên trong khung cảnh, cái mùi đối trá đặc biệt liên quan đến công ty Đá cẩm thạch Clay chống lại Fawcett đã mất đi. Quý ông này giờ đang nằm im, ẩn mình. Đưa Elihu Clay lên làm ứng cử viên của nhóm Fawcett, anh ta cũng đang bơi trong công dân trung thực nhất bằng thứ bàn chải nhơ bẩn, thậm chí có lẽ còn dụ dỗ ông ta tham gia kế hoạch quanh co nào đó thực sự khiến ông ta kín miệng mãi mãi, không tiết lộ điều gì liên quan đến đối tác thầm lặng của mình.

Dù sao đi nữa, vì đây chỉ là những nghi ngờ và tôi cảm thấy bố tôi có lẽ đã biết rõ nhất. Tốt hơn hết tôi nên giữ lại điều đó cho mình.

“Chỉ là một trò đùa thôi tha nữa mà thôi!” Jeremy kêu lên khi cha anh ta đứng dậy đi vào nhà. “Ngài thanh tra, đó là một lời khuyên cực tồi đấy.”

“Jeremy,” cha anh ta nghiêm khắc nói.

“Con xin lỗi, nhưng con không im lặng được. Nghe con nói, nếu bố chấp nhận vụ này khi bước ra bố sẽ như nhớp đấy.”

“Tại sao không nhường quyền quyết định cho bố?”

“Được, con sẽ làm thế.” Jeremy nháy dựng lên. “Đó là đám tang của bố đấy,” anh ta nói gở mồm. “Nhưng đừng nói rằng con không báo trước.”

Anh ta đột ngột nói chúc ngủ ngon rồi ra khỏi nhà.

Sáng hôm sau trong bữa sáng tôi thấy một mảnh giấy trên đĩa đồ ăn của mình. Tôi nghĩ Elihu Clay thì nhột nhạt. Jeremy đi vắng rồi - quay lại với công việc, anh đã nói như thế trong lá thư nhỏ cay đắng này. Giờ đây anh phải ‘quan tâm nhiều thứ cho bố.’ Tôi cho rằng bây giờ anh sẽ phải rất bận rộn với các hoạt động chính trị của ông. Tội nghiệp Jeremy! Anh xuất hiện trong bữa tối, cảm lạnh và mặt khó đăm đăm. Suốt nhiều ngày sau đó anh thành người bạn tội nghiệp quý giá của một thiếu nữ đang muốn tìm vui, đang mất dần đi nét tươi tắn của con gái trên làn da, cái làn da đang chết dần như các nhà thơ thường hay xót xa thốt lên như cái chết của tuổi trẻ. Thậm chí tôi còn thấy mình đang ngắm mái tóc trước gương đang chực ngả xám; và khi thấy một sợi nào đó phai màu, tôi liền buông mình xuống giường ước gì mình chưa bao giờ nghe nói đến Aaron Dow, Jeremy, Leeds và Hợp Chúng quốc Hoa Kỳ. Một trong số những hậu quả trước mắt của phiên tòa xử Aaron Dow và lời tuyên án giáng xuống rất trực tiếp. Chúng tôi vẫn tiếp tục giữ liên hệ với Carmichael suốt thời gian đó, anh ta có thể cung cấp cho chúng tôi những gợi ý giá trị về bác sỹ Fawcett. Nhưng liệu tay đặc vụ Liên bang này có quá liều lĩnh hay không, hay liệu đôi mắt sắc sảo của bác sỹ Fawcett có nhìn ra được trò giả dối của anh ta, hay liệu lời chứng của anh ta tại tòa có khiến ông chủ của anh ta nghi ngờ - cho dù toàn bộ hay bất kỳ lý do khả dĩ nào trên đây được áp dụng, hậu quả nhân tiên đó là Carmichael bị sa thải ngay tắp lự. Bác sỹ Fawcett không đưa ra một lý do nào, Carmichael đã xuất hiện tại nhà Clay vào một buổi sáng, thất vọng, chán nản, cho tay vào trong túi thắt tiến về Washington, theo lời anh ta nói.

“Công việc mới hoàn thành được một nửa,” anh ta phàn nàn. “Còn vài tuần nữa và tôi đã phải trình diện trước đám đông rồi. Đúng thế đấy. Tôi sẽ phải làm một vụ mà không có đủ bằng chứng tài liệu. Nhưng tôi có vài ghi chép xuất sắc về các khoản tiền đặt cọc ngân hàng, một số bản biên lai bỏ đi chụp ghép và một danh sách những người gửi tiền trên danh nghĩa dài dằng dặc đấy.”

Carmichael đã đi xa, việc này hứa hẹn anh ta có thể hoàn tất công việc của mình, ngay trước khi sếp của anh ta tại chính quyền Liên bang Washington tiến hành những bước pháp lý cần thiết trừng phạt bè phái chính trị hạt Tilden. Bố con tôi đều cảm thấy rằng đã có lúc bác sỹ Fawcett thông minh khi cao tay loại bỏ gián điệp của chúng tôi khỏi thành trì của kẻ thù, như hiện nay, khiến nguồn cấp tin của chúng tôi bị cắt đứt.

Chính trong lúc trầm ngâm suy nghĩ về tình thế đáng buồn này, bản thân thì tâm trạng đang xám như chàm, bố tôi thì cúi kính, Elihu Clay thì bận rộn với hoạt động ứng cử và Jeremy đang dùng thuốc nổ tại các mỏ đá của ông bố, dẫu có thiệt mạng hay què quặt anh cũng mặc kệ, niềm cảm hứng chợt đến với tôi. Carmichael đã đi xa rồi, sẽ phải có ai đó thế chỗ anh ta? Sao không phải là tôi?

Càng nghĩ về chuyện này nhiều bao nhiêu, tôi càng ưa thích nó bấy nhiêu. Tôi lạc quan cho rằng bác sỹ Fawcett có nghi ngờ sứ mệnh thực sự của bố tôi tại Leeds; nhưng với điểm yếu của anh ta trước phụ nữ kết hợp với vẻ ngoài thơ ngây của chính tôi, tôi chẳng thấy có lý do gì để nghi ngờ rằng anh ta sẽ trúng bả của tôi, giống như xưa kia, nhiều gã khốn tài giỏi hơn cũng phải gục ngã trước những bóng hồng.

Nghĩ là làm, không nói cho bố biết, tôi tự tìm đường đến gặp quý ông rậm râu này. Nước đi đầu tiên của tôi đó là ngày nào đó đâm sầm vào anh ta trên phố - ôi, phải sao cho giống hệt một sự cố!

“Cô Thumm!” anh ta thốt lên, háo hức dò xét tôi kỹ lưỡng từng chi tiết như một chuyên gia - tôi vốn đã ăn diện thật chuẩn mực cho cuộc chạm trán này, không quên phô ra những điểm mạnh của mình, “đây đúng là một ngạc nhiên tuyệt vời! Tôi đã đang định đến thăm cô, cô biết đấy.”

“Ngài định làm thế thật sao?” Tôi tinh nghịch hỏi.

“Ôi, tôi biết mình không được nghiêm túc cho lắm,” anh ta nói rồi mỉm cười, lấy đầu lưỡi liếm môi, “nhưng ở đây - vào giây phút này tôi sẽ đền bù cho điều đó! Cô sẽ đi ăn trưa với tôi nhé, thưa quý cô.”

Tôi tỏ vẻ e lệ. “Bác sỹ Fawcett! Cái thói chiếm hữu của ngài khiếm quá đấy.”

Đôi mắt anh ta sáng lên, đưa tay lên vuốt vuốt bộ râu. “Còn hơn nhiều những gì cô tưởng tượng cơ,” anh ta nói bằng giọng thấp, thân mật; nắm cánh tay tôi nhẹ nhàng xiết chặt. “Xe tôi ở đây.”

Tôi thở dài, anh ta đỡ tôi vào xe mình. Tôi nghĩ rằng trông thấy anh ta nháy mắt với tay tài xế mặt khó đăm đăm tên Louis, khi anh ta vào xe sau tôi. Xe quay ra tiến vào một nhà hàng - cũng chính là nhà hàng nơi bố con tôi gặp Carmichael vài tuần trước - tôi cho rằng người quản lý nhà hàng nhận ra tôi. Ông ta liếc mắt đều cáng một cách chuyên nghiệp nhất, dẫn chúng tôi vào một phòng riêng.

Nếu có biết trước sự cần thiết của những nữ anh hùng mạnh mẽ trong tiểu thuyết thời Victoria, chiến đấu bảo vệ danh dự của mình, tôi thà để mình bị thất vọng trong dễ chịu. Bác sỹ Fawcett cho thấy mình là người chủ nhà quyến rũ, thiện cảm của tôi về anh ta tăng lên. Anh ta không hề thô lỗ. Tôi cho rằng anh ta xem tôi, một cô nàng trẻ trung, tươi mát, như một con mồi tiềm năng, nhưng không cố tình làm con mồi này khiếp đảm bằng cách tiếp cận quá sỗ sàng. Anh ta đãi tôi một bữa trưa được chọn lọc tỉ mỉ với rượu vang tuyệt hảo, chốc chốc lại nắm tay tôi phía bên kia thảm trải bàn. Cuối cùng, anh ta đưa tôi về nhà mà không thốt ra bất kỳ một lời khiếm nhã nào.

Tôi tiếp tục đóng vai một khuê nữ và đợi chờ cơ hội. Tôi không thể nhầm tính cách người tình nông thôn của tôi. Vài hôm sau đó vào buổi tối anh ta gọi cho tôi, hỏi có thể dẫn tôi đi xem opera được không - một gánh hát nào đó đang trình diễn vở Candida trong thị trấn và anh ta nghĩ có thể tôi thích xem. Tôi đã xem Candida nửa tá lần rồi - dường như từng người tình sau này ở cả hai bờ Đại Tây Dương đều xem vở kịch này của Shaw như sự khởi đầu thích hợp cho một câu chuyện tình. Tuy nhiên, tôi vẫn thỏ thẻ: “Ôi, bác sỹ, tôi chưa từng xem vở kịch đó, tôi rất muốn đi xem. Tôi nghe nói đó là một vở kịch táo bạo khủng khiếp!” (đúng ra là như nước đọng đáy tàu, vì nó nhẹ nhàng như buổi tối mùa xuân nếu so với những sản phẩm gợi cảm hơn của các nhà soạn kịch đương đại) - nghe thấy tiếng anh ta cười thầm, hứa sẽ gọi cho tôi vào tối mai.

Buổi diễn có chất lượng trung bình; đội hộ tống hoàn hảo. Hai người chúng tôi đi cùng một đoàn lớn gồm những công dân sáng chói của Leeds, với các bà vợ đeo đồ trang sức lấp lánh, các ông chồng gần như là những người cuối cùng có hai cằm đỏ hồng hào và đôi mắt sắc sảo của chính trị gia. Bác sỹ Fawcett lớn vờn quanh tôi như một bóng ma, sau đó anh ta bất chợt đề nghị “tất cả chúng tôi” quay về nhà anh ta uống cocktail. Ha! Patience nghĩ; âm mưu ngày càng trở nên phức tạp - và tôi có vẻ hồ nghi. Liệu thế này có ổn không? Ý tôi là - anh ta nở nụ cười thật chân thành, liệu có khinh suất không! Sao thế tiểu thư thân mến, bố cô không thể nào phản đối gì đâu... Tôi thờ dài, rồi nhượng bộ như con bé nữ sinh ngu ngốc đang làm một chuyện rất, rất hư đốn.

Tuy nhiên, buổi tối không phải không có những hiểm nguy, cả đoàn cùng dừng tại nơi nào đó là tiện nhất, vào lúc bác sỹ cùng tôi đến ngôi nhà đẹp của anh ta, cả nhóm thật kỳ diệu đã thu nhỏ lại đến mức chỉ còn hai người - chính anh ta và tôi. Phải thừa nhận khi anh ta giữ cửa trước mở cho tôi bước vào ngôi nhà từng có xác chết, tôi vẫn còn nguyên nỗi sợ. Tuy nhiên, tôi lại không thấy sợ bóng ma sống sau lưng mình nhiều bằng bóng ma thực sự kia. Tôi nhận thấy mình thờ dài nhẹ nhõm khi chúng tôi bước qua phòng làm việc của thượng nghị sĩ quá cố, đồ nội thất đã được sắp xếp lại và những bằng chứng của tội ác đã không còn.

Hóa ra cuộc viếng thăm của tôi chẳng phục vụ mục đích nào khác, ngoài như bác sỹ Fawcett mất cảnh giác, kích thích ham muốn của anh ta. Anh ta chuốc tôi liên tục bằng cocktail pha mạnh. Tuy nhiên, tôi đã từng tốt nghiệp một trường đại học nơi cách uống rượu khôn ngoan là một khóa học bắt buộc. Tôi nghĩ anh ta hơi ngạc nhiên trước tửu lượng của tôi, bất chấp thực tế tôi đã phải rất vất vả giả bộ say mèm. Trong suốt buổi tối đó, người tình say đắm của tôi vứt bỏ đi phong cách quý ông, một lần nữa trở thành chính mình: anh ta dìu tôi đến đi vắng và bằng những cử chỉ mạnh mẽ bắt đầu làm tình với tôi. Tôi cần phải vừa chứng tỏ sự nhanh nhẹn về thể chất của một vũ công khoan thai, vừa vận dụng thiên tài diễn xuất của ngài Drury Lane để tránh mọi nguy hiểm tàng, cũng như không để bị phát hiện ra. Cho dù khó khăn lắm mới tránh được vòng tay của anh ta, một trong những

chiến tích đáng tự hào nhất của tôi, đó là vừa cự tuyệt lẫn vừa khiêu khích anh ta quan tâm đến mình. Điều ấy gợi cảm hứng cho anh ta sẵn sàng đợi chờ thưởng thức món ăn ngon. Tôi nghĩ anh ta tìm thấy phân nửa khoái cảm trong sự đề phòng.

Và sau khi vượt qua giới hạn rồi, tôi mới bắt đầu vai trò tiên phong của mình. Tôi đến thăm hang ổ của bác sỹ Fawcett ngày càng thường xuyên hơn - tỷ lệ thuận với cường độ làm tình của anh ta, thực sự trở thành chuyện thường nhật. Cuộc sống đầy nguy hiểm này tiếp tục trong vòng một tháng sau khi Aaron Dow bị tổng giam tại nhà tù Algonquin; một tháng đầy những nguy cơ; những câu hỏi nghi ngờ của bố tôi hay tính chiếm hữu hờn dỗi của Jeremy không nằm trong số đó. Chàng trai trẻ là mối đe dọa tích cực; có một lần không đồng tình với lời giải thích rằng tôi đã “kết bạn” với ai đó trong thị trấn, anh liền bám theo báo hại tôi phải biến mình thành con lươn len lỏi để cắt đuôi anh.

Tôi nhớ lại, mọi việc đến mức nguy kịch vào tối thứ Tư. Tôi ghé nhà Fawcett sớm hơn anh ta dự tính rất nhiều. Khi vào phòng làm việc riêng của bác sỹ gần văn phòng y tế trên tầng trệt, tôi ngạc nhiên thấy anh ta đang xem xét cái gì đó - một thứ lạ kỳ nhất - nằm trên bàn làm việc của anh ta. Ngược mắt lên anh ta lăm bắm chửi thề, mỉm cười đồng thời nhanh như cắt ném vật đó vào ngăn kéo trên cùng. Tôi phải cố hết sức ngăn mình không lao đến vồ lấy nó và khiến mình bị lộ. Nó là... ôi không thể nào! Nhưng chính mắt tôi đã nhìn thấy nó. Cuối cùng nó đã đến, không thể tin được, cuối cùng nó đến rồi.

Khi rời khỏi nhà đêm hôm đó, tôi run lên vì phấn khích. Ngay cả làm tình, anh ta cũng chỉ chiếu lệ cho xong. Tôi không gặp khó khăn mấy khi ngăn cản anh ta. Tại sao? Không nghi ngờ gì nữa, anh ta bị phân tâm bởi những ý nghĩ về cái vật nằm trong ngăn kéo trên cùng bàn làm việc.

Thế nên thay vì xuống đường xe vào nhà rồi lên xe như mọi lần, tôi lên ra phía hông nhà định tiến đến cửa sổ phòng làm việc của bác sỹ Fawcett. Nếu tất cả những lần tôi đến đây trước nay đều không đạt mục đích - tiếp cận được những tài liệu ảnh hưởng đến chủ nhân của chúng - tôi chắc chắn lần này sẽ chứng minh tôi thu hoạch được nhiều hơn mong đợi. Cái tôi cần

không phải tài liệu, mà là thứ quan trọng hơn nhiều khiến cổ họng tôi vón thành cục, trái tim tôi đập thành thịch đến mức sợ bác sỹ Fawcett sẽ nghe thấy qua bức tường.

Kéo váy lên quá đầu gối và tận dụng càn nho cứng, tôi cố gắng trèo lên vị trí có thể nhìn rõ hoàn toàn phía trong phòng làm việc. Lòng tôi thầm cảm ơn các vị chúa tể cho tôi một đêm không trăng. Khi dòm vào bệ cửa sổ ngoài thấy những gì bác sỹ Fawcett đang làm tại bàn làm việc, tôi có thể đã hét lên đắc thắng. Đúng như tôi đã đoán! Ngay sau khi thoát khỏi tôi, anh ta liền lập tức lao vào nghiên cứu cái vật nằm trong ngăn kéo.

Anh ta ngồi đó, gương mặt gầy gò hiện cảm xúc u ám, chòm râu ngắn, nhọn và gọn gàng của anh ta chìa ra đầy đe dọa, những ngón tay anh ta nắm chặt cái vật đó, như thể anh ta sẽ phá hủy nó bằng sức mạnh thể lực. Và cái gì thế kia? Một lá thư - không, một mẫu giấy! Nó nằm trên bàn làm việc bên cạnh anh ta. Anh ta hồi hả cầm nó lên rồi đọc với nét mặt kinh hoàng đến mức khiến tôi phấn khích, mất thăng bằng trên càn nho ngã bổ nhào xuống lớp sỏi bên dưới, tạo nên một tiếng ồn đủ dưng cả người chết dậy.

Chắc anh ta đứng bật dậy khỏi ghế lao như chớp ra cửa sổ. Vì điều tiếp theo tôi biết khi nằm sóng soài trên nền sỏi, đó là nhìn chằm chằm gương mặt anh ta trên cửa sổ. Tôi quá sợ đến mức không dám cử động dù chỉ một cơ bắp. Gương mặt ấy đen ngòm như bóng đêm xung quanh tôi. Tôi thấy đôi môi anh ta quặn lại thành cái nút, đóng sầm cửa sổ lại. Nỗi sợ hãi khiến tôi choàng tỉnh, lồm cồm đứng dậy co chân chạy một mạch. Tôi nghe thấy mơ hồ tiếng chân anh ta nện trên lối đi, nghe càng to hơn khi anh ta chạy đuổi theo tôi.

Anh ta hét lên: “Louis! Bắt lấy cô ta, Louis!” và lao ra ngoài bóng tối trước mặt tôi là tên tài xế, rặn ra nụ cười ngoác đến tận mang tai, đôi cánh tay như khi giang ra. Tôi đâm sầm vào chúng, gần như bị choáng. Hấn túm chặt tôi rất nhanh bằng những ngón tay cứng như sắt.

Bác sỹ Fawcett chạy đến tóm lấy cánh tay tôi chặt đến mức tôi thét lên. “VẬY RA RỒT CUỘC CÔ LÀ GIÁN ĐIỆP!” anh ta lẩm bẩm, nhìn trừng trừng mặt tôi như thể tự thuyết phục chính mình. “Cô đã suýt lừa được tôi, con quỷ nhỏ này.”

Anh ta ngược mắt lên, nói cộc lốc với tên tài xế: “Biển đi, Louis.”

Tên tài xế đáp, “Dạ, thưa ông chủ,” rồi lẩn vào trong bóng tối, vẫn cười toe toét.

Tôi sợ hãi đến khiếp đảm, giãy giụa trong vòng tay của bác sỹ Fawcett, khiếp sợ, trái tim và dạ dày tôi quặn lên. Tôi còn nhớ anh ta cố tình rung lắc tôi thật mạnh, the thé quát những câu chửi khó nghe vào tai tôi. Nhìn thoáng qua đôi mắt anh ta, tôi thấy hai nhãn cầu căng lên và sáng bừng cảm xúc mạnh mẽ, thứ cảm xúc giết người...

Tôi sẽ không bao giờ nhớ lại được chính xác đã xảy ra chuyện gì, liệu tôi có vùng thoát được ra khỏi vòng tay anh ta không, hay liệu anh ta có tự nguyện thả tôi đi không. Nhưng điều tiếp theo tôi biết chắc là tôi đang lao đảo xuống con đường trải hắc ín, tấm áo ngủ của tôi kéo lê theo gót chân khiến tôi vấp ngã, những vết ngón tay của bác sỹ Fawcett khiến hai cánh tay tôi bông rớt như sắt nung.

Được một lúc tôi dừng lại, tựa người vào một cái cây già màu đen, quay khuôn mặt nóng bỏng ra hứng làn gió mát nhẹ, lau sạch những giọt nước mắt cay đắng vì nhục nhã và nhẹ nhõm. Ở thời điểm đó bố tôi dường như rất tử tế với tôi. Thanh tra! Tôi lau đi những giọt lệ trên má và khịt mũi. Lẽ ra tôi đang ngồi cạnh đồng hồ ở đâu đó và khêu vá... Rồi tôi nghe thấy tiếng một chiếc xe đang chậm rãi đến gần, đi dọc con đường theo hướng của tôi.

Tôi lại nép mình hơn nữa vào thân cây, không dám thở, trong một thoáng cứng người lại vì hốt hoảng. Có phải bác sỹ Fawcett đang đuổi theo tôi để hoàn tất ánh đe dọa khủng khiếp trong đôi mắt anh ta? Ánh đèn pha của chiếc xe chiếu sáng quanh một khúc ngoặt trên đường, nó đang đến thật chậm rãi như thể người lái xe không chắc chắn... Rồi sau đó tôi phá lên cười một cách hoang dại, chạy vọt ra ngoài đường vẫy tay như một con điên, miệng rít lên: “Jeremy! Ôi, Jeremy, anh yêu! Em ở đây này!”

Lần đầu tiên tôi tạ ơn Chúa đã tạo ra những cặp tình nhân trẻ tuổi thủy chung. Jeremy nhảy xuống xe và ôm chầm lấy tôi trong vòng tay. Tôi mừng khi trông thấy một gương mặt thân thiện tao nhã đến nỗi tôi cho phép anh hôn tôi, giúp tôi lau khô những giọt lệ và dìu tôi lên xe, ôm lấy tôi vào sát

người mình. Chính anh cũng đang sợ run lên đến nỗi quên cả hỏi han, như thế càng khiến tôi biết ơn anh gấp đôi. Nhưng tôi hiểu rằng đêm đó anh đã theo dõi tôi, đã thấy tôi bước vào trong nhà của bác sỹ Fawcett và cả buổi tối đợi chờ tôi bước ra ngoài. Anh chỉ vừa kịp nghe thấy sự náo động dưới nhà, vào lúc anh chạy lên đường xe vào nhà, tôi đã rời khỏi đó, bác sỹ Fawcett đang rảo bước vào nhà.

“Anh đã làm gì vậy, Jeremy?” Tôi run run hỏi, tựa sát hơn vào bờ vai rộng của anh.

Bàn tay phải của anh rời vô lăng, đưa lên miệng mút các khớp ngón tay, nhăn nhó, “Thụi cho hẵn một quả,” anh tuyên bố ngắn gọn. “Gặp may thôi. Lúc ấy, một thằng cha nào đó, như là tay tài xế, anh nghĩ vậy. Hẳn chạy lên và bọn anh có ẩu đả một chút. Chẳng có gì nhiều. Anh đã gặp may - thằng cha đó đúng là súc vật.”

“Anh cũng nện hẵn một đấm mà, Jeremy anh yêu?”

“Quai hàm của hẵn cứng thật,” Jeremy ngắt lời, bình tĩnh lại sau cơn hoan hỉ ban đầu vì tìm thấy tôi. Anh trở lại là chính mình, buồn rầu quan sát con đường trước mặt, chẳng buồn ngó đến tôi.

“Jeremy ...”

“Hả?”

“Anh không cần nghe giải thích à?”

“Ai, anh á? Anh có đánh giá ai bao giờ đâu? Nếu em chấp nhận liều một phen với những thằng con buôn như Fawcett, thì đó sẽ là đám tang của em đấy, Pat. Anh đúng là thằng ngốc nếu dính dáng đến chuyện đó. Thôi cảm ơn!”

“Em nghĩ anh đáng yêu thật đấy.”

Anh im lặng, nên tôi thờ dãi nhìn chăm chăm con đường trước mặt, chỉ Jeremy đến ngôi nhà của Cha Muir trên đỉnh đồi. Bất chợt tôi cảm thấy cần tìm đến lời khuyên của người trưởng thành, tôi mong ngóng được thấy khuôn mặt hiền từ và sáng suốt của Drury Lane. Tin tức của tôi... Tất nhiên ông sẽ rất quan tâm. Tôi chắc chắn đây là những gì ông luôn nghĩ đến khi ở Leeds.

Khi Jeremy cho xe dừng trước cánh cổng nhỏ và bức tường đá trải hoa hồng của nhà Cha Muir, tôi thấy căn nhà chìm trong bóng tối.

“Có vẻ không ai ở nhà,” Jeremy lầm bầm.

“Ôi trời! Dù sao em phải chắc chắn đã.” Tôi mệt mỏi xuống xe, trèo lên hàng hiên bấm chuông cửa. Trước sự ngạc nhiên của tôi, ánh đèn vụt sáng trên sảnh nhỏ phía sau cửa. Mái đầu bạc của một quý bà nhỏ nhắn, già nua thò ra.

“Chào cô,” bà ta nói. “Có phải cô muốn tìm Cha Muir?”

“Không hẳn ạ. Ngài Drury Lane có nhà không ạ?”

“Ôi, không, thưa cô.” Bà ta hạ thấp giọng, mặt u sầu. “Ngài Lane cùng Cha Muir đang đi thẳng đến nhà tù, thưa cô. Tên tôi là Crossett - thường đến vào những lúc như thế này để trông nhà. Cha tốt bụng - ông ấy không thích...”

“Tại nhà tù ạ!” Tôi thốt lên. “Vào giờ này trong đêm sao? Vì chuyện gì thế ạ?”

Bà ta thở dài. “Có một vụ hành hình tại xà lim tử tù vào đêm nay, thưa cô. Một tên gangster New York, họ nói vậy. Scalzi là tên hắn, hay là một cái tên nước ngoài nào đó. Cha Muir phải thực hiện những nghi lễ cuối cùng. Còn ngài Lane đi theo để làm nhân chứng, ông ấy cũng thực sự muốn xem cuộc hành hình. Cai ngục Magnus có mời ngài Lane đến.”

”Ô.” Tôi tự hỏi mình nên làm gì. “Tôi vào trong đợi được không ạ?”

“Cô có phải là cô Thumm không?”

“Vâng ạ.”

Gương mặt già nua của bà rạng rỡ. “Thế thì cô vào đi, cô Thumm, cả quý ngài bạn cô kia nữa. Ôi, những cuộc hành hình này,” bà thì thầm, “chúng toàn diễn ra vào lúc mười một giờ thôi, và... và tôi.... ghét phải ở một mình vào những lúc như thế.” Bà ta mỉm cười yếu ớt. “Kỷ luật nghiêm ngặt của nhà tù mà.”

Không có tâm trạng lắng nghe cà kê dê ngỗng về chuyện hành hình, nên tôi gọi Jeremy rồi cùng vào trong phòng khách bé nhỏ, ấm cúng của ngài linh mục. Bà Crossett cố gắng nói chuyện, nhưng sau ba lần nỗ lực không

thành, bà thở dài để mặc chúng tôi. Jeremy u ám nhìn trừng trừng vào đám lửa đang nhảy nhót, tôi u ám nhìn trừng trừng Jeremy.

Chúng tôi cứ ngồi như thế độ nửa tiếng thì nghe thấy tiếng đập âm âm vào cửa trước, một lúc sau Cha Muir lao đảo vào phòng khách cùng ngài Lane. Gương mặt vị linh mục già méo mó vì đau khổ, xám xịt, lấp lánh mồ hôi, như thường lệ, đôi tay bé nhỏ, mập mạp của ông ta nắm chặt lấy cuốn kinh nhật tụng mới tinh, sáng bóng. Đôi mắt ngài Lane thì đờ đẫn, ông cố giữ mình đứng thật thẳng, như thể bị choáng váng trước hình ảnh thoáng qua của Địa ngục.

Cha Muir lặng lẽ gật đầu với chúng tôi, ngồi thu mình trong chiếc ghế bành mà không nói gì. Quý ông già bước ngang phòng đến cầm lấy hai tay tôi. “Chào Clay. Patience này,” ông nói bằng giọng thấp, căng thẳng, “cháu đang làm gì ở đây thế?”

“Ôi, ngài Lane,” tôi kêu lên, “Cháu có một tin khủng khiếp cho ngài đây!”

Đôi môi ông bặm lại thành một nụ cười xám xịt, bé nhỏ. “Đáng sợ à, cháu yêu? Không thể tồi tệ hơn nữa... Ta vừa chứng kiến một người chết. Chết đấy! Thật không thể tin nổi nó đơn giản đến thế, thật đơn giản, tàn bạo và cực kỳ khủng khiếp.” Ông nhún vai, hít một hơi sâu, rồi ngồi xuống một chiếc ghế bành bên cạnh tôi. “Tin tức của cháu à, Patience. Là gì vậy?”

Tôi nắm chặt tay ông, như thể là chiếc phao cứu sinh. “Bác sỹ Fawcett vừa nhận được thêm một mảnh rương gỗ bé!”

Đêm Hành Hình

Nhiều tuần sau đó tôi đã biết một người chết ra sao trong đêm đó. Một người chẳng liên quan gì đến bất kỳ ai khác trong vụ này, hoàn toàn chẳng liên quan đến Dow, gia đình Fawcett hoặc Fanny Kaiser. Nhưng con người ấy, với cuộc đời hèn mọn và cái chết đau khổ, ngay cả cái chết của ông ta cũng phục vụ một mục đích không chỉ ảnh hưởng đến Dow, gia đình Fawcett và Fanny Kaiser mà còn cả những người khác nữa. Vì cái chết của ông ta giúp làm minh bạch những vấn đề nhất định tưởng vĩnh viễn chìm trong lãng quên.

Khi đang ngồi quanh nhà Cha Muir trong sự chờ đợi nhàm chán, quý ông già đã nói về chuyện làm sao ông nghe nói về cuộc hành hình sắp xảy ra đối với tay Scalzi nào đó. Anh ta là thành viên của một nhóm xấu xa sinh sống và chết đi trong bạo lực, nơi cái chết được xem như một ân huệ cho toàn bộ nhân loại. Thấy khó chịu khi phải ngồi một chỗ không làm gì, có lẽ bị kích thích bởi tính hiếu kỳ của những người hiền lành sống cuộc đời yên ả, tuần trước Drury Lane đã hỏi cai ngục Magnus rằng liệu mình có thể chứng kiến vụ hành hình được không.

Nói chung, chủ đề trong cuộc trò chuyện giữa họ là hành hình bằng ghế điện, một chủ đề quý ông già hiểu biết rất ít. Cai ngục nhận xét: “Kỷ luật trong nhà tù luôn rất nghiêm ngặt - nó phải thế thôi. Nhưng nó tuyệt đối được đề cao trong thời gian hành hình. Tất nhiên, các xà lim án tử sẽ được cách ly, nhưng ngài sẽ không tin nổi mạng lưới truyền tin ngầm trong tù đâu. Vì nhiều lý do rõ ràng, các tù nhân rất hứng thú quan tâm đến chuyện xảy ra trong khu xà lim án tử, như chúng tôi thường gọi. Điều đó buộc chúng tôi phải kiểm soát chặt chẽ hễ khi nào có lịch hành hình bằng ghế điện. Nhà tù trải qua một giai đoạn cuồng loạn ngăn ngui nhưng đầy bạo

lực. Chuyện gì cũng có thể xảy ra vào những thời điểm đó. Chúng tôi phải cực kỳ cẩn thận. Tôi khẳng định với ngài điều đó.”

“Tôi không thêm muốn công việc của ngài đâu.”

“Ngài không nên thế,” Magnus thở dài. “Bằng bất kỳ giá nào. Tôi đã đặt ra quy định trong nhà tù các sĩ quan tương tự phải luôn túc trực trong các buổi hành hình - tức là, bất kỳ lúc nào có thể; tất nhiên đôi khi có một gác ngục bị ốm hoặc làm sao đó mà không thể có mặt, chúng tôi sẽ phải tìm người thay thế. Nhưng cho đến giờ, chúng tôi chưa từng phải làm thế.”

“Vậy mấu chốt là gì?” Ngài Lane tò mò hỏi.

”Mấu chốt đó là,” cai ngục đáp bằng giọng chán nản, “tôi muốn những người có kinh nghiệm, chai sạn với chuyện hành hình ở quanh tôi trong thời gian hành hình. Ngài không bao giờ có thể đoán trước sẽ xảy ra chuyện gì. Thế nên bảy lính gác ngục của tôi được chọn từ những người gác ca đêm đều đặn, lúc nào cũng phải túc trực trong công việc đẫm máu này. Thêm vào đó là hai bác sỹ nhà tù nữa.” Ông ta khoe khoang: “Thật tình mà nói, không phải khoe chứ tôi đã áp dụng khoa học vào đó. Chúng tôi chưa từng gặp phải bất kỳ rắc rối nào, các lính gác ngục của tôi là những người được chọn lựa kỹ lưỡng, quy trình rất cứng nhắc - không bao giờ được thay đổi lính gác ngục trực ca ngày sang trực ca đêm chẳng hạn. Ai cũng được phân công công việc riêng. Và trong những trường hợp khẩn cấp, họ sẽ biết ngay mình phải làm gì. Thế đấy!” Ông ta sắc sảo dò xét ngài Lane. “Vậy ngài muốn chúng kiến đồng hồ Scalzi đây à?”

Quý ông già gật đầu.

“Ngài có chắc không? Nó không dễ chịu đâu, ngài biết đấy. Và Scalzi không phải kiểu người trông chết cười ngạo nghễ.”

“Đó sẽ là một trải nghiệm,” Drury Lane đáp.

“Thế thì được,” cai ngục trả lời khô khốc. “Được rồi, nếu ngài muốn. Luật pháp quy định rằng cai ngục phải gửi giấy mời “mười hai công dân đáng kính ở tuổi trưởng thành” - tóm lại là những công dân lương thiện - đến chứng kiến buổi hành hình. Tôi sẽ điền tên ngài nếu ngài nghĩ mình thích thú trải nghiệm này, và đó đúng là một trải nghiệm đấy, tin tôi đi.”

“Nó đáng sợ lắm,” Cha Muir khó chịu nói. “Có Chúa mới biết bao nhiêu lần ta đã bị buộc phải tham dự, thế nhưng bản thân ta vẫn không thể quen được với... với sự tàn bạo của nó.”

Magnus nhún vai. “Hầu hết chúng ta đều phản ứng như nhau. Đôi khi tôi tự hỏi mình, rốt cuộc có nên tin vào hình phạt tử hình không. Khi chúng ta thực sự nghĩ về điều đó, rất khó tự trách mình khi lấy đi sinh mạng của ngay cả một kẻ xấu xa.”

“Nhưng ngài đừng tự trách,” quý ông già nói rõ. “Xét cho cùng, trách nhiệm thuộc về nhà nước.”

“Nhưng tôi phải là người ra hiệu, và đao phủ sẽ ấn nút. Nó khác biệt nhiều lắm. Tôi biết một ngài thống đốc đã từng phải chạy trốn khỏi Tòa Bạch Ốc vào đêm thực thi hành hình. Quá sức chịu đựng... Được rồi, ngài Lane, tôi sẽ thu xếp chuyện đó.”

Và đó là cách mọi chuyện diễn ra vào buổi tối thứ Tư lúc tôi háo hức ghé thăm nhà bác sỹ Fawcett. Lúc ấy ngài Lane cùng Cha Muir đang ở trong những bức tường đá to lớn ấy. Cha Muir đã đi vắng cả ngày, bận rộn với phạm nhân bị kết án tử. Ngài Lane được phép đi một mình vào sân tù trong vài phút trước mười một giờ, lập tức đi kèm với một lính gác ngục đến các khu biệt giam tội phạm tuyên án tử hình, hoặc xà lim án tử. Khu có kết cấu sát nền, nằm trong góc xa một hình tứ giác gần như là một nhà tù trong một nhà tù. Các giác quan của ông được đánh thức trước bầu không khí lạ lùng, bệnh hoạn của tòa nhà. Quý ông già cuối cùng thấy mình đứng trong phòng hành hình. Căn phòng xám xịt, chẳng có gì ngoài hai chiếc ghế dài như ghế ngồi trong nhà thờ và... chiếc ghế điện.

Ông chú ý ngay thứ vũ khí giết người thấp lùn, khô cứng, góc cạnh và xấu xí ấy. Ông ngạc nhiên khi thấy nó nhỏ hơn dự đoán, trông không có vẻ ghê gớm, kinh khủng như ông hình dung. Những chiếc dây đai da trống không yếu ớt rủ xuống từ lưng, chỗ để tay và hai chân chiếc ghế, một bố trí lạ kỳ phía trên phần lưng chẳng gây ngạc nhiên gì, chỉ là phần đầu của một cầu thủ bóng đá bằng kim loại. Tất cả chẳng có gì đáng sợ, nhưng vào lúc này, nó lại quá kỳ quái đến mức gần như không thật.

Ông nhìn quanh khi đang ngồi trên một trong những chiếc ghế dài cứng, toàn bộ mười một người cùng chứng kiến với ông đã ngồi xung quanh. Họ là những người chín chắn, tất cả đều nôn nóng, sắc mặt trắng bệch, không ai nói câu nào. Ông kinh ngạc nhận ra trong số này có hình bóng hồng hào của Rufus Cotton; vị chính trị gia già cả nhỏ nhắn mặt trắng như tượng sáp, nhìn trừng trừng cái ghế phía trước không chớp mắt, đôi mắt đáng chú ý hơi đờ đẫn. Hơi xao lãng, Drury Lane ngồi lại nhìn xung quanh.

Có một cánh cửa nhỏ phía bên kia phòng, ông biết nó dẫn đến nhà xác. Ông tự nhủ nhà nước chẳng buồn phí hơi hồi phục cho các nạn nhân; ngay sau khi các bác sỹ tuyên bố tử tù đã chết hẳn, xác sẽ được đưa ngay sang phòng kế bên. Một cuộc giải phẫu tại đây sẽ hủy diệt hiệu quả bất kỳ dấu hiệu sự sống kỳ diệu nào còn sót lại.

Đối diện dãy ghế dài có một cánh cửa khác, nhỏ và có màu xanh mờ xỉn đóng kín song sắt. Ông biết nó dẫn đến hành lang, kẻ tử tù loạng choạng bước trên đó trong hành trình cuối cùng của cuộc đời.

Cánh cửa này giờ đây đã mở, một nhóm người mặt nghiêm nghị bước vào, tạo nên những tiếng vọng khi dậm chân xuống sàn cứng. Hai người mang theo những chiếc túi màu đen - họ là các bác sỹ của nhà tù. Luật pháp quy định họ phải tham dự tất cả các buổi hành hình, tuyên bố cái chết của tử tù. Họ là những cá nhân ăn mặc giản dị. Sau này Drury Lane phát hiện ra họ đều là các quan chức tòa án, phải có mặt ở đây nhằm chứng minh rằng án tử hình được thực thi nghiêm túc theo luật định. Có ba người trong nhóm này là lính gác ngục - mặc quần áo xanh, mang khuôn mặt đầy sát khí... Và rồi, lần đầu tiên quý ông già để ý trong góc phòng có một hốc tường, trong đó có một người đang đứng có thể hình vạm vỡ, đã quá tuổi trung niên. Người này đang chỉnh sửa lại một máy móc điện nào đó trong hốc tường. Gương mặt ông ta vô cảm: nặng nề, xám xịt gần như ngu dại. Dao phủ! Đúng lúc này, một sự thừa nhận choáng váng về khung cảnh, ý nghĩa tàn khốc căn bản nhất của nó chợt đến với Drury Lane, những cơ bắp cổ họng ông co thắt lại khiến ông không thở nổi. Căn phòng này không còn mang cảm giác không thật nữa; nó đã mang sắc thái của quý; và nó đang đập nhịp đập của sự sống xấu xa.

Trong ánh mắt lơ mơ ông xem đồng hồ, đã mười một giờ sáu phút rồi.

Gần như ngay lập tức ai cũng cứng người lại, căn phòng chìm trong sự tĩnh lặng chết chóc, có thể đếm được cả tiếng thở. Từ phía bên kia cánh cửa xanh vọng ra tiếng dậm chân, những âm thanh dồn dập, đều đặn thử thách thần kinh mọi người, cho đến khi họ giật mình nắm chặt mép ghế dài, rướn người về phía trước như kiểu lò xo bị kéo căng. Kèm theo tiếng dậm chân là những âm thanh rợn xương sống; một tiếng rì rầm âm vực thấp, một tiếng than vãn rì rầm khàn khàn, và trên hết, như tiếng tru quái dị của nữ thần báo tử, là những tiếng thét như tiếng thú mơ hồ của xác sống dọc hành lang chết ngoài kia; chúng nhìn, chúng nhìn người bạn đồng hành của chúng đang hoàn tất một dặm dài cuối cùng với những bước chân kéo lê, miễn cưỡng, những bước chân đang muốn lảng tránh con đường đi đến sự vĩnh hằng.

Gần hơn nữa. Rồi cánh cửa bật mở không một tiếng động, và họ thấy...

Cai ngục Magnus, với khuôn mặt lạnh lùng và xám xịt; Cha Muir, cúi thấp, thu mình lại, trông như sắp ngất khi đôi môi ông lẩm bẩm đọc lời cầu nguyện họ đã nghe từ hành lang cùng bốn lính gác ngục. Thành phần đã đầy đủ, cánh cửa đóng sầm lại... Trong một lúc, bóng người trung tâm bị che khuất. Anh ta bước ra trần trụi đến mức những người khác phải giật dờ xua đi. Một người đàn ông cao, gầy gơ xương, hốc hác, với gương mặt của động vật ăn thịt, rỗ và ngăm đen. Hai đầu gối hơi cong, hai lính gác ngục dìu hai bên nách. Giữa đôi môi màu xám đen của anh ta lơ lửng một miếng thuốc đang cháy âm ỉ, dưới chân đi đôi dép lê mềm, ống quần bên phải của anh ta rủ xuống lỏng lẻo, bị rách một đường từ gấu quần đến đầu gối. Mái tóc cắt ngắn, râu còn chưa cạo... Anh ta chẳng trông thấy gì, chỉ nhìn trừng trừng những người ngồi trên ghế dài bằng đôi mắt đã chết. Họ đã biến anh ta thành một con rối, một kẻ ngớ ngẩn bị điều khiển bằng một cú đẩy nhẹ, một mệnh lệnh với giọng thấp...

Thật không tin nổi, anh ta được đặt ngồi trong ghế điện, mái đầu gục xuống ngực, miếng thuốc vẫn đang cháy giữa đôi môi. Bốn trong số bảy người lính gác ngục nháy về phía trước với sự chuẩn xác của những con robot, không một động tác thừa, không phí phạm một giây. Một người quỳ

xuống trước người đang hấp hối, nhanh chóng điều chỉnh dây đai dưới chân. Người thứ hai cố định chặt hai cánh tay vào tay ghế. Người thứ ba buộc dây đai từ bên này sang bên kia. Người thứ tư rút nhanh ra một mảnh vải xám xịt buộc chặt quanh mắt. Rồi cả bốn người đứng lên, lùi lại với khuôn mặt cứng nhắc.

Đao phủ ra khỏi căn phòng nhỏ của ông ta trên đôi chân nhẹ như mèo. Không ai nói câu nào. Ông ta quỳ xuống trước mặt tử tù, đôi bàn tay ngón dài của ông ta điều chỉnh gì đó bên chân phải của kẻ tử tù. Khi ông ta đứng lên, Drury Lane trông thấy ông ta đã cột chặt một điện cực quanh lưng ghế; điều chỉnh chiếc mũ kim loại trên mái đầu cắt ngắn với sự thành thạo qua nhiều năm trong nghề, ông ta làm việc trong im lặng, nhanh nhẹn và khi xong xuôi, Scalzi ngồi đó như một bức tượng trên mép Địa ngục, đợi chờ và lão đảo.

Đao phủ chạy lại góc phòng của ông ta bằng đôi chân như lót bằng cao su.

Cai ngục Magnus đứng im lặng bên cạnh, đồng hồ trong tay.

Cha Muir nghiêng người sang một lính gác ngục làm dấu thánh giá, đôi môi già nua của ông gần như không mấp máy. Đúng giây phút này thời gian như đứng lặng. Và trong chính giây phút ấy, có lẽ vì tò mò trước âm thanh của hai bên chái nhà, Scalzi run rẩy, từ cặp môi xám xịt của anh ta điều thuốc cháy âm ỉ rớt xuống như một tiếng kêu bị bóp nghẹt vọng từ bức tường này sang bức tường khác trong căn phòng cách âm, rồi chết lịm như tiếng gọi chết chóc của một linh hồn lạc lối.

Cánh tay phải của cai ngục giơ lên rồi hạ xuống, trong một vòng cung nặng nề.

Drury Lane khó thở vì những cảm xúc ông không thể phân tích, trái tim đập liên hồi, hơi thở bật ra thành những tiếng hồng hộc khó chịu, từ chỗ ngồi ông trông thấy cánh tay trái quàng khăn xanh của đao phủ ẩn xuống một công tắc trong hốc tường góc phòng.

Trong một lúc ông nghĩ rằng, rung chấn khiến ngục ông đau tức như thông điệp từ chiều thứ Tư do chính nhịp tim mình gây ra; và rồi ông biết không phải thế, rằng làn da ông nhột như kiến bò là câu trả lời cho những

tiếng gào thét khi dòng điện phóng ra từ các ô, truyền qua những sợi dây nhấp nhô.

Ánh sáng chói lòa trong căn phòng hành hình tắt hết. Và cùng thời điểm bỏ tay khỏi công tắc, người đàn ông trên ghế nhảy dựng lên như thể anh ta muốn gom hết sức tàn giật tung những dây da ghìim anh ta xuống. Một làn khói xám nhạt uốn éo bốc lên từ dưới chiếc mũ bảo hiểm bằng kim loại. Hai bàn tay nắm chặt lấy tay ghế, chậm rãi cháy đỏ rồi cũng chậm rãi chuyển sang trắng bệch. Những sợi gân trên cổ nổi bật như những sợi thừng tằm nhựa, sặc sỡ trong sự xấu xí trần trụi của chúng.

Scalzi giờ đây ngồi cứng đờ, như một người tuyệt đối tập trung.

Đèn đóm lại được bật sáng.

Hai bác sỹ bước lên phía trước, từng người một áp ống nghe riêng của mình vào khuôn ngực trần của người ngồi trên ghế. Rồi họ bước lùi lại, đưa mắt nhìn nhau và người nhiều tuổi hơn - mái tóc bạc trắng với đôi mắt vô cảm - lặng lẽ phác một dấu hiệu.

Một lần nữa tay trái của đao phủ hạ xuống. Một lần nữa đèn đóm tắt ngóm...

Và khi bác sỹ lùi lại sau lần khám nghiệm thứ hai, người cao tuổi nói bằng giọng thấp, có ngữ điệu u sầu theo thông lệ: “Cai ngục, tôi tuyên bố người này đã chết. “

Cơ thể kia rũ xuống, thư giãn tựa vào ghế.

Không một ai buồn động đậy bàn tay. Cánh cửa dẫn sang nhà xác và phòng giải phẫu kết hợp kế bên bật mở, một chiếc bàn trắng được đẩy vào.

Sau đó một cách máy móc, Drury Lane xem đồng hồ. Đã mười một giờ mười.

Và Scalzi đã chết.

Mảnh Rương Thứ Hai

Jeremy đứng dậy bắt đầu bước quanh phòng. Cha Muir ngồi trong trạng thái như sững sờ, lặng lẽ; ông chẳng nghe thấy gì. Tôi cảm thấy chắc chắn vì đôi mắt ông mãi chú mục vào nơi nào đó xa xôi không hiểu được, nằm ngoài tầm nhìn của chúng tôi.

Ngài Drury Lane chớp mắt, chậm rãi nói: “Patience, làm sao cháu biết rằng ngài Fawcett nhận được một mảnh rương nữa?”

Và tôi thuật lại câu chuyện phiêu lưu của mình tối hôm đó.

“Cháu nhìn thấy nó trên bàn của bác sỹ Fawcett rõ đến đâu?”

”Nó nằm đúng ngay trong tầm mắt cháu, cách không quá mười lăm feet*.”

“Trông nó có giống hệt mảnh chúng ta tìm thấy trên bàn thượng nghị sĩ Fawcett không?”

“Không. Cháu chắc chắn nó không giống. Nó hở ở cả hai mặt.”

“Ha! Vậy là tấm giữa rồi,” ông lẩm bẩm. “Cháu có thấy chữ nào trên bề mặt không, cháu yêu, như chữ *HE* trên mảnh của thượng nghị sĩ Fawcett?”

“Hình như cháu nhớ có dòng chữ nào đó trên bề mặt, ngài Lane, nhưng vì xa quá cháu nhìn không rõ.”

“Tệ quá.” Ông trầm ngâm, cơ thể già nua của ông ngồi im. Rồi rướn người về phía trước, ông vỗ vai tôi. “Nhiệm vụ ban đêm xuất sắc đấy, cháu yêu. Lúc này ta chưa thể hiểu rõ ràng được... Cháu nên để cậu Clay đưa cháu về nhà bây giờ đi. Cháu vừa có một trải nghiệm tồi tệ đấy.

Bốn mắt chúng tôi nhìn nhau. Cha Muir đứng dậy khỏi ghế thốt lên tiếng rên rỉ khẽ, đôi môi ông run rẩy. Jeremy nhìn chăm chăm ra ngoài cửa sổ.

“Cháu nghĩ...” Tôi chậm rãi bắt đầu.

Ông mỉm cười nhẹ nhàng. “Luôn là thế, cháu yêu. Giờ thì chúc ngủ ngon, đừng lo lắng nữa.”

Vượt Ngục!

Ngày hôm sau là thứ Năm, một ngày nắng ngập tràn sức sống hứa hẹn sẽ rất ấm áp. Bố tôi tự mặc lên mình bộ đồ bằng vải lanh mới, bộ đồ tôi một mực đòi mua tặng ông tại Leeds. Trông ông cũng rất thông minh cho dù hay càu nhàu, nói gì đó với ý rằng ông không phải là một bông huệ tây - chả hiểu nghĩa là gì - và suốt nửa tiếng đồng hồ ông không chịu nhúc nhích khỏi nhà Clay vì sợ người ta thấy. Những chi tiết lặt vặt của ngày hôm đó - ngoại trừ một chi tiết, mà là chi tiết quan trọng nhất chúng tôi dự định trải qua tại Leeds - nó nổi bật lên đẹp như ảnh chụp. Tôi nhớ mình đã mua một chiếc cà vạt màu cam cho bố tôi. Ai có con mắt nghệ thuật có thể nói ngay nó ăn dơ hoàn hảo với bộ đồ vải lanh. Chính tay tôi thắt nút cho ông, suốt thời gian đó ông cứ lăm bàm lăm bằm, trải qua quãng thời gian khó chịu nhất. Người ta có thể hình dung rằng ông vừa phạm một tội ác, rằng bộ đồ ông đang mặc là đồng phục của nhà tù. Tội nghiệp bố tôi! Một người bảo thủ vô vọng, khiến tôi cảm thấy cực kỳ vui sướng được làm đẹp cho ông - một việc tôi làm vì tình yêu thương, nhưng e rằng ông sẽ chẳng hài lòng.

Gần trưa thì chúng tôi quyết định đi bộ. Hay đúng hơn đó là quyết định của tôi.

“Đi dạo lên đồi đi bố,” tôi gợi ý.

“Trong cái bộ đồ đáng nguyên rủa này sao?”

“Dĩ nhiên ạ!”

“Không. Bố không đi đâu.”

“Thôi mà bố,” tôi nói. “Đừng có cố hủ thế. Hôm nay là một ngày tuyệt vời.”

“Vớ bố thì không đâu,” bố tôi càu nhàu. “Thêm nữa bố... bố chỉ là cảm thấy không khỏe. Cái chân trái của bố lại nhúc ròi.”

“Trong bầu không khí của núi sao? Chán òm! Chúng ta ghé chỗ ngài Lane. Và bố sẽ có thể khoe với ngài ấy bộ đồ mới này.”

Và chúng tôi cùng tản bộ, tôi hái một nắm lớn những bông hoa dại trên đường. Bố tôi không còn nữa vẻ e dè, ngượng ngập. Bố con tôi đã gần như vui vẻ được một lúc.

Chúng tôi thấy quý ông già đang vùi mặt vào cuốn sách, trên hàng hiên nhà Cha Muir - điều kỳ diệu trong những điều kỳ diệu! Ông đang diện đồ bằng vải lanh cùng chiếc cà vạt màu cam!

Hai lão già trân trân nhìn nhau, rồi bố tôi trông như tên ngốc, ngài Lane cười lạng lẽ.

“Thực sự hợp một đấy, thanh tra. Tôi nhìn thấy ảnh hưởng của Patience. Trời ạ, ngài rất cần một cô con gái đấy, Thumm!”

“Tôi đang bắt đầu vượt qua nó đây,” bố tôi lẩm bẫm. Rồi gương mặt ông rạng rỡ. “Chà, ít nhất tôi cũng có bạn đồng hành.”

Cha Muir bước ra khỏi nhà nông hộ chào đón chúng tôi - trông ông vẫn nhợt nhạt và uế oải do trải nghiệm đêm qua - rồi tất cả chúng tôi cùng ngồi xuống. Bà Crossett tháo vát xuất hiện bê một khay đồ uống lạnh, trong đó đập ngay vào mắt là những chai rượu. Khi mấy ông già nói chuyện, tôi ngắm bầu trời lốm đốm mây, cố không nhìn những bức tường cao xám xịt của nhà tù Algonquin gần đó. Ở đây đang vào mùa hè nóng nực, nhưng bên trong các bức tường kia sẽ chỉ còn một mùa đông đáng sợ nhất. Tôi tự hỏi lúc này Aaron Dow đang làm gì.

Thời gian cứ lạng lẽ trôi, tôi cứ ngồi đó tự ru mình trong cõi Niết Bàn vị tha, chìm trong sự tĩnh tại của bầu trời tuyệt đẹp. Dần dần những suy nghĩ của tôi tập trung về những biến cố của đêm qua. Cái mảnh rương thứ hai đó - nó cảnh báo điều gì? Rằng quá rõ ràng mảnh rương ấy có ý nghĩa nào đó với bác sỹ Ira Fawcett: biểu hiện tức giận trên gương mặt anh ta cho thấy anh ta biết về nó, hơn là nỗi sợ hãi khi không biết nó là gì. Làm sao anh ta nhận được nó nhỉ? Và ai đã gửi nó?... Tôi ngồi thẳng dậy, sợ hãi. Phải chăng Aaron Dow đã gửi nó đến?

Tôi ngồi lại, lo lắng sâu sắc. Điều này mang lại một lời giải thích khác cho các thông tin. Mảnh rương đầu tiên do tù nhân gửi đến - ông ta đã thú

nhận như vậy - thế tức là ông ta tự làm nó tại xưởng mộc trong tù. Phải chăng ông ta làm thêm cái thứ hai, rồi bằng kênh ngầm trong nhà tù chuyển đến cho nạn nhân thứ hai? Đến lúc này thì tôi hoảng hốt, trái tim tôi đập như trống trận. Nhưng thật ngớ ngẩn. Aaron Dow đã không giết thượng nghị sĩ Fawcett... Tôi cảm thấy chóng mặt.

Vào lúc quá mười hai rưỡi hơn một chút, chúng tôi đột nhiên hướng sự chú ý sắc sảo về phía các cánh cổng nhà tù. Một phút trước, mọi thứ vẫn như bình thường - những lính gác có vũ trang đang chậm rãi bước trên những bức tường rộng, các vọng gác xấu xí yên lặng và dường như thiếu sức sống, cho đến khi trông thấy các họng súng sáng bóng không rõ nét đang thò ra. Và giờ đang có sự khuấy động không thể nhầm được của một hoạt động bất thường.

Tất cả chúng tôi cùng ngồi dậy, ba người dừng nói chuyện, chúng tôi cùng nhìn.

Hai cánh cửa thép to bật mở vào trong, một lính gác ngục đội mũ xanh xuất hiện trang bị một bao súng và một khẩu súng trường. Sau đó anh ta bước lùi lại, đôi vai rộng quay về phía chúng tôi quát lác gì đó chúng tôi không nghe được. Có một nhóm người xuất hiện trên ngưỡng cửa. Những tù nhân... Họ lê bước về phía trước trên con đường đầy bụi, mỗi người cầm theo một cái cuốc hoặc xẻng nặng, đầu ngẩng cao hít hít làn không khí êm dịu như những con chó háo hức. Bọn họ đều ăn mặc hệt như nhau - chân đi giày cao gót nặng, quần dài và áo khoác xám nhăm nhúm mặc ngoài áo sơ mi Hickory thô. Cả nhóm gồm hai mươi người, rõ ràng họ thẳng tiền sang bên kia đồi, đến nơi nào đó trong rừng để xây hoặc sửa đường. Theo tiếng quát từ lính gác, những người đi đầu vụng về rẽ trái đưa dòng người dần khuất tầm nhìn của chúng tôi. Một lính gác thứ hai có vũ trang đi bộ phía cuối hàng, tên lính gác đầu tiên đi cạnh phía bên phải, cảnh giác và thi thoảng quát một mệnh lệnh. Thế rồi hai mươi hai con người biến mất.

Chúng tôi ngồi lại, Cha Muir mơ màng nói: “Đây là Thiên Đường đối với những người này. Đó là làm việc chăm chỉ, đổ mồ hôi sôi nước mắt mà làm. Nhưng Thánh Jerome đã nói: “Cứ làm công việc nào đó đi, và ác quỷ sẽ thôi quấy rầy bạn.” Tức là họ đang được dẫn ra ngoài trời, tránh xa khỏi

những bức tường. Những người đàn ông thích làm công việc sửa đường.” Rồi ông thở dài. Chính xác là một tiếng mười phút sau đó, đã có chuyện xảy ra.

Bà Crossett phục vụ một bữa trưa ăn nhẹ, chúng tôi vừa kịp thư giãn trên hàng hiên như lúc này, thì chuyện gì đó trên các bức tường khiến chúng tôi chú mục vào đó, mọi cuộc nói chuyện đều ngưng lại.

Một trong số các lính gác đang đi trên tường dừng chân, cứng người lại, chăm chú dòm vào sân tù bên dưới. Dường như anh ta đang lắng nghe điều gì đó. Chúng tôi cứng người lại hết trên ghế.

Khi xảy ra chuyện, tất cả chúng tôi cùng chấn động và hơi co người lại. Thật thô lỗ, thật tàn bạo và thật nhẫn tâm - một tiếng còi rền rĩ, buốt óc và the thé kéo dài, những ngọn đèn bao quanh trả lại những tiếng vọng chói tai, rồi lịm dần như tiếng rên rỉ của một con quỷ hấp hối. Tiếp theo lại một tiếng còi nữa, một tiếng nữa rồi cứ thế khiến tôi phải bịt tai lại, cảm thấy như muốn thét lên.

Ngay từ tiếng còi đầu tiên, Cha Muir nắm chặt hai tay ghế, trắng bệch còn hơn cả cổ áo của ông.

“Big Ben à,” ông thì thầm.

Chúng tôi khiếp đảm lắng nghe bản giao hưởng của quỷ. Rồi ngài Lane sắc lạnh nói: “Có cháy à?”

“Là vượt ngục,” bố tôi càu nhàu, liếm môi. “Patty, vào nhà thôi...”

Cha Muir đang nhìn trừng trừng các bức tường. “Không,” ông ta nói. “Không. Một vụ vượt ngục... Lạy Chúa lòng lành!”

Chúng tôi đồng thời đứng dậy khỏi ghế, lao vào trong vườn đứng tựa vào bức tường phủ hoa hồng. Ngay cả những bức tường của Algonquin cũng cứng lại trước tiếng còi kinh hoàng kia. Từng cơ bắp những lính gác đang đứng trên đó đều căng ra, hoảng loạn nhìn hết bên nọ sang bên kia, súng giơ lên - run rẩy, lưỡng lự nhưng sẵn sàng cho bất kỳ điều khẩn cấp nào. Và rồi những cánh cửa thép lại bật mở, một chiếc xe mạnh mẽ gầm rú phóng ra, trên xe chạt ních lính là lính mặc áo xanh, tất cả đều trang bị súng trường. Xe nghiêng hai bánh sang bên trái và khuất tầm nhìn. Theo sau là một xe khác, rồi một xe nữa cho đến khi đủ năm xe chở đầy lính, vũ trang

đến tận răng đều tập trung nhìn vào cái gì đó trước mắt. Tôi đã thấy trong chiếc xe đầu tiên, cai ngục Magnus đang ngồi cạnh tài xế, khuôn mặt ông ta nghiêm nghị và trắng bệch.

Cha Muir thở hồng hộc: “Xin lỗi!” rồi vén chiếc áo dài linh mục lên trên đôi chân già nua, ông nhanh chóng lao xuống đường tiến đến cánh cổng đang bắn tung bụi mù. Chúng tôi thấy ông chạy đến một nhóm lính gác có vũ trang đang đứng ngay trong cổng, dừng chân nói chuyện với họ. Mấy tay lính ra hiệu về phía bên trái, nơi đó một cánh rừng rậm che phủ các chân đồi đang nằm dưới và bên cạnh nhà tù.

Linh mục quay lại với những bước chân kéo lê, đầu gục xuống, một hình ảnh thất vọng.

“Sao rồi, thưa Cha?” Tôi nóng ruột hỏi khi ông bước qua cổng đến đứng cạnh chúng tôi, những ngón tay dò dẫm sợi vải đã phai màu trên chiếc áo choàng.

Ông chẳng buồn ngẩng đầu lên. Trên gương mặt ông, tôi nghĩ mình phát hiện ra nét bối rối, đau đớn và một tổn thương nào đó không thể phân tích. Như thể ông bất ngờ bị cướp đi niềm tin, cho dù có thể là sự đau khổ về tinh thần nào đó chưa từng có tiền lệ trong trải nghiệm của ông.

“Một trong số các tên thuộc băng đảng đường phố,” ông ấp úng, những ngón tay run rẩy, “đã thoát khỏi nhà tù trong khi họ đang làm việc và... trốn đi rồi.”

Ngài Drury Lane nhìn chú mục vào những quả đồi. “Và đó là...?”

“Tôi...” Giọng vị linh mục nhỏ thó run rẩy, rồi ông ngẩng đầu lên. “Đó là Aaron Dow.”

Tôi nghĩ tất cả chúng tôi đều cảm khâm. Đó là một cú sốc quá lớn đối với bố con tôi, ít nhất sẽ không thể tiêu hóa nếu không có thời gian nghiền ngẫm. Aaron Dow vượt ngục ư? Trong số tất cả những tình huống bất ngờ, đây là tình huống ít trông đợi nhất - trong bất kỳ trường hợp nào đó là tôi. Đưa mắt nhìn quý ông già, tôi tự hỏi liệu ông có đoán trước tình huống này. Nhưng gương mặt như chạm khắc sắc sảo của ông điềm tĩnh, ông vẫn đang dò xét những ngọn đồi rộng bao la với mỗi ưu tư thật đẹp, như một người nghệ sĩ đang thưởng ngoạn một cảnh hoàng hôn đẹp mê hồn.

Chẳng làm được gì nữa ngoài chờ đợi, chúng tôi cùng chờ tại nhà Cha Muir cả buổi chiều. Chúng tôi rất ít trò chuyện, rất ít cười. Như thể những quý ông già này đã trở lại tâm trạng kinh hoàng của đêm qua, và cái bóng của tử thần thực sự đã phủ chụp xuống hàng hiên nhỏ. Đến mức tôi có thể hình dung chính mình trong căn phòng hành hình đáng sợ đó, ngắm nhìn Scalzi vùng thoát khỏi những sợi dây da tìm sự sống.

Cả buổi chiều chỉ có một hoạt động tẻ ngắt là vào ra khỏi nhà tù, chúng tôi nhìn trong câm lặng chẳng thu được gì. Giác quan của chúng tôi choáng váng vì cơn sốc. Vài lần vị linh mục già lao vào nhà tù tìm kiếm thông tin, nhưng lần nào ông cũng quay về mà chẳng có tin gì. Dow vẫn đang ngoài vòng pháp luật. Cả vùng thôn quê đang được lòng sục. Toàn bộ công dân của vùng này đã nhận được cảnh báo, tiếng còi không ngừng rền rĩ kêu lên. Chúng tôi hiểu rõ rằng, trong nhà tù ngay sau tiếng còi báo động đầu tiên toàn bộ tù nhân đã được lừa hết vào các xà lim, không được thả ra cho đến khi kẻ vượt ngục được bắt lại... Vào đầu buổi chiều, chúng tôi trông thấy nhóm ra ngoài lao động đã quay về. Bọn họ bước đi với những bước chân cứng nhắc dưới kỷ luật sắt, những họng súng đe dọa của nửa tá lính gác và chỉ có mười chín người - trong tốp này - tôi đếm một cách lười nhác. Tất cả họ nhanh chóng biến mất trong sân tù.

Cuối chiều những chiếc xe truy tìm bắt đầu trở về. Chiếc xe đi đầu có cai ngục Magnus ngồi. Khi tất cả lính mệt mỏi xuống xe trong cánh cổng, chúng tôi có thể thấy ông ta đang chứng tỏ uy quyền đối với một gác ngục - Gác ngục chính, Cha Muir thì thầm - bằng những tiếng quát tháo có thể nghe thấy, nhưng không thể phân biệt. Rồi với những bước chân mệt mỏi, cai ngục tiến thẳng đến chỗ chúng tôi. Ông ta chậm rãi bước lên những bậc thềm, thở hổn hển, dáng người to bè của ông ta mệt rũ. Gương mặt ông ta cúi đầy bụi lẫn mồ hôi.

“Ôi!” ông ta nói, thở dài nhẹ nhõm khi ngồi lún xuống một ghế bành. “Thằng cha đó là một rắc rối. Giờ thì ngài nghĩ thế nào về Dow quý báu của mình hả ngài Lane?”

Quý ông già đáp: “Ngay cả con chó cũng sẽ cắn lại nếu bị dồn vào đường cùng, ngài cai ngục. Thật chẳng dễ dàng gì nếu phải đối mặt với án

tù, vì một tội mà anh không phạm.”

Cha Muir thì thầm: “Chẳng tìm được gì à, cai ngục?”

“Chẳng tìm thấy gì cả. Hẳn ta biến mất như thể mặt đất nuốt chửng hẳn. Nói cho mọi người biết - đây không phải công việc của một người. Hẳn có đồng lõa. Nếu không chúng tôi hẳn đã tóm được hẳn vài giờ trước rồi.”

Chúng tôi ngồi trong im lặng chẳng còn gì để nói. Khi một nhóm lính gác ngục tiến ra khỏi cổng nhà tù về phía chúng tôi, cai ngục nói nhanh: “Thưa linh mục, tôi xin mạn phép mở một cuộc điều tra nhỏ và tiến hành ngay tại đây - trên hàng hiên của ngài. Tôi không cần quan tâm đến chuyện làm nhà tù náo loạn trong các bức tường kia. Nó khó chịu lắm... Ngài không phiền chứ?”

“Không, không. Tất nhiên là không.”

“Chuyện gì thế, ngài cai ngục?” bố tôi lẩm bẩm.

Cai ngục trông chán nản. “Nhiều chuyện lắm, tôi e là vậy. Trong hầu hết trường hợp, nỗ lực vượt ngục là một âm mưu khởi phát trong tù - với sự giúp đỡ của các tù nhân khác, và những tù nhân được hưởng đặc ân riêng phải biết giữ im lặng. Những vụ đào tẩu như thế gần như luôn thất bại. Dầu sao chẳng nữa, những vụ vượt ngục là hiếm hoi lắm. Chúng tôi chỉ có hai mươi ba vụ vượt ngục trong mười chín năm, và chỉ bốn vụ trong số này không bắt lại được tù nhân. Điều đó dễ khiến tù nhân chắc chắn rằng hẳn có thể làm được điều đó, trước khi bị bắt lại. Hẳn có quá nhiều thứ để mất một khi thất bại - mất đi những đặc quyền cơ bản của hẳn, và điều đó nghiêm trọng đấy. Không, tôi có một suy nghĩ rằng trong vụ này...” Ông ta ngừng lời, quai hàm ông ta cứng lại. Nhóm lính gác đã đến gần các bậc thềm nhà Cha Muir và đang đứng chờ được chú ý. Tôi để ý hai người trong số này không mang vũ khí; và có điều gì đó trong cách những người còn lại vây quanh họ khiến tôi run rẩy.

“Park! Callahan! Lên đây,” cai ngục Magnus quát lên.

Hai người miễn cưỡng bước lên những bậc thềm. Khuôn mặt họ đều tái nhợt, bầm đầy bụi, cả hai rất căng thẳng. Một trong hai người - tên là Park - còn sợ đến mức môi dưới của anh ta run bần bật như một đứa trẻ bị mắng.

“Đã xảy ra chuyện gì?”

Park liếm một vệt nước bọt trên môi mình, nhưng chính Callahan mới là người nói: “Hắn khiến chúng tôi mất cảnh giác, ngài cai ngục. Ngài biết nó thế nào mà. Suốt tám năm ở đây, khi dẫn tù nhân ra ngoài chúng tôi chưa thấy thằng khốn nào trốn. Chúng tôi đang ngồi trên đá, xem chúng làm việc. Dow bước xuống đường một chút, có nhiệm vụ lấy nước uống. Ai dè hắn quăng thùng đi, bỏ chạy trốn chết vào rừng. Tôi cùng Park vừa hét gọi các tù nhân còn lại nằm xuống đường, vừa đuổi theo hắn. Tôi đã bắn ba phát, nhưng tôi nghĩ là tôi...”

Cai ngục giơ tay lên, Callahan cầm bật. “Daly,” Magnus lặng lẽ nói với một trong số các lính gác ngục bên dưới, “cậu có xem xét con đường ở đó như ta bảo không?”

“Dạ có, ngài cai ngục.”

“Cậu đã tìm thấy gì?”

“Tôi đã tìm thấy hai viên đạn dẹt trong một cái cây cách nơi Dow chạy vào rừng hai mươi feet*.”

“Trên cùng mặt đường đó à?”

“Trên mặt đường bên kia, ngài cai ngục.”

“Ra vậy,” Magnus nói, cũng bằng giọng trầm trầm tĩnh. “Park và Callahan. Hai cậu đã nhận của Dow bao nhiêu để giúp hắn trốn thoát vậy?”

Callahan lấp bắp: “Tại sao chứ, ngài cai ngục, chúng tôi chưa bao giờ...”

Nhưng hai đầu gối Park lão đảo, rồi anh ta kêu lên: “Tao đã dặn mày rồi, Callahan! Mày làm tao dính vào chuyện này, chó chết! Tao đã bảo chúng ta không thể thoát được với...”

“Hai người đã nhận hối lộ à?” Magnus ngắt lời.

Park tự vả vào mặt mình. “Vâng, ngài cai ngục.”

Tôi nghĩ rằng ngài Lane có vẻ cực kỳ khó chịu trước chuyện này, đôi mắt ông thoáng lấp lánh rồi lại chìm sâu vào suy tư.

“Kẻ nào là người trả tiền?”

“Kẻ đê tiện nào đó tại Leeds,” Park lẩm bẩm, gương mặt Callahan đầy sát khí. “Không biết tên hắn. Một kẻ trung gian cho ai đó.”

Ngài Lane phát ra một âm thanh trầm trầm khác thường trong cổ họng, vươn người về phía trước thì thầm gì đó vào tai cai ngục. Magnus gật đầu. “Làm

thế nào Dow được thông báo về những dàn xếp này?”

“Tôi không biết, ngài cai ngục, thế có Chúa là tôi không biết! Tất cả đã được lên kế hoạch rồi. Ngài cai ngục, trong tù chúng tôi không đến gần hẳn. Chúng tôi chỉ được bảo rằng hẳn đã được lo liệu rồi.”

“Hai cậu đã nhận được bao nhiêu?”

“Năm trăm bảng mỗi người. Tôi... Tôi không cố ý làm thế, ngài cai ngục! Vợ tôi sắp phải làm phẫu thuật, còn con tôi phải...”

“Đủ rồi,” Magnus cắt ngang, rồi hất đầu. Hai lính gác quay bước về phía nhà tù.

“Magnus,” Cha Muir căng thẳng nói, “đừng nghiệt ngã quá, đừng quan trọng hóa vụ này. Chỉ cần sa thải họ thôi là đủ. Tôi quen biết vợ của Park, cô ta thực sự có bệnh đấy. Và Callahan cũng tốt mà. Nhưng cả hai người họ đều có gia đình, ngài biết lương đây thấp thế nào...”

Magnus thở dài. “Tôi biết mà, giám mục. Nhưng tôi không thể đặt ra tiền lệ được, tôi bị trói chân trói tay lắm. Vụ này sẽ làm rung chuyển nền móng đạo đức của những lính gác ngục khác, ngài biết rằng nó sẽ ảnh hưởng ra sao đến đám đàn ông.” Ông ta phác một cử chỉ hơi lạ lùng. “Hài thật đấy,” ông lầm bầm. “Cái chuyện làm sao Dow được lo lót khi vượt ngục. Trừ phi Park nói dối... Một thời gian dài tôi đã nghi ngờ có rò rỉ ở đâu đó trong tù. Nhưng về cách thức, nó thông minh thật...”

Quý ông già buồn bã nhìn chăm chú mặt trời như quả cầu đỏ. “Tôi nghĩ mình có thể giúp ngài vụ này, cai ngục,” ông lầm bầm. “Nó thông minh như ngài nói, nhưng rốt cuộc nó lại rất đơn giản.”

“Hả?” Cai ngục Magnus chớp mắt. “Là sao?”

Ngài Lane nhún vai. “Tôi đã nghi ngờ có chỗ rò một thời gian rồi, ngài cai ngục, đơn giản đây chỉ là kết quả của việc quan sát những hiện tượng kỳ lạ nhất định. Tôi chưa từng nói điều gì và lạ lùng thay, lời giải thích lại liên quan đến bạn cũ của tôi, Cha Muir.”

Miệng đức giám mục già nua há hốc. Cai ngục Magnus nhảy dựng lên, quắc mắt đe dọa và hét lên: “Nhảm nhí! Tôi không tin chuyện đó! Tại sao chứ, linh mục là người cực kỳ...”

“Tôi biết, tôi biết,” ngài Lane nhẹ nhàng đáp. “Ngồi xuống, ngài cai ngục và bình tĩnh lại đi. Còn thưa Cha, đừng có hoảng lên thế. Ta sẽ không buộc Cha tội gì ghê gớm lắm đâu. Cho phép ta giải thích. Đã có nhiều dịp kể từ khi ta ghé qua nhà cùng bạn, ta đã quan sát thấy một chuyện kỳ lạ, ngài cai ngục - một hoàn cảnh mới nhìn qua tưởng chẳng có gì, nhưng có thể nói rằng, nó lại phù hợp với nghi ngờ rò rỉ trong tù của ngài đến nỗi ta buộc phải đưa ra kết luận rằng... Thưa Đức Cha, Cha còn nhớ chút nào về những biến cố bất thường xảy ra gần đây trong những lần Cha đến thăm thị trấn không?”

Đôi mắt nhạt của Đức Cha chìm trong suy tư; nghiêm túc nhìn chăm chăm từ phía sau cặp mắt kính dày cộp. Rồi ông lắc đầu. “Thực là... Không, ta không thể nhớ được gì hết.” Ông mỉm cười vẻ hối lỗi. “Trừ phi ngài có ý nói ta đâm sầm vào ai đó. Ngài biết đấy, ta bị cận thị rất nặng mà, ngài Lane, và ta e rằng cả hơi đãng trí nữa...”

Quý ông già mỉm cười. “Chính xác. Cha bị cận thị, đãng trí và trong những lần đến thăm thị trấn, ngài đã đâm sầm vào người ta trên phố. Lưu ý chuyện đó, ngài cai ngục. Ta đã nghi ngờ chuyện này một thời gian dù ta không biết chính xác thủ đoạn phạm tội. Thưa Cha, chuyện gì xảy ra khi Cha đâm sầm vào... à... người bộ hành vô tội nào đó?”

Cha Muir bối rối. “Ý ngài là sao? Ta nghĩ là người ta sẽ luôn tử tế và tôn trọng bộ trang phục của ta, vì đôi khi ta đánh rơi cái ô, cái mũ hay cuốn kinh nhật tụng xuống vỉa hè...”

”Ha! Cuốn kinh nhật tụng của Cha ư? Đúng như tôi nghĩ. Và những con người tử tế, đang tôn trọng này làm gì với cái ô, hay cuốn kinh nhật tụng của Cha?”

“Ờ, thì họ nhặt lên và trả lại cho ta.”

Ngài Lane cười thầm. “Ngài cai ngục, giờ thì ngài đã thấy vấn đề này cơ bản thế nào chưa. Những con người tử tế nhặt cuốn kinh nhật tụng của Cha lên, thưa Cha, giữ lại nó rồi trao bằng cuốn khác. Một cuốn kinh trông gần giống như thế, nhưng không phải! Và ta e rằng, trong cuốn kinh nhật tụng bị đánh tráo kia là những thông điệp, và đích thân cha sẽ mang chúng vào

trong tù. Hoặc bên trong cuốn kinh nhật tụng khách bộ hành tử tế của Cha trân trọng đó mang thông điệp từ nhà tù ra thế giới bên ngoài!”

“Nhưng làm sao ngài phát hiện ra chuyện này?” Cai ngục lẩm bẩm.

“Có gì thần kỳ đâu,” quý ông già mỉm cười. “Tôi đã quan sát vài lần trong khi Đức Cha tốt bụng đây rời nhà này, hoặc rời nhà tù với cuốn kinh nhật tụng hơi bị sờn. Nhưng khi quay về ông ta luôn mang theo một cuốn kinh sáng bóng, rõ ràng là còn mới. Cuốn kinh của ông ta dường như không bao giờ cũ đi, mà luôn có vẻ ngoài mới coóng như phượng hoàng bất tử vậy. Dĩ nhiên, suy luận đó là không thể tránh khỏi.”

Cai ngục Magnus lại nhảy dựng lên, đi lại trên hàng hiên với những sải chân dài. “Tất nhiên, đúng là chiêu thông minh chết tiệt. Nào, nào linh mục, Cha không cần phải trông hoảng lên như thế. Không phải lỗi của Cha đâu. Thế Cha nghĩ kẻ nào nghĩ ra được chiêu này vậy hả?”

“Ta... ta chẳng biết gì hết,” linh mục yếu ớt nói.

“Tabb, dĩ nhiên rồi!” Ông ta quay sang chúng tôi. “Tabb là khả năng duy nhất. Ngài thấy đấy, Cha Muir ngoài việc là Cha tuyên úy thì còn phụ trách thư viện trong tù - vốn là điều bình thường trong các nhà tù lớn. Cha có một tù nhân tên Tabb làm trợ lý - một trong số những tù nhân được hưởng đặc ân của chúng tôi, đúng là như thế; nhưng tội phạm thì vẫn là tội phạm thôi, và Tabb chắc phải lợi dụng linh mục như một thứ công cụ. Làm trung gian giữa các tù nhân với những kẻ bên ngoài, được trả khá hậu đối với mỗi mảnh thư, mảnh giấy được gửi và nhận. Ôi, giờ chuyện đó thành bình thường rồi! Cảm ơn một ngàn lần, ngài Lane, tôi sẽ phải mắng chửi thẳng khốn kia một trận ra trò.”

Và với đôi mắt sáng rực, cai ngục nhanh chóng quay lại nhà tù.

Những ngón tay dài màu đen ánh xanh phủ xuống những ngọn đồi, bóng tối bắt đầu buông. Cùng với hoàng hôn xuống, hầu hết những người truy tìm của nhà tù đã trở về, những ánh đèn pha của họ làm chộn rộn con đường; nhưng họ đều ra về tay trắng. Dow vẫn đang được tự do.

Chúng tôi chẳng còn việc gì để làm ngoài quay về nhà Clay hoặc đợi chờ, chúng tôi chọn đợi chờ. Bố tôi gọi cho Elihu Clay bảo không cần lo lắng cho chúng tôi. Cả hai bố con tôi cảm thấy không thể rời khỏi vùng lân

cận Algonquin, nếu không biết kết quả cuộc săn người. Và thế khi bóng tối càng trĩu nặng, chúng tôi ngồi túm tụm lại bên nhau, chẳng nói gì và có lúc tôi đã nghĩ mình nghe thấy tiếng sủa của lũ chó săn...

Vấn đề của Tabb vô đạo chẳng khiến chúng tôi phiền nhiều mấy - Cha Muir là ngoại lệ. Ông buồn phiền, không chịu tin vào điều xấu xa của một “thanh niên trẻ tốt bụng, quan tâm đến những cuốn sách của chúng ta như thế, và là người ham đọc sách như thế,” như khắc họa tính cách một phó thủ thư vậy. Sau đó vào lúc khoảng mười giờ - chúng tôi vẫn chưa hề ăn gì kể từ bữa trưa, nhưng không ai cảm thấy đói - linh mục, bồn chồn, áy náy không thể chịu đựng thêm nữa bèn xin lỗi và rảo bước xuống đường về phía nhà tù. Và khi quay về ông ở trong một tâm trạng đau buồn. Ông xua tay tỏ ý không muốn được an ủi, gương mặt ông bắt đầu chuyển sang trạng thái mà tôi e là sẽ biến thành nét kinh ngạc lâu dài, như thể với trái tim nhẹ nhàng của mình, ông không còn tin rằng tất cả những bong bóng niềm tin lạc quan, tươi vui của mình vào những con người này đã bị thực tế nghiền nát một cách tàn nhẫn.

“Ta vừa mới gặp Magnus,” ông thở hỗn hển, ngồi lún xuống ghế. “Đúng thế, đúng thế! Tabb... ta không thể hiểu nổi, thật đấy, thật đấy, cái gì đã chiếm hữu những chàng trai tốt bụng này!... Tabb đã thú nhận rồi.”

“Hắn đã lợi dụng Cha à?” bố tôi nhẹ nhàng hỏi.

“Phải, à phải! Đáng sợ thật. Ta đã gặp cậu ta một lúc, cậu ta bị tước hết chức vụ và đặc quyền. Magnus đã... ôi, cũng thích đáng thôi, chẳng nghi ngờ gì nữa, nhưng dường như cứng rắn quá - cậu ta bị gửi trả về Hạng C. Cậu ta không dám nhìn thẳng vào mắt ta. Làm sao cậu ta lại có thể...”

“Hắn đã chuyển cho Aaron Dow bao nhiêu tin nhắn?” ngài Lane lẩm bẩm, “Hắn có nói không?”

Cha Muir nhăn nhó. “Có. Dow chỉ gửi một tin nhắn thôi - vài tuần trước đến thượng nghị sĩ Fawcett. Nhưng Tabb không biết nội dung của nó. Có một hoặc hai tin nhắn tiếp theo nữa. Ngài thấy đấy, thật kinh ngạc - cậu ta đã đang làm cái nghề phụ sinh lời này được nhiều năm rồi. Cậu ta vừa thấy rằng một tin nhắn được lấy ra khỏi cuốn kinh nhật tụng mới khi ta... ta mang nó vào. Nó được khâu vào trong lớp lót... hoặc tin nhắn được nhét

vào trong cuốn kinh nhật tụng cũ khi ta chuẩn bị ra về. Cậu ta nói cậu ta không hề biết nội dung tin nhắn đó là gì. Ôi trời ơi...”

Tất cả chúng tôi ngồi đó và đợi chờ cái điều chúng tôi e rằng sẽ xảy ra. Liệu họ có tìm được tù nhân bỏ trốn không? Dường như không có khả năng hẳn có thể thoát khỏi tay các lính gác ngục.

“Mấy tên lính có nói với nhau,” Cha Muir run rẩy nói, “chuyện thả chó ra.”

“Cháu nghĩ mình nghe thấy chúng - đang sửa,” tôi thì thầm. Tất cả chúng tôi cùng im lặng. Mấy phút đã trôi qua. Từ khi đám tù nhân quay về, những tiếng quát lác và những chùm đèn chiếu điên loạn lên bầu trời. Cả buổi tối, mấy chiếc xe liên tục vào ra khỏi sân tù, vài xe thẳng tiến lên con đường xuyên rừng, vài xe gầm rú lao qua cửa nhà Cha Muir. Có lần chúng tôi thực sự trông thấy một người mặc đồ đen, đang nắm chắc rất nhiều sợi xích được tròng vào cổ những con chó tàn ác đáng sợ.

Từ lúc quá mười giờ một chút, khi linh mục quay về cho đến nửa đêm, chúng tôi ngồi bất động trên hàng hiên; và dường như đối với tôi, đằng sau lớp mặt nạ của mình, ngài Drury Lane đang đấu tranh với một niềm tin nào đó, khiến ông không thể nắm bắt được rõ ràng. Ông không nói gì, nhưng trầm tư nhìn lên bầu trời đêm bằng con mắt nhắm hờ, những ngón tay của ông đan vào nhau trước mặt. Dường như đối với ông chúng tôi không hiện hữu. Có phải trước kia từng có lần Aaron Dow rời khỏi nhà tù Algonquin, và một người đã chết? Phải chăng ông đang cố nắm bắt điều đó? Tôi nghĩ mình có thể nói điều gì đó...

Sự gián đoạn đến thật nhanh vào lúc nửa đêm, như thể được dàn xếp trước bởi những vị thần may rủi. Một chiếc xe với tiếng động cơ gầm rú leo lên đồi từ hướng Leeds, phả khói ra rồi dừng lại ngoài cổng nhà. Chúng tôi đứng dậy ngay lập tức, chẳng ai bảo ai thò cổ vào trong bóng tối.

Một người đàn ông nhảy ra khỏi xe từ ghế sau, lao như bay trên lối đi lên hàng hiên.

“Thanh tra Thumm? Ngài Lane?” anh ta kêu lên.

Đó là công tố viên John Hume, quần áo xốc xếch, trong tình trạng kích thích thờ hốt hển.

“Chuyện gì thế?” bố tôi càu nhàu.

Hume bỗng ngồi phịch xuống bậc thềm thấp nhất. “Tôi có tin cho mọi người đây. Tất cả mọi người... Các người vẫn nghĩ Dow vô tội đúng không?” anh ta nói thêm, như thể suy nghĩ đến sau.

Drury Lane bước lên một bước ngắn, nhát một, rồi dừng lại. Trong ánh sao mờ mờ, tôi trông thấy đôi môi ông mấp máy không thành tiếng. Rồi ông nói bằng giọng khàn và thấp. “Ý cậu không phải là...”

“Ý tôi muốn nói,” Hume lẩm bẩm, giọng anh ta mệt mỏi, cay đắng và phẫn nộ. Như thế anh ta xem chuyện đã xảy ra là một sự lãng mạ đối với riêng mình. “Ý tôi là bạn của các người, Aaron Dow đã trốn thoát khỏi nhà tù Algonquin chiều nay, và tối hôm nay - mới vài phút trước thôi - bác sỹ Ibra Fawcett được phát hiện đã bị giết rồi!”

Mảnh Ghép Cuối Cùng

Bây giờ nó xảy ra rồi. Ngay từ đầu tôi thấy đây là chuyện không tránh khỏi. Tôi đã nghĩ đến mọi chuyện xung quanh nó, thế nhưng vẫn chưa đụng được vào cốt lõi. Còn với quý ông già, vụ án đã diễn tiến theo chiều hướng tệ hại cho ông. Ông không bao giờ tự tha thứ cho mình vì đã liều mạng thử Aaron Dow trong nhà lao hạt Leeds, mà không có các nhân chứng trung lập; và bây giờ, khi chúng tôi ngồi trong xe của ông do Dromio lái, đi theo chiếc xe sấm sét của Hume lao xuống đồi trong bóng tối, ông cúi gằm mặt xuống ngực tiêu hóa sự thật cay đắng vụ giết bác sỹ Fawcett mà ông lẽ ra phải biết trước và ngăn chặn.

“Nói cậu biết,” ông buồn tẻ nói, “lẽ ra tôi không nên tới đây chút nào. Cái chết của Fawcett được bắt nguồn từ những thông tin. Tôi đúng là thằng ngu mù quáng...”

Ông không nói gì nữa, chúng tôi không biết phải nói gì để an ủi ông. Tôi thì đau khổ, bố tôi chìm trong màn sương mù dày đặc nhất. Cha Muir không đi cùng chúng tôi; cú đánh cuối cùng quá sức chịu đựng của ông. Chúng tôi đành bỏ ông lại trong phòng khách, nhìn trừng trừng cuốn Kinh Thánh với đôi mắt khiếp đảm.

Một lần nữa chúng tôi rẽ vào đường xe vào nhà tối thui, nhìn thấy tòa lâu đài sáng bừng những ngọn đèn, những người lính và cảnh sát đi lại xung quanh, bước qua ngưỡng cửa dường như trở thành bàn đạp định mệnh của những kẻ giết và bị giết.

Hầu như không thay đổi gì, chúng tôi có lẽ đã quay trở về với hiện trường đầu tiên vài tháng trước. Có cảnh sát trưởng Kenyon lực lưỡng, vây quanh lão ta là các thanh tra nghiêm nghị khác; có một căn phòng ở tầng trệt; và có một người chết...

Tuy nhiên, bác sỹ Ira Fawcett không bị giết trong phòng làm việc của thượng nghị sỹ. Chúng tôi tìm thấy xác ông ta đang nằm trên tấm thảm trải sàn trong phòng khám bệnh, biến dạng vì cái chết. Ông ta nằm cách bàn làm việc vài mét, nơi mới tối hôm qua, chính mắt tôi nhìn thấy ông ta đang xem xét mảnh gỗ nhỏ nhắn vô tội kia, có thể đó chính là mảnh giữa của một cái rương nhỏ. Chòm râu đen ngắn, nhọn, gọn gàng và bóng mượt của ông ta hoàn toàn nổi bật trên cái cằm hơi xanh xao; ông ta nằm ngửa tay chân dang rộng, hai mắt mở to đờ đẫn nhìn trừng trừng trần nhà. Ngoại trừ chân tay ở tư thế rối loạn cứng nhắc, trông ông ta chẳng khác gì vua Pharaon ở Ai Cập đang nằm đó suy tư về sự vĩnh hằng.

Từ bên ngực trái, thò ra cái cán tròn của một vật trông giống con dao, tôi nhận ra nó là một dụng cụ phẫu thuật nào đó.

Tôi yếu ớt tựa người vào bố tôi, cảm thấy ông ôm lấy cánh tay tôi trấn an. Lịch sử đang lặp lại chính nó. Trong lớp sương mù gây buồn nôn trước mắt, tôi nghe thấy những tiếng nói và nhìn thấy những gương mặt quen thuộc. Có bác sỹ Bull nhỏ nhắn, người giám định pháp y, quỳ xuống bên cạnh cái xác bất động đang nằm ngửa, những ngón tay nhanh nhẹn của ông ta đang khám phá. Kenyon cau có như ông già nhìn lên trần nhà. Và đang tựa vào bàn làm việc, cái đầu hói hồng hào bóng nhẫy mồ hôi, đôi mắt già thông minh hiểm ác bối rối và sợ hãi, là Rufus Cotton, thần hộ mệnh về chính trị của John Hume.

“Rufe!” Công tố viên kêu lên. “Chuyện này là sao? Ông phát hiện ra ông ta à?”

“Phải. Tôi... Trời ơi, trời ơi.” Vị chính trị gia già cả rút khăn tay lau cái sọ bóng loáng. “Tôi đã ghé qua... à... bất ngờ thôi, John. Không hề có hện trước. Để nói về một số... một... một số chuyện với bác sỹ Fawcett. Chiến dịch, cậu biết đấy. Và... Chúa ơi. John, đừng nhìn tôi kiểu đó!... Tôi thấy ông ta đã chết rồi, đúng như bây giờ cậu thấy đấy.”

Hume nhìn thẳng như khoan vào Rufus Cotton một lúc, với xúc cảm cay đắng, rồi thì thầm: “Được rồi, Rufe. Tôi sẽ không đi sâu vào các vấn đề cá nhân bây giờ. Ông tìm thấy ông ta lúc mấy giờ?”

“Thôi mà, John, làm ơn đừng xem nó...”

“Ông tìm thấy ông ta lúc mấy giờ?”

“Mười một giờ bốn mươi năm, John... Căn nhà này hoàn toàn vắng hoe! Tất nhiên, tôi gọi cho Kenyon ngay lập tức...”

“Ông có chạm vào cái gì không?” bố tôi gặng hỏi.

“Nói thật là không.” Ông già dường như run rẩy dữ hơn; không còn quá quyết nữa, đứng tựa hẳn vào bàn làm việc, lảng tránh ánh mắt Hume.

Ngài Drury Lane với đôi mắt đang khám phá từng đường nứt của căn phòng, lúc này nhẹ bước đến bên cạnh bác sỹ Bull khẽ cúi người xuống. “Tôi cho rằng ông là người giám định pháp y? Bác sỹ, người này đã chết được bao lâu rồi?”

Bác sỹ Bull cười toét. “Lại người nữa nhì? Từ vài phút sau mười một giờ. Khoảng mười phút sau mười một giờ.”

“Ông ta có chết ngay không?”

Bác sỹ Bull liếc mắt lên cao. “À... khó nói lắm. Có thể ông ta ngắc ngoải được một lúc.”

Quý ông già nhìn chăm chăm. “Cảm ơn ngài.” Nói xong ông đứng thẳng dậy bước đến bàn làm việc, đứng đó xem xét những thứ trên bàn với gương mặt vô cảm.

Kenyon quát âm âm: “Đã nói chuyện với người hầu chưa, Hume? Bác sỹ Fawcett đầu buổi tối nay đã đuổi hết họ khỏi nhà. Khôi hài thật, đúng không? Giống hệt ông anh trai.”

Bác sỹ Bull đứng dậy, đóng lại cái túi màu đen của mình. “Chà,” ông ta nói nhanh, “Điều này chẳng có gì bí ẩn hết. Một vụ án mạng đòi hỏi kỹ năng. Hung khí là một lưỡi trích, cách gọi khác của dao mổ trong ngành y tế. Được dùng để tạo ra những đường rạch rất nhỏ.”

“Nó được lấy từ cái khay này trên bàn làm việc,” ngài Lane trầm tư nói.

Bác sỹ Bull nhún vai. Có vẻ thế. Trên bàn làm việc là một cái khay tráng cao su đựng một nhóm lộn xộn các dụng cụ phẫu thuật trông đã cũ. Rõ ràng bác sỹ Fawcett đã có dự định tiết trùng đồng này bằng dụng cụ tiết trùng nằm trên một chiếc bàn gần đó; cái nôi đấy vẫn đang sôi sùng sục. Bác sỹ Bull nhanh chóng bước qua tắt nó đi. Căn phòng đang bắt đầu hiện rõ ra; tôi thấy đó là một văn phòng y tế được trang bị tối tân, với một bàn khám

bệnh đặt trong góc, một đèn huỳnh quang nghiêm to đùng, một máy chụp X-quang và vô số những máy móc hồ lốn khác mà tôi chẳng hiểu là máy gì.

Trên mặt bàn làm việc, ngoài cái khay, có một túi đồ nghề y tế màu đen đang mở nắp, khá giống túi đồ nghề của bác sỹ Bull. Dòng chữ *Bác sỹ Y khoa Ira Fawcett* được in ngay ngắn trên túi.

“Chỉ có một vết thương,” bác sỹ Bull nói tiếp, xem xét kỹ lưỡng hung khí ông đã rút ra khỏi xác chết trong khi khám nghiệm. Hung khí có một lưỡi mỏng dài, đầu trông hơi giống lưỡi câu; bề mặt thép suốt chiều dài con dao có màu đỏ sẫm. “Món này trông khó coi nhưng hiệu quả đấy, Hume. Khiến máu chảy ra xối xả, như cậu có thể thấy.” Ông ta hất đầu về phía người chết, chúng tôi trông thấy một vết máu lan rộng trên mặt thảm trải sàn rất gần xác chết, như thể máu bắn ra từ vết thương qua quần áo nhỏ tong tỏng xuống sàn. “Thực ra, lưỡi dao đã làm gãy một xương sườn, vết thương kinh khủng, đúng vậy.”

“Nhưng mà...” Hume nóng ruột vừa bắt đầu thì Drury Lane nheo mắt lại, quỳ xuống bên cạnh người chết, giơ cánh tay phải lên và xem xét kỹ lưỡng.

Ông ngược mắt lên. “Cái gì đây?” ông hỏi. “Ngài có thấy cái này không, bác sỹ Bull?”

Người giám định pháp y hờ hững nhìn xuống. “À cái đó! Đúng, nhưng nó chẳng quan trọng gì đâu. Không phải vết thương, nếu đó là điều ngài muốn biết.” Chúng tôi trông thấy ở mặt dưới cổ tay bên phải bác sỹ Fawcett có ba dấu mờ mờ đỏ như máu, gần như là hình ô van nằm sát cạnh nhau. “Lưu ý là ở phía trên động mạch.”

“Phải, tôi lưu ý rồi,” ngài Lane đáp khô khốc. “Quan trọng đấy, bác sỹ, bất chấp ý kiến chuyên gia của ngài thế nào.”

Tôi chạm vào cánh tay quý ông già. “Ngài Lane,” tôi kêu lên, “trông như những ngón tay của ké sát nhân. Sau khi thực hiện cú đâm giết người, hắn đã bắt mạch nạn nhân.”

“Tuyệt hảo, Patience.” ông mỉm cười yếu ớt. “Đó chính xác là điều ta đang nghĩ. Tại sao hắn làm thế?”

“Để chắc chắn bác sỹ Fawcett đã chết,” tôi ngập ngừng thăm dò.

“À, dĩ nhiên rồi,” công tố viên ngắt lời. “Điều này dẫn cô tới đâu? Quay lại làm việc thôi Kenyon. Bác sỹ Bull, ngài sẽ tiến hành khám nghiệm đúng không? Chúng tôi muốn chắc chắn sẽ không bỏ lỡ điều gì.”

Tôi nhìn gương mặt đã chết của bác sỹ Fawcett lần cuối, trước khi bác sỹ Bull phủ tấm vải lên cái xác trong khi chờ Phòng Phúc lợi công cho xe đến. Gương mặt ấy không đáng sợ nữa, mà mang nét góm ghieéc và vì lý do nào đó, là nét ngạc nhiên.

Nhóm lấy dấu vân tay bắt đầu vào việc. Kenyon bước nặng nề, rống lên những mệnh lệnh. John Hume kéo Rufus Cotton sang một bên. Tiếp theo Drury Lane khẽ thốt lên một tiếng, tất cả ngẩng phắt đầu lên; lúc này ông đã quay lại bàn làm việc, trong tay đang cầm một thứ rõ ràng ông đã phát hiện dưới đồng giấy tờ.

Đó là mảnh rương tôi đã thấy bác sỹ Fawcett đang xem xét một cách đầy hung bạo đêm qua.

“Ha!” Ngài Lane nói. “Thật ngưỡng mộ. Tôi khẳng định rằng nó sẽ đến đây. Nào, Patience, cháu nghĩ gì về nó?”

Giống như mảnh đầu tiên chúng tôi đã thấy, tức là mảnh rương bị cưa. Nhưng lần này cả hai mặt bên đều hở, rõ ràng nó là phần trung tâm của rương. Trên bề mặt rương là hai chữ cái viết hoa mạ vàng, giống mảnh rương đầu tiên. Nhưng lần này là hai chữ *JA*.

“Đầu tiên là *HE*,” tôi lẩm bẩm, “còn giờ là *JA*. Ngài Lane, cháu thừa nhận cháu hoàn toàn không hiểu nổi.”

“Thật lỗ bịch,” Hume giận dữ thốt lên. Anh ta ghé cổ dòm qua vai bố tôi. “*HE* là thằng quái nào? Còn *JA* nữa...”

“Trong tiếng Đức *JA* có nghĩa là “đồng ý”,” tôi lẩm bẩm, không quá hy vọng.

Hume khịt mũi. “Giờ thì hiểu rồi à?”

“Patience, cháu yêu của ta,” quý ông già nói, “đây là một đầu mối quan trọng sống còn. Lạ thật, lạ thật!” Ông nhìn quanh căn phòng thật nhanh, tìm kiếm gì đó. Đôi mắt ông vụt sáng lên. Ông lao đến góc phòng, trên giá sách nhỏ có một cuốn từ điển to khổ lớn. Hume cùng bố tôi há hốc mồm nhìn ông, nhưng giờ thì tôi biết ông muốn tra cái gì. Tôi nghĩ rất lung và rất

nhanh. H - E - J - A.... Chắc chắn là thế, vì tôi không thể nghĩ ra hai nhóm từ này nghĩa là gì nếu tách riêng nhau ra. Thế nên nó chắc phải là một từ. H-E-J-A... Nhưng tôi tin chắc sẽ chẳng có từ nào như thế.

Ngài Lane chậm rãi đóng cuốn từ điển lại. “Dĩ nhiên,” ông nhẹ nhàng nói. “Đúng như ta nghĩ.” Ông cắn môi, bắt đầu rảo bước lên xuống trước mặt xác chết, đôi mắt khó hiểu. “Xét theo hình dạng hai mảnh rương liền một khối,” ông thì thầm, “Tôi nghĩ... thật không may chúng ta không có được mảnh đầu tiên ấy...”

“Ai bảo không có?” Kenyon cười chế nhạo. Trước sự ngạc nhiên của tôi, lão ta thọc tay vào túi lấy ra mảnh ban đầu. “Cứ nghĩ rằng lúc nào đấy nó sẽ có ích, điên rồ là đúng thật. Trước khi đến đây thế nào lại lôi nó ra từ đồng hồ sơ tại Trụ sở.” Lão ta trao mảnh rương cho quý ông già một cách lơ đãng.

Ngài Lane nắm chặt nó trong những ngón tay thèm khát. Ông cúi xuống bàn làm việc, dựng đứng hai mảnh rương lên theo đúng thứ tự. Đến lúc này đã rõ ràng đây là chiếc rương thu nhỏ bằng gỗ, thêm cả những móc khóa kim loại nhỏ. Các chữ cái vừa khít với nhau tạo thành một từ: *HEJA*. Vì bốn chữ cái này không tạo nên một từ hoàn chỉnh, một ý nghĩ tuyệt vời chợt lóe trong tôi.. Phải có một hoặc nhiều chữ cái nữa, vì hẳn nhiên là nếu một từ được sơn lên rương, hẳn người thợ phải sơn nó dọc suốt chiều dài rương. Nhưng với chữ A xuất hiện ở vị trí trung tâm, phần chữ sơn hẳn sẽ lệch tâm nếu không còn chữ nào thêm vào đó.

Ngài Lane lẩm bẩm: “Từ những gì chúng ta tạo nên ở đây, giờ tôi hiểu rằng chỉ còn một mảnh nữa để hoàn chỉnh mô hình một cái rương. Việc tra cuốn từ điển to kia đã khẳng định nghi ngờ của tôi. Chỉ có một từ trong từ điển tiếng Anh bắt đầu bằng H-E-J-A.”

“Không thể nào!” Hume ngắt lời. “Tôi chưa từng nghe đến nó.”

“Không nhất thiết phải tương tự về nghĩa,” Ngài Lane nói, cười nhẹ. “Tôi nhắc lại: chỉ có một từ trong từ điển tiếng Anh bắt đầu bằng H-E-J-A. Và nó không hề là một từ tiếng Anh, mà là một từ bị Anh hóa.”

‘Là từ gì ạ?’ Tôi chậm rãi hỏi.

“Hejaz.”

Tất cả chúng tôi cùng chớp mắt, như thể ông vừa thốt ra một câu thần chú u mê nào đó. Hume cau mày: “Thưa ngài, cứ cho là đúng đi, thì cái từ quái quỷ này nghĩa là gì?”

“Hejaz,” quý ông già bình thản lặp lại, “là một vùng ở Ả Rập Xê Út. Và thật lạ kỳ, thủ phủ của Hejaz là Mecca.”

Hume giơ hai tay lên. “Tiếp theo là gì đây, ngài Lane? Đây là điều vớ vẩn kinh khủng đấy, ngài biết không. Ả Rập! Mecca!”

”Vớ vẩn sao ngài Hume? Không hề đâu, khi cái chết của hai người này liên quan đến nó,” Ngài Lane khô khốc nói. “Nó quái lạ, tôi thừa nhận, nếu ngài chấp nhận giải thích theo nghĩa đen cái từ liên quan đến Ả Rập hay người Ả Rập. Nhưng tôi không biết rằng đó là con đường tắt yếu của tội ác. Tôi có những ý niệm lạ kỳ nhất...”

Ông chợt im lặng, rồi lặng lẽ nói tiếp: “Chúng ta vẫn chưa xong đâu, ngài biết đấy Hume.”

“Chưa xong?”

Đôi mày bố tôi nhướng lên. “Ý ngài là chúng ta sắp có một án mạng nữa?” ông hoài nghi hỏi. Quý ông già chấp hai tay sau lưng. “Có vẻ sẽ như thế, không đúng sao? Đầu tiên chúng ta có án mạng, nạn nhân trước khi chết nhận được một mảnh rương có chữ *HE*; sau đó là một án mạng nữa, nạn nhân trước khi chết nhận được một mảnh rương có chữ *JA*...”

“Vậy là ai đó sẽ nhận được mảnh rương cuối cùng rồi bị khử à?” Kenyon hỏi với tiếng cười khô khốc.

“Không nhất thiết.” Ngài Lane đáp rồi thở dài. “Nếu những hành vi trước kia không có ý nghĩa gì, có vẻ một cá nhân thứ ba sẽ nhận được mảnh rương cuối. Trên mảnh rương đó sẽ sơn chữ *Z*, và mạng sống người đó sẽ bị cướp đi. Nói cách khác, là một dạng án mạng chữ *Z*.” Ông mỉm cười. “Nhưng trong trường hợp này, tôi không dám chắc chúng ta sẽ có thể tin điều đó. Điều quan trọng,” ông nói câu cuối bằng giọng sắc lạnh, “đó là một người thứ ba có liên quan, người cuối cùng trong nhóm tam hùng được tượng trưng trong hai vụ thượng nghị sĩ Fawcett và bác sỹ Fawcett.”

“Làm sao ngài biết điều này?” bố tôi hỏi.

“Rất đơn giản. Tại sao cái rương bị cắt làm ba phần ngay từ đầu? Rõ ràng vì nó mang nghĩa là được gửi đến cho ba người.”

“Kẻ thứ ba là Dow,” Kenyon càu nhàu. “Mọi người đã nói gì - hẳn gửi đi đúng không? Hẳn đã dành mảnh cuối cùng cho chính mình.”

“À, đó là điều vớ vẩn nhất, Kenyon,” ngài Lane nhẹ nhàng nói. “Không phải Dow.”

Và đó là tất cả những gì ông nói về cái rương. Từ biểu hiện trên nét mặt họ, tôi có thể thấy cả cảnh sát trưởng Kenyon cũng như John Hume đều không tin vào giải thích của ông về cái rương, ngay cả bố tôi cũng có vẻ hoài nghi.

Ngài Lane bậm môi lại, đột ngột lên tiếng: “Các quý ông, lá thư. Nó đâu rồi?”

“Thế quái nào...?” Kenyon bắt đầu, đôi môi như cao su của lão há hốc.

“Thôi đi ông. Chúng ta đang phí thời gian đây. Ông đã tìm thấy chưa?”

Câm lặng lắc đầu, Kenyon lôi từ trong túi ra một mảnh giấy nhỏ gấp tư rồi trao cho quý ông già. “Tìm thấy nó trên bàn làm việc,” lão lẩm bẩm ngu ngốc. “Sao ngài biết nó ở đó?”

Đó là mảnh giấy tôi đã thấy trên bàn bác sỹ Fawcett, bên cạnh mảnh giữa cái rương đêm hôm qua.

“Ha!” Hume thốt lên, giật mẫu giấy khỏi tay ngài Lane. “Ý tưởng lớn gì thế này Kenyon? Tại sao ông không hề nói với tôi về cái này?” Anh ta bậm môi thành tiếng. “Mà dù sao chúng ta lại quay về vạch xuất phát.”

Thông điệp được viết bằng mực, chữ viết thường; giấy bản thiù như thế đã được dùng nhiều. Hume đọc to thông điệp lên:

Đã chốt kế hoạch vượt ngục vào chiều thứ Tư. Vượt ngục trong khi ra ngoài lao động với nhóm. Lính gác đã lo xong. Tìm thức ăn, quần áo trong ba lô tôi đã dọn trong mẫu giấy trước. Ẩn mình, qua đây vào thứ Tư, 11h30 đêm. Tôi sẽ ở một mình, chuẩn bị sẵn tiền. Vì Chúa cẩn thận đấy.

I.F.

“Ira Fawcett!” Công tố viên thốt lên. “Chà, chà! Lần này nhất định chúng ta tóm được Dow rồi. Vì lý do điên rồ nào đó, Fawcett lại dàn xếp vụ vượt ngục của Dow, mua chuộc lính gác ngục...”

“Để xem nó có nằm trong nắm tay của Fawcett không?” bố tôi càu nhàu. Ngài Lane nhìn theo với nỗi u buồn, vẻ thích thú dường như không còn.

Các mẫu chữ viết tay của bác sỹ Fawcett được đưa ra. Cho dù không ai có mặt ở đây đủ trình độ như một chuyên gia chữ viết, một người bình thường cũng đủ tự tin nói rằng đây đích thực là chữ viết của bác sỹ Fawcett.

“Lá mặt lá trái,” cảnh sát trưởng Kenyon cay cú nói. “Có một đường dây từ đây. Tôi vừa định đợi anh, Hume, để gây bất ngờ cho anh. Dow há miệng ngậm tiền, giết chết Fawcett sau đó cao chạy xa bay.”

“Hơn nữa,” bố tôi nói bằng giọng châm biếm, “tôi cho rằng hẳn cố tình để lại mẫu giấy này để ta tìm thấy.”

Vẻ chế nhạo biến mất trên gương mặt Kenyon. Nhưng tay công tố viên vẫn giữ vẻ mặt lo lắng đến hàng tá lần trong vụ này.

Kenyon ngu xuẩn nói tiếp. “Tôi đã gọi cho bên ngân hàng trước khi anh tới, Hume. Không một kẻ nào được phỗng tay trên của tôi hết. Thưa ngài thông tin ngọt ngào lắm đấy. Sáng hôm qua, bác sỹ Fawcett đã rút hai mươi năm nghìn đô la Mỹ khỏi tài khoản của mình, số tiền này không nằm trong nhà nữa.”

“Ngài nói là sáng hôm qua?” Ngài Lane bất ngờ thốt lên. “Kenyon, ngài chắc chứ?”

“Nghe này,” Kenyon càu nhàu, “khi người ta nói hôm qua...”

“Ồ, đây là điều quan trọng bậc nhất,” quý ông già lẩm bẩm. Tôi chưa từng thấy ông thực sự phấn khích hơn thế. Đôi mắt ông lấp lánh, đôi má ông đỏ bừng lên như thanh niên. “Dĩ nhiên ý ngài là sáng thứ Tư, không phải sáng thứ Năm?”

“Chết tiệt, phải,” Kenyon khó chịu đáp.

“Nghĩ về chuyện đó đi,” Hume lẩm bẩm, “mảnh giấy này nói Dow sẽ vượt ngục vào ngày thứ Tư. Nhưng hôm nay hẳn mới làm thế. Vào ngày thứ Năm. Thật khôi hài, đúng thế.”

“Hãy nhìn mặt kia tờ giấy,” Ngài Lane nhẹ nhàng khuyên, ông sở hữu đôi mắt cực kỳ sắc sảo, nhìn ra được thứ tất cả chúng tôi đã bỏ qua.

Hume lập tức lật mặt kia tờ giấy. Có một thông điệp thứ hai, được viết bằng bút chì, viết hoa - phong cách quen thuộc như tờ giấy đầu tiên chúng tôi tìm thấy của thượng nghị sĩ Fawcett đã rất lâu trước kia. Mẫu giấy có viết:

Không thể vượt ngục vào thứ Tư. Sẽ vượt ngục vào thứ Năm. Chuẩn bị cho tôi số tiền nhỏ vào thứ Năm. Gặp nhau buổi tối.

AARON DOW

“Ôi!” Hume nói, nhẹ nhõm. “Thế thì rõ ràng rồi. Dow đã tuân tin nhắn này ra khỏi Algonquin, cũng dùng đúng mảnh giấy Fawcett đã gửi cho hãn, có thể khiến Fawcett biết rằng tin nhắn này là thật. Tại sao hãn lại muốn trì hoãn không quan trọng nữa - có lẽ là do điều gì đó trong tù khiến hãn quyết định chờ thêm một ngày, hoặc hãn chết nhát và muốn chờ thêm ngày nữa cho can đảm. Có phải ngài muốn nói thế không ngài Lane? Khi ngài cho rằng chi tiết bác sỹ Fawcett đi rút tiền hôm thứ Tư là quan trọng?”

“Không hề,” ngài Lane đáp.

Hume nhìn chăm chăm một lúc rồi nhún vai. “Giờ thì đây là vụ án rõ ràng rành, chẳng nghi ngờ gì nữa. Dow sẽ không thoát khỏi ghế điện lần nữa đâu.” Anh ta mỉm một nụ cười dễ chịu, những nghi ngờ đầu tiên của anh ta dường như đã biến mất. “Ngài vẫn cho rằng Dow là người vô tội à, ngài Lane?”

Quý ông già thở dài. “Tôi chẳng tìm thấy gì ở đây khiến niềm tin đó của tôi bị lung lay.” Và ông nói thêm, như thể vừa mới nghĩ ra. “Và mọi thứ đều cho thấy kẻ có tội - là một người khác.”

“Kẻ nào ạ?” cả hai bố con tôi đồng thanh hỏi.

“Chính xác thì... tôi không biết.”

Tôi Làm Nữ Anh Hùng

Giờ đây khi nhìn lại những giờ phút nóng bỏng ấy, tôi mới thấy vụ việc lên đến đỉnh điểm một cách nhanh chóng và vững chắc đáng kinh ngạc như thế nào. Cho dù vào lúc đó chúng tôi đang ở giữa màn sương mù vô vọng. Ít nhất thì bố con tôi đã ở đó. Những gì đã diễn ra tôi chưa từng được chứng kiến: xác chết được bọc kín đưa ra ngoài, những mệnh lệnh khô khốc của công tố viên Hume, cuộc nói chuyện của anh ta trên điện thoại với cai ngục Magnus tại Algonquin, những kế hoạch của họ hòng bắt sống tên tù vượt ngục, bầu không khí im lặng đáng sợ khi chúng tôi quay về nhà và vẻ trầm lặng nghiêm trọng của ngài Lane.

Và rồi vào ngày hôm sau... Tất cả đã diễn ra quá nhanh. Tôi gặp Jeremy vào sáng sớm, sau trận cãi vã quyết liệt với ông bố, anh rời nhà ra mở đá như thường lệ. Già Clay bị suy sụp khá nặng trước tin tức về cái chết của bác sỹ Fawcett. Cũng là bình thường khi ông ta có ý trách bố tôi dự đoán đúng tình huống ông ta đang lâm vào: có tên trong danh sách ứng cử vào chức thượng nghị sĩ, được viết bằng máu của hai kẻ bị giết.

Bố tôi cũng bất ngờ, khuyên ông ta nên rút khỏi cuộc đua này. “Không hiệu quả đâu, chỉ thế thôi,” ông nói khô khốc. “Đừng có trách tôi. Ngài đang nghĩ gì vậy hả Clay? Kêu gọi đám báo chí vào đi. Và đặc biệt nếu ngài không phiền chuyện xúc phạm người quá cố, nói với họ ngài đã nhận đề cử ngay từ đầu chỉ để tìm ra điều dối trá ở bác sỹ Fawcett. Nói với họ sự thật, thế thôi. Hoặc có thể đó không phải sự thật; có thể ngài đã muốn mình được đề cử...”

“Dĩ nhiên là không,” Clay nói, nhú mày.

“Thế thì được. Hãy thảo luận với Hume, chuyển cho anh ta tất cả bằng chứng tôi đã thu được liên quan đến việc sử dụng các hợp đồng của

Fawcett, thảo đơn rút lui gửi báo chí với lời giải thích tôi đã cho ngài. Hume sẽ nhậm chức thượng nghị sĩ mà không ai phản đối, anh ta sẽ rất vui với thỏa thuận đó. Ngài sẽ biến thành Tiểu Huân tước Fauntleroy* của hạt Tilden trong suốt phần đời còn lại.”

“À...”

“Và công việc của tôi ở đây xem như xong,” bố tôi vui vẻ nói tiếp, “tôi chẳng làm được việc quái gì tốt cả. Thế nên tôi không đòi ngài xu nào đâu, ngoại trừ phí tổn thôi. Khoản tiền trả trước của ngài là ổn rồi.”

“Vớ vẩn, ngài thanh tra! Tôi không có ý...”

Tôi bỏ mặc hai người cãi nhau ầm ĩ trong hòa thuận, vì bà quản gia Martha gọi tôi đến nghe điện thoại. Đó là Jeremy. Anh đang trong trạng thái kích động đến mức ngay từ đầu tiên đã khiến da tôi nhồn nhột.

“Pat!” anh nói bằng giọng thấp, căng thẳng, gần như lời thì thầm. “Có ai cạnh em không? Nghe này, Pat. Anh đang ở công trình, đang gọi điện từ văn phòng hiện trường tại mỏ đá,” anh gấp gấp nói. “Đây là chuyện khẩn cấp. Xuống đây ngay lập tức. Xuống ngay đi Pat!”

“Nhưng tại sao, Jeremy, tại sao?” tôi kêu lên.

“Đừng hỏi gì hết. Lấy xe mui trần của anh mà đi. Đừng nói lời nào với bất kỳ ai hết. Đến với anh đi? Giờ thì cho xe lăn bánh đi, Pat, lăn đi vì Chúa!”

Tôi liền làm theo. Bỏ ống nghe xuống, vuốt phẳng lại quần áo, chạy lên cầu thang quơ vôi mũ rồi găng tay, tôi nhảy xuống mấy bậc cầu thang, tôi phóng ào ra hiên. Bố tôi cùng Elihu Clay vẫn đang tranh luận.

“Con nghĩ mình sẽ lấy xe Jeremy lượn vài vòng,” tôi bình thản nói. “Được không ạ?”

Thậm chí chẳng ma nào thèm nghe. Tôi bèn nhanh chóng ra nhà để xe, nhảy lên chiếc mui trần của Jeremy phóng ra như mũi tên, lão đảo đi thẳng xuống đồi như thể bày quỹ đang đuổi theo tôi. Tâm trí tôi trống rỗng. Tôi tập trung nhìn đường xuống Mỏ đá Cẩm thạch nhà Clay nhanh nhất có thể.

Tôi chạy như điên, sáu dặm một giờ mất chưa đầy bảy phút. Tôi ngoặt xe vào chỗ trống gần văn phòng thực địa, cuốn tung một lớp bụi mù. Jeremy

đang đứng trên bậc lên xuống xe nở nụ cười ngớ ngẩn, như thể anh chàng bất ngờ khi có người đẹp đến chơi.

Nhưng lời nói của anh thì không ngớ ngẩn, cho dù tôi liếc thấy một nụ cười rộng ngoác trên gương mặt một công nhân người Ý. “Ngoan lắm, Pat,” anh nói, nét mặt không thay đổi. Nhưng giọng anh gần như hoảng loạn. “Đừng có ngạc nhiên thế. Cười với anh đi.” Tôi mỉm cười với anh nhưng chắc là khá yếu ớt. “Pat, anh biết Aaron Dow đang trốn ở đâu!”

“Ôi, Jeremy,” tôi thở gấp.

“Suýt! Cười lên, anh bảo rồi... Một trong số các thợ khoan của anh, một người kín miệng anh cực kỳ tin tưởng gặp anh tại mỏ đá vài phút trước. Anh ta vào rừng khám phá vào giờ ăn trưa để tìm địa điểm tốt cho việc khai thác. Nửa dặm về phía đằng xa kia. Anh ta thoáng thấy Dow đang trốn trong một ngôi nhà cũ đã bị bỏ hoang!”

“Anh ta có chắc không?” Tôi thì thầm.

“Chắc như bấp. Nhận ra được ông ta qua bức ảnh trên báo. Chúng ta làm gì đây Pat? Anh biết em nghĩ ông ta vô tội...”

“Jeremy Clay,” tôi mạnh mẽ nói. “Ông ấy vô tội. Và anh thật đáng yêu khi đã gọi cho em.” Trông anh rất trẻ con trong bộ quần áo lao động đầy bụi, bẩn thỉu. “Chúng ta sẽ tới đó, lôi ông ta ra khỏi rừng và đưa đi trốn...”

Chúng tôi nhìn nhau trừng trừng một lúc lâu, hai kẻ theo thuyết âm mưu rất đáng sợ.

Quai hàm Jeremy cứng lại, anh nói cộc lốc: “Thôi nào. Hành động thật tự nhiên vào. Chúng ta sẽ đi dạo trong rừng.”

Vẫn mỉm cười anh giúp tôi xuống xe, nắm lấy cánh tay tôi xiết chặt để trấn an và bắt đầu dẫn tôi lên đường mòn. Anh cúi đầu xuống rì rầm gì đó, như thể những lời dỗ ngọt với đám công nhân đang ngu ngốc đứng nhìn. Tôi cười khúc khích, nhìn vào đôi mắt anh và xúc động sâu sắc; nhưng tâm trí tôi suốt thời gian đó căng như dây đàn. Chúng tôi đang sắp làm một chuyện đáng sợ. Tuy nhiên, nếu lần này Aaron Dow bị bắt, ông ta chắc chắn sẽ không tài nào thoát khỏi cái ghế điện kinh hoàng kia...

Sau một lúc tưởng chừng dài vô tận, chúng tôi bước vào rừng, với những cành cây che kín mít trên đầu, mùi những lá kim cây vân sam xộc vào mũi

khiến tôi cảm thấy thế giới ghê sợ kia như đã lùi xa. Ngay cả những tiếng nổ thi thoảng vang lên tại mỏ đá cũng trở nên yếu ớt và xa xôi. Rũ bỏ những thái độ giả tạo, chúng tôi vùng chạy cật lực. Jeremy dẫn đường, vừa đi vừa nhảy cẫng lên như một thổ dân Da Đỏ. Tôi bám theo sát gót anh. Không báo trước, anh dừng khựng - bất ngờ đến mức tôi đâm sầm vào - một biểu hiện hốt hoảng xuất hiện trên gương mặt thành thật của anh, hoảng hốt, khiếp hãi sau đó là thất vọng.

Và tôi cũng đã nghe thấy, những tiếng sủa của lũ chó.

“Chúa lòng lành!” anh thì thầm. “Chỉ còn một quãng ngắn nữa thôi, Patty. Chúng đã ngửi thấy mùi của ông ta rồi!”

“Không kịp đâu,” tôi thì thầm, trái tim đau đớn bám chặt cánh tay anh. Anh xiết chặt đôi vai tôi, rung lắc tôi cho đến khi răng tôi đánh lập cập vào nhau.

“Đừng có tỏ vẻ đàn bà yếu đuối nữa đi, chết tiệt!” anh giận dữ nói. “Cố lên, có thể vẫn chưa hết hy vọng đâu!”

Nói rồi anh quay lưng, phóng như tên bắn trên con đường tối lờ mờ sâu hơn vào rừng. Tôi sai bước theo anh, bối rối, bấn loạn và giận dữ với anh. Rung lắc tôi, anh ta dám? Chửi thề với tôi, anh ta dám?

Một lần nữa anh dừng khựng lại, đưa bàn tay lên che miệng tôi, cúi khom người xuống bò bằng cả bốn chân qua một đám bụi rậm nhỏ đầy bụi. Anh kéo lê tôi theo. Tôi cắn chặt hai môi ngăn mình không hét lên; chiếc áo dài trên người tôi đang bị bụi cây mâm xôi xé rách. Thứ gì đó sắc nhọn đâm vào những ngón tay tôi. Thế rồi tôi chợt quên đi cơn đau. Chúng tôi đang nhìn trừng trừng vào một khoảng rừng thưa bé nhỏ.

Quá muộn rồi! Có một ngôi nhà lụp xụp, xiêu vẹo ọp ẹp, mái nhà đang lún xuống đến thảm hại. Từ phía bên kia khoảng rừng thưa, tiếng sủa của những con chó sủa ngày càng to.

Có lúc khoảng rừng thưa chìm trong tĩnh lặng thanh bình, phút sau nó chòng chĩnh bởi những người đội mũ xanh, bởi các nòng súng trường chĩa vào ngôi nhà. Tiếp theo là lũ chó - lũ súc vật to xác, xấu xí băng qua bãi đất đến trước cánh cửa ngôi nhà đóng kín. Chúng đưa móng cào cửa, phá cửa

rồi nhảy căng lên, gây ra những tiếng ồn khủng khiếp nhất... Ba người đàn ông chạy vụt về phía trước, nắm lấy những sợi xích kéo chúng về đằng sau.

Chúng tôi ngồi nhìn trong im lặng tuyệt vọng.

Một ánh lửa đỏ lóe lên, kèm theo là một tiếng nổ đánh gọn phát ra từ một trong hai ô cửa sổ nhỏ của ngôi nhà. Tôi trông thấy nòng một khẩu súng lục ổ quay vừa thụt vào. Một con chó trong bọn, đang chạy dài ghê tởm, dừng mãnh lao lên phía trước nhưng đổ gục xuống đất, chết thảng cẳng.

“Cút đi!” một giọng nói cuồng loạn rít lên như mũi khoan - giọng của Aaron Dow. “Cút đi, cút đi! Nếu không cả lũ đàn độn chúng mày sẽ phải chết. Chúng mày sẽ không bao giờ bắt sống được tao đâu. Cút đi, tao nhắc lại!” Ông ta hét lên the thé.

Tôi bò lồm cồm bằng đầu gối, một ý niệm hoang dại sôi sùng sục trong đầu. Tôi tuyệt vọng; tôi cảm thấy rằng Dow nói thật. Đôi tay ông ta sẽ gây ra án mạng thực sự. Nhưng cơ hội vẫn còn, dầu là cơ hội mong manh nhất, ngớ ngẩn nhất...

Bàn tay Jeremy lại kéo tôi xuống. “Em nghĩ mình đang làm cái quái gì thế, Pat?” anh thì thầm. Tôi bắt đầu vùng vẫy, anh há hốc mồm kinh ngạc...

Giữa lúc tôi đang ngoằn ngoèo, uốn éo bò thì khung cảnh trong khoảng rừng thưa có biến chuyển. Tôi trông thấy bóng dáng trầm tĩnh, mập lùn của cai ngục Magnus lẫn trong đám lính; tất cả đều nấp sau những bụi rậm hoặc cây cối. Vài người bắt đầu làm theo cách của chúng tôi, dù có nhìn đi đâu tôi cũng chỉ thấy lính gác ngục có vũ trang, với ánh thèm khát của thợ săn trong mắt...

Cai ngục bước vào khoảng rừng thưa. “Dow,” ông bình tĩnh gọi, “đừng có ngốc thế. Căn nhà bị bao vây rồi. Chúng tôi sắp tóm được ông. Chúng tôi không muốn giết ông...”

Đoàng! Như trong một giấc mơ, tôi thấy một vệt màu đỏ tự bay đến cánh tay phải để trần của cai ngục, máu bắt đầu nhỏ tong tỏng xuống mặt đất rất bóng. Khẩu súng của Dow lại lên tiếng. Một lính gác ngục vùng chạy ra từ chỗ nấp, lòi cai ngục đang choáng váng ra khỏi khoảng rừng thưa.

Với sức mạnh nảy sinh từ thất vọng, tôi vùng thoát khỏi vòng tay của Jeremy. Với trái tim đang đập thành thịch khiến cổ họng đau buốt, tôi chạy

vào khoảng rừng thưa. Vào đúng khoảnh khắc thời gian như ngưng đọng ấy, từ khóe mắt tôi thấy mọi thứ xung quanh đột nhiên câm lặng. Như thể cai ngục, các lính gác, lũ chó, ngay cả chính Dow cũng kinh hãi khi thấy tôi ngu dại xông thẳng vào giữa vùng lửa đạn. Nhưng khi nửa điên nửa khùng vì phấn khích, khiếp đảm với mục đích điên rồ, tôi không còn kiểm soát được cơ bắp của mình. Tôi âm thầm cầu nguyện Jeremy sẽ không nhảy theo tôi vào đây. Và cũng đúng tích tắc này, tôi thấy anh đang cố vùng thoát khỏi vòng tay ba lính gác ngục, những người đã kịp bò lên tóm lấy anh.

Tôi ngẩng đầu lên cất cao giọng nói, to và rõ ràng: “Aaron Dow, cho tôi vào đi. Ông biết tôi là ai mà. Tôi là Patience Thumm. Hãy cho tôi vào. Tôi phải nói chuyện với ông.” Nói rồi tôi bước vững từng bước trên lớp băng mỏng, tiến về phía ngôi nhà.

Trí não tôi đã hoàn toàn tê liệt. Tôi không còn cảm thấy gì nữa. Nếu Dow trong cơn kinh hoàng có nổ súng bắn tôi, tôi cũng không còn biết cái gì đã đánh gục mình.

Những làn sóng âm thanh chói tai khủng bố tinh thần tôi. “Lùi lại, tất cả lùi lại! Tao chấp nhận cho con bé vào. Hễ đứa nào trong các người cử động, con bé sẽ ăn đạn! Lùi lại!”

Bằng cách nào đó tôi đến được cửa trước, nó mở ra trước mặt tôi. Tôi suýt ngã bổ chửng vào vùng bóng tối bao phủ trong nhà, toát lên mùi ẩm mốc. Nghe thấy tiếng cửa đóng sầm lại sau lưng mình, tôi ngã ngửa ra sau, chóng xoay cả mặt vì sợ hãi, run rẩy như một bà già lên cơn sốt rét...

Con người bất hạnh, tội nghiệp kia đang lâm vào một tình cảnh đáng thương - bần thiêu, rớt dãi, râu ria lờm chờm, xấu xí, ghê tởm và hèn hạ như Quasimodo* vậy. Chỉ có con mắt vẫn kiên định, là điểm tựa khiến con người quả cảm này giữ được sự bình thản và quyết tâm khi đối mặt với cái chết không tránh khỏi. Trong bàn tay trái ông ta, khẩu súng lục đang bốc khói.

“Nhanh lên,” ông ta nói bằng giọng thấp cay nghiệt. “Nếu muốn giở trò lừa đảo, tôi sẽ khừ cô.” Ông ta ném ánh mắt sắc lạnh ra ngoài cửa sổ. “Nói đi.”

“Aaron Dow,” tôi thì thầm, “ông sẽ chẳng nhận được gì nếu làm thế này. Ông biết tôi tin tưởng vào sự vô tội của ông như thế nào, và ngài Lane - quý ông già thông minh, nhân hậu đã thử ông trong xà lim - và còn bố tôi nữa, thanh tra Thumm, họ đều tin...”

“Chúng sẽ không tha cho Aaron Dow này được sống,” ông ta lầm bầm.

“Aaron Dow, làm thế này tòa chắc chắn sẽ xử ông tội chết!” Tôi kêu lên. “Ông tự thú đi, đó là cách duy nhất cứu vớt ông...” Cứ thế tôi tiếp tục nói mãi, chỉ nhận thức được một nửa những gì tôi đang nói. Tôi nghĩ mình đã lầm bầm điều gì đó về việc chúng tôi sẽ đại diện cho ông ta, về cách chúng tôi nhất định sẽ cứu ông ta ra sao...

Dù ở một khoảng cách xa, tôi lơ mơ nghe thấy Dow thì thầm dứt quãng: “Tôi vô tội, thưa cô. Tôi chưa bao giờ tấn công ông ta. Tôi không bao giờ làm thế. Cứu tôi đi, cứu tôi đi!” Ông ta quỳ sụp xuống, bắt đầu hôn lên hai tay tôi. Tôi cảm thấy hai đầu gối mình run lẩy bẩy. Khẩu súng lục bốc khói rơi xuống sàn nhà. Tôi đỡ ông già đứng dậy, quàng tay lên đôi vai héo hon của ông ta, mở cửa bước ra ngoài. Tôi tin ông ta sẽ lặng lẽ tự nộp mình.

Thế rồi tôi ngất đi. Điều tiếp theo tôi biết là gương mặt Jeremy sát gần mặt tôi, và ai đó đang xối nước lên mặt tôi.

Chỉ còn sự suy sụp đặng cay. Tôi vẫn không ngừng run rẩy mỗi khi nghĩ lại về buổi chiều hôm đó. Bố tôi cùng ngài Lane bất ngờ xuất hiện từ nơi nào đó. Tôi nhớ mình đang ngồi trong văn phòng của John Hume lắng nghe câu chuyện của Dow. Và tôi cũng nhớ ông ta cúi gập người trên ghế ra sao, chốc chốc lại hèn hạ quay đầu nhìn hết mặt tôi, mặt ngài Lane rồi mặt bố tôi. Tôi đang trong trạng thái ngơ ngẩn vì tuyệt vọng. Gương mặt ngài Lane là chiếc mặt nạ bi thảm. Trong vòng một tiếng trước khi chúng tôi ngồi trong văn phòng của Hume, tôi sẽ nhớ mãi những gì ông đã nói, cách ông nhìn tôi khi kể cho ông nghe về lời tôi hứa với Dow trong ngôi nhà đó.

“Patience, Patience!” ông kêu to lên trong nỗi đau đớn cực độ rất chân thành. “Lẽ ra cháu không nên làm thế. Ta không biết. Thực sự ta không biết. Ta đang đi lần theo điều gì đó - điều gì đó lạ lùng. Nhưng vẫn chưa xong. Có thể là không cứu được ông ta đâu.” Và rồi tôi nhận ra mình đã

làm gì. Lần thứ hai tôi ban cho người đàn ông này hy vọng, và lần thứ hai...

Ông ta đã trả lời những câu hỏi. Không, ông ta không giết bác sỹ Fawcett. Thậm chí ông ta còn chưa bước vào căn nhà đó... John Hume lấy ra từ ngăn kéo khẩu súng lục Dow đã dùng trong ngôi nhà.

“Khẩu này thuộc sở hữu của bác sỹ Fawcett,” anh ta nghiêm nghị nói. “Đừng nói dối. Người hầu của bác sỹ Fawcett mới chiều qua còn thấy nó ở ngăn kéo trên cùng bàn làm việc trong phòng khám của bác sỹ. Ông đã lấy nó, Dow. Ông đã vào trong ngôi nhà đó.”

Dow đổ gục xuống. Vâng, đúng thế, ông ta hét lên. Nhưng ông không giết Fawcett. Ông ta đã hẹn gặp bác sỹ vào lúc mười một rưỡi. Khi bước vào ngôi nhà đó, ông ta đã phát hiện Fawcett đang nằm trên sàn, khắp người đầy máu. Trên bàn có một khẩu súng lục. Trong cơn hốt hoảng ông ta đã chộp lấy nó rồi chạy ra khỏi nhà... Vâng, ông ta là người đã gửi mảnh rương đó. Như thế nào? Trông ông ta xảo quyệt, ông ta sẽ không nói. *JA* nghĩa là gì? Ông ta bậm môi lại.

“Ông có tìm thấy xác chết không?” Ngài Lane căng thẳng hỏi.

“Tôi... Vâng, tôi có tìm thấy nhưng vào lúc đó ông ấy chết rồi...”

“Dow, ông chắc chắn rằng ông ta đã chết?”

“Vâng. Vâng, thưa ngài, tôi chắc chắn!”

Sau đó công tố viên cho người tù xem mảnh giấy viết nguệch ngoạc tìm thấy trên bàn Fawcett. Và đúng lúc này - ngoại trừ Drury Lane - tất cả chúng tôi đều ngạc nhiên khi Dow lên tiếng phủ nhận mạnh mẽ và thực sự thành thật. Ông ta rít lên rằng chưa bao giờ trông thấy mảnh giấy này. Ông ta chưa bao giờ đọc thông điệp viết tay có chữ ký của Fawcett viết bằng mực; ông ta chưa bao giờ viết thông điệp chữ đen ký tên *Aaron Dow* bằng bút chì.

Quý ông già nói nhanh: “Dow, mấy hôm trước ông có nhận bất kỳ thông điệp nào của bác sỹ Fawcett không?”

“Có, thưa ngài Lane. Nhưng tôi không yêu cầu! Đó là hôm thứ Ba. Tôi nhận được một... một lá thư của Fawcett. Ông ấy bảo tôi vượt ngục vào thứ Năm. Đó là sự thật, ngài Lane. Mẫu giấy đó đã viết là thứ Năm.”

“Ông có mang mảnh giấy theo người không?” Ngài Lane chậm rãi hỏi.

Tuy nhiên Dow đã vút nó xuống cống thoát nước trong tù, hoặc ông ta chỉ nói vậy.

“Không hiểu nổi,” Hume lẩm bẩm, “tại sao Fawcett lại chơi lá mặt lá trái với ông ta theo cách đó. Hay có thể ...”

Dường như quý ông già định nói gì đó, nhưng rồi ông lắc đầu và giữ im lặng, về phần tôi - thật chậm, thậm chí rất chậm - bắt đầu nhìn thấy được chút ánh sáng.

Chỉ còn lại nỗi kinh hoàng. Một lần nữa John Hume lựa chọn giải pháp đơn giản hơn; một lần nữa anh ta cho phép trợ lý công tố viên Sweet điều hành phiên tòa. Vì Dow đã chính thức bị buộc tội giết người cấp độ một, dễ dàng và mau lẹ đến đáng ngờ, nên phiên tòa được mở ngay trước khi chúng tôi kịp nhận ra. Khó khăn lớn nhất là ngăn chặn người dân Leeds tự tiện thi hành luật pháp. Lời buộc tội giết người thứ hai với chính ông ta dường như thổi bùng lên cơn phẫn nộ của quần chúng, báo hại nhà chức trách phải tăng cường bảo vệ nghiêm ngặt nhất khi di chuyển Dow đi về giữa nhà tù hạt Leeds và tòa án.

Mark Currier là một câu đố. Ông ta không nhận tiền của ngài Lane. Khuôn mặt phì nộn của ông ta có vẻ tự mãn, khó dò. Một lần nữa ông nhận biện hộ một vụ khó bắt chấp vô vọng.

Trong khi Drury Lane ngồi đó câm lặng, chìm trong tấm áo tuyệt vọng và bất lực, Aaron Dow bị xét xử. Bồi thẩm đoàn tuyên bố ông ta phạm tội giết người cấp độ một sau khi thảo luận suốt bốn mươi năm phút. Cũng chính vị thẩm phán mới hơn tháng trước một chút vừa tuyên Aaron Dow án chung thân, giờ đây tuyên ông ta án tử hình ghế điện.

“Aaron Dow... sẽ phải chết theo luật định trong một tuần bắt đầu từ hôm nay.”

Bị xích tay với hai phó cảnh sát trưởng, vây quanh là các lính gác có vũ khí, Aaron Dow nhanh chóng bị áp giải đến nhà tù Algonquin. Nơi ấy sự câm lặng của những xà lim án tử vây chặt ông ta, giống như lớp đất lạnh lẽo của ngôi mộ mùa đông trên đầu ông ta.

Thời Khắc Tuyệt Vọng

Chúng tôi nhanh chóng rơi vào trạng thái chán nản, cầu nguyện một tia hy vọng sẽ đến. Mặt trời trên cao tỏa ánh nắng gay gắt, chúng tôi chết đuối trong vùng biển vô hồn. Tất cả chúng tôi đều mệt lử cò bợ - mệt vì phải gắng tay chèo chày trốn một cơn gió chẳng bao giờ đến, vì phải đấu tranh, vì phải suy nghĩ.

Bố tôi và Elihu Clay đã giải quyết xong những bất đồng. Cũng vì không ai trong chúng tôi có tâm trạng để tranh luận, nên chúng tôi vẫn tiếp tục ngoan ngoãn ở lại nhà Clay. Chúng tôi chỉ ngủ, còn rất ít việc để làm. Bố tôi điên cuồng hoạt động không ngừng, lảng vảng rình mò quanh thành phố như một hồn ma vạm vỡ. Về phần mình, tôi thường lui tới nhà của Cha Muir trên đồi, có lẽ với cảm giác tội lỗi nào đó rằng lẽ ra tôi nên ở gần kẻ tử tù. Người bạn linh mục của chúng tôi gặp gỡ Aaron Dow mỗi ngày. Nhưng vì lý do nào đó ông từ chối cho chúng tôi biết ông ta đang sống ra sao. Từ nỗi đau đớn trên gương mặt linh mục, tôi hiểu rằng Dow đang trút hết tất cả những lời chửi rủa lên đầu chúng tôi. Như thế cũng chẳng khiến mọi chuyện dễ dàng hơn.

Tất cả những gì cần làm đang được tiến hành. Nhưng tôi chẳng biết nhiều. Tôi biết rằng Drury Lane đã bí mật đến thăm Dow, tử tù đang bị giam tại nhà tù hạt Leeds, trong khi chờ bản án được thực thi. Tôi chẳng bao giờ hiểu được đầy đủ hai người đã nói gì với nhau, nhưng chắc chắn là cuộc thăm vấn khác thường. Vì suốt mấy ngày sau đó, nét kinh hoàng vẫn còn đọng lại nguyên vẹn trên gương mặt quý ông già.

Có lần tôi hỏi ngài Lane ông ta đã nói những gì. Ông im lặng một lúc lâu rồi đáp: “Ông ta không chịu cho ta biết *Hejaz* nghĩa là gì.” Ông chỉ trả lời tôi có thể thôi.

Rồi có lúc ông lại biến mất suốt bốn tiếng đồng hồ chúng tôi dáo dáo đi tìm. Rồi ông lại lặng lẽ xuất hiện, đến ngồi trên hàng hiên nhà Cha Muir như thể chưa từng bỏ đi; trông ông mệt mỏi, chán nản khi ngồi đó, u sầu đung đưa với những suy tư. Sau này phát triển thêm lý thuyết khó hiểu của ông, tôi biết thêm rằng ông đã đến thăm Rufus Cotton. Lúc đó tôi chưa thể hiểu được ông hy vọng sẽ đạt được cái gì qua chuyến viếng thăm bí ẩn ấy; nhưng từ thái độ của ông, rõ ràng không cần biết mục đích của ông có là gì, nó đã thất bại.

Lại có lần sau vài tiếng đồng hồ câm lặng như đá, ông nhảy dựng lên hét gọi Dromio lấy xe rồi chạy xuống con đường mòn đến Leeds, cuốn tung bụi mù. Họ quay về khá sớm. Vài tiếng sau một người đưa thư chạy xe đạp lên đòi chuyển một bức điện tín. Ngài Lane đọc điện tín với đôi mắt đáng sợ, rồi ném bức điện sang tôi.

NGƯỜI ĐẶC VỤ LIÊN BANG MÀ NGÀI YÊU CẦU GẶP HIỆN VẤN ĐANG LÀM NHIỆM VỤ CHO CỤC Ở MIỀN TÂY. XIN VUI LÒNG GIỮ BÍ MẬT TUYỆT ĐỐI

Bức điện có chữ ký của một quan chức cấp cao Bộ Tư pháp Hoa Kỳ. Tôi không nghi ngờ rằng đau khổ vì niềm hy vọng ngày một tắt lịm, ngài Lane đã liên hệ với Carmichael; và rõ ràng không có kết quả.

Dĩ nhiên quý ông già là kẻ tử vì đạo đích thực. Thật khó tin rằng đây cũng chính là ngài Drury Lane với đôi má già nua đỏ bừng và phấn khích vì vui sướng, từng cùng chúng tôi đến Leeds vài tuần trước. Điều gì đó trong ông dường như đã sụp đổ, cho đến khi nó chỉ còn thoi thóp; một lần nữa ông lại trở nên ốm yếu, và xen giữa những dịp bất ngờ tràn đầy năng lượng, ông cùng Cha Muir chỉ im lặng ngồi nhìn nhau hàng giờ liền tưởng chừng như bất tận, nghĩ rằng chỉ có Chúa mới biết được những suy nghĩ lạ kỳ.

Thời gian cứ lê thê trôi, và rồi bất ngờ vọt thẳng về phía trước. Từng ngày trôi đi chán phèo với những bước chân lê lết. Thế nhưng một buổi sáng khi mệt mỏi rời khỏi giường, tôi cứng người lại trong kinh hoàng khi nhận ra hôm nay là thứ Sáu. Rằng trong vòng một tuần kể từ thứ Hai tới đây, nếu được pháp luật yêu cầu, cai ngục Magnus sẽ định ngày chính xác

để hành hình Aaron Dow. Nhưng thủ tục sẽ là như thế. Nhà tù Algonquin có thông lệ tổ chức hành hình vào các tối thứ Tư. Trừ phi có phép màu, nếu không Aaron Dow sẽ biến thành cái xác cháy đen trong chửa đầy hai tuần nữa... Phát hiện này khiến tôi hết hoảng, tôi lập tức muốn đi gặp mọi người, van xin nhà chức trách, muốn có những nỗ lực phi thường thay mặt cho linh hồn đáng thương sau những bức tường kia. Nhưng tôi nên đi gặp ai đây?

Chiều hôm đó, như thường lệ tôi lê bước đến nhà Cha Muir, thấy bố tôi ở đó đang say sưa hỏi ý kiến ngài Lane và linh mục. Tôi tìm đến một cái ghế, ngồi xuống nhắm mắt lại, rồi lại mở ra.

Ngài Lane đang nói: “Ngài thanh tra, tình hình có vẻ vô vọng. Tôi sẽ đến Albany gặp Bruno.”

Đó là một trong những tình huống lạ kỳ nhất trong vở kịch, mà tình bằng hữu và bốn phận xung đột với nhau. Trong những hoàn cảnh ít bất hạnh hơn, chuyện này hẳn khiến ta buồn cười.

Bố con tôi đơn giản là quá vui mừng vì có cơ để hành động. Chúng tôi một mực đòi đi cùng quý ông già đến Albany. Dường như ông cũng thoải mái trước sự hiện diện của chúng tôi. Dromio lái xe như một chàng chiến binh Spartan không biết mệt, nhưng khi chúng tôi đến thủ phủ tiểu bang nhỏ có nhiều đồi núi - ít nhất hai bố con tôi - đã kiệt sức. Nhưng ngài Lane không chịu nghe bất kỳ ai nói rằng nên chậm một chút, ông gửi điện tín cho thống đốc Bruno từ Leeds, và chúng tôi cùng đợi chờ. Ông hỏi thúc Dromio lái xe đến ngay đồi Capitol mà không cần dừng lại nghỉ ngơi một tiếng.

Chúng tôi tìm thấy thống đốc trong các văn phòng điều hành của ông ta tại đồi Capitol - Bruno già cả, dáng người chắc nịch, mái tóc nâu mỏng và đôi mắt sắt đá. Ông ta nồng hậu chào đón chúng tôi, sai một trong số các thư ký của ông gọi điện thoại đặt bánh sandwich, trêu đùa và nói huyền thuyên một cách dễ chịu với bố tôi và ngài Lane... Suốt thời gian đó, đôi mắt ông ta rất cứng nhắc và mệt mỏi, không hề cười khi đôi môi ông mỉm cười.

“Và bây giờ,” ông ta nói, khi chúng tôi đã nghỉ ngơi và thoải mái trở lại, “cơn gió nào đưa ngài đến Albany vậy, ngài Lane?”

“Về vụ Aaron Dow,” quý ông già lặng lẽ nói.

“Tôi cũng nghĩ vậy,” ngón tay thống đốc Bruno gõ nhịp nhỏ và nhanh trên bàn làm việc. “Kể tôi nghe đi.”

Và quý ông già làm theo, với những câu ngắn gọn, lạnh lùng chẳng tưởng tượng gì được. Ông tường thuật lại toàn bộ tranh luận mệt mỏi để cho thấy Aaron Dow không thể giết nạn nhân đầu tiên, thượng nghị sĩ Fawcett. Ngài Bruno lắng nghe hai mắt nhắm nghiền, và nếu có bị ấn tượng ông ta cũng không thể hiện trên nét mặt.

“Và như thế,” Ngài Lane kết luận, “xét thực tế rằng chắc chắn có nghi ngờ hợp lý về tội của Dow, nên chúng tôi đến đây, thống đốc ạ, đề nghị ngài hoãn hành hình lại.”

Thống đốc Bruno mở mắt ra. “Một phân tích tuyệt vời như thường lệ, ngài Lane, và trong những hoàn cảnh bình thường có lẽ tôi nên nói, một phân tích chính xác. Nhưng... không có bằng chứng.”

“Nghe này, Bruno,” bố tôi càu nhàu. “Tôi biết ngài đang ở vào thế khó, nhưng hãy là chính mình đi. Tôi biết ngài bao lâu rồi! Chết tiệt, ý thức bốn phần của ngài lúc nào cũng khiến ngài rứt đầu rứt cổ! Ngài phải hoãn hành hình lại!”

Thống đốc thở dài. “Đây là một trong những việc khó nhất của tôi kể từ ngày nhậm chức. Thumm, ông bạn già - ngài Lane - tôi chỉ là một công cụ của pháp luật thôi. Tôi đã thề phụng sự công lý, đúng vậy. Nhưng khi hệ thống pháp lý của chúng ta được hình thành, công lý phải dựa trên thực tế. Và các ngài không có thực tế, chẳng có gì hết. Tất cả chỉ là giả thiết - nghe hay và hấp dẫn đấy nhưng chỉ thế mà thôi. Tôi không thể can thiệp vào việc thực thi án tử hình do thẩm phán tuyên bố, sau khi bồi thẩm đoàn đã tuyên án. Trừ phi về mặt bằng chứng cũng như cơ sở đạo đức, tôi chắc chắn được về sự vô tội của tử tù. Hãy trao cho tôi bằng chứng đi, bằng chứng!”

Có sự im lặng vụng về, tôi ngọ nguậy trên ghế với cảm giác vô dụng trống rỗng. Ngài Lane vụt đứng dậy, ông rất cao lớn và nghiêm nghị, gương mặt già nua mệt mỏi của ông như được tạc bằng những đường nét đá cẩm

thạch nhọt nhạt. “Bruno, tôi đến đây chẳng mang theo gì ngoài giả thuyết đơn thuần về sự vô tội của Aaron Dow. Có những suy luận chết tiệt, vững chắc không thể lay chuyển từ hai tội ác làm lung lay tính minh bạch của chúng. Nhưng - như ngài đã nói - lý luận không mang tính thuyết phục nếu không có bằng chứng hỗ trợ, và tôi không có bằng chứng.”

Bố tôi trở mắt. “Ý ngài là ngài biết?” ông thốt lên.

Ngài Lane phác một cử chỉ sốt ruột lạ lùng. “Tôi biết gần như mọi chuyện. Không phải tất cả mọi chuyện, gần như thôi.” Ông rướn người sang bàn làm việc của thống đốc, với đôi mắt nhìn như khoan vào mắt Bruno. “Bruno, trước kia từng có nhiều lần tôi đề nghị ngài hãy tin tưởng tôi. Tại sao bây giờ ngài không tin tôi nữa?”

Bruno sụp mắt xuống. “Ngài Lane thân mến của tôi... Tôi không thể.”

“Được, rất tốt.” Quý ông già đứng thẳng dậy. “Hãy để tôi nói thêm. Những rút gọn của tôi cho đến giờ chưa chỉ ra bất kỳ ai là kẻ giết thượng nghị sĩ và bác sỹ Fawcett. Nhưng Bruno này, phân tích của tôi đã đạt bước tiến khi tôi có thể nói, một cách chắc chắn như toán học rằng: Hung thủ chỉ có thể là một trong ba người!”

Bố con tôi nhìn ông trừng trừng trong hoảng loạn. Một trong ba người! Dường như đây là một tuyên bố lạ kỳ, không tưởng. Bản thân tôi cũng đã thu hẹp phạm vi xuống còn một số khả năng cụ thể, nhưng ba ư! Tôi không hiểu làm sao có thể bắt đầu quá trình loại trừ này, từ những thực tế có sẵn.

Thống đốc lẩm bẩm: “Và Aaron Dow không nằm trong số ba người đó?”

“Không.”

Cái từ này thốt ra với sự kiên định bình thản. Tôi có thể thấy ánh ngập ngừng sáng lên trong đôi mắt buồn của ngài Bruno.

“Bruno, hãy tin tôi đủ để cho tôi thêm thời gian. Thời gian, ngài có hiểu không? Đó là tất cả những gì tôi muốn. Thời gian cần có để làm lộ ra... Có một mảnh ghép quan trọng đang mất, một mảnh nữa thôi. Tôi phải có thời gian để tìm ra nó.”

“Có lẽ mảnh ghép đó không tồn tại,” thống đốc thì thầm. “Những điều này thật mơ hồ. Rồi sao nữa? Ngài không thể nhận ra tình cảnh của tôi à?”

“Sau đó tôi sẽ thừa nhận thất bại. Nhưng cho đến chừng nào tôi thừa nhận mảnh đó không tồn tại, với tư cách là người phân xử số phận của Dow, về đạo đức ngài không có quyền cho phép hành hình ông ta vì một tội mà ông ta không phạm.”

Thống đốc Bruno đứng bật dậy. “Thôi được rồi,” ông ta nói, bậm môi lại. “Tôi sẽ đi tiếp cùng ngài. Nếu vào thời điểm hành hình, mà ngài vẫn chưa tìm được ra liên kết cuối cùng, tôi sẽ vẫn cho phép hành hình trong một tuần.”

“Ha,” ngài Lane nói. “Cảm ơn ngài, Bruno, cảm ơn ngài. Ngài thật tử tế. Những tia nắng đầu tiên suốt mấy tuần khủng khiếp. Thumm, Patience - chúng ta về thôi!”

“Đợi chút đã.” thống đốc gõ gõ lên một tờ giấy trên bàn. “Tôi đang phân vân không biết có nên nói với ngài chuyện này không. Nhưng chừng nào chúng ta là đồng minh, tôi cho rằng tôi không có quyền giấu chuyện này. Nó có thể quan trọng.”

Quý ông già ngẩng phắt đầu lên. “Vâng?”

“Các ngài không phải là người duy nhất muốn hoãn hành hình Aaron Dow.”

“Hà?”

“Còn một người nữa ở Leeds...”

“Thế ngài định đứng đấy nói với tôi,” ngài Lane quát lên bằng giọng khủng khiếp, đôi mắt ông tóe lửa, “rằng ai đó chúng tôi biết, ai đó có liên quan đến vụ này đoán trước chúng tôi đến đây để nghị ngài hoãn lại à, Bruno.”

“Không phải hoãn lại đâu,” thống đốc lẩm bẫm. “Mà là ân xá hoàn toàn. Bà ta đã tới đây hai ngày trước; và cho dù bà ta không nói với tôi bà ta lấy cơ sở ở đâu...”

“Bà ta!” Tất cả chúng tôi cùng đồng thanh hỏi, kinh ngạc.

“Là Fanny Kaiser.”

Ngài Lane nhìn trừng trừng mà như không nhìn vào bức họa cũ trên đầu thống đốc. “Fanny Kaiser. Chà, chà. Và tôi đã...” Ông dậm mạnh xuống bàn. “Dĩ nhiên, dĩ nhiên! Làm sao tôi có thể mù quáng đến thế, ngu quá!

Chẳng cần hỏi tại sao bà ta lại muốn ân xá nhỉ?” Ông lao về phía chúng tôi qua tấm thảm, những ngón tay ông xiết chặt cánh tay chúng tôi khá đau. “Patience, thanh tra... quay về Leeds! Nói cho hai người biết, ta có hy vọng rồi!”

Chiếu Tượng

Chuyến đi của chúng tôi quay về Leeds thật ngoài sức tưởng tượng. Ngài Lane ngồi lút trong chiếc áo bành tô - những ngày này trời ngày càng lạnh lẽo - đôi mắt ông như người bị sốt. Tôi có thể cảm thấy ý chí của ông như đang đẩy nhanh vận tốc chiếc limousine. ông chỉ nhòm người lên nhắc Dromio lái xe nhanh hơn nữa.

Nhưng mẹ thiên nhiên vẫn chứng tỏ sức mạnh. Chúng tôi buộc phải dừng xe qua đêm để ăn và ngủ. Buổi sáng chúng tôi lại lao đi vun vút, trước buổi trưa một chút chúng tôi đã đến Leeds.

Dường như có sự náo động chưa có tiền lệ trên phố: những thằng bé bán báo mồm thét lác, tay giơ lên những tờ báo mỏng manh. Ngay trang nhất in đậm một tin tức gì đó. Hai tai tôi bất ngờ chú ý đến những từ ngữ: *Fanny Kaiser!* Trên đôi môi một thằng bé trong số này.

“Dừng xe!” Tôi hét lên với Dromio. “Có chuyện rồi!”

Tôi nhảy xuống xe trong khi cả bố tôi lẫn ngài Lane vẫn bất động. Tôi ném một đồng xu về phía thằng bé, giật lấy tờ báo.

“Eureka!” Tôi hét lên, quay vào trong xe. “Đọc cái này đi!”

Câu chuyện khá đơn giản. Như Nhà điều tra Leeds đã nói, Fanny Kaiser, “*có nhiều năm là một thành viên khét tiếng của cộng đồng, đã bị bắt theo lệnh của công tố viên John Hume và bị buộc tội...*” Tiếp theo bài viết liệt kê một danh sách dài các tội trạng: buôn nô lệ da trắng, buôn thuốc phiện và rất nhiều tội khó chịu khác. Theo quan điểm tờ báo này, có vẻ Hume đã tận dụng hoàn hảo các tài liệu anh ta tìm thấy trong nhà Fawcett, trong khi điều tra vụ án mạng đầu tiên. Đã xảy ra những vụ tấn công vào một số “cơ sở” thuộc sở hữu của Fanny Kaiser. Đã khai ra rất nhiều những tội danh tham nhũng, những lời đồn đại có bản chất xấu xa nhất bắt đầu râm ran, có

những gợi ý trắng trợn rằng nhiều công dân của Leeds có vai vế trong xã hội, thương mại và chính trị trực tiếp có dính líu.

Người phụ nữ muốn tại ngoại phải đóng bảo lãnh hai mươi năm nghìn đô la Mỹ. Chúng tôi để ý tiền bảo lãnh được trả ngay, hiện bà ta đang tự do chờ bản cáo trạng.

“Đúng là tin tuyệt vời,” ngài Lane trầm tư nói. “May thật, thanh tra. Tôi không thể nói với ngài chúng ta đã may mắn thế nào. Giờ thì người bạn của chúng ta, Fanny Kaiser, đang ngồi trên đồng lửa rồi, có lẽ...” Ông bỏ chuyện bị bắt và những lời buộc tội, ngoại trừ tác động xấu của chúng lên người đàn bà. “Những người như thế này luôn biết khéo luôn lách tránh vạ... Dromio, cho chúng tôi đến văn phòng công tố viên Hume đi!”

Chúng tôi tìm thấy John Hume tại bàn làm việc, đang khoan khoái hút xì gà, rất vui vẻ làm chúng tôi hài lòng. Người đàn bà đâu rồi? Được bảo lãnh rồi. Trụ sở của bà ta ở đâu? Anh ta mỉm cười, cho chúng tôi địa chỉ.

Chúng tôi bèn lao tới đó - một ngôi nhà diện tích lớn trông như văn phòng ở trung tâm thị trấn, sang trọng, lộng lẫy, xa hoa được trang trí rất nhiều bức họa nặng về khía thân nhưng thiếu tính nghệ thuật. Bà ta không có ở nhà, chưa hề về đây kể từ khi được tại ngoại.

Chúng tôi bắt đầu cuống cuống tìm kiếm. Những nếp nhăn xuất hiện liên tục trên gương mặt chúng tôi. Sau ba tiếng đồng hồ, chúng tôi nhìn nhau trong tuyệt vọng câm lặng, chẳng thấy bà ta ở đâu hết.

Phải chăng bà ta trả tiền bảo lãnh rồi rời khỏi bang, thậm chí là rời khỏi nước luôn? Rất có khả năng nếu cân nhắc những lời buộc tội ghê gớm nhằm vào bà ta. Chúng tôi đã trải qua những giờ phút căng thẳng tột cùng, khi quý ông già dữ dội, tàn nhẫn như Thần Chết kích động cả John Hume lẫn cảnh sát. Những đường dây bắt đầu nóng lên. Toàn bộ những nơi Fanny Kaiser hay đến đều được tìm kiếm. Các thanh tra được lệnh truy tìm theo di biến động của bà ta. Các nhà ga xe lửa được theo dõi. Cảnh sát New York được cảnh báo. Nhưng tất cả không đem lại kết quả gì; vẫn không thấy tăm hơi bà ta đâu.

“Điều bực mình trong chuyện này,” John Hume lẩm bẩm, khi chúng tôi kiệt sức ngồi trong văn phòng anh ta chờ báo cáo, “đó là bà ta không chờ

cáo trạng trong ba tuần theo quy định. Tức là, kể từ thứ Năm tới đây còn hai tuần nữa.”

Chúng tôi cùng đồng thanh rên lên. Ngay cả khi thống đốc Bruno cho hoãn, việc này sẽ chỉ khiến bà ấy xuất hiện - nếu bà ta đồng ý - chính xác là một ngày sau ngày Aaron Dow bị hành hình.

Tôi nghĩ chúng tôi đều già đi mấy tuổi trong những ngày tháng khủng khiếp sau đó. Một tuần đã trôi qua. Thứ Sáu... Chúng tôi vẫn không bỏ cuộc tìm kiếm. Ngài Lane là một đầu máy đầy năng lượng. Nhờ có sự hợp tác của cảnh sát, các cơ quan truyền thông được đặt dưới sự điều khiển của ông. Những cuộc gọi, những lời khẩn cầu được gửi qua sóng phát thanh. Từng mỗi liên kết của tổ chức khét tiếng và rộng lớn của bà ta đều được giám sát. Các nhân viên của bà ta - những phụ nữ, cố vấn pháp luật, những kẻ ăn bám, những tay súng từ thế giới ngầm của Leeds - đều ngay lập tức lao đến Trụ sở và được thẩm vấn.

Thứ Bảy, Chủ Nhật, thứ Hai... Vào ngày thứ Hai qua Cha Muir và báo chí, chúng tôi biết rằng cai ngục Magnus đã chính thức định ngày giờ hành hình là thứ Tư, vào hồi 11h05 phút đêm.

Thứ Ba... Fanny Kaiser vẫn biệt tăm. Toàn bộ các tàu hơi nước chạy thẳng hướng châu Âu đều được đánh điện tới; nhưng không một người phụ nữ nào giống bà ta lên tàu.

Sáng thứ Tư... Chúng tôi sống như trong một giấc mơ, ăn uống qua loa, chẳng buồn nói chuyện. Bố tôi không buồn thay quần áo suốt bốn mươi tám tiếng. Đôi má ngài Lane tái nhợt như xác chết, đôi mắt ông âm ỉ một nỗi đau kinh khủng. Chúng tôi cố gắng đến tuyệt vọng vào Algonquin nói chuyện với Dow nhưng toàn bị từ chối gập do quy định nghiêm mật của nhà tù. Tuy nhiên, những tin đồn vẫn rò rỉ ra ngoài như: Dow bình thản đến lạ lùng, trở nên gần như thô lỗ, cộc cằn; ông ta không nguyên rủa chúng tôi nữa, và có vẻ thực sự đã quên đi sự tồn tại của chính chúng tôi. Khi thời điểm hành hình đến ngày một gần, chúng tôi biết ông ta thực sự dao động rõ nét, những bước chân giật cục đảo khắp xà lim; tuy nhiên Cha Muir, với đôi mắt ngấn lệ, mỉm cười và báo với chúng tôi rằng “ông ta bám vào đức tin.” Linh mục tội nghiệp! Aaron Dow không phải bám vào đức tin nào hết.

Tôi cảm thấy chắc chắn rằng ông ta bám vào thật nhiều hy vọng trần tục hơn để tự động viên mình; bản năng mách bảo tôi rằng làm sao đó Drury Lane đã gửi được tin nhắn cho ông ta, rằng đêm đó ông ta sẽ không phải chết.

Thứ Tư, cái ngày của kinh hoàng và ngạc nhiên. Bữa sáng - chúng tôi hầu như không đụng tới. Cha Muir đã đi rồi, đôi chân mệt mỏi già nua rảo bước đến những xà lim án tử hình tứ giác. Rồi ông quay về, bứt rứt, bồn chồn và giam mình trong phòng ngủ trên gác. Khi ông quay xuống nhà, tay nắm chặt cuốn kinh nhật tụng, dường như trông ông bình thản hơn.

Cố nhiên chúng tôi tụ họp tại nhà Cha Muir hôm đó. Tôi mơ hồ nhớ lại rằng Jeremy cũng ở đó, gương mặt trẻ trung của anh có nét thẹn thùng, chạy lên chạy xuống trước cánh cổng nhỏ bên ngoài, hút đến điếu thuốc thứ bao nhiêu rồi. Ngay khi tôi bước xuống nói chuyện với anh, anh bảo tôi bố anh đang làm một điều kinh khủng. Hóa ra cai ngục đã mời Elihu Clay đến tham dự buổi hành hình, ông đã chấp nhận mặc Jeremy cảm thấy cay đắng. Tôi không thể nghĩ ra được điều gì để nói... Và buổi sáng cứ trôi đi như thế. Gương mặt ngài Lane héo hoi, nhăn nheo; đã hai đêm rồi ông không ngủ. Các cơn đau cũ tái diễn hằn sâu thêm những nếp nhăn thống khổ trên đường nét khuôn mặt của ông.

Làm sao đó cảnh này giống như họ hàng đang tụ tập ngoài phòng bệnh của kẻ hấp hối. Chẳng ai cần thiết phải nói gì; Khi ai đó phải nói gì đấy, thường nghe như tiếng thì thầm. Thi thoảng, ai đó sẽ ra ngoài hàng hiên, cầm lặng nhìn trờng trờng những bức tường xám ngoét. Tôi thấy mình đang tự hỏi, tại sao tất cả chúng tôi đều nói về cái chết của con người đáng thương này một cách riêng tư đến vậy. Ông ta chẳng có ý nghĩa gì với chúng tôi - về mặt cá nhân lại càng không. Thế nhưng không hiểu làm sao, chúng tôi ngày càng quý mến con người này - ông ta hay cái mục đích mà ông ta là hiện thân trừu tượng.

Vài phút trước mười một giờ trưa hôm đó, ngài Lane nhận một báo cáo cuối cùng từ Leeds, do người đưa tin của văn phòng công tố viên chuyển đến. Mọi nỗ lực đã thành công cốc. Không thể tìm ra được Fanny Kaiser, cũng như chẳng ai biết di biến động gì của bà ta.

Quý ông già so vai. “Chỉ còn một việc nữa phải làm,” ông tuyên bố bằng giọng thấp. “Đó là nhắc Bruno về lời hứa hoãn hành hình của ông ấy. Cho đến khi chúng ta tìm được Fanny Kai...”

Chuông cửa reo, từ những nét mặt giật mình của chúng tôi, ngay lập tức ông cảm nhận được chuyện gì xảy ra. Cha Muir nhanh chóng lao vào tiền sảnh. Thế rồi chúng tôi nghe thấy tiếng kêu vui sướng nhỏ bé của ông.

Chúng tôi nhìn trừng trừng ngu ngốc ra ngưỡng cửa phòng khách, nhìn chăm chăm bóng người đang đứng đó tựa vào rầm cửa.

Đó là Fanny Kaiser, dường như bà ta đã sống lại từ cõi chết.

Tấn Bi Kịch Z

Không còn hình ảnh người phụ nữ Amazon hút xì gà, diềm tĩnh xinh đẹp tuyệt trần, nhìn John Hume bằng nửa con mắt. Người đàn bà này khác hẳn. Mái tóc đỏ trước kia của bà ta giờ biến thành màu hồng và xám bần thiêu. Trang phục nam tính giờ đầy bụi, nhăn nheo, rách nát một vài chỗ. Đôi má, đôi môi bà ta nhợt nhạt, xuống sắc theo bộ ngực sệ của bà ta. Và trong đôi mắt... chỉ còn nét kinh hoàng. Hình ảnh một người đàn bà đang khiếp đảm.

Chúng tôi cùng lao về phía trước, nửa lồi bà ta vào phòng. Cha Muir nhảy múa xung quanh chúng tôi với niềm vui sướng giản dị. Ai đó kéo ghế, bà ta ngồi chìm sâu vào ghế khẽ cất tiếng rên trống rỗng, già nua lạ kỳ. Ngài Lane không còn giữ vẻ mặt sâu nảo; một lần nữa chiếc mặt nạ lại hiện ra. Nhưng lần này nó che giấu đi sự háo hức thuần khiết khiến những ngón tay ông run rẩy, bên thái dương một mạch máu nhỏ bắt đầu giật giật.

“Tôi đã... đi xa,” bà ta cất giọng khàn khàn, liếm đôi môi nứt nẻ. “Và rồi... Tôi nghe nói... các người đang tìm kiếm tôi.”

“Ôi, vậy sao!” bố tôi quát lên, gương mặt ông tím lại. “Bà đã đi đâu thế?”

“Ăn náu trong một ngôi nhà nhỏ tại Adirondacks,” bà ta mệt mỏi đáp. “Tôi đã muốn... đã muốn trốn đi, ngài hiểu không? Những thứ này... tất cả những đồng hồ loạn cặn bã, bần thiêu này ở Leeds... Như kiểu nó bào mòn tôi vậy. Trên đó... Chết tiệt, tôi trốn tránh toàn bộ công cụ của thế giới văn minh. Không điện thoại, không gửi và nhận thư từ ở vùng nông thôn, không làm gì hết. Thậm chí đến một tờ giấy cũng không. Nhưng tôi có một cái đài ...”

“Đó là cabin của bác sỹ Fawcett!” Theo bản năng tôi thốt lên, khi ý nghĩ đó vụt lóe trong đầu. “Chắc chắn ông ta dùng nơi này nghỉ cuối tuần với

ông anh trai xấu số!”

Hai mi mắt bà ta nhướn lên rồi lại sụp xuống, hai má càng sệ xuống thêm. Trông bà ta như một con hải cẩu già sần sần. “Phải, bé yêu ạ, đúng vậy. Đó là... Ý tôi nơi đó là của Ira. Tổ uyên ương của anh ta, cô có thể nói vậy.” Bà ta buồn bã cười khúc khích. “Hay dẫn mấy bà bạn tới đó. Ngày nghỉ cuối tuần, khi Joe mất, anh ta đã lên đó với ả điếm nào đó...”

“Giờ chuyện đó không liên quan nữa,” Drury Lane lặng lẽ nói. “Thưa bà, điều gì đã khiến bà quay lại Leeds?”

Bà ta nhún vai. “Khôi hài, đúng không? Chẳng hiểu tại sao tôi vẫn còn thứ đó. Điều tiếp theo tôi biết là mình sẽ òa lên khóc.” Bà ta ngồi thẳng dậy, nói oang oang vào mặt ông, đầy bướng bỉnh. “Lương tâm của tôi, là nó đấy!” như thể bà ta mong đợi ông sẽ cười, hoặc ít nhất là tỏ vẻ hoài nghi.

“Thực ra tôi rất hạnh phúc khi nghe điều đó, bà Kaiser.” Bà ta chớp mắt, ông kéo một cái ghế đến ngồi đối diện bà ta. Chúng tôi tiếp tục im lặng nhìn. “Có phải trong khi Aaron Dow đang nằm trong nhà tù hạt - trước khi diễn ra phiên tòa - ông ta đã gửi cho bà mảnh rương cuối cùng, trên đó có chữ Z?”

Miệng bà ta há hốc như cái bánh nướng to, đôi mắt có quầng đỏ của bà ta nhìn chăm chăm hoảng loạn.

“Trời đất!” bà ta thở hổn hển. “Làm sao ngài biết?”

Quý ông già sốt ruột xoa tay. “Cơ bản thôi. Bà đã đến thăm thống đốc xin ân xá cho Dow, có thể ông ta là người bà không biết. Tại sao trong số bao nhiêu người, Fanny Kaiser lại làm điều đó? Chỉ vì Dow đã năm thóp bà. Tôi suy ra ông ta cũng năm thóp thượng nghị sĩ Fawcett và bác sỹ Fawcett cũng không phải trường hợp ngoại lệ. Rõ ràng ông ta đã gửi cho bà mảnh rương cuối cùng. Chữ Z...”

”Có lẽ tôi biết đấy,” bà ta thì thầm.

Ông gõ nhẹ tay lên đầu gối nhiều thịt của bà. “Cho tôi biết đi,” ông nói.

Bà ta im lặng.

Ông lẩm bẩm: “Nhưng bà biết không, Kaiser, tôi đã biết một phần chuyện này rồi. Con tàu.”

Bà ta giật mình, những ngón tay mập mạp ấn sâu hơn xuống tay ghế nhồi bông, nép mình sâu hơn vào ghế. “Chà!” bà ta nói kèm một tiếng cười ngẩn ngẩn, khó nghe và phần nào đó cảm động. “Mà ông là tên quái nào vậy? Tôi thấy điều đó đâu phải là bí mật gì, cho dù ông đã thấy nó kinh khủng thế nào... Dow không nói chuyện à?”

“Không.”

“Giữ bí mật đến hơi thở cuối cùng. Thằng ngu chó chết tội nghiệp ấy,” bà ta làu bàu. “Được rồi, thưa ngài, làm một kẻ tội lỗi nó thế đấy. Tôi phải phun ra thôi. Những ca sĩ hát thánh ca luôn luôn vồ lấy ông vào phút cuối. Xin lỗi nhé, linh mục... Phải, Dow đã nắm thóp của tôi và tôi cố gắng cứu hãn để đảm bảo hãn kín miệng. Nên khi tôi không thể tìm ra hãn, tôi đã chạy trốn chết. Đã muốn trốn đi thật xa...”

Một ánh hiệu kỳ sáng lên trong mắt quý ông già. “Lo sợ hậu quả khi hãn phun ra à?” ông nhẹ nhàng nói, nhưng ý ông muốn nói không phải thế.

Bà ta vung cánh tay trái lên không trung. “Không, không phải vậy. Không nhiều lắm. Nhưng tôi thấy tốt hơn hết nên kể ông nghe cái món đồ chơi trẻ con chết tiệt ấy. Thứ Dow đã cố tình nhắm vào tôi, Joel và Ira Fawcett suốt những năm qua.”

Đó là một câu chuyện kinh ngạc, khó tin. Nhiều năm trước - hai mươi, hai mươi nhăm năm; bà ta không còn nhớ chính xác thời gian đã trôi qua - Joel và Ira Fawcett là hai tên côn đồ trẻ tuổi người Mỹ lang thang khắp thế giới kiếm tiền bằng đủ mọi cách. Chủ yếu là gian lận vì kiếm tiền nhanh mà đỡ phải lao động. Chúng muốn tạo dựng tên tuổi cho mình, bất kể là bằng phương pháp gì. Fanny Kaiser, con gái một chủ nhà hàng trên bãi biển người Mỹ và một người Anh lưu vong chuyên nghề trộm cắp, lúc này đã trở thành một bà chủ có tham vọng nhưng ít người biết đến của một quán cà phê tại Sài Gòn - hồi đó là một thủ phủ rộng lớn, náo nhiệt của miền Nam Việt Nam. Hai anh em đã ghé vào bến cảng, cảnh giác vì sợ bị “tóm” như bà ta nói với chúng tôi. Thế rồi họ làm quen nhau; bà “ưa thích phong cách của họ, hai kẻ lừa gạt trẻ tuổi thông minh cực kỳ gan dạ và quyết đoán.

“Ở vị thế của mình, với cả những thành phần rác rưởi cũng như tốt đẹp trong số khách đi biển là khách quen, bà ta nghe lỏm nhiều chuyện thâm cung bí sử. Ăn uống thoải mái sau nhiều tuần lễ phải kiêng khem trên biển, đàn ông thường xuyên tám chuyện về những niềm vui nỗi buồn lẽ ra không nên nói. Chính từ miệng một phó nhì làm việc trên một con tàu chở hàng nhất định neo tại cảng, bà biết được một bí mật có giá trị. Anh ta uống say bết nhè, bà phải cố gắng lắm mới moi được câu chuyện của anh ta. Tàu của anh ta đang chuyên chở một chuyến hàng kim cương, tuy nhỏ nhưng hết sức lộng lẫy, đến bờ biển tại Hồng Kông.

“Điều đó là xác thực,” bà ta khàn khàn nói, liếc mắt đều cáng nhìn vào hồi ức. Tôi nhìn bà ta mà thấy rùng mình, cái bà già thảm hại này đã từng là một cô gái xinh đẹp! “Tôi đã chuyển tin này đến hai chàng trai nhà Fawcett. Chúng tôi đã đạt một thỏa thuận. Cố nhiên là chúng chẳng dành cho Fanny Kaiser cái gì. Tôi cũng hiểu tin tưởng chúng có mà đổ thóc giống ra ăn. Thế nên tôi bám theo, cả ba chúng tôi cùng lên tàu như hành khách.

Hóa ra mọi chuyện dễ dàng đến buồn cười. Thủy thủ đoàn toàn là người Trung Quốc và Ấn Độ - lúc nào cũng là những kẻ nhút nhát, yếu ớt nghèo rớt mồng tơi, dễ dàng bị dọa nạt. Hai anh em Fawcett cướp được kho vũ khí liền giết chết chủ tàu ngay trên giường, làm bị thương hoặc giết chết các sĩ quan, bắn gục đám thủy thủ đoàn, cướp tàu rồi làm đắm tàu. Sau đó cùng Fanny Kaiser bỏ trốn bằng xuồng lớn. Nhà Fawcett đã chắc chắn rằng không còn một thủy thủ đoàn nào còn sống. Dưới sự che chắn của bóng tối, xuồng của chúng cập vào một đường bờ biển khô cằn, chia nhau chiến lợi phẩm rồi chia tay nhau, vài tháng sau tại một nơi cách đó hàng nghìn dặm tất cả gặp lại nhau.

“Vậy thì Aaron Dow là ai?” Ngài Lane hỏi nhanh.

Bà ta nhăn mặt. “Người phó nhì. Chính là gã uống say phun hết ra với tôi từ đầu. Có Chúa mới biết với cuộc đời đau khổ như thế mà hãn thoát được, nhưng hãn đã sống sót mà không chết đuối. Chết tiệt. Và tôi cho rằng hãn đã bơi vào bờ, bị thương nặng! Trong suốt những tháng năm này hãn đã nuôi dưỡng lòng căm ghét, thù hận anh em nhà Fawcett và tôi.”

“Thế quái nào hẳn lại không báo cảnh sát ở bến cảng gần nhất?” bố tôi thì thầm.

Bà ta nhún vai. “Có thể hẳn đã muốn tống tiền chúng tôi từ đầu. Mà chúng tôi nghe nói con tàu đã được ghi là ‘mất tích ngoài biển’. Và cho dù một cuộc điều tra của bảo hiểm bờ biển có mở ra đi nữa, cũng sẽ chẳng thu được gì. Chúng tôi đã chuyển kim cương thành tiền mặt với một kẻ ‘buôn bán đồ gian’ nổi tiếng tại Amsterdam. Sau đó anh em nhà Fawcett cùng tôi sang Mỹ sinh sống. Và chúng tôi cùng trông chừng nhau.” Giọng cay nghiệt của bà ta chuyển thành chán nản. “Ý tôi là tôi thấy chúng tôi đã cùng trông chừng nhau. Không bao giờ để lạc khỏi tầm nhìn của nhau. Chúng tôi nghỉ ngơi một thời gian tại New York, rồi bằng cách nào đó chúng tôi đạt tới vùng nông thôn này. Hai chàng trai có vẻ khá dễ chịu, đặc biệt là Ira. Anh ta luôn là bộ não của hai anh em - anh ta bắt Joel phải đi học luật còn anh ta nghiên cứu được phẩm. Tất cả chúng tôi đều có rất nhiều tiền.”

Mọi người cùng im lặng. Dường như rất khó ghi nhận câu chuyện đáng sợ này về cướp biển, xứ Đông Dương, một con thuyền bị đánh đắm, vụ cướp kim cương, thủy thủ đoàn bị sát hại. Tất cả đều quá xa xôi, quá viễn tưởng. Thế nhưng trong chất giọng lạnh lạnh của bà ta, có âm điệu của sự thật... Tôi thích thú với giọng trầm, bình tĩnh của Drury Lane.

“Tất cả đã khớp,” ông nói. “Tất cả ngoại trừ một chuyện. Từ những dấu hiệu nhỏ nhất - hai lần Dow nói đến những chuyện mà chỉ một thủy thủ trong hoàn cảnh đó mới biết - tôi biết rằng vùng biển này nằm đâu đó làm nền cho câu chuyện này. Và cái rương thu nhỏ - cái rương đựng đồ của thủy thủ, tôi chắc chắn như vậy. Thế thì chữ *Hejaz* có thể là tên một cuộc đua ngựa, hay một trò chơi mới hoặc một loại thảm Phương Đông - giờ thì bà thấy tôi đã đi xa đến đâu! - Thế nhưng nó đơn giản chỉ là tên một con tàu. Nhưng có tìm nát những ghi chép hải quân cũ, cũng không thể tìm ra còn tàu nào có tên như thế...”

“Chẳng có gì diệu kỳ lắm đâu,” Fanny Kaiser mết mội nói. “Tên con tàu là *Ngôi Sao Hejaz*.”

“Ha!” Ngài Lane thốt lên. “Chắc tôi phải tìm đến mãi mãi mất. Ngôi sao Hejaz à? Dĩ nhiên rồi, kim cương nằm trong rương chứa đồ của thuyền

trường. Và Dow đang gửi các người những phần được tái tạo của cái rương bị đánh cắp đó. Ông ta biết rằng ý nghĩa của hành động này sẽ đánh động các người ngay lập tức!”

Bà ta gật đầu, thờ dãi. Giờ đây tôi nhớ lại hoạt động của quý ông già mấy tuần trước. Suốt thời gian đó ông đã xây dựng giả thuyết *rương chứa đồ trên tàu...* Ông đứng dậy, phủ bóng xuống Fanny Kaiser vẫn đang mệt mỏi chìm sâu vào ghế, như thể bà ta sợ chuyện sắp xảy đến. Chúng tôi đứng trong im lặng bối rối, chuyện gì rồi sẽ đến? Tôi không thấy một tia sáng khá dĩ nào cả.

Hai lỗ mũi ông khẽ rung rung. “Bà Kaiser, bà đã nói rằng tuần trước bà trốn khỏi Leeds, không phải vì sợ cho sự an toàn của bà, mà vì lương tâm. Bà nói vậy là có ý gì?”

Những ngón tay đỏ, mập mạp của người phụ nữ Amazon già nua, mệt mỏi phác một cử chỉ tuyệt vọng. “Người ta sẽ hành hình Dow bằng ghế điện, đúng không nào?” bà thì thầm với giọng khàn khàn.

“Ông ta đã bị tuyên án tử hình.”

“Ôi,” bà ta kêu lên, “họ sắp hành hình một người vô tội! Aaron Dow không giết anh em nhà Fawcett!”

Chúng tôi nhất loạt rướn người về phía trước, không thể cưỡng lại.

Những sợi thanh quản của quý ông già như đứng lại, khi ông cúi xuống bà ta. “Làm sao bà biết điều đó?” Ông hét như sấm động.

Bất ngờ bà ta lại thu mình vào ghế, vùi mặt trong hai bàn tay. Bà ta nức nở. “Vì chính Ira Fawcett đã nói với tôi như thế - ngay trước khi chết.”

Manh Mỗi Cuối Cùng

“À,” ngài Lane điềm tĩnh nói - và không hiểu sao, theo một cách khó tin nào đó chỉ mình ông biết - tôi hiểu rằng phép màu đã xảy ra. Ông mỉm một nụ cười thanh thản, nụ cười của một người đã nỗ lực trong thời gian dài và thu được kết quả tốt. Ông không nói thêm gì nữa.

“Chính ông ta nói với tôi điều đó,” Fanny Kaiser lặp lại, giọng trầm ẩn chứa sự hào hứng, không còn nức nở; Bà ta nhìn chăm chăm bức tường mà như không nhìn, như thể hồi ức về biến cố ấy nghe như một vực thẳm xa xôi khó dò trong lòng bà. “Tôi luôn giữ liên hệ với hai anh em họ. Ngài biết thừa là dưới vỏ bọc kinh doanh... Khi tôi bước vào ngôi nhà đó, đêm Joe Fawcett bị đâm chết, Hume cho tôi xem lá thư Joe đã đang viết cho tôi trước khi chết, tôi biết chúng tôi đang ngồi trên đồng lửa. Chúng tôi, Ira và tôi, hướng sự chú ý sang Carmichael. Khi mảnh rương đầu tiên đến tay Joe, ông ta cùng Ira và tôi liền hợp sức lại. Đó là lần đầu tiên, chúng tôi biết rằng Aaron Dow vẫn còn sống. Chúng tôi quyết định phải ẩn mình. Joe - Ngài thượng nghị sĩ!” Bà ta khịt mũi, “ông ta là một màu vàng nhạt nhạt. Ông ta đã muốn bỏ tiền mua sự im lặng, Ira và tôi đã phải trấn an ông ta.” Bà im lặng, rồi gấp gáp nói: “Cái đêm Joe bị giết, tôi đã đến đó xua đuổi Dow. Tôi biết ông ta sẽ đến đó, và tôi cũng biết rằng Joe Fawcett bị công nên đã cúng cho Dow năm mươi nghìn đô la.”

Người đàn bà này đang nói dối. Bà ta có đôi mắt lừa đảo, không kiên định. Con người này có thể làm bất kỳ điều gì. Tôi không nghi ngờ rằng bà ta đã đến nhà thượng nghị sĩ Fawcett đêm ông ta bị giết, với mục đích cố định trong đầu: giết chết Aaron Dow nếu ông ta vẫn cứng đầu không chịu nghe. Và tôi cũng không nghi ngờ thượng nghị sĩ cũng nghĩ ra âm mưu tương tự.

“Vào đêm Ira Fawcett bị giết,” bà ta tiếp tục nói bằng giọng khàn, “tôi gặp may mắn cực kỳ khi lại đến ngôi nhà đó. Ira bảo tôi rằng Dow đã gửi cho ông ta mảnh rương thứ hai, và gọi cho ông ta chiều hôm đó sẽ đến gặp mặt. Ngồi ôm một đồng tiền, Ira run như cây sậy; ông ta đã rút hết sạch tiền ở ngân hàng một ngày trước đó, dù ông ta không biết mình có trả tiền hay không. Mà tôi đã tới đó thấy chuyện gì sẽ xảy ra.” Một lần nữa bà ta lại nói dối, rằng tiền được rút nhằm thực hiện ‘ý định trả tiền’, rằng Ira Fawcett và Fanny Kaiser đã có ý định giết Aaron Dow vào đêm đó.

Đôi mắt bà ta tóe lửa. “Tôi đã tới đó và phát hiện thỏa thuận của Ira đã thất bại. Ông ta đang nằm trên sàn trong văn phòng, với một con dao mổ trên ngực.”

Quý ông già nói, gương mặt lộ vẻ quan tâm: “Nhưng tôi nghĩ bà đã nói ông ta...”

“Phải, tôi biết mình nói gì,” bà ta thì thầm. “Tôi tưởng ông ta đã chết. Tôi cũng chẳng thích thú gì chuyện này đâu. Nó đáng sợ như... như địa ngục ấy.” Bà ta run rẩy, tấm thân bồ tượng của bà ta run lên như một cơn biển động. “Thế nên tôi quay người định bỏ trốn. Và rồi... tôi liếc thấy một ngón tay ông ta chuyển động... Tôi bèn quay lại, quỳ xuống bên cạnh ông ta và nói: ‘Ira, Ira, có phải Dow đã đâm ông không?’ Miệng ông ta há ra, tôi nghe thấy từ rất sâu trong cổ họng ông ta vang lên tiếng ùng ục, bé đến mức tôi không thể nghe thấy. ‘Không, không phải Dow. Không phải Dow. Mà là...’ Bà ta dừng lại, xiết chặt hai tay thành nắm đấm. “Nói đến đó khắp người ông ta run bắn rồi tắt thở.”

“Chết tiệt!” bố tôi lẩm bẩm. “Chuyện này đã xảy ra với tôi nhiều đến không đếm được. Họ tắt thở ngay trước khi kịp nói ra ai đã làm thế. Bà chắc chắn đã không nghe thấy ông ấy nói...”

“Khi tôi lao ra khỏi cái ngôi nhà chó chết đó nhanh hết sức có thể, nói cho ngài biết ông ta đã chết rồi.”

Giọng bà ta lạc đi, rồi lại cao lên. “Tôi đã lâm vào tình cảnh khó khăn. Nếu tôi nói ra, Hume sẽ cố gắng đổ tội giết người cho tôi... Thế nên tôi phải chuồn thật nhanh. Nhưng suốt quãng thời gian nấu mình trên dãy núi, tôi biết Dow là người vô tội. Và tôi không thể, không thể để mặc chúng...”

Những con ác quỷ đang lợi dụng con người tội nghiệp đó, tôi nói thế đấy, đang lợi dụng ông ta!” Bà ta lên giọng như một tiếng thét.

Cha Muir bước lộp cộp lên phía trước, nắm hai bàn tay mập mạp của bà ta trong bàn tay bé nhỏ, nhợt nhạt của ông. “Fanny Kaiser,” ông nhẹ nhàng nói, “suốt những năm tháng của đời mình, con đã là kẻ có tội. Nhưng ngày hôm nay con đã phục hồi dưới ân điển của Chúa. Con đã cứu mạng một người vô tội. Chúa phù hộ cho con.” ông quay sang Drury Lane, đôi mắt nhợt màu của ông sáng lên sau cặp kính dày. “Nhanh nhanh đến nhà tù thôi,” ông nói. “Không để phí một giây nào nữa!”

“Bình tĩnh nào, Cha,” quý ông già nói với nụ cười nhẹ. “Chúng ta còn thời gian mà.” Giọng ông bình thản và yên tâm, ông cắn môi dưới. “Chỉ còn một vấn đề,” ông lẩm bẩm, “một vấn đề rất tế nhị...”

Phong cách của ông khiến tôi kinh ngạc. Điều gì đó trong câu chuyện của Fanny Kaiser rõ ràng đã cung cấp cho ông đầu mối quan trọng cuối cùng. Nhưng là gì? Tôi chẳng thấy điều gì bà ta từng nói mang lại một giải pháp quan trọng; dĩ nhiên, ngoại trừ đến mức độ giải oan cho Aaron Dow. Thế nhưng ông đã thay đổi...

Ông lặng lẽ nói: “Bà Kaiser, những gì bà vừa cho chúng tôi biết đã giải quyết được vụ án. Một tiếng trước, tôi biết kẻ giết anh em nhà Fawcett là một trong số ba khả năng. Câu chuyện của bà đã loại bỏ được hai người.” Ông so vai. “Xin lỗi. Còn một việc phải làm!”

Đòn Chí Mạng

Ngài Lane chỉ ngón tay cong sang tôi. “Patience, cháu có thể giúp ta một việc lớn.” Tôi nhanh chóng đến bên ông, thở khó khăn. “Cháu làm ơn gọi cho thống đốc Bruno nhé. Tuổi già của ta...” Ông sờ tay lên tai và mỉm cười; dĩ nhiên ông bị điếc hoàn toàn. Phương pháp liên hệ duy nhất của ông với những người xung quanh đó là đọc môi.

Tôi gọi một cuộc điện thoại đường dài đến Tòa Bạch Ốc tại Albany, rồi đợi chờ với trái tim đập môi lúc một nhanh.

Trông quý ông già có vẻ trầm tư. “Bà Kaiser, trong khi bà đang ở trong văn phòng của bác sỹ với xác chết - bà không chạm vào cổ tay ông ấy chứ?”

“Không.”

“Bà có để ý những vết máu trên cổ tay ông ta không?”

“Có.”

”Và bà không hề chạm vào cái gì hết - cả trước và sau khi bác sỹ Fawcett chết?”

“Không, vì Chúa!”

Ông gật đầu, mỉm cười khi người trực điện thoại trả lời. “Thống đốc Bruno ạ?” Tôi nói, hít một hơi sâu. Tiếp theo tôi buộc phải chờ trong khi nửa tá thư ký nhắc lại tên tôi. Cuối cùng, “Đây là Patience Thumm, đang nói thay mặt ngài Drury Lane! Xin đợi một lát... Ngài Lane, ngài muốn nói với thống đốc chuyện gì ạ?”

“Nói với ông ta rằng vụ án đã giải quyết xong, rằng ông ta phải đến Leeds ngay lập tức. Bảo với ông ta có bằng chứng mới và không thể chối cãi hoàn toàn minh oan cho Aaron Dow.”

Tôi truyền đi tin nhắn của ông - Pat Thumm, công cụ của những kẻ bất tử! - phần thưởng cho tôi là tiếng thở hỗn hển bên kia đầu dây. Tôi cho rằng không phải ai cũng có diễm phúc lắng nghe tiếng thở của thống đốc trên đầu dây. “Ta sẽ đến ngay! Cháu đang ở đâu?”

“Thống đốc Bruno, cháu ở nhà Cha Muir, ngay bên ngoài các bức tường nhà tù Algonquin.”

Khi gác máy, tôi thấy ngài Lane ngồi thụp xuống ghế. “Patience, cháu có thể là một cô bé ngoan. Bà Kaiser đây cần được nghỉ ngơi. Không phiền chứ, thưa Cha?” Rồi ông nhắm mắt lại, mỉm cười thanh thản. “Bây giờ chỉ còn một việc chúng ta phải làm là chờ đợi.”

Và chúng tôi chờ đợi suốt tám tiếng.

Lúc đó là chín giờ, hai tiếng trước thời điểm hành hình như đã định, một chiếc limousine to màu đen, hai cảnh sát tiểu bang đi kèm hai bên trên mô tô, đỗ lại bên ngoài cổng nhà Cha Muir. Ngài thống đốc với gương mặt mệt mỏi, dửng dưng xuống xe chạy lên những bậc thềm. Chúng tôi đang chờ ông ta trên hàng hiên, hai ngọn đèn trên cao đang tỏa ánh sáng le lói.

Sau khi được ngài Lane dặn đi dặn lại cố gắng tỏ vẻ như không có chuyện gì xảy ra, Cha Muir đã rời nhà từ hai tiếng trước. Dĩ nhiên ông cần phải có mặt trong các xà lim án tử. Từ những gì hai ông già trao đổi với nhau trước khi vị linh mục nhỏ nhắn đi khỏi, tôi đoán rằng Aaron Dow đã được dặn phải giữ niềm hy vọng.

Fanny Kaiser - đã tắm rửa, nghỉ ngơi và ăn tối xong - lặng lẽ ngồi trên hàng hiên như một bà già cô đơn với đôi mắt đỏ hoe. Chúng tôi chứng kiến cuộc gặp gỡ lịch sử với rất nhiều cảm xúc pha trộn. Thống đốc căng thẳng, bất ngờ nhảy nhót như một chú ngựa non. Fanny Kaiser khiếp sợ và thờ ơ. Ngài Lane lặng lẽ ngồi nhìn.

Chúng tôi nghe thấy vài câu trong cuộc đối thoại.

Người phụ nữ kể lại câu chuyện của mình. Có một thời điểm - câu nói lúc hấp hối của bác sỹ Fawcett - thống đốc đã hỏi bà ta thật kỹ lưỡng, nhưng bà vẫn giữ nguyên quan điểm của mình.

Khi nghe hết câu chuyện, ngài Bruno đưa tay lên lau trán rồi ngồi xuống. “Ngài Lane, ngài lại thế rồi. Một nhà phù thủy Merlin hiện đại tạo ra những

phép màu... Cùng đến nhà tù Algonquin ngay lập tức chặn đứng chuyện kinh khủng này lại.”

“Ôi, không,” quý ông già nhẹ nhàng nói. “Ôi, không, Bruno! Đây là vụ án phải áp dụng yếu tố bất ngờ khiến hung thủ mất nhuệ khí. Vì tôi không có bằng chứng xác thực, ngài biết đấy.”

“Vậy là ngài biết kẻ nào đứng sau hai vụ án mạng?” Thống đốc chậm rãi hỏi.

“Đúng.” Rồi thốt ra tiếng xin lỗi, quý ông già rút vào một góc hàng hiên với thống đốc Bruno, bình thản nói chuyện với nhau một lúc. Ngài Bruno cứ gật đầu suốt. Khi hai người quay lại với chúng tôi, cả hai cùng có vẻ nghiêm khắc.

“Bà Kaiser,” thống đốc nói khô khốc, “cảm phiền bà ở lại đây với các cảnh sát hộ tống tôi. Tôi cho rằng thanh tra và cô Thumm sẽ muốn tham gia việc này. Ngài Lane và tôi đã đồng ý về quá trình hành động. Không quá mạo hiểm đâu nhưng cần thiết. Và bây giờ... chúng ta sẽ đợi.”

Và chúng tôi lại chờ.

Còn nửa tiếng nữa là mười một giờ, tất cả chúng tôi rất lặng lẽ rời nhà Cha Muir. Trong nhà bao quanh là bốn thanh niên trẻ trung mặc quân phục, là Fanny Kaiser đầu cúi thấp.

Nhóm chúng tôi im lặng sải bước đến cổng chính nhà tù Algonquin. Lúc này trời đã tối, những ánh đèn nhà tù như bao nhiêu ánh mắt quỷ nhìn lên bầu trời đen kịt.

Tôi sẽ không bao giờ quên đi hình ảnh rõ nét kinh hoàng của nửa giờ tiếp theo. Tôi không hiểu nổi thống đốc và ngài Lane đang mưu tính chuyện gì. Tôi phát ốm với nỗi sợ hãi rằng điều gì đó sẽ sai lầm. Nhưng từ khoảnh khắc chúng tôi bước qua cửa vòm vào sân tù, mọi thứ cứ diễn ra êm ả một cách bí ẩn. Các lính gác đang làm nhiệm vụ phấn khởi trước sự hiện diện của thống đốc. Uy quyền của ông là đương nhiên không phải bàn cãi; ngay lập tức chúng tôi được vào trong. Ngay ngoài góc tứ giác, chúng tôi có thể thấy ánh đèn của khu xà lim án tử, cảm thấy không khí chuẩn bị đáng sợ từ bên trong những bức tường xám xịt, lạnh lẽo kia. Không một âm thanh nào

phát ra từ các xà lim, mỗi cử động của lính gác đều cho thấy sự căng thẳng, bực dọc, bối rối.

Thống đốc giọng sắc lạnh ra lệnh lính gác cho phép chúng tôi vào không được nói gì về chúng tôi, cấm các lính gác trong tù không được rỉ tai nhau việc chúng tôi đến. Tất cả đều tuân lệnh mà không thắc mắc gì, cho dù tôi bắt gặp những ánh mắt hiếu kỳ... Và không cần nói gì, chúng tôi đợi chờ trong góc tối của sân tù đèn pha sáng trưng.

Kim phút trên đồng hồ đeo tay của tôi chậm chậm trôi. Bối tôi lăm lăm không ngừng kèm theo hơi thở.

Từ nét mặt căng thẳng của ông, giờ tôi đã hiểu kế hoạch của Drury Lane là đợi đến đúng phút cuối cùng trước khi bắt đầu hành hình. Dĩ nhiên nguy hiểm đối với Dow được giảm xuống nhờ sự hiện diện của thống đốc; nhưng tôi thì chẳng thấy thoải mái chút nào. Và khi thời gian dần trôi, từng tích tắc đến thời điểm chết người kia, tôi ngày càng cảm thấy mình muốn hét lên lời phản đối, muốn lao như điên dại qua sân tù vào tòa nhà kèn càng, câm lặng trước mặt chúng tôi...

Còn một phút nữa đến mười một giờ, thống đốc trở nên cứng rắn, nói điều gì đó rất ngắn ngủi với đám lính gác. Và rồi trong chớp mắt, tất cả chúng tôi cùng lao qua sân tù đến khu xà lim án tử.

Chúng tôi tới được xà lim tử tù đúng mười một giờ. Mười một giờ một phút, thống đốc Bruno gạt hai lính gác sang một bên, mở tung cánh cửa ra vào phòng hành quyết.

Tôi sẽ không bao giờ quên được nỗi kinh hoàng tột độ trên gương mặt mọi người khi chúng tôi lao vào phòng. Như thể chúng tôi là những kẻ phá hoại, mạo phạm điện thờ linh thiêng của một ngôi đền Xử Nữ hiện đại nào đó; hoặc là những kẻ Philistin đang làm ô uế tấm khăn trải bàn thờ của Cực Thánh. Những hồi ức của tôi về bối cảnh đó chỉ còn rời rạc, trong vắt như nhìn qua một lớp kính. Gần như bản thân mỗi khoảnh khắc đều chứa đựng cả một vòng đời, trong mỗi khoảnh khắc bất diệt ấy, từng nét mặt, từng cử động của bàn tay, cái gạt đầu dường như cũng chết lặng trong không gian và thời gian.

Thực tế suýt ngộp thở vì phấn khích khiến tôi quên rằng, có lẽ đây là bối cảnh chưa từng thấy trong các buổi hành hình hợp pháp, rằng chúng tôi đang tạo ra giây phút kịch tính nhất trong lịch sử hình sự.

Tôi trông thấy mọi người và mọi thứ. Trong chiếc ghế điện có Aaron Dow, ông già tội nghiệp. Đôi mắt ông ta nhắm nghiền. Một lính gác đang trói hai chân ông ta, người khác buộc dây đai qua người và người thứ ba trói hai cánh tay ông ta. Trong khi người thứ tư chết đứng khi đang đeo tấm vải lên đôi mắt Aaron Dow. Cả bốn người đều dừng ngay việc đang làm, mồm há hốc, hoàn toàn bất động. Đang đứng cách ghế điện vài mét, đồng hồ cầm trong tay, vẫn đứng y nguyên tại chỗ là cai ngục Magnus. Cha Muir như muốn ngất đi vì sung sướng, tựa vào một trong số ba lính gác ngục. Với những người còn lại... ba quan chức tòa án rõ ràng rành rành, tôi sốc khi thấy gương mặt kính ngạc lạng lẽ của Elihu Clay trong mười hai nhân chứng. Tôi chợt nhớ lại Jeremy đã nói gì với tôi. Tiếp theo là hai bác sỹ nhà tù, đao phủ với bàn tay trái đang bận chỉnh sửa máy móc gì đó trong tủ điện chết người của ông ta...

Thống đốc lạnh lùng nói: “Cai ngục, dừng hành hình lại!”

Aaron Dow mở mắt ra, gần như có hơi ngạc nhiên. Biểu hiện thoáng qua trong đôi mắt ấy là đờ đẫn. Như thế đây là một tín hiệu, đồng đảo diễn viên trên sân khấu đã lấy lại sức sống. Bốn lính gác đứng quanh ghế điện có vẻ hoang mang, đồng loạt quay đầu về phía cai ngục dò hỏi. Ông ta chớp mắt, xem đồng hồ với vẻ mặt sững sờ vô hồn. Cha Muir thốt ra một tiếng kêu nhỏ không thể nghe rõ, sắc hồng hiện lên trên đôi má nhợt nhạt của ông. Những người khác nhìn chăm chăm rồi quay sang nhìn nhau. Tiếng xì xào nổi lên ngay lập tức tắt lịm khi cai ngục Magnus bước lên phía trước rồi nói: “Nhưng...”

Drury Lane nói nhanh: “Cai ngục, Aaron Dow vô tội. Chúng ta có lời khai mới tuyệt đối chứng minh ông ta không phạm tội ác để bị tử hình. Ngài thống đốc...”

Và rồi xảy ra một chuyện tôi chắc chắn chưa từng có tiền lệ trong những bi kịch luật pháp này. Thông thường ngay sau khi thống đốc ra lệnh hoãn ngay khi bước chân vào phòng hành hình, lập tức tử tù sẽ được trở lại xà

lim, các nhân chứng và những người khác có mặt sẽ được xin lỗi, và đó sẽ là kết thúc buổi hành hình. Nhưng đây là một dịp rất đặc biệt, được lên kế hoạch đến từng li. Như lúc này tôi chắc chắn nó đòi hỏi phải được tiết lộ ngay lúc này. Nhưng điều thống đốc và ngài Lane hy vọng hoàn thành theo quy trình kịch tính này.

Tôi nghĩ họ đều quá choáng váng không kịp phản đối, nếu bất kỳ quan chức nào có mặt ở đây thắc mắc thứ tự ưu tiên của các nghi thức, chỉ cần thống đốc Bruno nghiêng chặt bộ quai hàm ưa nhìn của ông đủ khiến họ câm lặng... Và tất cả bỗng tập trung khi quý ông già lặng lẽ bước đến chỗ chiếc ghế điện, đứng cạnh ông già bé nhỏ nằm bất động, được che phủ kín mít vừa giành được mạng sống từ bàn tay thần chết và bắt đầu lên tiếng. Ngay từ câu đầu tiên, toàn bộ khán thính giả của ông đã im lặng như trong thánh đường.

Bài trình bày ngắn gọn, nhanh chóng và rõ ràng hơn hẳn tôi từng nói, Drury Lane tường thuật lại những suy luận ban đầu từ vụ giết thượng nghị sĩ Fawcett; cho thấy rõ rằng Aaron Dow không thể phạm tội ác này, vì là người thuận tay trái; và làm thế nào chứng minh hung thủ là người thuận tay phải.

“Và,” quý ông già nói bằng giọng vui vẻ và xúc động, “thật hợp lý khi nói rằng hung thủ cố tình dùng tay trái trong khi thông thường hẳn dùng tay phải, do đó hẳn cố tình gây án giống như kiểu Aaron Dow sẽ làm. Nói cách khác, như chúng ta nói, hung thủ đang “gài bẫy” Aaron Dow vào một tội ông ta không gây ra.

“Bây giờ xin quý vị hãy hết sức chú ý. Để có thể gài bẫy Aaron Dow, hung thủ phải biết điều gì về Aaron Dow? Từ các thực tế như sau:

“Thứ nhất. Hẳn phải biết rằng Dow không thể sử dụng được cánh tay phải sau khi vào Algonquin. Và giờ đây ông ta chỉ dùng được cánh tay trái;

“Thứ hai. Hẳn biết rằng Dow thực sự có ý định đến thăm thượng nghị sĩ Fawcett vào đêm xảy ra án mạng. Và để biết được điều này, Dow đã chính thức được ra tù vào ngày hôm đó;

“Thứ ba. Hẳn biết rằng Dow có động cơ phạm tội mang tính giả thuyết liên quan đến thượng nghị sĩ Fawcett là nạn nhân.”

“Chúng ta hãy cùng thảo luận chuyện này theo thứ tự,” quý ông già nhẹ nhàng nói tiếp. “Kẻ nào có thể biết rằng Dow không thể dùng được cánh tay phải khi ở Algonquin? Cai ngục Magnus cho chúng tôi biết rằng ông ta không hề gửi hay nhận thư từ, không hề có ai đến thăm trong suốt mười hai năm. Và hơn thế nữa, ông ta không gửi lá thư nào qua các kênh chính thức. Thông qua kênh không chính thức do Tabb, trợ lý thủ thư chuyên gửi lậu thư trong tù thiết lập, Dow chỉ gửi đi một lá thư: mảnh giấy tổng tiền ban đầu gửi đến thượng nghị sĩ Fawcett, và chúng ta biết trong tờ giấy đó viết gì. Chẳng có dòng nào về cánh tay phải của ông ta hết. Ngoài ra Dow chưa từng bước ra khỏi nhà tù giữa thời điểm cánh tay phải của ông ta bị liệt mười năm trước, và thời điểm ông ta chính thức được thả. Ông ta không có gia đình cũng như bạn bè. Đúng là chẳng có một ai ở thế giới ngoài kia đến gặp Aaron Dow trong suốt quãng thời gian này. Tôi muốn nhắc đến chính thượng nghị sĩ Fawcett, người đã đến thăm xưởng mộc của nhà tù - đúng dịp đó Dow mới nhận ra ngài thượng nghị sĩ. Dựa vào lời khai, chúng ta có lý do tin rằng thượng nghị sĩ không nhận ra Dow, và chắc chắn có khả năng rằng trong một căn phòng quá nhiều tù nhân như thế, thượng nghị sĩ không chỉ không nhận ra Dow mà còn không nhớ rằng có chuyện không ổn với cánh tay phải của Dow. Thế nên chúng ta có thể bỏ qua điều đó.” Ngài Lane khẽ mỉm cười. “Nói cách khác, chúng ta có đủ quyền để giả sử khả năng lớn rằng, người duy nhất có thể biết chuyện Dow mất cánh tay phải, chính là kẻ có liên quan với nhà tù - là bạn tù, tù nhân được hưởng đặc quyền hoặc thường dân đều đặn làm việc cho Algonquin.”

Sự im lặng ảm đạm bao trùm phòng hành hình có ánh sáng chói chang. Chính tôi cũng đi đến một kết luận như thế - có lẽ không sắc sảo tới mức này, nhưng tôi đã nhìn thấy những dấu hiệu. Và tôi cũng biết điều gì sẽ đến. Những người khác vẫn ngồi im trên dãy ghế dài, như thể chân họ đã nhúng quá sâu vào xi măng.

“Có một lời giải thích khác,” ngài Lane nói tiếp. “Rằng kẻ đã gài bẫy Dow và do đó hẳn phải biết rằng Dow là người thuận tay trái trong khi ở Algonquin, chắc phải nắm vững thông tin này cũng như tất cả thông tin khác liên quan tới Dow, từ một kẻ đồng lõa nào đó ở bên trong nhà tù.

“Một trong những giải thích này là chính xác. Giải thích nào? Tôi sẽ chứng minh rằng cái giả thuyết mạnh mẽ hơn - rằng kẻ gài bẫy Dow bản thân hẳn cũng ở trong nhà tù Algonquin - cũng là một giả thuyết chính xác.

“Bám sát theo giả thuyết này. Có năm phong bì đóng dấu niêm phong trên bàn làm việc của thượng nghị sĩ Fawcett khi ông ta bị đâm chết. Một trong số các phong bì này mang lại một đầu mối quan trọng. Hẳn tôi đã không lần theo nếu không có Quý cô Patience Thumm cho tôi biết, với một màn tóm tắt vụ án mạng đầu tiên đáng ngưỡng mộ. Phía trên phong bì ấy có một vết kẹp giấy - để tôi sửa lại, không phải một mà là hai vết. Vì trên mặt phong bì, có hai vết kẹp giấy rõ nét ở hai phía, một vết ở bên trái, và tương tự một vết ở bên phải. Thế nhưng phía trên bức thư được công tố viên mở ra, chỉ có một vết kẹp giấy được phát hiện phía trong! Nhưng làm sao một cái kẹp giấy lại có thể để lại hai dấu vết khác nhau trên hai phía đối diện của cùng một bề mặt?”

Ai đó thở ra một hơi dài. Quý ông già rướn người về phía trước, hoàn toàn che khuất Aaron Dow vẫn đang ngồi trên ghế điện. “Tôi sẽ chỉ cách cho mọi người. Carmichael, thư ký của thượng nghị sĩ Fawcett, đã chứng kiến ông chủ của anh ta gấp rút bỏ lá thư này vào phong bì, sau đó nhanh chóng dán kín. Nếu theo cảm nhận thông thường, trong khi đóng nắp phong bì để dán kín, thượng nghị sĩ đã tạo ra một vết kẹp giấy bên trong. Nhưng chúng tôi đã phát hiện hai vết ở những nơi khác nhau. Chỉ có thể có một lời giải thích.” Ông ngừng lại một lúc. “Ai đó đã mở phong bì dán kín, lấy thư ra sau đó bỏ lại nó vào phong bì. Nhưng hẳn đã bỏ sai vị trí. Sau đó khi dán kín, một lần nữa hẳn đóng nắp phong bì. Nên hẳn tạo ra vết kẹp giấy thứ hai bên trong. Nhưng lần này, nó xuất hiện ở phía bên kia mặt phong bì. Vì vết kẹp giấy lúc này xuất hiện ở vị trí hoàn toàn khác.

“Giờ thì kẻ nào có thể đã mở phong bì này?” Quý ông già nói tiếp, giọng khô khốc. “Như chúng tôi đã thấy, chỉ hai cá nhân có khả năng liên quan: Chính ngài thượng nghị sĩ và một người khách duy nhất Carmichael đã thấy, đi vào rồi bước ra khỏi ngôi nhà, trong thời gian xảy ra án mạng - vị khách này theo mô tả, chắc chắn vừa là hung thủ vừa là kẻ đốt thư, tro tàn của lá thư được phát hiện trong lò sưởi.

“Phải chẳng thượng nghị sĩ một lần nữa mở thư của chính mình ra xem sau khi Carmichael đi khỏi, và trước khi người khách kia ghé thăm? Đồng ý, về lý thuyết ông ta có thể làm thế. Nhưng chúng ta cũng phải tính đến các khả năng chung, xin hỏi quý vị: Tại sao ông ta lại phải mở thư của chính mình ra? Để chỉnh sửa à? Nhưng chẳng có sự chỉnh sửa nào hết; các lá thư trong phong bì đều tương ứng chính xác với những tờ giấy than. Để nhớ lại những gì ông ta đã đọc cho người khác viết, hoặc đánh máy sao? Vớ vẩn! Có một tờ giấy than vẫn còn nằm lù lù trên bàn làm việc.

“Nhưng dù có gạt chuyện này sang bên, đặt giả thuyết nếu thượng nghị sĩ muốn mở phong bì, ông ta hẳn sẽ xé phong bì ra và thay bằng phong bì mới sau đó. Đặc biệt vì ông ta đã nói với Carmichael rằng có thể phải gửi những lá thư này vào sáng hôm sau. Nhưng rõ ràng đây không phải là phong bì mới, nó vẫn còn nguyên các vết kẹp giấy. Và nếu nó là phong bì mới, thì phong bì đó hẳn sẽ chỉ mang một vết kẹp giấy. Do đó, phong bì này không những là được mở ra từ trước, mà nó cũng chính là phong bì được dán kín lúc đầu. Sao làm được việc đó? Có một cái bình pha cà phê chạy điện gần bàn làm việc. Cái bình này vẫn còn ấm sau vụ án mạng, rõ ràng lúc đó (trong bối cảnh không có bằng chứng cho thấy làm sao có thể mở thư), lá thư đã được hơ trên nắp bình pha cà phê. Chúng ta đã đến được điểm then chốt của vấn đề! Phải chăng thượng nghị sĩ đã cho hơ lá thư của chính mình trên nắp bình pha cà phê?”

Từ những cái gật đầu của tất cả mọi người, rõ ràng khán giả của quý ông già đang căng thẳng, nín thở đồng cảm với phép biện chứng của ông. Khẽ mỉm cười ông nói tiếp.

“VẬY nếu thượng nghị sĩ Fawcett không mở phong bì đó, thì chắc chắn vị khách đến thăm là người mở nó. Người duy nhất bước vào và rời khỏi ngôi nhà trong thời gian xảy ra vụ án mạng.

“Giờ thì chính xác cái gì ở phong bì này thu hút sự chú ý của vị khách - nói cách khác, chính là hung thủ - điều gì đã ép buộc hẳn đánh mất sự thận trọng, phải mở phong bì ngay giữa hiện trường vụ án? Lá thư được gửi cho cai ngục Magnus của nhà tù Algonquin, với một ghi chú trên phong bì

“Quảng cáo tại Algonquin.” Xin lưu ý, điều này có tầm quan trọng lớn nhất.”

Tôi bắt gặp hình ảnh gương mặt Elihu Clay; nó thâm tím, ông ta xoa cằm bằng những ngón tay run rẩy.

“Từ đầu đến giờ chúng ta có hai khả năng, và sẽ gọi chúng là: một - khả năng lớn - rằng hung thủ có liên quan đến nhà tù; hai - khả năng yếu - rằng hung thủ không có liên quan với nhà tù nhưng có một đồng lõa bên trong cung cấp cho hãn thông tin cần thiết. Bây giờ cho rằng khả năng thứ hai là lớn, cho rằng hung thủ không có liên quan đến nhà tù, là kẻ ngoài cuộc nhưng hãn có một kẻ chỉ điểm bên trong nhà tù. Hãn sẽ nhận được lợi ích đáng kể gì khi mở xem lá thư liên quan đến ‘những trường hợp thăng chức đề xuất’ trong nhà tù Algonquin? Nếu hãn là một kẻ ngoài cuộc, chắc chắn bản thân hãn chẳng được gì từ điều này cả. Vậy còn đối với kẻ chỉ điểm trong tù thì sao? Nhưng sao phải quan tâm nhỉ? Nếu kẻ đồng lõa của hãn có được thăng chức đi nữa, có lẽ cũng chẳng ảnh hưởng gì đến cá nhân hung thủ; nếu chuyện này không diễn ra, hãn cũng vẫn chẳng mất gì. Chúng ta có thể hoàn toàn yên tâm mà nói chắc chắn rằng, một kẻ ngoài cuộc theo giả thuyết hãn sẽ không mở lá thư đó ra đọc.

“Nhưng chính hung thủ đã mở lá thư đó! Do vậy hãn phải nằm trong khả năng lớn của chúng ta - nói tóm lại, hãn là kẻ quan tâm đến nội dung bất kỳ lá thư nào liên quan đến chuyện thăng chức của Algonquin. Tôi nói là kẻ nào đó có liên quan đến nhà tù.” Ông ngừng lại, một bóng mây nghiêm nghị phủ trên gương mặt ông. “Thực sự khi tôi nói với các vị hung thủ là ai, các vị sẽ khám phá một lý do thú vị hơn lý do tôi đã trình bày. Tuy nhiên, vào lúc này, tôi sẽ không nói gì nhiều, mà chỉ đưa ra nguyên tắc chung rằng hung thủ có liên quan đến nhà tù.

“Một suy luận nữa từ các thực tế của tội ác đầu tiên. Theo cai ngục Magnus có lần cho tôi biết, quy trình của nhà tù rất cứng nhắc; chẳng hạn, họ sẽ không bao giờ thay thế các lính cai ngục có ca làm việc cố định. Hung thủ của chúng ta, là kẻ chúng ta giờ đây đã cho rằng hãn có liên quan đến nhà tù Algonquin, đã ra tay sát hại thượng nghị sĩ Fawcett - vào lúc nào? - vào ban đêm. Do đó, bất kể trong nhà tù kia hãn giữ chức vụ gì, rõ

ràng hẳn không thuộc biên chế những lính gác làm ca đêm cố định; nếu không, hẳn sẽ không thể có thời gian rời khỏi đây kịp thời để giết người tại nhà thượng nghị sĩ Fawcett. Thế cho nên hoặc hẳn phải là lính gác ngục làm ca ngày cố định; hoặc là ai đó làm việc không theo giờ giấc cụ thể nào cả. Tất cả những điều này có tính chất cơ bản. Hãy lưu ý đến nó trong khi tôi chuyển sang một hướng đi khác.”

Giọng ông ngày càng sắc sảo hơn theo từng phút trôi qua. Gương mặt ông đang chìm trong những nếp nhăn suy tư. Ông nhìn khắp xung quanh phòng, tôi trông thấy một số nhân chứng như hơi co lại trên những chiếc ghế dài cứng. Giọng nói lạnh lùng vang vọng đó, chùng sáng chói lóa, chiếc ghế điện, con người bất động ngồi trên đó, rồi những bộ đồng phục... Chẳng trách họ đang cảm thấy khó chịu. Làn da tôi đang nhức nhối.

“Và bây giờ,” quý ông già nói tiếp bằng giọng nhanh và rõ, “là tội ác thứ hai. Đúng hẳn khi cho rằng cả hai tội ác đều liên quan đến một mảnh rương tương đồng thứ hai. Mỗi liên kết của Dow đối với cả hai mảnh, mỗi quan hệ máu mủ giữa hai nạn nhân... Giờ thì Dow đang là người vô tội trong vụ án mạng đầu tiên, giả sử rằng ông ta cũng vô tội trong vụ án mạng thứ hai; bị gài bẫy trong vụ thứ nhất và cả trong vụ thứ hai. Chúng ta có khẳng định điều này không? Có. Dow chưa hề nhận được tin nhắn nào của bác sỹ Fawcett nói rõ rằng thứ Tư sẽ là ngày trốn khỏi Algonquin. Nhưng Dow có nhận được một lá thư, cứ cho rằng là của Fawcett, bảo rằng hãy vượt ngục vào ngày thứ Năm. Đơn giản điều này có nghĩa là, ai đó đã chặn trước tin nhắn ban đầu của Fawcett (mà chúng tôi tìm thấy trên bàn làm việc của ông ta, tại hiện trường vụ án mạng đầu tiên), rồi gửi một tin nhắn khác sang cho Dow, nói rằng thứ Năm sẽ là ngày vượt ngục. Kẻ chặn trước tin nhắn ban đầu của Fawcett - hẳn còn có thể là ai nữa, ngoài kẻ đầu óc đen tối ngay từ đầu lợi dụng Dow trong các hoạt động đáng ghê tởm của hẳn; hay nói cách khác, là kẻ đang gài bẫy Dow?”

“Vậy chúng ta có cái gì? Khẳng định kết luận rằng hung thủ có liên hệ với nhà tù là chính xác. Vì việc chặn trước được tin nhắn là bằng chứng có cơ sở, cho thấy việc này được kẻ nào đó thực hiện ngay trong nhà tù, kẻ biết rõ hệ thống ngầm của nhà tù đang tuần các tin nhắn vào ra khỏi nhà tù,

kẻ đã chặn trước tin nhắn của Fawcett, giữ lại rồi thay bằng tin nhắn chính hãn ngục tạo, một tin nhắn giả mạo.

“Nhưng bây giờ chúng ta đi đến một yếu tố quan trọng của lời giải, thưa quý vị. Tại sao hung thủ lại có mong muốn thay đổi thời gian vượt ngục của Dow, từ thứ Tư sang thứ Năm? Vì hung thủ có ý định gài bẫy Dow trong vụ sát hại bác sỹ Ira Fawcett, và vì Dow vô tội trong vụ giết Ira Fawcett, nên điều thiết yếu đối với hung thủ - và xin hãy lưu ý điều này - là hãn phải giết Fawcett vào đúng cái đêm Dow được tự do sau khi vượt ngục! Nếu hung thủ thay đổi ngày vượt ngục từ thứ Tư sang thứ Năm, lý do chỉ có thể là chính hãn không thể giết bác sỹ Fawcett vào ngày thứ Tư, mà chỉ làm được điều đó vào ngày thứ Năm!” Ngài Drury Lane với gương mặt gầy căng thẳng, ngón tay trỏ của ông giơ lên. “Ha, tại sao hãn không thể làm thế? Quý vị sẽ hỏi như vậy. Từ tội ác đầu tiên chúng ta biết rằng, hãn không hề làm ca đêm một lần nào cả, và do đó lẽ ra hãn phải được tự do gậy án vào bất kỳ đêm nào, chứ không riêng gì đêm thứ Tư. Và câu trả lời khả dĩ duy nhất,” ông đứng thẳng người dậy, tạm ngừng, “đó là một chuyện gì đó, nằm ngoài lịch hoạt động thông thường trong tù, khiến hung thủ bận rộn vào tối thứ Tư! Nhưng đã xảy ra chuyện gì vào đêm thứ Tư, một đêm trước khi Ira Fawcett bị sát hại, trái thông lệ bình thường sẽ cầm chân một kẻ có liên quan với nhà tù nhưng không làm ca đêm? Thưa quý vị, tôi sẽ nói rằng đây là trọng tâm trong vụ án của chúng ta, và kết luận đưa ra không thể tránh khỏi như quy luật tự nhiên. Vào đêm thứ Tư ấy diễn ra một buổi hành hình trên ghế điện ngay trong chính căn phòng hành hình kinh hoàng này, vụ hành hình một người có tên là Scalzi. Và tôi xin nói thêm rằng, kết luận này là không thể tránh được như Ngày Tận Thế vậy: Hung thủ giết hai anh em nhà Fawcett là kẻ phải có mặt tại buổi hành hình Scalzi!”

Sự im lặng mênh mông lấp đầy căn phòng. Tôi thấy sợ phải thở, sợ phải quay đầu, sợ phải di chuyển mắt. Không ai cử động; trông chúng tôi chắc không khác gì bộ sưu tập những bức tượng sáp dưới con mắt rực lửa của quý ông già mạnh mẽ đứng cạnh chiếc ghế điện, người đang bắn ra từng từ

một câu chuyện về hung thủ, và bi kịch của một phán quyết cuối cùng sắp đến.

“Cho phép tôi liệt kê,” cuối cùng ông nói, giọng ông không còn phẫn khích mà thay vào đó lạnh lùng như đá thạch, “những tiêu chí hung thủ của chúng ta cần đáp ứng - những tiêu chí rút tĩa từ thực tế hai vụ án mạng, sắc sảo như thể đích thân hung thủ đã tạc nó lên bề mặt đĩa thời gian.

“Một. Hung thủ thuận tay phải.

“Hai. Hẳn có liên quan đến nhà tù Algonquin.

“Ba. Hẳn không phải là người làm ca đêm.

“Bốn. Hẳn có mặt trong buổi hành hình Scalzi.”

Một lần nữa tất cả im lặng, lần này không gian ấy có thể sờ vào được, đang đập thành thịch.

Quý ông già mỉm cười. “Tôi thấy quý vị đã bị ấn tượng.” Ông bất ngờ nói tiếp. “Đặc biệt khi những ai từng có mặt trong buổi hành hình Scalzi, các quý vị, lẫn những kẻ có liên quan đến nhà tù đều có mặt ở đây đêm nay, ngay trong chính căn phòng này! Vì tôi được cai ngục Magnus thông báo rằng, nhân viên nhà tù Algonquin có mặt tại các buổi hành hình không bao giờ thay đổi.”

Một trong các lính gác phát ra một âm thanh nhỏ trống rỗng, như một đứa trẻ sợ hãi. Mọi người theo quán tính đều nhìn vào hẳn, rồi lại nhìn Drury Lane.

“Và như thế,” quý ông già chậm rãi nói, “chúng ta tiến hành loại trừ. Ai đã từng có mặt tại buổi hành hình Scalzi? Hãy nhớ rằng, hung thủ của chúng tôi phải đáp ứng đủ bốn tiêu chí tôi vừa liệt kê ra...

“Mười hai công dân có uy tín ở tuổi trưởng thành, các nhân chứng theo quy định của luật pháp. Nên các quý vị,” ông nói với những con người cứng nhắc trên dãy ghế dài, “không cần thiết phải sợ hãi. Theo định nghĩa này không ai trong số quý vị có liên quan đến nhà tù. Quý vị là những nhân chứng thường dân, và như thế không phù hợp với Tiêu Chí Số Hai, khả năng này có thể được loại bỏ.”

Khi một người đàn ông trong số mười hai người trên ghế dài như trong nhà hát thờ dài, vài người kín đáo rút khăn tay chấm mắt.

“Ba quan chức tòa án theo luật định phải chứng kiến án tử hình chính thức được thực thi. Họ được loại trừ cũng với lý do tương tự.”

Ba người được nhắc tới thay chuyển thế ngồi.

“Bảy lính gác tù,” Drury Lane mơ màng nói tiếp. “Tôi giả sử cũng là bảy người đã có mặt tại buổi hành hình Scalzi. Nếu tôi không hiểu nhầm lời xác nhận của cai ngục.” ông ngừng lại. “Loại! Tất cả các cậu đều chính thức làm ca đêm - vì các cậu luôn có mặt tại những buổi hành hình, vốn luôn được tổ chức vào buổi đêm - và điều này hoàn toàn trái ngược với Tiêu Chí Số Ba. Không ai trong số các cậu là hung thủ.”

Một trong số bảy người đội mũ xanh thì thềm gì đó khủng khiếp kèm theo hơi thở. Bầu không khí căng thẳng ngày càng trở nên không chịu nổi; nó kêu răng rặc trong không gian nén chặt cảm xúc.

Tôi kín đáo liếc nhìn bố tôi; cổ ông đỏ lựng lên. Thống đốc đứng im như tượng gỗ. Đôi mắt Cha Muir vô hồn. Cai ngục Magnus hầu như nín thở.

“Đao phủ,” giọng nói điềm tĩnh, đều đều vẫn tiếp tục. “Loại! Trong cả buổi hành hình Scalzi - mà tôi đã may mắn được tham dự - tôi đã thấy anh ta bật công tắc bằng tay trái. Tuy nhiên, theo Tiêu Chí Số Một, hung thủ thuận tay phải.”

Tôi nhắm mắt lại, trái tim tôi đập thành thành trong tai như trống dồn. Giọng nói tạm ngừng; rồi lại tiếp tục sắc sảo, đầy đặn, vang vọng vào những bức tường trần trụi của căn phòng đáng sợ. “Hai bác sỹ theo luật định phải có mặt để chắc chắn kẻ bị hành hình đã chết thật.” Ông mỉm cười lạnh lùng. “Việc tôi không thể loại trừ hai quý ông này,” ông nói với hai người đứng như hóa đá cầm hai cái túi màu đen, “đã khiến tôi không thể giải quyết sớm vụ này. Nhưng hôm nay, bà Fanny Kaiser đã cung cấp một đầu mối nhất định loại trừ cả hai người. Cho phép tôi được giải thích.

“Hung thủ gài bẫy Dow giết hại bác sỹ Fawcett cũng biết rằng Dow phải xuất hiện tại văn phòng, một thời gian ngắn sau khi vượt ngục. Lúc đó điều tối quan trọng đối với hung thủ, đó là trước khi hấn bỏ đi phải chắc chắn rằng nạn nhân đã chết, tức là không thể nói, không thể tiết lộ danh tính hung thủ thật sự với Dow - hay với bất kỳ ai có thể đến không hẹn trước. Điều tương tự cũng xảy ra với hung thủ giết thượng nghị sỹ Fawcett; hung

thủ đã phải tấn công hai lần. Đòn tấn công đầu tiên khiến nạn nhân chưa chết hẳn, nên hẳn phải tấn công lần nữa. Để chắc chắn, quý vị biết đấy.

“Giờ đây trên cổ tay bác sỹ Fawcett chúng tôi thấy những dấu vết ba ngón tay đầy máu. Không nghi ngờ gì nữa, chúng cho thấy rằng hung thủ phải sờ mạch đập của nạn nhân sau khi đánh gục ông ta. Tại sao? Rõ ràng để chắc chắn nạn nhân đã chết. Nhưng hãy lưu ý chi tiết quan trọng này!” Giọng ông vang rền như sấm. “Bất chấp sự đề phòng của hung thủ khi xem mạch - nạn nhân vẫn còn sống sau khi hung thủ đã bỏ đi; và Fanny Kaiser khi đến hiện trường vài phút sau đó đã thấy bác sỹ Fawcett cử động, nghe thấy ông ta giải oan cho Dow. Cho dù ông ta đã chết trước khi kịp tiết lộ tên hung thủ thật sự... Làm sao điều này lại giúp loại trừ hai bác sỹ nhà tù của chúng ta có mặt tại buổi hành hình Scalzi - và cả ở đây đêm nay, quý vị sẽ hỏi vậy đúng không? Và đây là câu trả lời.

“Cứ cho rằng một trong số hai quý ông này là hung thủ. Vụ án xảy ra trong một phòng mạch. Trên mặt bàn làm việc chỉ cách thi thể có vài mét, là một hộp dụng cụ y tế của chính nạn nhân - và chẳng hạn trong đồng hồ nghề y tế ấy có bao gồm ống nghe. Đúng, có khả năng một bác sỹ khi bắt mạch một kẻ hấp hối cũng không thể phát hiện một nhịp đập nhỏ nhoi của sự sống. Nhưng một bác sỹ trong một phòng mạch, với đầy đủ trang thiết bị cần thiết trong tay, theo kế hoạch bắt buộc phải chắc chắn rằng nạn nhân của mình đã chết, tôi dám nói hẳn sẽ phải chắc như đinh đóng cột! ống nghe. Một cái gương chẳng hạn; nghĩa là bất kỳ cách nào mà các bác sỹ có thể dùng để xem nạn nhân chết thật hay chưa.

“Do đó chúng ta có thể nói rằng không một bác sỹ nào, có đầy đủ phương tiện trong tay để chắc chắn về cái chết của nạn nhân, lại có thể bỏ đi khi nạn nhân còn sống. Hẳn là hẳn sẽ phát hiện dấu hiệu sự sống của nạn nhân, rồi bóp chết nó khi giáng cho nạn nhân thêm một cú nữa. Hung thủ đã không làm thế. Do đó, hung thủ không phải là một bác sỹ, và cũng không thể là hai bác sỹ nhà tù này, những người đã được loại trừ.”

Tôi có thể đã hét lên vì căng thẳng. Năm đấm to lớn của bố tôi đặc quánh lại với cơ bắp; những gương mặt trước mắt chúng tôi như đeo các mặt nạ tái nhợt.

“Cha Muir,” Drury Lane tiếp tục với giọng thấp. “Hung thủ giết anh em nhà Fawcett trong cả hai vụ là một. Nhưng bác sỹ Fawcett bị giết vào lúc quá mười một giờ một chút. Từ mười giờ trở đi đêm hôm đó, vị linh mục tốt bụng này ngồi cùng tôi trên hàng hiên nhà ông ấy, nên không thể nào gây án được. Vậy thì tất nhiên, ông ấy cũng không thể là người giết thượng nghị sỹ Fawcett.”

Và thế, trong màn sương mù đỏ rực trôi bồng bềnh giữa hai mắt tôi và những gương mặt tái mét kia, tôi nghe thấy một giọng nói rộn ràng cất lên. “Một trong số hai mươi bảy người trong căn phòng này là hung thủ giết hại anh em Fawcett. Chúng ta đã loại trừ hai mươi sáu người. Chỉ còn lại một người. Và hử... Quý vị hãy bắt hử đi, không được để hử thoát! Thumm, đừng để hử sử dụng khẩu súng ngắn đó!”

Căn phòng nổ tung với những âm thanh, tiếng quát tháo, gầm gừ, vật lộn. Kẻ nằm trong tâm điểm cơn lốc đó, kẻ đang bị đôi tay cứng như thép của bố tôi tóm gọn, kẻ có nét mặt biến dạng tím tái, kẻ có đôi mắt đỏ rực đến man dại, là cai ngục Magnus.

Phán Xét Cuối Cùng

Khi xem lại những trang viết này, tôi tự hỏi phải chăng có chỗ nào đó tôi có ấn tượng rằng, hung thủ giết thượng nghị sĩ Fawcett lẫn bác sỹ Fawcett là ai khác ngoài cai ngục Magnus. Cho dù rất khó quả quyết, nhưng tôi nghĩ là không. Đôi khi dường như với tôi, có nhiều đoạn sự thật kinh hoàng ấy tự thân đã rõ ràng rành.

Tôi chẳng còn xa lạ gì với kỹ thuật viết truyện trinh thám (dù dựa vào thực tế hay hư cấu) để chắc chắn rằng, có thể tìm thấy đâu đó trong cuốn sách này từng thời điểm ngài Drury Lane - và tôi, một cách khiêm tốn nhất - có nhiều bước để tìm ra đáp án. Đó đơn giản là vấn đề liên kết như chúng tôi đã tìm ra, nói xa xôi một chút, là vấn đề liên kết tìm ra đáp án từ phán đoán... Tôi đã cố gắng kể lại câu chuyện này một cách chính xác nhất như nó đã xảy ra, độc giả sẽ là người có đánh giá khách quan nhất. Nhân vật tôi kiên quyết được kể tục, quý ông già phi thường chẳng sử dụng điều gì quá xa lạ với chúng ta trong cơ cấu phân tích thận trọng của ông. Đơn giản chúng tôi không có được sự sắc sảo của ông để nắm bắt và vận dụng.

Tôi nhận ra có nhiều vấn đề chưa được giải quyết mà chúng tôi không biết, và vì sự hoàn chỉnh chúng phải được kể ra. Cho dù như đã nói, về cơ bản chẳng cần thiết phải biết đến chúng. Chẳng hạn, động cơ khiến cai ngục Magnus gây án - người ta sẽ nói rằng, người cuối cùng không thể cưỡng lại sức cám dỗ và sự thèm khát được nhìn thấy máu đổ. Nhưng tôi được biết rằng đâu đó trong hồ sơ, có vụ án một cai ngục khác hiện đang bị tổng giam trong một nhà lao. Ông ta phạm một tội ác mà không ai nghĩ người có kinh nghiệm về hình sự, tội phạm như ông ta lại phạm phải.

Trong vụ án Magnus, muôn thuở là câu chuyện cũ như ông ta tiết lộ trong lời thú tội bằng văn bản: Thiếu tiền. Có vẻ như ông ta có một gia tài

cá nhân nhỏ, được tích lũy suốt bao nhiêu năm tháng dài làm việc trung thực, nhưng bị quét sạch khi nướng cả vào thị trường chứng khoán. Một chút quá khứ huy hoàng trong sự nghiệp của ông ta là khi ông không còn một xu. Lúc đó thượng nghị sĩ Fawcett đến gặp ông với mối quan tâm đáng ngờ đối với Dow kèm theo là một gợi ý về chuyện tống tiền; rồi vào cái ngày định mệnh khi Dow được ra tù, ông ta gọi điện cho Magnus như được dặn trước, bảo rằng ông ta quyết định trả tiền cho Dow vì đang có trong tay năm mươi nghìn đô la. Magnus tội nghiệp! Sức cám dỗ quá lớn đúng lúc ông ta lại quá túng bấn đã khiến ông ta mờ mắt. Đêm hôm đó, ông ta đến nhà thượng nghị sĩ, không hẳn thực tâm muốn giết chết người này. Mà ông ta hy vọng mơ hồ sẽ dụ thượng nghị sĩ trả tiền mua sự im lặng; đã có một tiền lệ, bạn biết đấy! Vào lúc này ông ta không hề biết câu chuyện đằng sau việc Dow nắm thóp anh em nhà Fawcett. Khi đối mặt với thượng nghị sĩ, có lẽ là khi trông thấy tiền, ông ta đã đột ngột và mù quáng đổi ý. Sai một li đi một dặm. Ông ta sẽ giết thượng nghị sĩ, cuỗm tiền và bỏ mặc Dow chịu tội. Thế nên ông ta chộp lấy con dao rọc giấy trên bàn và gây ra tội ác không thể tin nổi. Xong xuôi khi nhìn lại hiện trường, ông ta thấy trên tập giấy viết thư có lá thư thượng nghị sĩ viết gửi cho người em trai, bác sỹ Fawcett. Ông ta bỗng nảy ra một ý. Có liên quan đến một Fawcett thứ hai. Lá thư có đề cập đến tên một con tàu, *Ngôi sao Hejaz*. Với thông tin này làm điểm bắt đầu, ông ta chỉ việc đơn giản truy ngược ghi chép tìm ra sự thật cơ bản đằng sau mối quan hệ chằng chéo giữa Dow với anh em nhà Fawcett. Ông ta đã hủy lá thư để ngăn nó rơi vào tay cảnh sát, trong trường hợp câu chuyện thật bị lộ ra, ông ta không thể tống tiền bác sỹ Fawcett. Nhưng nếu chỉ ông ta và Dow biết được câu chuyện, tiểu bang sẽ săn đuổi Dow vì bị xem là hung thủ giết thượng nghị sĩ. Còn cai ngục sẽ được tự do tống tiền bác sỹ Fawcett trong tương lai.

Đó dường như là một kế hoạch hoàn hảo. Nhưng Aaron Dow lại không bị hành hình vì tội giết thượng nghị sĩ Fawcett, mà chỉ bị xử án chung thân. Theo cách nào đó việc này khiến Magnus hài lòng; ông ta có thể sử dụng người này lần nữa. Ông ta đợi chờ. Một thời gian sau đó ông ta nhận thức được hệ thống ngầm trong tù do Tabb khôn khéo xây dựng, nhằm mục đích

chuyển lậu các tin nhắn vào ra khỏi nhà tù. Magnus không nói gì về chuyện này, nằm im chờ thời. Cuối cùng cơ hội đã đến. Ông ta xem các tin nhắn, rồi một hôm ông ta chặn trước một tin nhắn trong cuốn kinh nhật tụng của Cha Muir do bác sỹ Fawcett gửi cho Dow. Ông ta đã đọc lên tin nhắn mà Tabb không nhận ra, biết được các kế hoạch cho Dow vượt ngục và nhận ra một cơ hội vàng mười. Tuy nhiên vụ vượt ngục được lên kế hoạch vào thứ Tư. Vào đêm thứ Tư ấy ông ta phải làm nhiệm vụ bắt buộc tại buổi hành hình Scalzi. Magnus viết một tin nhắn giả mạo cho Dow hẹn lại sang thứ Năm - ngày ông ta không phải làm nhiệm vụ - để vượt ngục. Mặt sau tin nhắn ban đầu của Fawcett ông ta ngụy tạo một tin nhắn của Dow bằng thể chữ viết in hoa, kín đáo gửi cho Fawcett nhằm lấp liếm sự mâu thuẫn trong việc Dow không vượt ngục vào ngày thứ Tư. Như trong hầu hết các tội ác có cùng tính chất, ông ta ngày càng bị dính líu với từng nỗ lực thúc đẩy âm mưu của mình. Lá thư này đã tố cáo ông ta, dù có vẻ ở thời điểm đó gửi thư đi mới là an toàn.

Còn một chuyện nhỏ nữa. Tôi nhớ tất cả chúng tôi trên hàng hiên nhà Cha Muir ngày hôm ấy, Elihu Clay đã hỏi tại sao cai ngục Magnus lại mở lá thư trên bàn của Fawcett, khi lá thư đó được gửi cho chính ông ta và được chú thích: *Quảng cáo tại Algonquin*.

Quý ông già thở dài. “Một câu hỏi thú vị. Ngài còn nhớ trong phân tích của tôi đêm qua, tôi đã gợi ý có một giải thích mang tính khiêu khích. Tôi nghĩ mình biết tại sao Magnus làm thế. Ngài thấy đấy, trong phân tích chung của tôi, tôi thấy rằng việc bất kỳ ai trong tù mở thư chẳng có gì khó hiểu cả. Nghĩa là bất kỳ ai ngoại trừ Magnus, vì lá thư được gửi cho ông ta và chắc chắn *Quảng cáo tại Algonquin* không thể nào ảnh hưởng gì đến vị thế của ông ta. Cho nên khi phân tích bổ sung của tôi nhằm trúng vào Magnus, tôi đã tự hỏi mình câu hỏi tại sao ông ta mở cái phong bì đó. Bởi vì ông ta nghĩ nó có thể bao gồm một tin nhắn khác từ một người được nói đến trong ghi chú trên phong bì! Ngài thượng nghị sĩ trong cuộc phỏng vấn ở nhà tù đã hé lộ cho Magnus về việc Dow nắm thóp mình. Theo Magnus nghĩ, lá thư có thể bao gồm một ám chỉ gì đó đến cuộc phỏng vấn này, do đó có thể cho ông ta biết, rằng ám chỉ này liệu có rơi vào tay cảnh sát hay

không. Quá trình lập luận của ông ta dĩ nhiên có sai lầm, nhưng vào thời điểm ông ta đang trong trạng thái cảm xúc nguy hiểm thì không thể suy nghĩ mạch lạc được. Dù sao đi nữa, giải thích đúng đắn không làm trái quy tắc chung đã đặt ra.”

“Tôi vẫn đang băn khoăn,” bố tôi gắng hỏi, “ai là người đã gửi mảnh rương thứ hai cho Ira Fawcett và mảnh thứ ba cho Fanny Kaiser? Dow thì không thể xoay sở được nữa rồi.”

“Cả con cũng thế,” tôi buồn bã nói.

“Tôi nghĩ mình biết quý ông nào đứng đằng sau chuyện đó,” Drury Lane mỉm cười. “Người bạn của chúng ta, Mark Currier, ngài luật sư. Chúng ta sẽ chẳng bao giờ chắc chắn được, nhưng khi đang phải chờ ra tòa, chắc phải có thời điểm nào đó Dow phải đề nghị ông ta gửi hai mảnh rương còn lại; Tôi cho rằng Dow đã giấu chúng cùng những lá thư từ trước trong một thùng thư giao nhận chung; hoặc thứ gì đó tương tự. Currier khiến tôi ngạc nhiên khi anh ta quá bất cẩn; có thể anh ta chợt thấy rằng trở lại câu chuyện tổng tiền, anh ta có thể tự kiếm được tiền từ giao dịch này. Nhưng làm ơn đừng bảo là tôi nói nhé.”

Cha Muir rụt rè gợi ý. “Để Aaron Dow tội nghiệp lâm vào tình thế hiểm nghèo trước khi cứu chẳng phải có hơi nguy hiểm sao?”

Nụ cười của quý ông già tắt lịm. “Phải vậy thôi, Cha ơi. Cha có nhớ rằng tôi không có bằng chứng xác thực nào để có thể buộc tội Magnus trước tòa. Cần phải nhân lúc tình trạng cảm xúc của ông ta không bình thường để đánh úp. Tôi đã chọn thời điểm cho phân tích, lên kế hoạch cho bối cảnh, không khí căng thẳng một cách chính xác để chứng kiến kết quả. Khi ông ta trông thấy lập luận không thể bác bỏ, trong cơn phẫn khích vào lúc thần kinh quá sức chịu đựng, và ông ta cố gắng bỏ trốn - một cách ngu ngốc và mù quáng - đúng như tôi đã hy vọng. Trốn thoát! Anh chàng tội nghiệp.” Ông im lặng một lúc. “Tiếp theo là lời thú nhận của ông ta. Nếu chúng ta áp dụng quy trình thông thường, Magnus hẳn đã có thời gian suy tính, nghĩ ra mọi đường đi nước bước, bình tĩnh phủ nhận tất cả mọi chuyện. Cộng thêm việc không có bằng chứng, chúng ta sẽ rất khó khăn, nếu không muốn nói là không thể buộc tội ông ta gây án.”

Và có nhiều chuyện đã xảy ra. John Hume được bầu là thượng nghị sĩ Tiểu bang từ hạt Tilden. Elihu Clay nhận thấy ngành kinh doanh đá cẩm thạch của mình có chút khởi sắc, và ông ta cũng trở nên thành thật hơn. Fanny Kaiser đang phải thụ án nhiều năm tại nhà lao Liên bang...

Tôi chợt thấy mình chẳng nói gì về chuyện đã xảy ra với Aaron Dow, nguyên nhân của tất cả những rắc rối này, nạn nhân vô tội trong các âm mưu của một kẻ tuyệt vọng. Tôi lo sợ nên đã kiểm chế không thốt ra câu nào về Dow tội nghiệp. Đó là... tôi cho rằng đó là sự đền đáp cho cuộc đời bé nhỏ đáng thương ấy, Định Mệnh cho thấy rằng cho dù có gây ra các án mạng này hay không, ông ta cũng không còn hữu ích trong xã hội này nữa.

Dù sao đi nữa, khi màn biểu diễn của ngài Lane đã kết thúc, và cai ngục Magnus đã cúi đầu nhận tội, quý ông già thay đổi thái độ rất nhanh. Đôi mắt ông lộ rõ vẻ quan tâm tới kẻ xấu xa tội nghiệp đang ngồi trên ghế điện. Nhưng khi ông cố gắng kéo Dow xuống khỏi công cụ tra tấn hợp pháp đáng sợ ấy, chúng tôi thấy ông ta ngồi im như phỗng, thậm chí còn khẽ mỉm cười.

Vì Dow đã chết, các bác sỹ nói rằng là do trụy tim. Suốt mấy tuần liền sống trong kinh hoàng, phải chăng khiến ông ấy bị kích thích, chúng tôi đã giết chết ông ấy? Tôi sẽ thực sự chẳng bao giờ biết được, cho dù ghi chép tình hình sức khỏe của ông trong tù cho thấy tim rất yếu, ngay cả khi mới vào Alqonquin mười hai năm trước.

Một chuyện nữa...

Vào ngày tiếp theo, ít lâu sau hôm ngài Lane đưa ra những giải thích bổ sung, Jeremy trẻ trung đan tay anh vào tay tôi cùng bước xuống phố. Anh ấy đã lên kế hoạch rất tuyệt, tôi sẽ nói như thế về anh ấy. Những sự kiện xảy ra đêm qua khiến tâm trạng tôi hơi chùng xuống, khiến tôi hoàn toàn không bình tĩnh được như trong các hoàn cảnh khác.

Dù sao đi nữa, Jeremy cũng ngậm ngừng nắm tay tôi, đặt dấu chấm hết tuyệt vời cho câu chuyện dai dẳng này, bằng giọng tenor pha vvhisky của mình anh đã cầu hôn tôi.

Đúng là một chàng trai tuyệt vời! Tôi ngấm mái tóc quăn của anh, đôi bờ vai rộng của anh, rồi thầm nghĩ thật ngọt ngào và dễ chịu biết bao, khi ai đó

tin rằng bạn là người con gái tốt để lấy làm vợ. Cơ thể trẻ trung, cường tráng của anh là kết quả của chế độ ăn chay, như thế cũng tốt thôi, vì ngay cả những người hợp lý như Bernard Shaw cũng tin điều đó. Cho dù có đôi khi tôi thích được thưởng thức miếng bít tết nướng... Nhưng rồi còn chuyện ném thuốc nổ tại các mỏ đá của bố anh, rằng chuyện này không đúng đắn lắm, vì tôi vẫn kinh hoàng với hình ảnh cả đời tôi luôn phải tự hỏi chồng mình liệu có tối nào anh quay về từ mỏ đá chân tay không còn nguyên vẹn, hay nát bươm giống như một mảnh câu đố. Dĩ nhiên, anh sẽ không làm việc đó thường xuyên...

Đúng, tôi đang tìm lý do để bào chữa. Không phải vì tôi không thực sự ngưỡng mộ Jeremy. Đứng trên quan điểm tiêu thuyết, thật tuyệt khi ở phần kết, có thể nói rằng cặp đôi trai tài gái sắc âu yếm nhau dưới ánh trời chiều. “Ôi, Jeremy anh yêu. Em đồng ý, em đồng ý!”

Nhưng tôi chỉ cầm tay anh, kiễng chân hôn lên đường nứt trên cằm anh và nói, “Ôi Jeremy anh yêu... em không đồng ý.” Rất ngọt ngào, bạn hiểu đấy. Anh ấy quá tốt, tôi không muốn làm tổn thương anh. Nhưng hôn nhân không phải là thứ dành cho Patience Thumm. Tôi là một thiếu nữ nghiêm túc, tôi nói rồi. Tôi tự hình dung mình trong vài năm nữa, trong chiếc áo cổ cồn trắng, chân đi đôi giày.



Bộ đầm béo: Nguyên văn "Size Sixteen" tương ứng với cỡ L tại Việt Nam.

Bờ Trái: Nằm ở phía Nam sông Seine tại Paris, Pháp.

Haroun-al-Rashid: Là vị vua Khalip thứ năm tại Baghdad (17/03/763 - 24/03/809) tại vị từ năm 786 đến 809. Ông được xem là vị vua kiệt xuất của nhà Abbas đã đưa nền văn hóa và chính trị của đế quốc Ả Rập lên tột đỉnh vinh quang. Dưới triều đại của ông, Baghdad là trung tâm nghệ thuật của thế giới Hồi Giáo.

Hai feet: Bằng 60,96cm.

Il Penseroso (Người Sâu sắc): Là một hình ảnh u buồn đậm chất thơ của John Milton. Tên bài thơ là một từ gốc Ý. Bài thơ được xuất bản tại London năm 1645, là một phần trong tuyển tập Những Bài Thơ của John Milton cả tiếng Anh và tiếng Latinh.

Caliban: Một giống nửa người nửa quỷ từng xuất hiện trong vở kịch “The Tempest” của Shakespeare. Khuôn mặt hắn ta xấu kinh khủng khiếp, tỏa ra mùi của phân và chỉ thích ăn cá sống.

Ngài Tutt: Nhân vật luật sư hư cấu Ephraim Tutt trong tiểu thuyết của Arthur Cheney Train (1875 - 1945).

15 feet: Khoảng 4,57200 mét.

20 feet: Khoảng 6,09600 mét.

Tiểu Huân tước Fauntleroy: Nhân vật trong tiểu thuyết cùng tên của Frances Hodgson
Burnett.

Quasimodo: Nhân vật chính trong tiểu thuyết Nhà thờ Đức Bà Paris (1831) của Victor Hugo.

Quasimodo mang trên mình một cái lưng gù giống quái vật từ khi sinh ra.

Table of Contents

GHI CHÚ CỦA TÁC GIẢ

NHÂN VẬT

1 Cuộc Gặp Gỡ Thú Vị

2 Phát Hiện Xác Chết

3 Chiếc Hộp Đen

4 Lá Thư Thứ Năm

5 Lá Thư Thứ Sáu

6 Gặp Gỡ Aaron Dow

7 Thắt Thòng Lọng

8 Vị Cứu Tinh

9 Bài Học Về Logic

10 Phép Thử Trong Xà Lim

11 Phiên Tòa

12 Sau Cơn Chấn Động

13 Đêm Hành Hình

14 Mảnh Rương Thứ Hai

15 Vượt Ngục!

16 Mảnh Ghép Cuối Cùng

17 Tôi Làm Nữ Anh Hùng

18 Thời Khắc Tuyệt Vọng

19 Chiếu Tượng

20 Tấn Bi Kịch Z

21 Manh Mối Cuối Cùng

22 Đòn Chí Mạng

23 Phán Xét Cuối Cùng